CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • RẰM THÁNG 7 TÂN MÃO • 14–8–2011

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

MỪNG LỄ VU LAN TÂN MÃO 2011

Đi tìm cái lý xác thực của đức tin Cao Đài

Đạo thuận nhu trong Tam Kỳ Phổ Độ

"Khuyên chư hiền sớm tối chuyên tu"

Người tân tín đồ cần ý thức về việc ăn chay

TỰ LẬP THEO LỜI THẦY DẠY

Đôi điều về tâm cảnh Dưới mái thiền đường

110

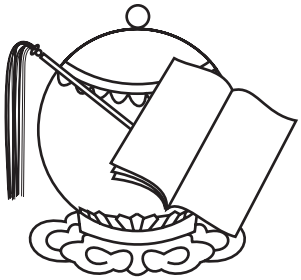

Nội san Cao Đài Giáo Lý số 110

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CƯ TRINH, QI, TP.HCM.

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này… Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chư đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN

Nội san Cao Đài Giáo Lý số 110

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CƯ TRINH, QI, TP.HCM.

mục lục

QUAN ĐIỂM: ĐI TÌM CÁI LÝ XÁC THỰC CỦA ĐỨC TIN CAO ĐÀI **4**
■ *Ban biên tập.*

TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO: THỂ LỆ KHI NHẬP VÀO HỘI CÔNG ĐỒNG **7**
■ *Đức Lý Giáo Tông, Nguyệt Thanh Cung.*

SUY NGẪM VỀ NHỨT NGUYỆN ĐẠI ĐẠO HOẰNG KHAI **9**
■ *Thiện Chí.*

ĐẠO THUẬN NHU TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ **10**
■ *Hồng Phúc.*

HỌC LỜI DẠY CỦA ĐỨC GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO: "KHUYÊN CHƯ HIỀN SỚM TỐI CHUYÊN TU" **20**
■ *Thiện Hạnh.*

BÀI GIẢNG VỀ "TÂM" CỦA NGÀI ĐỊNH PHÁP MINH THIỆN **26**
■ *Môn sanh Minh Lý Đạo sưu tầm.*

NGƯỜI TÂN TÍN ĐỒ CẦN Ý THỨC VỀ VIỆC ĂN CHAY **34**
■ *Huệ Nhẫn.*

BÀI HỌC TỪ GƯƠNG TIỀN BỐI KHAI ĐẠO: TU CỬU ĐỘ CỬU HUYỀN THẤT TỔ 38
■ *Đạt Tường.*

DƯỚI MÁI THIỀN ĐƯỜNG: ĐÔI ĐIỀU VỀ "TÂM-CẢNH" 44
■ *Huệ Ý.*

"CÓ TRỜI MỚI CÓ CHÚNG SANH CÓ CON, CON MỚI TU THÀNH PHẬT TIÊN " 46 46
■ *Quách Hiệp Long.*

PHÁ CHẤP 54
■ *Thiện Hạnh.*

HỌC LỜI ĐỨC PHẬT DẠY 60
■ *Huệ Ý.*

TỰ LẬP THEO LỜI THẦY DẠY 66
■ *Xuân Mai.*

THU PHỤC NHÂN TÂM 72
■ *Cao Bạch Liên.*

NHẪN 75
■ *Diệu Thuận.*

GIAI ĐIỆU CỦA NIỀM TIN 79
■ *Thanh Long.*

TỪ 200 NĂM ĐẠI HỌC HUMBOLDT NGHĨ VỀ GIÁO DỤC CAO ĐÀI 80
■ *Thanh Long.*

NHỮNG BÍ MẬT THÚ VỊ VỀ EMAIL 86
■ *Ban biên tập.*

KHÔNG QUÁ MUỘN ĐỂ NÊN THÁNH 88
■ *Việt Thu sưu tầm.*

CÂY BỐM VÀ ĐỊA DANH GIỒNG BỐM 90
■ *Triều Liên.*

ÔNG TƯ CÙI 92
■ *Lý Như.*

MẢNG CẦU XIÊM TIÊU DIỆT TẾ BÀO UNG THƯ MẠNH GẤP 10000 LẦN SO VỚI HOÁ TRỊ 96
■ *Việt Thu st.*

THEO DÒNG ĐẠO SỰ 98
■ *Bạch Cúc.*

Đi tìm cái lý xác thực của **ĐỨC TIN CAO ĐÀI**

Trong một lần giáng đàn tại Trúc Lâm Thiền Điện (Vĩnh Long) vào năm 1973, Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã đặt vấn đề để chất vấn chư Thiên ân Chức sắc về Đức tin như sau:

"Bần Tăng muốn chư đạo hữu tự hỏi lại lòng có khi nào lưu tâm đến cái lý xác thực trong việc thờ kính chiêm bái hằng ngày hay chăng? Có lẽ cũng có một thiểu số nào đó, mà đại đa số là luôn luôn đặt niềm tin tưởng hướng về một Đấng toàn tri, toàn năng, đủ huyền nhiệm đạo pháp cao siêu ở cõi vô hình nào đó, rồi đặt tất cả những hình ảnh huyền năng vào tư tưởng, vào tâm hồn để chiêm bái cầu phúc huệ gia ban, cầu danh cao lộc cả, v.v.

Bần Tăng phân như vậy là muốn cho chư đạo hữu hãy tĩnh sát nội tâm để tu hành cho đắc quả. Thời kỳ này, Đức Huyền Khung Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đến với nhân loại bằng chiếc đàn không dây, bằng chiếc địch không lỗ để tái tạo dinh hoàn lập Thượng nguơn Thánh đức. Chỉ có một Thiên Nhãn trong sự sùng bái của dân tộc này dưới bảng hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Như vậy thì tất cả những người Thiên ân chức sắc tín đồ đạo hữu nhắm vào hình thức nào, ảnh hưởng nào, để biết được Đấng mà chư Thiên ân chức sắc tín đồ đạo hữu đặt niềm tin trọn vẹn với bao sự hy sinh cao cả từ buổi sơ khai? Trước tầm mắt được họa lên bằng giấy bút, không có đem đến cho nhân loại chúng sinh một gương mẫu giá trị nào cụ thể như Thích Ca Phật Tổ, như Khổng Thánh Tiên Sư, như Gia Tô Giáo Chủ, chư Thiên ân chức sắc tín đồ đạo hữu vịn vào lý do nào để đặt trọn niềm tin hiện tại mà quên mình hành đạo, có phải chăng do huyền nhiệm trên ngọn linh cơ hay trong vị đồng tử? Nếu niềm tin đặt như thế thì chưa hẳn là niềm tin chân lý của người giác ngộ tu hành.

Này chư đạo hữu! Này chư Thiên ân chức sắc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ! Cùng sứ mệnh to tát ban trao cho mảnh đất cỏn con còn ít oi bé nhỏ này, Bần Tăng tưởng lại rất may duyên cho nước non dân tộc, vì thế từ thuở sơ khai đã có những hàng Thiên ân hướng đạo ý thức được mới chịu hy sinh mọi cái tư hữu của chính mình để lập thành nền Đại Đạo. Cho đến ngày nay, thế giới đã ghi nhận Cao Đài Thánh địa Nam bang, đó là đường giải thoát nạn khổ trầm luân của dân tộc Việt Nam, mà cũng là cơ cứu rỗi trong kỳ Hạ nguơn của nhân loại. Những gì đã qua để cho chư đạo hữu ngày nay cũng được vào hàng Thiên ân hướng đạo đủ chứng minh cho những ai là chí tâm mộ đạo, những ai là người còn truyền thống Rồng Tiên, sực tỉnh giấc nồng qua bao thế kỷ, để nhìn lại cái hay, cái đẹp, cái hùng vĩ uy nghi, cái gấm vóc tân kỳ của Tạo Hóa ban cho, vẫn có thể un đúc nên Thánh Hiền Tiên Phật như lịch sử cổ kim.

Tóm lại, Bần Tăng muốn bảo với chư liệt vị đạo hữu như thế này: Các hình thức phô bày trong vạn hữu, các pháp biến hiện ở trần gian đều do nhân duyên của mỗi con người cấu tạo. Cảnh và tâm là hai mà một, một mà muôn ngàn duyên nghiệp chủng tử hằng sa. Thì giờ đã điểm đúng với Thiên cơ, tất cả mọi cái giả sẽ trở về với vạn vật để chi phối mà tạo nhân duyên, còn lại, nếu người giác ngộ ắt nhận thấy cái thực

để nắm giữ và dưỡng nuôi cho trở thành một hột giống trên cõi tối thượng niết bàn hay vào nơi vô sinh bất diệt. Đó mới chính thực là Đạo, là quyền năng sở hữu của Tạo Hóa ban cho con người, và con người là một trong tam tài có thể huyền đồng thiên địa như Lão Tử, Thích Ca, v.v.

Bần Tăng luận có hơi dài dòng, vì Bần Tăng muốn cái chân giá trị của các hàng Thiên ân hướng đạo trong Đại Đạo phải được biểu lộ một cách xứng đáng, và chân giá trị của người tín đồ đạo hữu trong Đại Đạo được thực sự chứng minh ở chỗ giác ngộ phi thường giữa cõi đời đầy chông gai cạm bẫy."[1]

Thử giải đáp những câu hỏi của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

"Nhắm vào hình thức nào, ảnh hưởng nào để biết được Đấng mà chư thiên ân chức sắc tín đồ đạo hữu đặt niềm tin trọn vẹn?"

Nếu chỉ nhắm vào hình thức, thì hình thức nào cũng chỉ là vật tượng trưng cho một ý nghĩa hay một nhân vật thôi. Ví như một bức ảnh thờ ông bà hay cha mẹ trong một gia đình, đối với người ngoài là hình ảnh của một ông cụ hay bà cụ nào đó, bức chân dung chỉ đơn giản là một chân dung! Nhưng đối với con cháu trong gia đình đó, họ nhìn bức ảnh thờ với niềm xúc cảm sâu xa, nó hiện lên cả một chuỗi kỷ niệm sống động thân thương giữa người trong ảnh với những người thờ phượng.

Thiên Nhãn là Mắt Trời! Hai tiếng "mắt Trời" mặc nhiên gắn vào hình vẽ con mắt một ý nghĩa chủ quan từ tâm thức tín ngưỡng của người nhìn. Với một người không có tín ngưỡng, thì cho đó là một kiểu thờ "con mắt" bình thường! Còn người có tìm hiểu các loại hình tín ngưỡng mà chưa kinh qua Đạo học thì có thể lầm tưởng là cách thờ "vật tổ" của tín ngưỡng sơ khai!

Trở lại Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hai chữ "Thiên Nhãn" (天眼) (God Eye) là danh từ tôn giáo có chủ ý sùng kính biểu tượng Thượng Đế, Đấng Tối Cao trong Càn khôn vũ trụ. Nhưng, nếu chỉ là biểu tượng của Đấng Tối Cao, thì dựa vào đâu để biết, để có đức tin nơi Đấng ấy? Đối với tượng Đức Phật, tượng Phật được mang lịch sử cầu tu giải thoát và đại ngộ, chứng quả Thế Tôn của Ngài Sĩ Đạt Ta; hay tượng Chúa Giê–su, hoặc cây thập giá mang lịch sử truyền đạo và hy sinh cứu chuộc nhân loại của Ngài. Còn "Thiên nhãn" cũng là một biểu tượng, biểu tượng của một chủ thể vô hình không có lịch sử hữu hình hữu vi, gọi là Thượng Đế. Có thể nói, "lịch sử" của Ngài trong biểu tượng "Thiên nhãn" được tóm gọn trong danh hiệu "Ngọc Hoàng Thượng Đế Kim Viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương" hay "Cao Đài Tiên Ông, Giáo Chủ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". Đó là một trong những lý do mà người thiên ân, đạo hữu tín đồ vịn vào để "đặt trọn niềm tin hiện tại mà quên mình hành đạo".

Lý do thứ hai nằm trong những chữ "Giáo đạo Nam Phương" và "Tam Kỳ Phổ Độ", vì ngay trên một đất nước của địa cầu này, trong kỷ nguyên lịch sử này, Đức Cao Đài mở ra đại cuộc cứu độ Kỳ Ba cho cả nhân loại, khởi sự từ dân tộc Việt Nam. Đó là "sứ mạng to tát" mà Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã đề cập. Ý thức sứ mạng đó là niềm tin để người tín hữu hy sinh cho Cơ Cứu Độ.

Lý do thứ ba, trên nền văn hiến và truyền thống đạo đức hướng thượng lâu đời của dân tộc Việt Nam, lịch sử khai Đạo, lập Đạo, hoằng Đạo đã minh chứng cụ thể "cái hay, cái đẹp, cái hùng vĩ uy nghi, cái gấm vóc tân kỳ của Tạo Hóa ban cho". Đó là những gì kết tinh từ những giá trị nhân bản của dân tộc Việt Nam, của thế giới nhân loại, hình thành nền tảng Giáo Lý Đại Đạo. Từ truyền thống tư tưởng Tam giáo đồng nguyên, thế giới quan Thiên địa vạn vật đồng nhất thể, Nhất tán vạn – vạn quy nhất, đã dẫn đến chủ thuyết "đại đồng – giải thoát"

1. Trúc Lâm Thiền Điện, Tuất thời, 07 –5 Quý Sửu (07–6–1973).

và nguyên lý Thiên nhân hiệp nhứt trong Tam kỳ Phổ độ. Chính nguyên lý Thiên nhân hiệp nhất cộng với hoài bão nhân bản đã đem đến sứ mạng to tát cho chư thiên ân, tín hữu.

Thế nên, "cái thực để nắm giữ và dưỡng nuôi" là cái chân giá trị của con người, cái "bản vị bất biến" của mỗi người, là Thượng Đế nội tại hay Cao Đài nội tại, Phật gọi là Chân như bổn tánh, Đạo gia gọi là Nguyên tánh, Chân tánh; Nho gọi là Thiên tâm hay Thiên lương. Cao Đài gom mọi chứng nghiệm về Bản thể ấy vào Thiên nhãn là Tâm linh vũ trụ, và hơn nữa là Thần của Thượng Đế quy chiếu, tương giao với Tâm, với Thần của con người vì con người vốn có cái Đạo tự hữu đồng Bản thể với Đại Linh Quang Thượng Đế. Đó là lý do thứ tư bao hàm trong câu: *"Thầy là các con, các con là Thầy."*

Cuối cùng, những niềm tin hay đức tin nêu trên phải được chứng thực bằng quá trình thực thi "quyền pháp Đạo" cứu độ nhân sanh của người thiên ân hướng đạo, hoặc "sự giác ngộ phi thường" của người đạo hữu tín đồ, là người biết và tự tin vào "chân giá trị" của mình trong thế Tam Tài của trời đất, nghĩa là người có khả năng "thế Thiên hành hóa".

Có thể mượn một đoạn Thánh ngôn của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo để tóm lược những giải đáp trên đây về đức tin Cao Đài:

"Này chư hiền! Thượng Đế không ngự trị trên vật thể vô tri, mà trái lại Thượng Đế ngự trong tâm tháp ngà của tâm hồn nhân loại. Hình thể Đạo chỉ mượn đó để thể hiện Thánh thể Chí Tôn tại thế.

Thượng Đế không là một hình bóng của thần tượng, nhơn tượng hay vật tượng. Chính biểu tượng Thiên Nhãn cũng chỉ là tạm mượn để gởi gắm chơn lý trong một cụ thể chủ quan mà thôi. Chính vì vậy, kiến tạo hình thể Đạo có được giá trị cùng chăng là phải có nhơn tâm làm chứng thị.[2]

Giá trị của nhơn sanh giác ngộ sẽ định vị cho hình thể đạo của từng địa phương."[3]

Tương tự, Đức Vân Hương Thánh Mẫu cũng khẳng định giá trị thật sự của Đức tin Cao Đài như sau:

"Các em đặt trọn niềm tin vào Thượng Đế, vào các Đấng Thiêng Liêng qua linh cơ diệu bút để giác ngộ khải mê, giúp các em thức tỉnh tiến bước hành đạo phản bổn hoàn nguyên. Chị cho là đúng. Đó là phần hướng lên. Còn phần hướng nội là tự xem chính mình có thật sự tin hay không. Đã tin thì chính mình là Đạo, phải thay Trời mà vận hành tự cường bất tức. Có như vậy các em mới thực hiện được sứ mạng, hay nói rõ hơn là các em – mỗi người Thiên ân hướng đạo phải tự nhận trách nhiệm của mình. Thánh ngôn thánh giáo là kim chỉ nam để chỉ đường dẫn lối. Tự mỗi các em phải ý thức mà hành sự."[4]

Vậy, cái lý xác thực của sự chiêm bái cúng kính hằng ngày của người tín hữu Cao Đài là cái Đức tin vượt lên trên Cao Đài Tôn giáo và thể hiện bằng tinh thần và hành động mang ý nghĩa Cao Đài Đại Đạo. Nói cách khác, mọi nghi thức, mọi động thái hành đạo không chỉ là sự chiêm ngưỡng đơn thuần hay tôn vinh Giáo hội mà là cả một tiến trình hiệp thông với Thượng Đế trong sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ. Cái lý xác thực là người tín hữu phải tự khẳng định được mình là Con tin của Thượng Đế mang lấy sứ mạng cứu độ nhân sanh trong thế "Thiên nhân hiệp nhất". Nên Đức tin Cao Đài là Đức tin cộng thông với lòng tự tin, tự tin nơi "quyền năng sở hữu của Tạo Hóa ban cho con người" mà Đức Diêu Trì Kim Mẫu đã xác minh:

"Cõi Hậu thiên thân sanh vào đó,
Điểm Tiên thiên sẵn có nơi thân,
Là mầm sống, là nguyên thần,
Là Trời, là Đạo, là Nhân của Người."[5] ■

2. Chứng thị: ở đây có thể hiểu là "tâm đắc" (to understand thoroughly, to sympathize fully, be self–assured).

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–01 Giáp Dần (06–02–1974).

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13–8 Kỷ Mùi (03–10 –1979).

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13 –8 Kỷ Mùi (03–10–1979).

thể lệ khi nhập vào HỘI CÔNG ĐỒNG

■ ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG, NGUYỆT THANH CUNG ĐÊM 11—7 TÂN MÃO (1951)
ĐẠT TƯỜNG SƯU TẦM

Cơ chế hội họp ở Cơ Quan từ lâu đã thành nề nếp nhưng ít người biết được xuất xứ của phong cách hội họp này bắt nguồn từ đâu. Cách đây 60 năm, vào đầu thập niên 50 của thế kỷ trước, sau giai đoạn của Liên Hòa Tổng Hội, tiếp tục công cuộc vận động thống nhứt nhà Đạo, Đức Lý Giáo Tông ban ơn hướng dẫn về mặt tổ chức của Cơ Quan Cao Đài Quy Nhứt, rồi Cao Đài Hiệp Nhứt…. đến Cao Đài Thống Nhất với Ban Phổ Thông Giáo Lý Liên Quan Hành Đạo, là tiền thân của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo hiện nay.

Chúng tôi xin trích đoạn, giới thiệu với quý huynh tỷ đệ muội nhân viên chúng ta phần hướng dẫn về Thể lệ hội họp của Đức Lý Giáo Tông.

TIẾP ĐIỂN

THI

LÝ *chánh cần giồi, Đạo mới cao,*
BẠCH *hòa nhơn loại, sửa phong trào,*
GIÁO *Tiền Trung Hậu, đồng liên hiệp,*
TÔNG *luận đôi câu, chỉ trước sau.*

Lão chào chư hiền đàn tiền, tọa vị nghe Lão dạy. Giờ này ơn Đức Từ Phụ sắc phê cho Lão lãnh lịnh để ban truyền tiếp chương trình hành sự của Cơ Quan Quy Nhứt.

(…)

Thể Lệ Khi Nhập Vào Hội Công Đồng

Phận sự chung:

30. Điều Thứ Ba Mươi:

1. Một là khi vào Công Đồng, mỗi vị có ghế ngồi, không đổi chọn làm mất vẻ nghiêm tinh, phải mặc áo dài trắng hay dài đen một kiểu khăn đen trước khi khai hội, phải vào làm lễ Đức Chí Tôn và Phật, Tiên, Thánh, Thần, giữ một lòng thanh bạch.

2. Khi bàn cãi phải đứng dậy, nói điều chi cho chậm rãi, cho thơ ký biên. Lời nói ra trong tâm tưởng có Thầy chứng kiến.

3. Trước khi muốn nói điều chi phải giơ tay tỏ dấu xin, không được phép hai người nói một lượt. Như có hai người tỏ một lượt, thì về quyền Chủ tọa nhứt định ai nói trước.

4. Khi nói không quá năm phút, chẳng lặp lời nói rồi lại hai lần.

5. Khi định luật hành phạt, phải lấy phần đông trong chức sắc của hội.

6. Khi nhóm rồi phải lập vi bằng, ký tên

chứng kiến, và khi đắc cử vào hội, không được phép nửa chừng bỏ ra, phải giữ cho trọn đến khi bãi hội.

7. Khi lập hội không phép dùng lời không hạnh đức mà làm cho mất vẻ người đạo, lãnh trách nhậm mỗi vị phải giữ bổn phận lễ nghĩa trật tự, không được diễu cợt cười giỡn. Như vị nào không giữ bổn phận thì Chủ tọa hoặc bổn đạo đặng quyền mời ra khỏi hội, cử người khác trong giờ.

8. Hội công đồng được trọn quyền phán đoán, bất kỳ là hàng chức sắc nào, trong Hiệp Thiên Đài hay Cửu Trùng Đài, cùng bổn đạo nam nữ, phải chịu dưới quyền của hội Công Đồng phán xét khi phạm luật về Thập Ngũ Quy Điều của Thầy.

9. … chánh, chẳng dạ tư vị, thù riêng đều bỏ dứt, chỉ lấy một bực công bình bác ái từ bi mà thôi.

10. Khi phán đoán chẳng hòa bình, thì hiệp cùng chức sắc Hiệp Thiên Đài và lấy phần đông bổn đạo mà biện bạch người phạm luật.

11. Nếu hiệp ý kiến mà vi phạm luật bất tuân chẳng chịu nhìn lỗi của mình, thì cả thảy hành y theo lời khai tách, bất hiệp tác cùng vị ấy, để cho thong thả tự lấy.

12. Công cử chức sắc hội Công Đồng bất luận là hạng nào lấy theo phần đông bổn đạo chọn cử hoặc chức sắc hay đạo hữu hệ thống hiểu rành kinh luật và đủ hạnh đức công bình bác ái từ bi thì được. Những vị đắc cử ấy phải trên ba mươi tuổi mới được.

Thôi đàn quá dài, Tuệ Tinh quá yếu, chờ đàn khác sẽ dạy thêm phận sự. Khi mãn đàn, Huỳnh Đình, hiền khá chép lại cho kỹ, đem giao cho Huỳnh Liên chứng nhận cùng ngày Thập Tứ Nhựt, Ngọ thời hiệp cùng đàn Sơ Thất mà đọc cho chư hiền lưỡng phái nghe.

Lão ban ơn chư hiền, Lão thăng.■

THÁNH GIÁO

Tuy cuộc đời hỡi còn biến chuyển,
Nhưng lòng người đồng tiến dung hòa,
Tạo nên thế đạo nguy nga,
Mới mong cứu vãn khắp và chúng sanh.
Chư môn đồ lòng thành thiện nguyện,
Quyết tu trì bước tiến thượng thừa,
Nội tâm tỉnh sát chiều trưa,
Sóng yên gió lặng thuyền từ lướt xông.
Lập chủ thể đại đồng đạo đức,
Gieo tình thương tự lực tự tồn,
Muốn cho vạn thế thế tôn,
Tu tâm luyện tánh linh hồn sạch trong.
Cõi Niết Bàn ở lòng sanh chúng,
Biết tu trì thực dụng thì nên,
Hỡi ai dốc một chí bền,
Tìm về nguồn cội tuổi tên thuở nào.
Xưa tàng linh bước vào cõi tạm,
Tạm đây rồi vượt phẩm phật tiên,
Phải đâu căn kiếp nghiệp duyên,
Sở sanh sở trụ ở miền trần gian.
Cuộc tiến hóa dinh hoàn tái tạo,
Hội Long Hoa lập đạo cứu đời,
Thiên Tôn chủ thể trị thời,
Đồng qui nhứt bổn trong đời Thượng Ngươn.
Khuyên môn đồ keo sơn gắn bó,
Gìn nội tâm mở ngõ Thiên đàng,
Cũng là Cực Lạc Niết Bàn,
Vị ngôi Trời đã sẵn sàng dành cho.
Qua biển khổ thì đò bỏ lại,
Thoát nghiệp trần ắt phải xa trần,
Chỉ còn một cái pháp thân,
Về nơi bổn giác phục huờn cựu ngôi.

ĐỨC DI LẠC THIÊN TÔN, TRÚC LÂM THIỀN ĐIỆN, 07-02 TÂN HỢI (03-3-1971).■

Suy ngẫm về
NHỨT NGUYỆN ĐẠI ĐẠO HOẰNG KHAI

■ **THIỆN CHÍ**

Người tín hữu Cao Đài mỗi khi kết thúc một buổi cúng kính đều đọc bài Ngũ Nguyện, mở đầu là "Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai". Thiển nghĩ, lời nguyện lớn này không phải là sự phó thác cho Thiêng Liêng một công cuộc trọng đại ngoài sức người. Tâm nguyện ấy phải đi đôi với ý chí "phổ độ chúng sanh" thúc đẩy người tín hữu Cao Đài tự nhận vai trò tích cực trước Cơ Đạo.

Đại Đạo nói đây là "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ". Chính danh hiệu rất hàm súc, rất phổ quát này, cùng với Mục đích "Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát" và Tôn chỉ "Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục Nhất" đã đặt lên vai người tín hữu Cao Đài một sứ mạng trọng đại nên phải luôn luôn tâm nguyện "hoằng khai Đại Đạo".

Đó là chí hướng, là tâm nguyện, nhưng muốn thực hiện được tâm nguyện trên thực tế, người tín hữu Cao Đài không thể cầu nguyện suông, mà phải dựa vào nền Giáo lý Đại Đạo, nêu lên 3 điều kiện hay 3 tiêu chuẩn then chốt:

Mỗi người tín hữu Cao Đài phải thực sự tu chứng.[1] Tu chứng chưa phải là đắc đạo thành Tiên, mà đã hay đang tiến hóa tâm linh đến một giai đoạn nhứt định nào đó. Người tu chứng không phải chỉ là người giác ngộ, nhập môn vào đạo, giữ quy giới, thờ phượng cúng kính bình thường. Tu chứng tức đã diệt phàm tâm, hiện thánh tâm, thực sự vong kỷ vị tha. Bốn chữ "vong kỷ vị tha", tuy ta thường nghe, thường nói, nhưng là một tiêu chuẩn quan trọng tiên quyết để đánh giá sự tu chứng. Có đạt được tiêu chuẩn này mới có khả năng:

Cảm hóa được người khác, đem lại niềm tin dẫn đến sự giác ngộ ban đầu cho tha nhân.

Tự nguyện góp phần vào công cuộc hoằng giáo độ nhân, lãnh lấy sứ mạng tự độ – độ tha tùy theo tiềm năng tiến hóa tâm linh.

Góp phần xây dựng hệ thống giáo lý phổ quát, đáp ứng được nỗi khao khát một ý thức hệ nhân bản[2] phục hồi giá trị con người, đem lại ý thức về ý nghĩa cao quý của kiếp người, củng cố lòng tự tin để sống xứng đáng là chủ thể "tối linh" trong vạn vật.

Giá trị phổ quát của Giáo lý Đại Đạo sẽ có hiệu quả: *"Không phải hiểu đơn thuần làm cho mọi người hiểu Đạo là*

1. Đức **VẠN HẠNH THIỀN SƯ**, Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 06–10 Nhâm Tý (11–11–1972): "Vấn đề tu chứng cũng là điều then chốt cần phải xét đến. Vì sau này, ngày mà đất nước sẽ thái bình, chiến tranh ly loạn sẽ chấm dứt, những hàng thiện căn trên thế giới sẽ đổ xô đến Việt Nam tìm hiểu học đạo pháp uyên thâm, lúc ấy phải có điều kiện thứ ba về khoa mục và tu chứng để làm căn bản sau này. Vậy chư đạo hữu khá dành thì giờ cho nhiều, tu học kỹ hơn nữa để xứng đáng là người giáo sĩ."

2. Nhân bản trong giáo thuyết Cao Đài không phải là triết lý "humanitas" thời Phục Hưng của Triết học Tây phương nhằm đánh đổ đức tin về Thượng Đế, xem con người là trung tâm vũ trụ. Ngược lại, Nhân bản Cao Đài là cái bản vị bẩm sinh từ Thượng Đế, khiến cho mỗi người đều có thể phát huy nhân tính, sống xứng đáng là con người thật sự, con người đúng nghĩa đứng trên vạn vật.

(XEM TIẾP TRANG 33)

Đạo thuận Nhu
TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

■ HỒNG PHÚC

Nhằm cứu độ con người thoát khỏi những bế tắc trong những tháng ngày thế gian phải đắm chìm trong bóng tối của đêm đen thời mạt kiếp với vô vàn khủng hoảng tai ương, đau khổ, Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ như thắp lên ngọn đuốc soi đường dẫn lối cho con người tìm nơi nương náu để chờ đón buổi bình minh của kỷ nguyên Thánh đức.

Nhưng tìm nơi nương náu không có nghĩa là con người thụ động tìm nơi ẩn nấp chờ đêm tối đi qua, hay chờ phép lạ của Đấng Cha Trời giúp đưa ra khỏi trường sát kiếp, bởi vì dù với lòng từ bi vô lượng, đức háo sanh vô biên, quyền năng vô hạn, Đức Thượng Đế cũng không thể nào cứu vớt được con người đang bị muôn ngàn lượn sóng quả nghiệp nhấn chìm nơi biển trầm luân, nếu như con người không thức tỉnh, sáng suốt bám lấy con thuyền cứu độ của Đại Từ Phụ, cùng nhau lèo lái hướng theo ánh sáng của ngọn hải đăng Kỳ Ba đang soi rọi.

Nói rõ hơn, con người phải tự cứu mình bằng cách cải tà quy chánh, phục hồi đạo đức, tìm nẻo tu hành và con đường ngắn nhất là nương theo chánh pháp phổ độ của Đức Cao Đài đã ban cho trong thời mạt pháp để tu sửa bản thân, tìm lại chơn tâm của Trời ban phát như lời Đức Đông Phương Chưởng Quản:

"Ngoài cộng tác đắp bồi đại chúng

Trong rèn tâm nhật dụng thường hành

Tâm này tự thỉ hư linh

Căn trần không nhiễm, vô minh khó tầm"[1]

Điều này có nghĩa là, người tín đồ Cao Đài khi nhập môn vào đạo là đã chọn lựa con đường tu hành, phải lấy giới quy làm khuôn mẫu, sửa tánh tu tâm, học hỏi giáo lý để mở mang tâm thức, lúc hướng ngoại thì công quả giúp đời, khi quay về nội tâm thì luyện kỷ tu đơn, thực hành sống Đạo để làm sao đạt đến đích điểm giải thoát, giải thoát khỏi những khổ đau ràng buộc của kiếp sống thế gian, giải thoát khỏi tất cả những tội lỗi lâm vấp trong thân phận làm người đầy trái ngang phiền muộn và cuối cùng là giải thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử, trở lại bến khởi nguyên là nơi vĩnh hằng vô sanh vô diệt.

Nói thì đơn giản, nhưng để thực hành, quả là không dễ vì khi chấp nhận con đường "nghịch hành phản bổn", người tu coi như đã bắt đầu tuyên chiến với chính bản thân mình, để chống chỏi với những thói quen đã trở thành rong rêu trong thân xác, để xua đi những dục vọng mê đắm hằng thường của một con người

1. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–6 Canh Thân.

đang sống nơi cõi tạm. Chừng nào người tu chiến thắng được bản thân mới có thể có được những thành tựu tâm linh, tức đắc Đạo. Chính vì vậy mà người ta nói rằng những bậc chân tu là những bậc đại hùng đại lực, học được tánh Trời tự cường bất tức.

Tuy nhiên, trong Thánh giáo Cao Đài, Ơn Trên đã nhắc nhở, con người muốn trở nên "anh hùng, liệt nữ" thì phải "tài thành thuận nhu".[2] Anh hùng, liệt nữ trong lĩnh vực tu hành tức là những người đã ghi được những dấu son trong trang sử Đạo, đã bước lên được cõi siêu xuất thế gian, không còn vướng bận trong vòng luân hồi sanh tử, làm tròn sứ mạng của một Tiểu linh quang, nhờ đã biết thực hiện đường lối: "thuận nhu tài thành".

THẾ NÀO LÀ THUẬN NHU?

TRONG Ý NGHĨA ĐỜI THƯỜNG

Thuận là xuôi theo, tùy theo; nhu: là mềm yếu, cũng có nghĩa là thuận theo. Thuận nhu hay nhu thuận được hiểu là như là đức tính vâng lời. Người có tính nhu thuận là người dễ dàng phục tùng người khác, sẵn sàng vâng theo lời chỉ dạy, sai khiến của kẻ khác. Đây cũng là tính chất chung của phái nữ, nhất là người phụ nữ dưới thời phong kiến, theo quan niệm của các nhà Hậu Nho khi diễn giải dạy cho nữ giới trong "tam tùng tứ đức". "Tại gia tùng phụ, xuất giá tùng phu, phu tử tùng tử." Người con gái khi còn ở nhà với cha mẹ thì phải tùy theo cha, khi xuất giá thì phải một mực tùy theo chồng và khi chồng chết thì phải theo con tức thủ tiết ở vậy nuôi con. Tóm lại, nữ giới phải nhu thuận, phục tùng nam giới.

"Thuận nhu" còn được hiểu như là sự vâng lời, sự tuân phục của kẻ dưới đối với người trên, hàm chứa ý nghĩa của sự kỷ luật trong một tổ chức, một tập thể như là quân đội. Quân đội là nơi có kỷ luật nghiêm ngặt nhất, đó chính là sức mạnh của quân đội. Trong đó, người lính phải toàn tâm, toàn ý, biết vâng lời cấp trên một cách không điều kiện. Cấp trên yêu cầu làm điều gì, họ phải răm rắp tuân theo mà không cần giải thích, không cần biết lý do. Nếu không làm theo, họ sẽ chịu những hình phạt nghiêm khắc của quân đội. Trường hợp đang xung trận, nếu người lính không vâng lời chỉ huy có thể bị chỉ huy bắn bỏ ngay tại chiến trường. Chính nhờ sự vâng lời, sự tuân phục đó mà quân đội có được kỷ cương, sức mạnh để chiến đấu.

Ngay cả trong việc giáo dục, bước đầu dạy con, cha mẹ cũng phải tập cho con trẻ tính vâng lời, sau đó mới dạy thêm vô số đức tính khác. Nếu ngay từ nhỏ, cha mẹ không dạy cho con biết vâng lời, đứa bé khi lớn lên sẽ trở nên cứng đầu, lì lợm. Thực tế cho thấy, giáo dục con trẻ không phải là điều đơn giản vì có những đứa trẻ rất dễ bảo, nhưng cũng có những đứa rất khó bảo, cha mẹ phải nghiêm khắc dạy dỗ, thuyết phục ngay từ buổi đầu. Vì vậy, với trẻ con, cha mẹ phải dạy cách vâng lời vô điều kiện ngay khi còn bé. Khi trẻ đã có thói quen vâng lời, cha mẹ không cần phải trừng phạt hay quát tháo, chỉ cần liếc mắt nhìn là con trẻ sẽ hiểu mình muốn gì và sẽ ngoan ngoãn thực hiện. Trên cơ sở đó, cha mẹ dạy con những đức tính khác một cách rất dễ dàng.

THEO PHẬT GIÁO

"Thuận nhu" là một hạnh căn bản quan trọng đối với người xuất gia, mang ý nghĩa là sự vâng lời, sự khép mình tuân theo giới luật, luôn giữ sự hòa hợp với tăng đoàn, giáo hội. Người nào đã thuần thục hạnh nhu thuận thì khi người khác yêu cầu làm việc gì, họ sẽ vâng lời, sẵn sàng bỏ việc của mình đi làm việc khác một cách toàn tâm, toàn ý. Và khi vâng lời, họ cảm thấy trong mình có một niềm vui đang lan tỏa. Nhu thuận là bước đầu để tiến đến sự phá chấp, vô ngã; vì nhu thuận là phương pháp để diệt trừ ngã mạn.

Theo Phật giáo, người xuất gia buổi đầu nếu không thực

2. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, 18–02 Tân Mão.

hiện được hạnh nhu thuận, vâng lời thì sẽ không thực hiện được những hạnh khác. Phật giáo còn dùng thuật ngữ "Đức tùy thuận" là đức hạnh giúp cho loài người sống bình an, yên vui, bởi vì một xã hội, trong đó, mọi người tùy thuận nhau thì không tranh đua hơn thiệt, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, thì sẽ không có xung đột, chiến tranh. Vì thế, "đức tùy thuận" có một giá trị rất lớn cho đời sống con người. Người có hạnh tùy thuận là người biết sống hòa hợp với mọi người, không làm khổ mình mà cũng gây khổ cho người.

Phật giáo còn nhắc đến "Đức Bằng lòng", được coi là đức xả tâm cao nhất, vì có bằng lòng, tâm mới an vui. Bằng lòng là vui lòng chấp nhận mọi ý kiến và việc làm của người khác một các vui vẻ, không còn chút chướng ngại nào trong lòng. Nhờ đó mà trong tâm không còn vướng víu khổ đau vì những chướng ngại pháp.

THEO THIÊN CHÚA GIÁO

Không nói đến từ "Thuận nhu", nhưng có nhắc nhiều đến "lễ vâng lời" xuất phát từ niềm tin con người đặt trọn nơi Thiên Chúa. Chính vì không vâng lời Thiên Chúa nên Tổ tông của loài người là Adam và Eva đã đưa tay hái trái cây Thiện–Ác nơi vườn Eden. Theo giáo lý Thiên Chúa giáo, "sự vâng lời tốt hơn của tế lễ, và sự nghe theo tốt hơn mỡ thiên đình" vì trước Đức Chúa Trời, sự vâng lời chính là của tế lễ quý giá nhất, bởi lẽ mọi thứ vật chất hữu hình nơi thế gian đều là của Chúa Trời tạo ra. Chỉ có sự dâng lên Chúa ý chí, tự do của mình; nộp và quy phục ý riêng của mình cho Chúa, Ngài sẽ đẹp lòng. Bởi vì, vâng lời là cho đi tất cả. Toàn thể Thánh Kinh là dạy về sự vâng lời. với những câu chuyện về tấm gương của sự vâng lời Không vâng lời Chúa là đi vào con đường của sự chết.

THEO LÃO GIÁO

Đức Lão Tử không dùng thuật ngữ "Thuận Nhu" nhưng trong toàn bộ quyển Đạo Đức Kinh, Ngài đã đề cập đến nhiều vấn đề mang ý nghĩa của đức nhu thuận. Ngài mượn nước để diễn tả ý nghĩa của đức nhu thuận. Nước làm lợi cho muôn loài mà không tranh với vật nào. Nước rất linh động, có thể thích ứng với mọi hình thức của vật chứa, nhưng cũng rất ổn định. Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài; nước vẫn là nước, không thể đánh mất đi bản chất của nó. Gặp lạnh thì đông cứng, gặp nóng thì bốc hơi; nước vẫn là nước, không hề thay đổi tính chất hóa học của nó. Bản chất nước dường như dịu mềm nhưng năng lực của nó lại vô cùng to lớn đến độ hung hiểm. Ngài nói về nước: *"Thiên hạ mạc nhu nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả, mạc chi năng thắng, kỳ vô dĩ dịch chi. Nhược chi thắng cương, thiên hạ mạc bất tri, mạc năng hành."*[3] Có nghĩa: *"Trong thiên hạ, không có gì mềm yếu bằng nước, nhưng muốn công phá vật cứng, mạnh, không gì hơn được nó, không gì thay thế được nó. Yếu thắng mạnh, mềm thắng cứng, thiên hạ không ai mà không biết, nhưng không ai thực hành được."*

Nước có khuynh hướng chảy dồn về chỗ thấp, tái lập thế quân bình, thể hiện đức huyền đồng của Đạo. Đức Lão Tử viết: *"Thượng thiện nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật, nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ ư Đạo… Phù duy bất tranh, cố vô vưu"*, có nghĩa: *"Bậc thượng thiện giống như nước, nước hay làm lợi cho vạn vật mà không tranh, ở chỗ mà người người đều ghét, nên gần với Đạo. Ôi, vì không tranh, nên không sao lầm lỗi."* Lên trên làm mưa móc, xuống dưới làm sông lạch, nước tưới gội và thấm nhuần vạn vật, không thiên lệch cũng không cạnh tranh, thể hiện đức nhu thuận. Bậc Thánh nhân đắc Đạo giống như nước, "bất cảm vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trưởng", có nghĩa "không dám đứng trước thiên hạ, nên mới lãnh đạo được thiên hạ", tức Ngài muốn nói đến tính khiêm hòa sẽ giúp con người thành tựu đạo hạnh.

---

3. Chương 78.

Tương tự, đề cập đến tính mềm yếu, Ngài nói về vạn vật, trong đó gồm cả người: *"Nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử dã kiên cường. Vạn vật, thảo mộc chi, sinh dã nhu thúy, kỳ tử dã khô cảo. Cố, kiên cường giả, tử chi đồ; nhu nhược giả, sinh chi đồ"*, có nghĩa: *"Con người khi sống thì mềm yếu, mà khi chết thì cứng đờ. Vạn vật, cỏ cây lúc sống thì dịu mềm, mà khi chết thì héo khô. Cho nên, cứng và mạnh là cùng loại với chết; mềm và yếu là cùng loại với sống."*

Về xác thân, con người lúc sống thì thân thể mềm yếu, máu huyết lưu thông, thần khí điều hòa khắp châu thân cho nên ấm áp, mềm mại. Đến khi chết, máu đặc, kinh mạch bế tắc, toàn thân trở nên cứng lạnh. Cây cỏ cũng vậy, lúc còn sống xinh tươi, nhựa sống chạy đều khắp từ rễ đến thân, lá, nên mềm dẻo, uyển chuyển. Khi già cỗi, nhựa khô, cây héo dần và khô gãy.

Về mặt tinh thần, lời dạy của Ngài mang tính ẩn dụ, sự yếu mềm hàm chứa ý nghĩa nhu thuận, tức khiêm nhượng, hòa hoãn,… là điều kiện thuận lợi cho sự thành công; còn sự cứng rắn bao hàm ý nghĩa hung hăng, kiêu căng, tự phụ là lý do đưa đến thất bại.

Theo Đức Lão Tử, Đạo là sự hòa hợp của Âm Dương, luôn trong thế quân bình. Cái gì cao thì hạ xuống, cái gì thấp thì nâng lên, cái gì dư thì bớt đi, cái gì thiếu thì bù vào: *"Cao giả ức chi, hạ giả cử chi; Hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi. Thiên chi Đạo: tổn hữu dư, nhi bổ bất túc."* Con người phải noi theo đó để thực hành sống Đạo.

THEO KHỔNG GIÁO

Tất cả mọi cuộc biến hóa, sanh thành trong vũ trụ đều do hai lẽ Âm Dương mà ra, Vũ trụ là hình thể của Trời Đất được xây dựng bởi một Âm, một Dương *"Âm là vũ, Dương là trụ. Vũ thì đóng khép nằm trong gầm Trời, Trụ thì mở rộng. Trụ là thời gian là Âm Dương nối tiếp nhau. Vũ là không gian, là Âm Dương đồng thời tương đối."*[4] Lịch trình đại tiến hóa của vũ trụ muôn loài được gọi là Dịch lý, với khởi điểm là Thái Cực hay Lý Đơn Nhứt: *"Lý Đơn Nhứt ấy mới phóng ra một vầng quang minh phân định:khí khinh thanh thượng phù giả vi Thiên; Khí trọng trược ngưng giáng giả vi Địa. Khí nhẹ nhàng bay bổng lên làm ngôi Càn là Thiên tức Nhứt Dương chi khí. Khí nặng nề ngưng giáng xuống làm Khôn. Khôn là Địa tức Nhứt Âm chi khí."*[5]

Kiền là thuần Dương tượng trưng cho Trời và Khôn là thuần Âm tượng trưng cho Đất, là hai quẻ đứng đầu trong 64 quẻ, tượng trưng cho tất cả mọi hoàn cảnh, tình trạng biến hóa trong vũ trụ, cả Thiên Đạo và nhân sự. Bản chất của Kiền là mạnh mẽ, cương kiện; bản chất của Khôn là nhu thuận. Kiền lớn đến đâu, Khôn lớn theo đến đó, nhưng không bao giờ vượt quá Kiền. Kiền giữ vai trò hóa sanh, Khôn chịu trách nhiệm trưởng dưỡng. Trời Đất cộng tác chặt chẽ với nhau, một đàng sinh hóa, một đàng trưởng dưỡng, là cặp ngẫu lực Âm–Dương, luôn luôn tác động, luôn luôn hỗ trợ nhau để hoàn thành công trình sinh dục vạn vật.

Quẻ Khôn với tượng 6 hào toàn âm, từ trên xuống dưới, tầng lớp chồng nhau tượng như thể đất dày mà lại thuận, cao thấp từng thứ tiếp nhau, chở đỡ muôn vật, không giống gì mà đất chối từ. Quân tử học tượng quẻ Khôn, nên lấy đức rộng lớn sâu dày mà dung chở chúng sanh.

KIỀN là mầm mộng sinh hóa, là tinh thần, là nguồn sống, là sinh khí, là hạt, là nhân… **KHÔN** là vỏ, là môi trường hoạt động, là hình hài sắc tướng, là vật chất hữu hình bên ngoài.

Đất Trời trường cửu ngang nhau, cùng nhau góp vào công trình sinh dục vạn vật, nhưng **CHÍNH** (Trời–Dương), **TÙY** (Đất–Âm) đôi đường phân cách. Trời là chủ chốt, Đất là tùy thuộc. Tinh thần là chủ, xác thân là tùy thuộc. Đó là lẽ **TÔN-TI** của Âm–Dương. Dương tôn – Âm ti là chủ trương của Dịch lý.

4. Đạo Học Chỉ Nam, chương 1, tiết 4, mục 2.

5. Đại thừa chơn giáo, tr. 12.

Đại tượng truyện quẻ Khôn viết rằng: *"Địa thế khôn. Quân tử dĩ hậu đức tải vật."*

Địa là đất, mà đất là kho tàng, tích trữ báu vật, chở đỡ muôn loài. Tất cả vạn pháp phát xuất tại đó, quy nạp vào đó. Đó là căn cội của vật.

Thế là quyền lực mạnh mẽ đủ bảo đảm cho vạn hữu, đủ tự do sống còn mà phát vượng, trưởng thành.

Khôn là đức thuận, thể nhu, thuần nhiên nguyên hiện. Nên tượng Khôn chồng chất lớp lớp dày dặn cứng bền, muôn thuở bất di bất dịch, nên gọi bằng "thế Khôn" (thế của Đất). Người quân tử học đức dày nhu thuận vững chắc của đạo Khôn mà giúp đỡ muôn loài.

Vạn vật sống nhờ Trời che, Đất chở, tức được sanh hóa dưỡng nuôi, cho nên Kinh Dịch dạy người Quân tử học theo đạo Kiền, với tính cương kiện nên mạnh bền không mỏi như Trời: "Thiên hành kiện mà tự cường bất tức"; lại phải học theo đạo Khôn với tính thuận nhu bền bĩ như Đất để "hậu đức tải vật", giúp dưỡng nuôi muôn vật.

Qua ý nghĩa của hai từ Thuận Nhu theo giáo lý các tôn giáo, với Phật giáo là đạo trị Tâm, nhu thuận là một hạnh cần thiết làm tiền để cho người xuất gia tập tành các hạnh khác,cũng là đức tùy thuận và đức bằng lòng. Với Thiên Chúa giáo, Thuận Nhu chính là đức vâng lời, là thứ của lễ cao quý nhất để người Kitô hữu dâng lên Thiên Chúa. Với Lão giáo là đạo trị Thân, Thuận Nhu được tiêu biểu bằng hình ảnh của nước, là thứ cần thiết cho muôn loài vạn vật, có tính chất dường như là yếu mềm, sẵn sàng chìu theo nhiệt độ thời tiết mà biến thành hơi, hay đông thành băng, nhưng luôn giữ lại bản chất của mình là nước. Nước có khuynh hướng chảy xuống chỗ trũng như lòng từ luôn ban xuống chỗ khốn khó. Nhưng nước lại có một năng lực vô cùng dữ dội không gì chống chỏi được. Đến Khổng giáo là đạo trị Thế, Thuận Nhu được mô tả như là cái đức của Đất, tiêu biểu cho năng lực chủ đạo dưỡng dục muôn loài, mà theo Dịch lý gọi là đạo Khôn. Và vì Thuận Nhu dính liền với Khôn Đạo như bóng với hình cho nên mới gọi là đạo Thuận Nhu.

Mặc dù diễn giải có khác nhau, cách gọi khác nhau, dù là tính chất, là hạnh, hay là đức nhưng tựu trung, Thuận Nhu vẫn có cùng một ý nghĩa là phương cách giúp cho con người tìm đến sự ích lợi cho cá nhân và xã hội hay cao hơn là vươn đến chân thiện mỹ, tức là Đạo. Đây cũng chính là chỗ "một cội sinh ba nhánh in nhau" trong Tam Giáo Đạo.

THEO ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Do vậy, đến Tam Kỳ Phổ Độ, với chủ trương quy Tam giáo, hiệp Ngũ chi, Đức Thượng Đế mượn hình thức tôn giáo để đến với con người, đạo Thuận Nhu đã bàng bạc xuyên suốt trong toàn bộ giáo lý Cao Đài như một thông điệp về lẽ Thật để cảnh tỉnh con người hãy sớm nhận ra để kịp dự phần vào đại cuộc cứu độ của Đức Cha Trời trong những ngày còn lại của thời mạt pháp.

Thuận là thuận theo Trời, là tùng theo đạo lý, tùng theoThiên lý, nghĩa là Trời đặt để cho con người ở vị trí nào, con người phải ở đúng vị trí đó; giao cho con người vai trò nào, traùch nhieäm con người phải thực hiện đúng vai trò, chu toàn trách nhiệm đó để cùng hòa hợp với Trời như lời Thánh giáo: *"Thời gian và không gian vô lượng. Ta hãy đứng trên khung trời hiện thực để nhận định sự chi phối của vũ trụ với con người và để cùng hòa hợp với cái đại thể của vũ trụ."*[6]

Thuận với Trời để tạo nên thế Thiên Nhân hiệp nhứt.

PHẢI LÀM SỨ MẠNG VI NHÂN, THỰC HIỆN CÔNG CUỘC TIẾN HÓA

Vị trí và vai trò của con người nơi cõi thế gian vô cùng cao trọng là thế Thiên hành hóa, vì mỗi con người là một Tiểu Linh Quang được chiết xuất từ khối Đại Linh Quang Thái Cực lãnh nhiệm vụ đến cõi thế gian để thay Trời tiếp tục hoàn

6. Đạo Học Chỉ Nam.

thành công cuộc hóa sanh vạn hữu trong nhiệm vụ lập đời, điều hành, quản cai muôn vật, tức là tạo cho cõi hữu hình một "hồn sống", gọi là làm "sứ mạng vi nhân" rồi phải quay về hiệp Một, trở lại khối Đại Linh Quang, tức là thực hiện nhiệm vụ tiến hóa, để bước lên hàng siêu xuất thế gian, mà theo cách gọi thông thường là tu luyện thành Tiên, thành Phật.

Đức Đông Phương có dạy:

"Sứ mạng cao cả đã được đặt định cho loài thượng đẳng chúng sanh ở cõi đời này là sứ mạng vi nhân được thay Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc hóa sanh sanh hóa và có đủ quyền năng tự giải thoát để tiến hóa."

Làm sứ mạng vi nhân là giữ vai trò thực hành đạo Tài thành, bớt chỗ dư, bồi chỗ thiếu để làm cho cuộc sống nơi chốn hữu hình có đầy đủ tính chất chân thiện mỹ. Trí tuệ con người thừa hưởng từ khối óc siêu việt của Đức Thượng Đế là để khám phá, phát minh, làm nên những công trình có ích, phục vụ cho cuộc sống hạnh phúc thế gian. Trời đã tạo sẵn nguồn nguyên liệu vô hạn từ hữu hình đến vô hình để con người hợp tác tìm kiếm, chế tác ra những sản phẩm vật chất cho chính con người thừa hưởng.

"Người ra công mở mang bờ cõi,
Dùng lương tri soi rọi vào đời;
Văn minh dẫn bước người đời,
Kinh luân sắp đặt tùy thời biến thông."[7]

PHẢI CHU TOÀN TRÁCH NHIỆM

Đối với phần hữu chất, con người phải có ý thức giữ gìn tài sản của Trời, bảo vệ môi trường sống trên hành tinh này: Trong vai trò "thế Thiên hành hóa", con người tiếp nối công cuộc lập đời nơi cõi hữu hình để hoàn thành công trình sáng tạo vũ trụ của Tạo Hóa. Điều đó cũng có nghĩa bầu Càn Khôn này là mái nhà chung của con người mà con người có trách nhiệm phải gìn giữ và bảo tồn, không chỉ trái đất này mà cả bầu trời đầy sao, bởi vì nếu không ý thức được điều đó, con người sẽ sa lần vào chỗ hủy diệt chính mình nếu như cứ phung phí tài nguyên, gia tài của Thượng Đế đã trao cho con người như lời cảnh báo của Tiến sĩ Trịnh Xuân Thuận trong quyển "Nguồn gốc – nỗi hoài niệm những thuở ban đầu":

"Con người không chỉ có thể vượt qua lực hút của Trái đất để đi chinh phục không gian, không chỉ bắt đầu tìm kiếm những trí tuệ bên ngoài Trái đất, mà con người còn có khả năng trở thành mối đe dọa đối với chính mình, đối với hành tinh của mình và đối với tất cả các loài sinh vật."[8]

Chúng ta biết rằng hiện nay, trái đất này đang lâm vào tình trạng bất ổn trầm trọng do sự tàn phá môi trường mà con người là thủ phạm. Hậu quả đã xảy đến mỗi ngày với nhân loại: bệnh tật lan tràn, động đất, sóng thần, lũ lụt, thiên tai, núi lửa, sụp đất… và không biết còn những tai họa gì nữa…

Đối với phần tinh thần, con người có trách nhiệm phải sống đúng thiên lý, phục hồi nhân bản, đạo lý nhơn luân, tức trở về với Đạo hằng thường, làm sống lại lương tri nhân loại để bảo vệ chính mình không bị lệch ra ngoài quỹ đạo của Trời, đánh mất sự an toàn, liên lạc với Trời để tránh họa diệt vong bởi vì "thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong."

Đức Thượng Đế đã nhắc nhở:

"Trời sanh ra loài người, thì đã phú cho một cái tánh thiện lương để người nương đó mà trau giồi cho sáng rỡ thêm lên, hầu tấn hóa lần lần cho đến bực cao siêu thuần túy. Nào dè người bị thâm nhiễm thói đời vật chất, cứ mãi dấn thân vào vòng tục lụy mà Thiên tánh biến dời, nên phải dang xa nẻo Đạo."[9]

PHẢI CHUẨN BỊ CHO SỰ QUY NGUYÊN TỨC HOÀN THÀNH CÔNG CUỘC TIẾN HÓA

Sau khi hoàn thành sứ mạng lập đời nơi cõi tạm trần gian, con người sẽ quay về hiệp một cùng Thượng Đế. Con đường quay về đó sẽ do

7. Đạo Học Chỉ Nam.

8. Trịnh Xuân Thuận, sđd, tr. 7.

9. Đại Thừa Chơn Giáo.

chính con người tự tìm thấy bằng cách tu giải thoát. Hay nói khác hơn, song song với cuộc sống nhân sinh, con người còn phải nuôi dưỡng đời sống tâm linh của mình, mới đủ điều kiện trở về.

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy (Mậu Ngọ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý):

"Linh Quang một điểm thác sanh vào trường tiến hoá, phải mượn khí chất Thiên Địa Am Dương kết thành sắc thân để nuôi lấy Tánh Mạng hầu tiến lên hàng Phật Thánh Tiên."

Việc khai sáng các tôn giáo cũng nằm trong ý niệm này, các vị Giáo tổ trong lớp áo con người cũng phải trải qua quá trình rèn luyện tâm linh để thông công cùng Thượng Đế, đón nhận sự mạc khải từ Thượng Đế mở đạo nơi chốn thế gian để hướng dẫn con người tìm về chân lý. Đó cũng chính là nguyên lý Thiên nhân hiệp nhất trong vũ trụ.

Trời Đất cộng tác nhau thì phong điều gió thuận, mưa nắng điều hòa, cỏ cây tươi tốt, thời tiết mùa nào theo mùa ấy để tạo nên cảnh thái hòa, âu ca lạc nghiệp cho thế giới hữu hình. Trời Đất nghịch lẫn quay lưng với nhau sẽ gây nên cảnh thiên tai, bế tắc cho con người. Trong đó, con người là một tác nhân quan trọng. Đây chính là tinh thần Thiên nhân hiệp nhứt được nói đến trong giáo lý Cao Đài.

Nói một cách cụ thể, nếu con người biết bảo vệ thiên nhiên, không làm ô nhiễm môi trường, không làm cạn kiệt các giòng sông, không đốn hết cây cối trên rừng, không xả khí độc vào không trung… tức là con người tạo điều kiện cho Trời Đất giao hòa, thì con người không phải chịu cảnh thiên tai, hạn hán hay lụt lội, bệnh hoạn dẫy đầy…

Nhu là mềm dẻo, nhu hòa đối với người, là sự thông cảm, biết người biết ta, biết tiến, biết thoái trong mối quan hệ giữa người với người để tạo nên một môi trường sống hòa hợp, thuận lợi đặt trên nền tảng tình người, sẵn sàng chia sẻ, nâng đỡ nhau trong cuộc sống. Con người trên thế gian này nếu biết mềm dẻo nhu thuận trong sự đối đãi quan hệ với nhau thì sẽ xây dựng được thế nhân hòa trong cộng đồng xã hội nhân loại. Thế nhân hòa chính là đường hướng đã được Đức Chí Tôn vạch ra làm công cụ để tiến đến xây dựng một xã hội đại đồng.

Đức Vân Hương Thánh Mẫu giải thích:

"Hòa là hòa ái, hòa hiệp, hòa đồng, với ai cũng hòa được hết. Hòa là cực điểm của tình thương, không hơn, không kém, không lệch lạc, không người, không ta, không màu da sắc tóc, không tôn phái, chỉ là một cứu cánh chung tối thượng để đem lại sự sinh tồn hạnh phúc an vui cho mọi người sống ở thế gian, không còn cách phân chủng tộc."[10]

Như vậy, Hòa là kết quả của sự mềm dẻo, nhu thuận mà mỗi người có được để dẫn đến sự hy sinh tự ái, quyền lợi riêng tư để nhường nhịn lẫn nhau, luôn giữ gìn sự thân thiện, cảm thông, không để xảy ra đối chọi, mâu thuẫn đưa đến tranh chấp, kỳ thị mà cuối cùng là chiến tranh tàn hại lẫn nhau. Hiện trạng nhân loại ngày nay đang trong tình trạng bất hòa do bởi lòng người cố chấp, tham vọng tràn đầy, từ gia đình cho tới xã hội quốc gia, thế giới, đã hiển nhiên minh họa cho lời dạy của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát:

"… gia đình chẳng hòa thì cha con mích nhau, chồng vợ lìa tan, anh em ly tán. Còn trong luân lý chẳng hòa, thì dân cư bất mục. Nước chẳng hòa thì sanh ly loạn; còn cả thế giới bất hòa thì nhơn loại đấu tranh."[11]

Thế nhân hòa trong giáo lý Cao Đài hàm chứa ý nghĩa dùng sự mềm dẻo, nhu thuận, nhu hòa nơi con người để làm thành sức mạnh che chắn, chống chỏi mọi tác động có nguy cơ đe doạ sự tồn tại, bình an trong đời sống con người, hay làm xoay chuyển, thay đổi một tình huống trong nhân sinh, là con đường duy nhất để nhân loại giải quyết những bế tắc đang có nguy cơ

10. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Thánh Giáo Sưu Tập 1968–1969, tr.18.

11. Đức Quan Am Như Lai, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển 2.

đưa con người đến bên bờ tận diệt như lời dạy của Đức Lê Đại Tiên:

"Có tạo lập được thế nhân hòa thì xã hội đại đồng mới có cơ hội thành hình. Có lập thế nhân hòa thì sứ mạng cứu rỗi toàn thể vạn linh sanh chúng mới trọn vẹn. Có lập thế nhân hòa thì ngọn đuốc chơn lý Đại Đạo mới soi rọi cho tận cùng trái đất. Nếu bảo ánh sáng chơn lý bất diệt thì đường hướng nhân hòa phải là điều luôn luôn cần khêu tỏ. Nhơn hòa đặt thành vấn đề rõ ràng như vậy, dĩ nhiên nó phải là động năng cải tạo một hiện trạng xấu xa và xây dựng một thế giới hoàn bị hơn. Có vậy giá trị của vấn đề mới đáng được đề cập và phát huy."[12]

Để tạo thế Nhân hòa, phải hội đủ 3 yếu tố kết thành thế chân vạc: "nhân bản, an lạc và tiến bộ".

• Nhân bản: là cội nguồn con người, là Thiên tính, Thượng Đế tính. Hiểu rộng rãi là tình thương, đạo đức, lương tâm con người, trong đó chứa đựng sự công bằng, sự hiểu biết về lẽ phải ở đời. Con người sống đúng nhân bản sẽ tìm thấy hạnh phúc trong sự an lạc tâm hồn, đồng thời sẽ tạo cho con người một sự tiến bộ về tâm linh, để con người sáng suốt biết phân biệt điều thiện–ác, biết chọn lựa những những điều tốt đẹp phù hợp chân–thiện–mỹ, đủ tư duy hiểu biết dừng lại những gì mình có tức biết đủ, biết nhàn, biết sống vì mọi người, biết làm những điều ích chúng lợi dân, biết sống theo thiên lý, biết bảo vệ môi trường, biết tôn trọng thiên nhiên, tức đạt đến sự tiến bộ trong cả hai mặt đời sống vật chất và tinh thần.

Ngược lại, nếu nhân bản mà không có an lạc, tức đời sống thiếu thốn, cuộc sống dẫy đầy bất trắc, con người sẽ lạc vào mê cung khủng hoảng với những lo sợ triền miên, con người mất niềm tin vào cuộc sống, để rồi cuối cùng sẽ đánh mất nhân bản trên đường đi tìm một sự bảo vệ cho bản thân và gia đình. Cuộc sống như thế không thể nào có được sự tiến bộ đúng nghĩa cho dù con người sống trong thời đại văn minh khoa học, sự tiến bộ nếu có chỉ đáp ứng nhu cầu tham vọng mà lãng quên đạo đức nhân bản.

• An lạc: là sự bình yên mà con người có được nhờ sự thoả mãn đầy đủ những nhu cầu sống ăn mặc ở, để con người tìm thấy sự thỏai mái yên ổn về phương diện vật chất, không phải chạy vạy lo toan, vất vả nhọc nhằn vì chuyện áo cơm; và nhờ ý thức nhân bản, con người biết đủ, biết dừng những ham muốn theo đúng đạo lý nhơn luân, nên có niềm tin vào số phận tương lai, không bị dục vọng vật chất tác động lôi kéo.An lạc cũng có được từ sự an lành của môi trường sống, với mưa thuận gió hòa bốn mùa tám tiết trong luật tắc hóa sanh, và hưởng được tiện nghi đời sống có được từ sự tiến bộ của xã hội khế hợp với sự ích lợi chung của cộng đồng như gia tài chung của nhân loại.

Trái lại, nếu như an lạc được tìm thấy trong xã hội lòai người nhờ vào sự giàu có tài nguyên thiên nhiên đất nước, đời sống dân chúng được đầy đủ, nhưng con người luôn sống khép kín với quyền lợi sở hữu riêng tư, không cần quan tâm đến những quốc gia láng giềng đang trong tình cảnh đói nghèo lạc hậu, con người quay lưng với đồng loại, ai chết mặc ai, tức là đánh mất nhân bản, thì sự tiến bộ cũng chỉ nhằm mục đích ích lợi phục vụ một thiểu số cộng đồng, dẫn đến sự bất chấp những thiệt hại gây ra cho môi trường, cho cuộc sống chung của toàn nhân loại.

• Tiến bộ: Phải là sự tiến bộ chung của cộng đồng phù hợp với nhân bản, tức không đi ngược đạo lý, làm nên lợi ích vật chất chung giúp cuộc sống con người thêm tiện nghi, thêm phong phú đời sống, tức là làm gia tăng sự an lạc thỏai mái cho tất cả mọi người, đồng thời chính sự tiến bộ tri thức sẽ dẫn dắt con người thăng hoa trong đời sống tinh thần, có nghĩa là con người càng gần với đạo lý, với nhân bản, để có thể đi đến sự giải thóat tâm linh, trở về cùng Thượng Đế.

Ngược lại, nếu con người chỉ quan tâm đến nhu cầu tiến bộ, miệt mài với những phát minh

12. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo 15–02 Canh Tuất.

khoa học kỹ thuật, với đời sống trí năng, mà bỏ qua phần đạo đức lương tâm,. nhân bản, chỉ cốt làm sao thỏa mãn được sự phát triển đời sống vật chất, không cần để ý đến sự thiệt hại chung có thể xảy đến cho cộng đồng, hủy hoại môi trường tự nhiên, dẫn đến chỗ hủy diệt chính mình, tức là con người đã đánh mất sự an lạc. Đó là hiện trạng của nhân loại trên quả địa cầu này. Tiến bộ vượt bực với những phát minh khoa học cạnh tranh từng giây từng phút đã đưa thời đại này lên đến một tầm cao vượt ngòai sức tưởng tượng của con người, nhưng đồng thời bên cạnh đó là sự kêu cứu thảm thiết của môi trường sinh thái bị hủy hoại bởi sự ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, tàn phá thiên nhiên, và mạng sống của tòan nhân loại đang bị đe dọa từng phút từng giây bởi muôn ngàn thảm họa… Bởi lẽ đó, con người phải chịu lâm vòng bi thương bế tắc để Đức Trần Hưng Đạo Đại Vương phải cất tiếng than:

"… Bể cả mênh mông, bến nào cũng không tìm đến, bến nào cũng không đổ được, thuyền khách chơi vơi giữa dòng dục vọng. Chừng ấy mới giác ngộ thì đã muộn rồi, ác lặn thỏ tà, dặm trường thiên lý, khó đến tận mục phiêu đã định đoạt từ thuở cất bước ra đi. Than ôi !"[13]

BIẾT THUẬN NHU LÀ TU KHÔN ĐẠO

Qua giáo lý Cao Đài, ý nghĩa của đạo Thuận Nhu đã được phơi bày rõ nét, Thuận là thuận tùng thiên lý, thuận theo Trời để tiến đến chỗ Thiên nhân hiệp nhứt tức là tìm thấy sự giải thoát vượt ngoài nhân quả luân hồi, tử sanh khổ nghiệp; Nhu là nhu hòa, nhu thuận với người để thực hiện được thế Nhân hòa làm tiền đề dựng xây một xã hội đại đồng nhân loại, giải quyết được những bế tắc của cuộc diện nhân sinh ngày nay.

Để đạt được điều này, Ơn Trên đã chỉ ra con đường "Biết thuận nhu là tu Khôn Đạo."[14]

TU KHÔN ĐẠO LÀ TU NHƯ THẾ NÀO?

Khôn tượng trưng cho đất, năng lực của khí Âm, chủ về nhu thuận. Mặc dù cũng là năng lực khởi đầu trong việc tạo thành vạn vật nhưng Khôn phải thuận theo Kiền tượng trưng cho Trời cương kiện, Khôn kết hợp cho vạn vật hình thành. Tu Khôn Đạo là bắt chước Khôn thuận tùng thiên lý, học theo Trời "Tự cường bất tức", nghĩa là không ngừng hoàn thiện bản thân để trở nên người chí thiện chí mỹ.

Tu Khôn Đạo là học và hành theo lời kinh văn Thánh Nhân còn lưu lại nơi phần Đại tượng truyện quẻ Khôn: " Quân tử dĩ hậu đức tải vật". Dù lời Kinh văn ngắn ngủi, cô đọng nhưng hàm súc nhiều ý nghĩa. Người quân tử có sứ mạng là giúp đỡ muôn loài, đó chính là ý nghĩa "sứ mạng vi nhân" trong Tam Kỳ Phổ Độ; đồng thời cũng bao hàm ý nghĩa độ tha, là sứ mạng cao cả mà người tu ở bậc Đại thừa mới có thể thực hiện một cách rốt ráo là giúp người giải thoát khỏi sự khổ đau bằng chính năng lực thành tựu của chính mình.

Tu Khôn Đạo còn là sự rèn luyện để thân tâm luôn giữ được sự chịu đựng bền bỉ, cho dù phải đối đầu với bao nhiêu khảo đảo thử thách, cho dù phải chìm đắm trong sự trả vay nghiệp quả tiền khiên như hình ảnh con ngựa cái mà Thánh nhân đã dùng để tiêu biểu cho sự cam chịu bền bỉ khi duỗi rong trên đường thiên lý.

Tu Khôn Đạo cũng là học và hành theo lời dạy của Thánh Nhân cho mỗi hào của quẻ Khôn:

- Hào Sơ lục: *"Lý sương kiên băng chí"*, có nghĩa: Dẫm lên sương là biết rằng băng tuyết sẽ đến. Đối với người tu, việc tìm lại chơn tâm bổn tánh không phải là việc làm trong một sớm một chiều, mà đòi hỏi cả một quá trình rèn luyện, người tu phải tập dần, không làm những điều sai quấy dù nhỏ nhất chưa gây hại, bởi vì đó là mầm mống của tội lỗi về sau; cũng như đối với việc thiện, dù nhỏ nhất như hạt sương cũng không nên bỏ qua, vì tích tiểu thành đại, mỗi ngày một việc thiện nhỏ lâu ngày sẽ kết chuỗi thành

13. Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 07–4 Tân Hợi (01–5–1971).

14. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15–02 Tân Mão.

công trình lớn, và quan trọng hơn gắn chặt vào tâm như một thói quen làm điều thiện không cần suy nghĩ tính toán.

- Hào Lục Nhị: Đối với người tu, con đường duy nhất vận hành vũ trụ càn khôn là con đường Trung đạo mà con người muốn thuận tùng Thiên lý, không thể chọn con đường nào khác. Đó chính là con đường mà hào Lục Nhị trung chính của quẻ Khôn đã dẫn dắt: *"Trực phương đại. Bất tập. Vô bất lợi"* tức vừa ngay thẳng, vừa trung chính, lại vừa có đức độ bao dung rộng lớn, như lời Thánh giáo:

"Đức nhu thuận huyền vi khắp cả.
Tính cương trung vô giá tạo gầy;
Dù cho thế cuộc vần xoay,
Nề xưa nếp cũ đừng ai xóa mơ."[15]

- Hào Lục Tam của quẻ Khôn: *"Hàm chương khả trinh. Hoặc tùng vương sự. Vô thành hữu chung"* có nghĩa *"gìn giữ kín đáo vẻ đẹp mới có thể bền vững, có khi theo giúp việc vua, không nhắc đến thành công mới có kết cho mỹ mãn cho mình."* Hào này mang ý nghĩa dạy con người tu hành phải có sự khiêm tốn, mặc dù mình có làm được những điều tốt đẹp cho tha nhân, cho cuộc đời, cũng không khoe khoang kể công. Đây cũng là điều mà Đức Lão Tử dạy trong Đạo Đức kinh: *"Tự xem mình là sáng thì không sáng. Tự cho mình là phải thì không rạng danh. Tự mình kể công thì không đáng ghi công. Tự khoe mình thì không tồn tại lâu dài."* (Tự kiến giả bất minh. Tự thị giả bất chương, tự phạt giả vô công, tự căng giả bất trưởng).
- Hào Lục Tứ: *"Quát nang. Vô cựu. Vô dự"* có nghĩa: thắt miệng túi, không lỗi, không danh dự. Tâm lý con người thường dễ bị lung lạc bởi những lời thị phi của người đời, nhất là nghe lời khen tặng, đề cao, lâu ngày sẽ đưa đến thói ngã mạn. Do đó, Thánh nhân dạy nơi hào này là không cần phải phô trương tài đức của mình, cứ lặng lẽ làm những điều thiện cho người mà không cần ai biết để tôn vinh.
- Hào Lục Ngũ: *"Hoàng thường nguyên cát."* Xiêm vàng, rất tốt lành. Xiêm là váy, tượng trưng cho sự khiêm hạ; Hoàng là màu vàng, là màu ở trung ương dành cho ngôi cao quý, ngôi vua chúa. Như vậy, có ý nói đến người ở ngôi cao nhưng lại hết sức khiêm hạ, cho nên kết quả rất tốt đẹp. Người tu hiểu được điều này để luôn giữ cho mình đức khiêm tốn, càng khiêm cung thì phẩm chất cao quý càng nổi bật.
- Hào Thượng Lục: *"Long chiến vu dã, kỳ huyết huyền hoàng"* có nghĩa rồng đánh nhau ngoài đồng, máu nó xanh vàng. Đây là lời cảnh báo đối với người tu, đừng quên đức Thuận Nhu là bản chất của quẻ Khôn. Con người được hưởng từ Đấng Tạo Hóa sự khôn ngoan, có thể làm nên những kỳ công vĩ đại, có thể tu thành Phật, Tiên, nhưng cũng chỉ là phận Âm so với Trời là Dương, đừng tưởng mình có thể thay Đấng Hóa công, vượt khỏi Trời, tức là trái Đạo, kết quả cuối cùng sẽ là tai họa đến với mình. Ở góc độ tu hành, đây là lời nhắc nhở con đường tu hành có thể dẫn đến chỗ đọa lạc, để người tu luôn cảnh giác bởi vì Thánh giáo có dạy:

"Đạo hỡi ai, ai mê, ai tỉnh,
Đạo là đâu chánh tín, mị tà;
Đành rằng tự giác, giác tha,
Phước về nẻo đạo, tội sa diêm đài."[16]

KẾT LUẬN

Đạo Thuận Nhu trong Tam Kỳ Phổ Độ cũng chính là tinh hoa của Tam giáo, dạy con người sống thuận tùng thiên lý, lấy đạo lý làm khuôn

15. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời, 14–01 Quý Sửu (16–02–1973).

16. Đức Giác Thế Đạo Nhơn, Hườn Cung Đàn 01–5 Ất Tỵ 1965.

(XEM TIẾP TRANG 52)

HỌC LỜI DẠY CỦA ĐỨC GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO

"KHUYÊN CHƯ HIỀN SỚM TỐI CHUYÊN TU"

■ **THIỆN HẠNH**

"Nhìn cơ đạo ngổn ngang trăm mối,
Khuyên chư hiền sớm tối chuyên tu,
Công trình trợ giúp công phu,
Công quả nền tảng đường tu vững vàng."[1]

Đức Giáo Tông ban cho nhân viên Cơ Quan khẩu quyết tu trì trong giai đoạn cơ đạo được Ngài nhận xét là "ngổn ngang trăm mối". Như vậy, trong mỗi hoàn cảnh của cuộc đời và cơ đạo đều có những phương pháp sống và tu trì mà hành giả có thể ứng dụng hài hòa, linh hoạt, quyền biến để đạt được sự thành công trong từng giai đoạn của kiếp sống hữu hạn này. Sứ mạng của bậc Thiên ân cũng giống như người gieo giống, khi thời tiết thuận lợi thì "tỉa trồng rầm rộ", còn lúc nghịch thời thì cất giống vào kho và tiếp tục "chọn giống lành giống tốt" để sẵn sàng khi mưa thuận gió hòa lại đem ra kịp thời sử dụng. Như vậy thì, dù cho thời cuộc có xuôi dòng hay ách tắc, người sứ mạng vẫn an vui chủ động thích ứng. Tuy nhiên, vấn đề ở đây là người Thiên ân sứ mạng có đủ sáng suốt để phân biệt, nhận ra được khi nào cơ Đạo trong giai đoạn khó khăn khảo đảo, lúc nào thuận lợi hanh thông?

"Sứ mạng gieo giống là chọn giống lành đem gieo để cống hiến hoa quả, thảo mộc, mễ cốc xinh tươi phục vụ cho đời. Gặp lúc thuận tiết thuận thời, tỉa trồng rầm rộ, gặp khi nắng hạn bão bùng cất giống vào kho rồi tiếp tục chọn giống lành giống tốt chớ nào phải khoanh tay than dài nắng hạn, thở vắn bão bùng rồi chùn chân phế phận (…)

Chư hiền đệ muội! Dầu đạo hay đời cũng không thoát khỏi cảnh thạnh suy bĩ thới, thành trụ hoại không. Người tu hành không vì lẽ bĩ thới mà bị chi phối. Trái lại, biết tận dụng lẽ ấy mà phát tiết hạ thủ công phu đúng lúc đúng chỗ thì mọi sự an lành. Những con thuyền dọc ngang trên bể cả, những tay thủy thủ lành nghề, dầu gió xuôi, gió ngược, gió ngang cũng lèo lái con thuyền về đến bến."[2]

Có thể diễn tả một cách khác là trong bất cứ hoàn cảnh nào, người tu hành cũng biết cách an trú, hóa giải để sống đạo hài hòa, vừa giúp ích cho bản thân, vừa lợi lạc

1. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.
2. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15–3 Bính Thìn (14–4–1976).

cho bá tánh chúng sanh. Hẳn mọi người dễ có tâm lý hoan hỉ tích cực khi đối diện với hoàn cảnh thuận duyên, nhưng có thể bối rối tiêu cực khi gặp những tình huống khó khăn.

"Lúc thuận thời thì động, nghịch thời thì tịnh. Tịnh đó cho nội lực thần khí được thông linh mẫn tuệ, chớ không phải tịnh là bất động trong hôn trầm."[3]

Dựa vào nhận định của Đức Giáo Tông Đại Đạo: "Nhìn cơ Đạo ngổn ngang trăm mối", mà có thể trí phàm không nhận ra được, chúng ta có thể hình dung tình trạng cơ Đạo về mặt quyền pháp thiếu nghiêm minh. Điều nầy tất yếu dẫn đến sự hiểu lầm, thị phi, bất hòa, vướng mắc xảy ra không chỉ trong phạm vi hẹp, mà đã ảnh hưởng trên diện rộng các thánh sở Cao Đài. Do đó, đây cũng chính là sự khảo đảo từ nội tình nội bộ của cơ đạo, dẫn đến việc thực thi sứ mạng hoằng pháp lợi sanh có phần khó khăn trở ngại, chưa hanh thông, còn trì trệ. Đức Giáo Tông Đại Đạo đã từ bi ban trao khẩu quyết tu trì để nhân viên Cơ Quan vững vàng tu học hành đạo, hoàn thành sứ mạng. Vậy khẩu quyết đó là gì?

CHUYÊN CẦN TU LUYỆN

Điểm mấu chốt của khẩu quyết tu trì mà Đức Giáo Tông Đại Đạo ban cho nhân viên Cơ Quan trong giai đoạn khó khăn của cơ đạo hiện nay là "sớm tối chuyên tu". Suy cho cùng, lời khuyên của Đức Giáo Tông Đại Đạo không khác với lời dạy năm xưa của Ngài là "nghịch thời thì tịnh".

Theo thiển ý, từ ngữ "chuyên tu" có nghĩa là "chuyên cần tu luyện"[4] thuộc về phạm trù công phu. Bởi lẽ, trong hoàn cảnh "cơ đạo ngổn ngang", người tu cần chú ý đến công phu thiền định để an định nội tâm vì sự thanh tịnh chính là giải pháp để hóa giải các vướng mắc, xoay chuyển mọi tình huống. Vì thế, "nghịch thời thì tịnh" chính là công án tu trì trong hoàn cảnh khảo đảo của cơ đạo. Có thể nói, công phu chính là pháp môn tối thượng.[5] Song, nền tảng của công phu là công quả và công trình có vững chắc thì việc thực hành công phu mới đạt kết quả. Công phu có thể được xem như là ngôi nhà thì nền tảng phải đủ sức tải trọng cho ngôi nhà. Điều nầy có nghĩa là ngôi nhà đạo pháp xây dựng quy mô rộng lớn bao nhiêu thì nền móng càng phải gia cố vững chắc bấy nhiêu. Cho nên, khi ta nói công án tu trì là công phu, nhưng lại cần phải có công quả và công trình bổ trợ.

Tuy nhiên, đối với các Tu sinh, Tu sĩ, đạo hữu trẻ, việc thực hành công quả và công trình lại là khẩu quyết tu trì. Bởi vì, việc tu tập nầy phù hợp với hoàn cảnh của mỗi người và cũng nhằm bồi đắp nền tảng cho việc thực hành công phu.

SỰ LIÊN HỆ GIỮA TAM CÔNG

Trong mối liên hệ giữa Tam công, công phu chính là ngôi nhà đạo pháp được xây dựng trên nền móng là công quả và công trình. Cho nên, nếu nền tảng không vững chắc làm sao có thể xây dựng được tòa Cao Đài nội tại. Ngược lại, nếu nền tảng công quả và công trình được vun đắp chắc chắn nhưng hành giả lại chần chờ, trì hoãn hoặc không xây dựng ngôi nhà đạo pháp thì việc vun bồi nền móng cũng có phần lãng phí.

"Công trình, công quả làm nền,
Công phu tu luyện cho nên Thánh Hiền."[6]

Thật vậy, Đức Giáo Tông Đại Đạo cũng không dạy khác hơn về sự tương quan hữu cơ giữa Tam công.

"Công trình trợ giúp công phu,
Công quả nền tảng đường tu vững vàng."

Công quả, công trình và công phu có sự quan

3. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01–12 Bính Dần (31–12–1986).

4. "Đạo pháp chỉ là phương tiện. Điều chánh yếu phải chuyên cần tu luyện, đó mới là cứu cánh." (Đức Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–3 Mậu Thìn, 30–4–1988).

5. "Công phu ấy thượng thừa tâm pháp – Trị bệnh đời đa tạp biến sanh." (Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14–8 Nhâm Tuất, 30–9–1982).

6. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Vĩnh Nguyên Tự, 01–6 Giáp Dần (19–7–1974).

hệ chặt chẽ với nhau; và đặc biệt là khi hành giả thực hành bất kỳ một công nào trong Tam công đều có thể chế tác ra được năng lượng của hai công còn lại. Thí dụ như việc thực hành công quả một cách thâm sâu, sẽ đồng thời tạo ra công trình và công phu. Điều nầy cũng tương tự khi hành giả thực hành công trình hay công phu vậy.

Công quả là nền tảng, là điều kiện cần trên con đường phản bổn hoàn nguyên cho nên Đức Chí Tôn khẳng định:

"Thầy hằng nói cùng các con rằng: một trường thi công quả, các con muốn đến đặng nơi Cực lạc thì phải đi tại cửa nầy mà thôi."[7]

Đức Diêu Trì Kim Mẫu cũng xác nhận: *"Công quả là đường đến Ngọc Kinh."*[8]

Khi thực hành công quả, con người làm tăng trưởng bồ đề tâm, đối trị tính ích kỷ, tức là phần nào rèn luyện công trình. Như vậy, thực hành công quả cũng có phần tác động đến công trình. Lại nữa, khi thực hành công quả với tâm thanh tịnh, vô dục vô niệm thì đồng thời con người thực hành công phu rồi vậy. Do đó, khi thực hành công quả một cách thâm sâu, hành giả đã đồng thời chế tác được phần nào năng lượng của công trình và công phu.

Tuy nhiên, công trình cũng là một điều kiện cần để con người bước vào cõi siêu xuất thế gian, cho nên cũng được coi là "đệ nhứt pháp môn" như lời Đức Bảo Hòa Thánh Nữ đã xác tín:

"Có tác phong đạo hạnh thì được kẻ kính người mến, kẻ yêu người nể, và người ngoài hâm mộ mà noi theo, có lợi cho mình mà độ được người, đó là đệ nhứt pháp môn."[9]

Tập rèn tác phong đạo hạnh chính là chánh kỷ hóa nhân. Mọi người sẽ nhìn vào tấm gương đạo đức nầy để bắt chước noi theo. Cho nên, thực hành công trình sẽ tạo ra công quả vì nó ảnh hưởng và tác động đến tha nhân. Mặt khác, việc nghiêm hành giới luật một cách bền bĩ, chuyên nhất từng giờ từng phút của hành giả lại chính là việc thực hành công phu. Như vậy, thực hành công trình bất thoái chuyển, hành giả cũng đồng thời phần nào chế tác được năng lượng công phu và tạo ra được công quả.

Thực hành công phu, hành giả thực hiện quá trình chuyển hóa tâm linh: (thân) an – (thần) định – (trí) huệ. Từ chỗ lặng lẽ thanh tịnh của tâm, Đạo sẽ lưu hành trong nội thân; bởi lẽ lúc bấy giờ "phàm tâm tử, đạo tâm sanh". Đạo từ bên trong nội tâm của hành giả sẽ hiện bày ra bên ngoài tác phong đạo hạnh. Như vậy, thực hành công phu sẽ tạo ra công trình do quá trình "tưới gốc sẽ sum cành". Lại nữa, khi tâm an định sẽ phát sinh năng lượng cứu độ chúng sanh và tạo ra được công đức từ tọa thiền. Như vậy, hành giả thực hành công phu có kết quả sẽ đồng thời tạo ra phần nào công trình và công quả.

THỰC HÀNH KHẨU QUYẾT TU TRÌ

Thiết tưởng nhân viên Cơ Quan cần hiểu một cách đồng nhất lời dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo, xin tạm gọi là "khẩu quyết tu trì" mà Ngài đã ban: "Khuyên chư hiền sớm tối chuyên tu", để từ đó có thể thực hành cho đúng Thánh ý. Đức Đông Phương Chưởng Quản đã căn dặn chư tịnh sĩ:

"Bần Đạo cũng nhắc điểm này: Đạo pháp chỉ là phương tiện. Điều chánh yếu phải chuyên cần tu luyện, đó mới là cứu cánh."[10]

Song, công phu không chỉ đòi hỏi hành giả phải "chuyên cần tu luyện", Ơn Trên còn nêu lên một yêu cầu cao hơn nữa. Đó chính là mỗi hành giả cần ý thức việc tu luyện từng ngày, từng giây phút. Ý thức ấy quan trọng như thế nào?

"Đến đây, Bản Huynh cũng lưu ý chư hiền đệ muội, điều cốt lõi của đạo pháp thuần chơn huyền vi chứng đắc không phải chỉ ở các khóa tu ôn dưỡng, các đợt tịnh bốn mùa hay liên hoàn

7. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, tr. 26.

8. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 26–12 Nhâm Tý (29–01–1973).

9. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 17–6 Đinh Tỵ (31–7–1977).

10. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–3 Mậu Thìn (30–4–1988).

mùng 8, khóa tịnh kỳ 9 ngày, mà chư đệ muội phải ý thức tu luyện từng ngày, từng sát na."[11]

Hành giả không nhất thiết công phu thiền định theo thời khắc tứ thời (Tý–Ngọ–Mẹo–Dậu), mà có thể thực hành công phu theo cấp bực đạo pháp đã học (Dự bị, Sơ thiền, Nhị cơ) trong mọi hoàn cảnh đi, đứng, nằm, ngồi như: lúc rảnh rang, khi mệt mỏi, lúc kinh hành, khi chờ đợi (hành lễ tại Chánh điện, đạo đàm, thuyết minh giáo lý, học tập thánh giáo), trước khi ngủ, v.v. Hành giả chỉ cần thực hành vài phút hành thâm hô hấp có ý thức, "thở đến đâu, biết đến đó" hay "thần đâu khí đó, thần khí không lìa nhau" là đã chứng nghiệm được sự mầu nhiệm trong từng ấy thời gian rồi.

Như đã trình bày, công phu cần phải có công quả và công trình làm nền tảng. Vậy nên, nếu móng nền chưa được vun bồi vững chắc, công phu khó có thể thành tựu kết quả được. Song, có một điều thú vị là nền tảng công quả và công trình được bồi đắp liên tục trong quá trình thực hành công phu, và bản thân công phu cũng tạo ra công quả và công trình. Hẳn chắc mọi người cũng đồng ý rằng, việc kiên trì thực hiện công quả liên tục không gián đoạn hàng ngày cũng không thể biết chắc rằng đã đầy đủ viên mãn hay chưa; vì phần gặt hái nầy còn phải khấu trừ vào phần tạo nghiệp của bản thân. Chỉ một câu nói sơ sẩy thất đức trong giây phút thiếu kềm chế cũng đủ triệt tiêu công quả mà hành giả đã kiên trì bòn mót trong nhiều tháng, nhiều năm. Vì thế, Ơn Trên thường răn dè con người không được xem thường khẩu nghiệp, bởi vì: "một câu thất đức thiên niên đọa".

Thực hành công quả rất đa dạng và phong phú được thể hiện qua tư tưởng, lời nói và hành động. Xin được giới thiệu một phương pháp cầu nguyện do Đức Giáo Tông Đại Đạo hướng dẫn rất đơn giản mà công năng lại vô cùng thâm sâu, có thể thực hành bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào trong ngày (xin xem phần Phụ lục). Phương pháp cầu nguyện nầy mang lại công đức vô lượng do nó xuất phát từ tâm thanh tịnh vô dục vô niệm của hành giả.

Hiện tại, chắc hẳn có một số đạo hữu tu học hành đạo tại Cơ Quan có phần nào mặc cảm là không chung tay góp sức vào các đạo sự tại các Ban do năng lực hạn chế, tài lực ít oi, sức khỏe suy kém, tuổi tác già nua, v.v. Thật ra, nếu mọi người tu cho thật tốt, công phu thật dũng mãnh, tất nhiên sẽ tạo ra một "khối điển lực" thiêng liêng mầu nhiệm có khả năng un đúc, che chở để toàn nhân viên Cơ Quan nương tựa vào đó vượt qua khảo thí, hoàn thành sứ mạng.

TẠM KẾT

Khẩu quyết mà Đức Giáo Tông Đại Đạo đã từ bi chỉ dạy cho Cơ Quan: "Khuyên chư hiền sớm tối chuyên tu" nhằm hóa giải tình trạng "cơ đạo ngổn ngang trăm mối". Trong giai đoạn nầy, hành giả cần "chuyên cần tu luyện" và trì hành công phu bất thoái chuyển trong mọi hoàn cảnh, bất cứ khi nào, bất kỳ nơi đâu.

"Đi đứng khí thần bền khắng khít,
Nằm ngồi tâm tức gắng thâm sâu."[12]

Công phu thiền định giúp cho người nhân viên Cơ Quan khơi tỏ điểm đạo sáng chói, bất tử bất biến nơi tự thân và cũng nhằm xây dựng ngôi Cao Đài nội tại trường tồn bất diệt. Đây cũng chính là phương tiện giúp người Thiên ân sứ mạng "lấy tĩnh chế động" để an định nội tâm và kiện toàn tập thể. Mặc dù công phu có thể phần nào chế tác được công quả và công trình; công phu cũng cần phải có công quả và công trình làm nền tảng. Vậy nên, hành giả cần song hành bòn mót công quả và rèn luyện công trình để công phu thiền định đạt kết quả, sứ mạng thiên ân mới thành tựu. Song, đối với các Tu sinh, Tu sĩ, đạo hữu trẻ thì việc thực hành công quả và công trình chính là khẩu

11. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 02–9 Kỷ Tỵ (04–7–1989).

12. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Minh Đức Tu Viện, 27–01 Tân Dậu (03–3–1981).

quyết tu trì nhằm kiện toàn trật tự quyền pháp, xây dựng tình huynh đệ và đồng thời xây đắp nền tảng kiên cố vững vàng cho việc tu tập công phu.■

PHỤ LỤC

1. PHƯƠNG PHÁP CẦU NGUYỆN

Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy phương pháp cầu nguyện mang đến công năng rất huyền nhiệm. Hành giả ngồi theo tư thế gác hai bàn chân tạo thành chữ thập, định thần tại mi giang, đưa tất cả lòng cầu nguyện lên không trung, tưởng tượng tiếp nhận "bầu nước cam lồ" của Ơn Trên để ban rải cho bá tánh chúng sanh đồng thọ hưởng. Do đây là phương pháp cầu nguyện vô cầu, vô dục, vô niệm nên sẽ tạo ra công đức vô lượng. Mọi người có thể thực hành hàng ngày bất cứ lúc nào và bất luận nơi đâu.

"Bần Đạo không dạy phương pháp cầu nguyện cũng như đọc bài kinh nào, nhưng trước hết tâm ứng của Phụ Tá Bảo Pháp đã chọn bài kinh cầu nguyện Thượng Đế cùng chư Phật Tiên khắp chốn mười phương đến trần gian để cứu khổ cứu nạn cho dân tộc Việt Nam nói riêng, cho con người trên thế giới nói chung được bình an, ách tiêu tai tán, rồi chư hiền đệ muội cũng đồng tình đọc bài kinh ấy. Phát xuất từ một lịnh dạy, chư hiền đệ muội đã hướng về sự thái hòa an lạc cho bản thân mình, gia đình mình và luôn cả nhân loại. Sự cầu nguyện tuy có nhiều hình thức và phương pháp cầu nguyện, nhưng nếu họp nhau lại tổ chức một buổi cầu nguyện chung như vậy, sẽ là một niệm lực hùng mạnh dâng lên không trung và bao trùm rải xuống khắp chốn để cảm hóa lòng người hướng về sự ước muốn thái hòa an lạc đó.

Chư đệ muội không nguyện cho riêng mình đã thể hiện tấm lòng vị tha; cầu cho thiên hạ thái hòa đã thể hiện tấm lòng công bằng, không muốn cảnh chiến tranh đao binh khói lửa, người giết hại người do lòng tham vọng cuồng loạn dấy động đao binh. Nếu mỗi một người đều mong vọng an lạc thái hòa tức là không muốn đem sự tàn hại chết chóc đến cho kẻ khác. Nếu khối niệm lực ấy được liên tục dâng lên, tỏa ra bao trùm xuống khắp nơi sẽ ảnh hưởng rất lớn như vòi nước gắn búp sen quay cuồng trong không trung, phía dưới đó muôn loài hoa quả thảo mộc gội nhuần không ít. Mỗi việc làm đều có mỗi tác dụng, thí dụ như Thiêng Liêng dạy chư hiền nhập tịnh là để ngăn ngừa sự vọng động nội tâm và để cho lòng được ổn định thanh tịnh, trước là dưỡng sinh, sau là thông công cùng thượng giới (…)

Vậy ngay giữa đàn đây, chư hiền đệ muội từ lớn chí bé hãy nhắm mắt lại, ngồi ngay xương sống, gom thần lại ngay trán chính giữa hai mí chơn mày, khi gom thần lại nghe nặng nặng nơi giáp mối chơn mày, thì từ trong tâm hướng đưa tất cả lòng cầu nguyện lên không trung, tưởng tượng như sẵn sàng tiếp nhận ân điển một bầu nước cam lồ. Sẵn sàng tiếp nhận rồi từ từ đưa lên rải ra tung tóe bốn phương trời cho muôn loài vạn vật đều thọ hưởng. Bần Đạo nhờ hiền muội Ngọc Kiều giải thích phương pháp ấy cho mỗi người lãnh hội. Chừng nào Bần Đạo cho khởi sự sẽ đồng cầu nguyện một lúc.

Có hiền đệ muội nào, nhứt là các em nhỏ chưa hiểu thì hỏi lại. Có hiểu rõ, hành mới hiệu lực. Hỏi lại…

Vậy thì tất cả đều sẵn sàng ngồi xếp bằng trong cái thế hai bàn chân tréo thành chữ thập, chơn trái nằm trên, chơn phải nằm dưới thành hình chữ thập. Bần Đạo sẽ ngưng điển trong hai phút để cùng hành pháp với chư hiền. Đây bắt đầu (…)

Xong, chư hiền đệ muội hãy trở lại cái thế bình thường. Được, tốt lắm!

Chư hiền đệ muội mới tập hành pháp cấp thời, được như vậy cũng khá lắm, nhưng chưa trọn vẹn. Không sao! Vì trong lúc hành pháp, chư đệ muội đã bị 4 khuyết điểm sau đây:

Một, đầu tiên vừa gom thần nơi trán bỗng nghe tiếng cười bên ngoài hơi khó chịu.

Hai, nghe chó sủa hơi bận tâm.

Ba, nghe tiếng xe hơi chạy quá rõ.

Bốn, nghe hai đầu gối run mỏi vì thế ngồi hơi lạ đối với một số lớn, và cuối cùng phần đông trông ngóng đã quá 2 phút rồi sao chưa được lịnh xả. Nhưng đó là phần phụ không ảnh hưởng chi lắm cho việc cầu nguyện, vì khi nghe các tiếng động ấy, tinh thần bị trụ lại nơi tiếng động, đâu có đưa lên kịp đến không trung mà tiếp bầu cam lộ. Khi dứt tiếng động, tinh thần như được mở trói, bỗng vượt riết mau lên. Vì kẻ đến trước, người đến sau nên Bần Đạo chờ cho đến tất cả rồi mới ra lịnh xả đàn vừa đúng 5 phút chớ không phải 2 phút. Cười! Cười! Bần Đạo lặp lại, như vậy cũng khá tốt lắm. Vậy thì từ ngày mai chư hiền đệ muội bất cứ ở đâu, cứ theo phương pháp đó mà hành và bất cứ giờ nào hành cũng được hết. Có thể mỗi ngày đêm hành nhiều lần như vậy, khỏi phải tập trung lại Cơ Quan như các ngày qua. Đó là hiền đệ hiền muội cứu đời, chớ của cải đâu mà đem cứu cho hết khổ nạn nhơn sanh. Nói như vậy không có nghĩa rằng khuyên chư hiền ngưng việc cứu trợ nhơn dân chiến nạn, nghe à!"[13]

2. HỒI HƯỚNG TỌA THIỀN

Bài kệ hồi hướng tọa thiền bắt đầu bằng câu: "Công đức tọa thiền lớn biết bao". Tọa thiền tạo ra công đức bởi lẽ sau thời công phu thiền định, hành giả đã huân tập và chế tác được một năng lượng của Định. Mức độ và công năng của Định nầy tỷ lệ thuận với thời gian tọa thiền mà hành giả đạt được trạng thái hoàn toàn thanh tịnh. Công năng nầy tạo ra được từ trường cứu độ tác động đến tha nhân, nhằm hóa giải cộng nghiệp của chúng sanh, đem lại an lạc cho bá tánh. Song, khi hành giả đưa điển lực tọa thiền lên không trung để hòa nhập cùng thiên điển của Đức Chí Tôn sẽ tạo thành công năng cứu độ vô biên do cộng thông được sự mầu nhiệm của Trời và người trong thế "Thiên nhân hiệp nhứt". Cho nên, con người lúc bấy giờ được ví như là những "thiên thần đang dệt tấm lưới thiêng"[14] nhằm xoa dịu, che chở, cứu độ chúng sanh. Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy hồi hướng tọa thiền:

"Lời dặn thêm chung cho chư tín hữu: Mùa xuân này ráng dành nhiều thì giờ tu dưỡng để đưa điển lực lên không trung tiếp nhận hồng ân Thiên điển để ban rải xuống thế gian cứu độ nhơn sanh. Đó là công quả để hồi hướng hầu trừ nghiệp quả cho mình và cho nhơn loại. Phải cẩn hạnh cẩn ngôn trong phạm vi đạo đức và hoàn cảnh của người tu trong mùa xuân này."[15]■

13. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22–4 Nhâm Tý (03–6–1972).

14. "Về khóa tịnh kỳ hạn 9 ngày, chư đệ muội có biết mình là những Thiên Thần đang dệt tấm lưới thiêng đó chăng? Đây là cơ hội mà Đức Lão Tổ đã dành cho chư đệ muội để làm đầu mối tự độ, độ tha. Lúc thuận thời thì động, nghịch thời thì tịnh. Tịnh đó cho nội lực thần khí được thông linh mẫn tuệ, chớ không phải tịnh là bất động trong hôn trầm." (Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01–12 Bính Dần, 31–12–1986).

15. Trích Sắc Lịnh của Đức Đông Phương Chưởng Quản do Đức Kim Quang Đồng Tử tuyên đọc tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ngày 26–12 Nhâm Tý (29–01–1973).

THÁNH GIÁO

Những biến nạn phù du tới tấp,
Kết đoàn nhau đặng lập quả công,
Cho qua bao cuộc gió dông,
Tình thương là sức đại đồng vững an.
Thương cho trẻ gian nan lắm nỗi,
Thương cho đời đen tối bao phen,
Trao con giữ một ngọn đèn,
Ngọn đèn bác ái khêu lên cõi trần.
Hãy tự mình tiến thân đạo đức,
Hãy nấu nung tâm thức quân bình,
Cứu đời cho hết nghiêng chinh,
Bằng câu hòa thuận, bằng tình thiêng liêng.
Hỡi nữ phái mối giềng con nắm,
Đừng buông lơi phải đắm bể trần,
Muôn vàn chỉ một tinh thần,
Nơi Trời nơi đạo tân dân phước hồng.

ĐỨC DIÊU TRÌ KIM MẪU, NAM THÀNH THÁNH THẤT, 25–5 NHUẦN TÂN HỢI (17–7–1971).■

Bài giảng về "TÂM" của ngài ĐỊNH PHÁP MINH THIỆN

■ TẠI CHÙA TAM TÔNG MIẾU, RẰM THÁNG 7 NĂM MẬU TUẤT (29—8—1958). MÔN SANH MINH LÝ ĐẠO SƯU TẦM.

Thưa chư quý Ông, chư quý bà,

Thưa các đạo hữu Nam nữ,

Hôm nay là Ngày vía Trung–nguơn, các chùa đâu đâu cũng đều thiết lễ long trọng, cốt để cho bổn đạo và Bá tánh thập phương đến chiêm bái Phật Trời, sau là nghe kinh nghe giảng.

Tại chùa Tam–Tông Miếu, chúng tôi thờ Thượng Đế và ba vị Giáo chủ, là: Tây–Phương Phật–Tổ, Thái–Thượng Lão–Quân, và Văn–Tuyên Khổng–Thánh.

Tam giáo đều dạy tu tâm, mà tâm có nhiều nghĩa, nên cần phải phân biệt ra cho rành rẽ, các bực Tiền–bối đã giải thích nhiều rồi nhưng kỳ thiệt ít ai hiểu cho thấu đáo.

Xét vì tâm là một vấn đề căn bổn trong phép tu hành, nay tôi cũng xin góp ý kiến để giúp cho các bạn tu hành một phần nào.

A. ĐỊNH NGHĨA CHỮ TÂM

I. NGHĨA SANH–LÝ

Đây nói về cái tâm thịt. Ấy là một cơ quan vận huyết trong thân thể con người: Tâm nầy là một tạng trong ngũ tạng của thân thể, nên cũng gọi là tạng tâm.Tạng tâm ở trong lồng ngực, mà trịch qua tay trái một chút. Hình nó như cái bông sen búp, chưa nở. Ta hãy đặt bàn tay ta lên ngực, phía tay trái thì nghe nó đập mạnh, để vận huyết đi khắp cả châu thân.

Theo môn Sanh–lý học dạy, nhờ tạng tâm mà khi phát ra đi, huyết màu đỏ đem chất bổ nuôi nấng cho cả đầu mình chơn tay. Khi trở về, huyết rút chất trược các nơi nên thành ra máu xanh, phải nhờ có dưỡng khí của phổi rút trong không khí của Trời để khử trược. Rồi huyết trở lại đỏ tốt chạy về tạng tâm, để bắt đầu châu lưu nữa, tuần huờn như thế mãi mãi.

Các tạng phủ khác bịnh hoạn, thì sự sống còn có thể kéo dài một ít lâu. Chớ tạng tâm mà bịnh và không vận huyết được, thì sự chết trong nháy mắt. Đủ thấy tạng tâm nơi đây tuy thuộc về vật chất, mà phận sự của nó cũng quan hệ lắm.

II. NGHĨA TRIẾT–LÝ

Theo Triết lý phương Đông, thì cái tâm, ngoài phận sự vật chất nói trên, lại còn phát sinh ra tư tưởng. Các sự hiểu biết, khôn ngoan đều do nơi tạng tâm mà có. Các nhà Triết–học phương Tây lại nói: sự suy nghĩ, khôn ngoan do cái não; còn tình tự gốc ở tâm.Thành thử cái não chủ về trí, cái tâm chủ về tình. Tình mà phát ra lộn xộn, có khi trái lẽ, là vì thiếu suy nghĩ.

Có phải lại cãi rằng: Cái chi cũng do tâm, còn óc chỉ là một cơ quan để giúp cho tâm về sự phân biệt lành dữ, phải chẳng mà thôi.

Nói về tư tưởng, hiểu biết mà thuộc về con đường lành, các nhà Triết học phương Tây gọi tâm là lương tâm. Lương tâm có hai nghĩa: có phái chủ trương về sự kinh nghiệm mà hiểu biết, còn phái khác là cho rằng cái tâm tự nhiên khôn thiêng, có việc chẳng cần phải học hỏi hay là kinh nghiệm mà cũng biết được. Thiết tưởng hai nghĩa đều cũng có phần đúng, là tùy theo trường hợp, tùy theo phương diện mà xét. Đây tôi xin miễn bàn rộng thêm nữa.

III. NGHĨA NHO–GIÁO

Mục đích cứu cánh của Nho–giáo là "Tồn tâm dưỡng tánh" nghĩa là: gìn giữ cái tâm, nuôi nấng cái tánh.

Sách Đại–học luận rộng về cái tâm, lấy sự tu thân làm gốc. Cho nên nói: "Tự thiên–tử dĩ chí ư thứ–dân, giai dĩ tu thân vi bổn." Còn sách Trung–Dung nói rõ về cái tánh, lại lấy sự suất tánh gọi là Đạo. Cho nên trong ba cương lãnh lớn của sách ấy, có nêu câu "Suất tánh chi vị Đạo." (Trong bài tựa sách "Trung–Dung chương cú đại toàn" Hồ Thị có nói rằng: "Trong sách Đại–Học, chẳng thấy nói đến chữ tánh cho nên trong bài tựa, Châu Tử nói tánh rõ ràng. Còn trong sách Trung Dung chẳng thấy nói đến chữ tâm, cho nên bài tựa nầy nói về tâm rõ ràng.")

– Tâm và Tánh khác nhau ở chỗ nào?

– Trình Tử nói: *"Tánh hay là Tâm cũng là một lý. Nói về lúc bẩm nơi Trời thì gọi là Tánh. Nói về khi tồn tại nơi người thì kêu là Tâm."*

– Sách Dưỡng–Chơn tập nói: *"Người ta chỉ có một cái tâm, ra ngoài là tình, vào trong là tánh, đi xuôi là thức, trở ngược là trí. Đủ thấy Tâm là tên chung bao quát tất cả, nào là tình, nào là tánh, nào là thức, nào là trí. Cũng là Tâm, mà tùy theo cách vận động, nên gọi tên khác nhau đó thôi."*

– Sách Mạnh–Tử nói: *"Đạo là cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hĩ."* Nghĩa là: Phép Đạo là kiếm cái tâm chạy dông dài ra ngoài mà đem nó lộn ngược về đó thôi. Trên nói: Cầm giữ cái tâm cũng là đồng một nghĩa đó.

Nhưng xin đừng tưởng tâm là vật có hình tướng, mà đi kiếm nó ở ngoài để đem về cầm giữ. Tuy cách nói như thế, chớ ta phải hiểu rộng ra như vầy. Chỉ vừa hay phóng tâm ra ngoài, thì tưởng rằng: Cái tâm nầy là tâm của ta, nó phải do nơi mạng lịnh của ta. Ta chẳng đặng tin theo nó mà để cho nó tự do đi dông dài ra ngoài. Tuy cái tâm bị che lấp đã lâu (bị trần nhơ bao phủ), nếu ta ráng sức cổ võ, thì cũng có thể thức tỉnh nó được.

– Cổ võ, thức tỉnh bằng cách nào?

– Cổ võ là lập chí mạnh mẽ, thức tỉnh là xét thấu lẽ phải.

– Nhà Nho dùng ba phương pháp là: Tỉnh–sát, khắc–trị, và tồn–dưỡng.

• Tỉnh–sát: Tỉnh–sát nghĩa là: Xét cái tâm của mình coi mỗi ngày là 12 giờ, nó ở trong mấy giờ, ra ngoài mấy giờ, nó tư tưởng cái nào phải, nó tư tưởng việc gì quấy. Cách tỉnh–sát nầy phải cho công bình, minh–chánh, không nên có chỗ thiên vị cho mình, hay là làm qua loa lấy có.

• Khắc–trị: Trước nói Tỉnh–sát là tìm biết kẻ giặc. Còn đây nói Khắc–trị là giết chết kẻ giặc, thì phải một đao chặt làm hai đoạn. Ý nói: chặt một đao cho ngon, chẳng khá dung dị lỗi mình.

Những kẻ muốn trừ nhơn dục, các tư tưởng xấu, thì cũng phải làm như thế, mới mong sau nầy đặng thành công. Bằng mà tự trị không nghiêm tỉ như kẻ nông phu dẫy cỏ, mà không đào xới tới gốc rễ của nó, thì có ngày cỏ ấy sẽ mọc trở lại.

• Tồn–dưỡng: Tồn–dưỡng là hai chữ vốn chẳng lìa nhau. Nếu chẳng tồn, nghĩa là cầm giữ, thì mới dưỡng, nghĩa là nuôi nấng cái chi?

Sau khi khắc–trị các tư tưởng xấu, ta còn giữ lại những tư tưởng lành mạnh. Chúng ta phải nuôi nấng các tư tưởng đó và mỗi ngày làm cho nó phát triển thêm lên mãi. Thầy Châu–tử gọi công phu nầy là "Hàm dưỡng bổn nguyên", nghĩa là: hàm súc, tồn dưỡng cái tâm là chánh gốc của mình. Đời sau cuốn "Minh–Nho học án" giải đích xác công phu của Nho giáo như vầy:

Cái bổn thể của tâm vừa khởi động, vừa không khởi.Tuy là vọng niệm phát sanh, nhưng lương–tri luôn luôn tồn tại, im lặng. Chỉ tại người không biết tồn (cầm giữ), cho nên tâm có

lúc lại phóng tứ ra ngoài. Tuy tâm phóng tứ ra ngoài làm cho con người phải tối tăm, nhưng lương–tri bên trong chưa từng chẳng sáng suốt. Chỉ tại người không biết sát (xét đoán), cho nên có lúc nó bị sự mê lầm che khuất.

Tuy là tâm có lúc phóng tứ mà bổn thể của nó chưa từng không tồn tại, là nhờ ta biết tồn (cầm giữ) đó thôi. Tuy là tâm có lúc bị che khuất, mà bổn thể của nó chưa từng không sáng suốt, là nhờ ta biết sát (xét đoán) đó thôi.

Vì đó mà Nho giáo nói: "Tánh vô bất thiện", nghĩa là: cái tánh của ta không có chi chẳng lành, tức là: trong bổn thể không hề có mảy hào hung dữ. Bất kỳ người nào cũng đồng đều sẵn có cái tánh lành ấy cả. Chỉ vì cái tánh ấy bị vật dục che tối, cho nên cần phải tu học để gỡ cái màn che ấy mà thôi. Chớ trong bổn thể của lương tri, có gì phải thêm, phải bớt đâu!

Sách Tam–Tự dựa theo đây mà khởi đầu như vầy: "Nhơn chi sơ, tánh bổn thiện", nghĩa là: Ban sơ tánh người vốn lành. Nhiều người vội phê bình, không xét đoán kỹ càng, cho rằng: tánh con người đâu phải ai cũng lành mà nói như thế!

Phải: Tánh người đâu phải lành hết, nếu thiếu tu học. Nhưng đây không phải nói về tình hình hiện tại, mà chỉ nói về khi ban sơ, là lúc dĩ vãng mà thôi. Xin để ý tới chữ: vốn lành, chớ nào phải nói vẫn lành. Cũng xin đừng hiểu lầm: lúc ban sơ là lúc con người mới sanh ra còn trẻ nít. Chữ Ban sơ nầy nói về bổn thể, về cái tánh chất của con người từ thuở khai thiên lập địa, lúc bắt đầu mới có loài người kia lận mà!

Lúc ban sơ, tánh ta là một điểm linh quang, do Trời ban phú, nghĩa là: gốc từ nơi Trời mà sản xuất, tự nhiên phải trong sạch, sáng suốt. Vì Trời trong sạch, sáng suốt, có lẽ nào cho ta một cái tánh nhơ bợn, đen tối.

Nó có nhơ bợn, đen tối chăng, là từ khi tiếp xúc với cõi thế gian, bị ngoại cảnh ô nhiễm lần lần. Nếu ta không tìm học Đạo lo tu hành, để quay đầu trở về gốc cũ, thì ô nhiễm càng thêm ô nhiễm. Thế thì sao còn gọi được là tánh lành nữa?

Nho giáo nói: "Tồn tâm dưỡng tánh", nghĩa là: giữ cái tâm đừng để phóng tứ, dẹp trừ cái ô nhiễm, dưỡng cái tánh vốn lành nói đây, ngõ đem nó trở lại trong sạch, sáng suốt như ban sơ. Nho giáo, chủ về cải thiện đời sống của gia đình, của xã hội, nên tuy cũng luận tâm, mà nói về phần tư tưởng của con người nhiều hơn.

IV. NGHĨA ĐẠO–GIÁO

Mục đích cứu cánh của Đạo–giáo là: "Tu tâm luyện tánh", nghĩa là: Trau sửa cái tâm, trui rèn cái tánh.

Đạo giáo cũng nói về cái tâm, thì phân tích có phần rõ ràng hơn. Chữ tâm nầy chẳng phải chỉ những tư tưởng bị phát sanh, mà chánh nó là ngôi phát sanh ra các tư tưởng ấy, là chủ tể của thân thể, là cái hồn của con người.

Tư tưởng tỉ như cái đồng hồ, cái hồn tỉ như anh thợ làm đồng hồ. Trước phải có anh thợ làm đồng hồ, rồi sau mới có người làm ra cái đồng hồ. Cũng thế, trước phải có cái hồn, rồi sau mới nảy sinh ra tư tưởng. Thế thì cách luận chẳng phải căn cứ trên hiện tượng, mà nó đi sâu lần vào bổn thể, vào thiệt tướng một phần nào.

Nho–giáo chia ra, có tư tưởng xấu và tư tưởng tốt, thì Đạo giáo cũng chia ra có tâm động và tâm tịnh: Động là trược, tịnh là thanh. Bởi tâm động, nên sách Châu Dịch gọi cái tâm ấy là Du–hồn. Du nghĩa là: từ chỗ nầy trấy sang chỗ khác, lưu động hoài không ngừng nghỉ. Ta hãy nghe sách Châu–Dịch giải chữ hồn đây:

Hồn là một vật, hay rời rạc chẳng định, lìa cái nầy bắt cái kia, lìa cái kia bắt cái nọ, luân hồi không cùng, nhiều kiếp mà chẳng hư hoại. Còn phách do phần linh của khí huyết trong thân thể con người mà sanh, nên mất hay còn đều do thân thể. Thân nầy tan rã, thì phách cũng mất theo đó.

Hồn là một hột giống luân hồi đời đời kiếp kiếp: làm người, làm quỷ cũng là tự nó, làm Thánh làm Hiền cũng là tự nó, làm lành làm dữ cũng là tự nó, mang lông đội sừng cũng là tự nó. Thân nầy tuy chưa sanh, chớ nó đã có trước rồi. Còn khí tuy chưa tuyệt, chớ nó đã đi trước rồi.

Đương lúc đứa trẻ mới xé bọc chun đầu ra

khỏi lòng mẹ, khóc oa oa lên vài tiếng, thì hồn theo tiếng khóc đó mà nhập vô khiếu của đứa trẻ. Vừa nhập khiếu, hồn đã thọ hậu thiên mộc khí, và hiệp với tiên thiên nguơn tánh, thì cái giả dựa vào cái thiệt mà tồn tại. Cho nên đứa trẻ khi xổ lồng mà không có tiếng khóc, thì nó chẳng thành được con người, khó sống. Vì Du–hồn chưa nhập vào xác thân.

Tuy là có sẵn nguơn–tánh ở đó, chớ một mình nguơn–tánh không thể nào tồn tại được.

Đạo–giáo nói: "Tu tâm luyện tánh", tức là tu Du–hồn, nghĩa là đừng để nó đi dông, đi dài, vậy mới là có thể luyện nguơn–tánh được.

Kinh Huỳnh–đình nói rằng:

"Thuyết ngũ tạng các hữu phương,
Tâm vi quốc chủ ngũ tạng vương.
Ý trung động tịnh khí đắc hành,
Đạo tự trì ngã, thần quang–minh."

Nghĩa là:

Mỗi tạng đều có phương pháp riêng,
Tâm là quốc chủ, vua ngũ tạng.
Trong ý động, tịnh, khí mới chuyển,
Đạo "tự trì ngã", thần sáng suốt.

Đoạn nầy chỉ chỗ diệu dụng của phép: Cùng tâm. Cùng tâm nghĩa là: Học hỏi, tìm biết cái tâm cho tột nghĩa, cho ráo lý.

Phải biết: Trong ngũ tạng, mỗi tạng có một công năng khác nhau, không tạng nào giống với tạng nào. Tâm có phận sự lớn lao hơn hết, là vì nó làm đầu cả năm tạng. Tỉ như ông vua cai trị một quốc gia, làm đầu cả thiên hạ vậy. Tâm làm chủ hết trong thân thể, chẳng cần phải nói. Nhưng trong tâm lại có ý phân ra có động, có tịnh. Ý động thì khí hành, ý tịnh thì khí êm lặng. Cho nên khí hành hay êm lặng, đều do nơi ý động, tịnh mà ra cả.

Đạo là lý ở trong chỗ ý động tịnh đó. Cho nên nói: "Đạo tự trì ngã, thần quang minh."

Chữ tự nghĩa là ngã (ta). Đây nói tự trì ngã, có phải là ta trì ta không? Trì có nghĩa là: nắm quyền hành trong tay, hay sai sử điều khiển. Động cũng không phải tâm, tịnh cũng không phải ý. Sự động tịnh ấy tự nơi ta chủ trì, nghĩa là làm chủ.

Ta kềm chế, sai sử, chẳng phải là khi nó phát sanh, mà phải sai sử kềm chế trước lúc nó phát, mới là phải: tâm trì tâm, chớ không phải tặc trì tâm.

Nếu ta giữ vững cái tâm như vậy, thì cái ý động tịnh đều là ta với ta, không có ai lọt vào đó mà phá rối ta được. Làm như thế, Nguơn–thần hay là Chơn–tâm mới từ trong phát hiện, đã rõ mà sáng, chẳng hề mê muội.

Nếu ta tự trì không nổi thì tâm ta chẳng rõ chẳng sáng. Nguơn–thần không phát hiện ra thì Đạo do đâu sanh? Nguơn–thần là ý ở trong tâm, ở giữa khoảng chẳng động chẳng tịnh, đương lúc hoạt bát, là gốc của Đạo.

Tự trì cái tâm như thế gọi là "Tu tâm". Rồi tự nhiên trong tâm mới có Nguơn–thần phát hiện, Nguơn–tánh sáng suốt, thì gọi là "Luyện tánh".

Luận về chi tiết, thì Nho–giáo và Đạo–giáo có chỗ khác nhau. Nhưng luận về căn bổn, thì hai bên vẫn có một mục đích mà thôi. Lời nói tuy có khác, mà công phu tu tập cũng đều chú về tâm tánh cả.

V. NGHĨA PHẬT–GIÁO

Mục đích cứu cánh của Phật–giáo là: "Minh tâm kiến tánh", nghĩa là: làm cho sáng cái tâm, thì sẽ thấy rõ cái tánh.

Cho nên Ngài Đạt–Ma tổ sư là vị khai sáng phái Thiền–tông của Phật–giáo ở miền Đông–độ, có nói rằng: "Phái ta không phải dạy dông dài, cứ chỉ ngay cái tâm của con người; hễ ai thấy được tánh ở trong tâm thì thành Phật" (Trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật).

Nhưng phải biết: Phái Phật chia cái tâm ra nhiều loại mà luận rộng lắm, từ cái bực thấp là cái tâm thịt, cho tới bực tối cao là cái tâm Chơn thiệt, ở vào khoảng giữa, không biết bao nhiêu cái tâm mà kể. Rộng lắm là trên 600 thứ Tâm, rộng vừa vừa là 100 thứ; còn hẹp lại là 4 thứ tâm. Đây nói nhiều thứ tâm, kỳ thiệt đó chỉ là các đức tánh của tâm mà thôi.

Sau nầy tôi xin kể sơ lược bốn thứ Tâm:

Tâm Nhục–đoàn (tâm thịt), Tâm Duyên–lự, Tâm tập–khởi, Tâm Chơn–thiệt.

• Tâm Nhục–đoàn: Tức là tâm thịt vận huyết, như trên đã giải rồi.

• Tâm Duyên–lự: Tức là cái tâm lo nghĩ, vì duyên với các cảnh ở ngoài.

Lo nghĩ không phải tự nó không không mà phát hiện. Như con mắt đối với sắc tướng, mới có cảm giác những màu mè tốt xấu, rồi cái tâm mới dựa theo cảm giác đó mà lo nghĩ, chọn lựa. Lỗ tai đối với tiếng tăm mới có cảm giác lời người ta nói ra thuận hay nghịch rồi cái tâm mới dựa theo cảm giác đó mà lo nghĩ, phiền muộn hay vui vẻ. Nói về miệng mũi, tay chơn, thì cũng thế.

Vậy thì cái tâm Duyên–lự không phải là thiệt có, chỉ do cái cảnh tiền trần cảm xúc mà phát sanh. Một khi tiền trần kia không còn nữa, thì cái tâm ấy cũng mất luôn.

Thế thì nó chỉ là cái bóng dáng của tiền trần hiện trong cái tâm đó thôi.

• Tâm tập–khởi: Đây là chỉ cái tâm A–lại–da dồn chứa hột giống nơi trong, để sau nầy phát hiện hành các pháp ra ngoài.

Hột giống nói đây là hột giống vô hình, do sự tập quán mà có. Nhưng nó nảy nở phát sanh như hột giống hữu hình kia vậy.

Mỗi tư tưởng, mỗi việc làm bằng miệng hay là tay chơn đều có gieo giống trong cái tâm ta cả. Nếu sau nầy, ta còn tư tưởng và làm các việc làm đó nữa, thì hột giống càng thêm mạnh mẽ. Bởi cớ đó, ta thường làm một việc chi, thì việc ấy lâu ngày càng thấy dễ dàng mãi.

Cái tánh nầy cũng chẳng phải là tánh tự nhiên sẵn có. Nó nhờ thói quen, làm một việc chi nhiều lần mà thành, chớ kỳ thiệt không có thiệt thể. Nếu ta không làm các việc cũ đó nữa, thì lần lần nó cũng tiêu mòn, mất dạng.

• Tâm Chơn–thiệt: Đức Phật nói: "Các thứ tâm nói trước, tuy tồn tại một thời gian mà rồi cũng mất tích, chớ không phải luôn luôn tồn tại, vì các thứ tâm đó thuộc về sắc tướng, không đặng bền bỉ, nên gọi là huyễn–hóa." Huyễn–hóa nghĩa là: sanh diệt, vô thường.

Người tu hành cần phải tìm biết cái tâm Bổn–thể mà tu, mới mong chứng được quả vị cao siêu. Cái tâm Chơn–thiệt nầy bất sanh bất diệt, nên cũng gọi là thường–trụ Chơn–tâm. Lại cũng có nhiều tên khác nữa, là tâm: Chơn như, Bồ–đề, Viên–giác, Tánh–giác Diệu–minh, Bổn–giác minh diệu, Tự–tánh, Bổn–tánh, Như–lai tạng, Bạch–tịnh thức, A–đà–na thức, Viên–thành thật tánh.

Cái tâm Bổn–thể nầy, trong các kinh sách ít hay nói đến, hoặc là có nói, mà lời nói rải rác nhiều chỗ, không thống hệ rành rẽ, nên rất khó hiểu. Nay tôi xin bày giải vắn tắt sở kiến của tôi, gọi là giúp ích phần nào cho các bạn tu hành. Mỗi người còn cần phải gia công nghiên–cứu kỹ–lưỡng cái tâm Bổn– thể nói đây.

B. LUẬN VỀ BỔN THỂ CỦA TÂM CHƠN THIỆT

I. TỔNG LUẬN

Trước hết, xin đừng lộn nghĩa chữ bổn thể với chữ thân thể. Hai chữ "thể" nầy khác nhau như một trời, một vực. Chánh là chỗ nên nói: "Sai một li, đi một dặm". Nghĩa là: Nếu ta hiểu sai một tí ti, là hiểu sai bét, trật lất.

Chữ thân thể như thân mình, tay chơn của ta đây, là vật chất (matière) có hình tướng, rờ được, nắm được. Vật–chất choán mất một phần không gian, hoặc lớn hoặc nhỏ, làm trở ngại cho các sự lưu thông. Lại hữu hình tắc hoại, nghĩa là: Sau một thời gian các vật chất đều phải hư hoại, mục nát, chớ không đặng vĩnh viễn.

Còn chữ Bổn–thể thuộc về tánh–chất, về tinh–thần (esprit) là nguồn cội sanh ra các thứ vật chất. Bổn thể không có hình tướng, cho nên đời đời tồn tại, không chịu ảnh hưởng của thời gian và không gian. Cho nên Đức Phật mới gọi là: "Kim–cang bất hoại thân."

Vì cớ đó, ai đọc kinh sách của Tam–giáo là Phật, Thánh, Tiên, khi gặp chữ tâm, chữ thân thì phải cẩn thận tìm nghĩa chơn chánh của nó. Đừng lầm tưởng đâu cũng lấy nghĩa thân là thân thể, tâm là tâm thịt. Thành thử

chữ tâm và chữ thân nói đây cũng đồng có một nghĩa mà thôi, đều là chỉ cái Bổn thể, cái Chơn–tâm cả.

Kế đây, xin phân biệt rõ ràng chữ thể và chữ dụng, hoặc nói tiếng đôi: bổn thể và công dụng. Nghĩa Bổn thể đã giải thích rồi, sau đây là tới nghĩa công dụng. Chữ công là hiệu quả, dụng là hữu dụng. Công dụng nghĩa là: Hiệu quả hữu dụng.

Trước đã xét về Bổn thể, thì Bổn thể vô hình, vô tướng, dòm không thấy, lóng không nghe, cho nên trí phàm khó bề xét thấu (incognocible). Đã xét không thấu, thì nói ra sao được, nên gọi là bất khả tư nghì (ineffable). Có kẻ nói: "Cái chi không xét thấu, không nói được, thì gác nó qua một bên, còn đem luận chi cho dông dài, vô ích."

Trả lời: Nói như vậy là đúng, tôi xin biểu đồng tình. Nhưng cái Bổn thể nói đây, tuy là vô hình, mà phát sanh ra nhiều công dụng ta có thể thấy biết được. Nếu ta xét các công dụng, mà phăng ngược về Bổn thể, thì ta cũng có thể biết được phần nào. Ấy là ta dùng cách suy lý để tìm hiểu. Đó cũng là một phương pháp rất khoa học, chớ chẳng phải đợi mắt thấy tai nghe, mới gọi là mình biết.

Tỉ như cái đèn phát ra ánh sáng, bốn bề xung quanh ta. Có khi cái đèn ở sau ót ta, ta không thấy được nó, mà ta thấy có ánh sáng xung quanh mình, thì chẳng cần đợi thấy cái đèn, ta cũng có thể đoán: Có một cái đèn, hay là một cái chi, cũng tựa như cái đèn, ở gần đâu đây, phát ra ánh sáng như vậy.

Cái tâm Bổn thể của ta cũng thế. Tuy ta không thấy hình dạng của nó, mà hằng ngày nó phát ra nhiều công dụng rõ rệt. Tỉ như nó có tình ưa ghét, phát sanh ra thất tình, lục dục, thì đối với người khác, ta không biết chắc gốc nó ở đâu sanh ra. Chớ xét lại trong thân thể ta, thì ta thấy trong lòng ta có cái chi nó nhao nhao lên, nó rộn rịp không yên. Đó không phải là một cái bằng cớ rằng ta có tâm sao?

Huống chi chúng ta còn có những bực sáng suốt, nhờ tú khí của Trời đất un đúc, như các bực giáo chủ trong Tam giáo, đã bày giãi cho ta biết rằng: Cái tâm ấy rất linh diệu, làm phàm, làm thánh, làm thú, làm chim, chi chi cũng là tự nó cả (Phi mao tùng thử đắc, Tác phật giả do tha). Thế thì cái tâm ấy rất quan hệ với đời sống của ta, ta không tìm biết cái tâm ấy sao được?

II. BIỆT LUẬN

Bây giờ tôi xin nói về cái tâm Chơn–như, cái tâm Bổn–thể. Nhưng cái tâm nầy không có tướng, khó mà nói ra được. Đây tôi xin dẫn các lời dạy mà tôi đặng biết trong các kinh sách của Tam–giáo thuộc về vấn đề nầy.

• Nho giáo gọi cái tâm Bổn thể là: Tánh–lý, Lương tri, Lương năng, Thiên mạng chi tánh, v.v. Tuy biết rằng cái tâm nầy gốc ở Trời, nhưng học giả chỉ luận về công dụng, chớ chưa nói đích xác về Bổn thể.

• Đạo giáo gọi cái tâm Bổn–thể là: Đạo–tâm, Thiên–tâm, Huệ–mạng, Linh–quang hay là Kim–quang, v.v., có dẫn giải trong bài Kim quang thần chú, mà người đạo Minh–Lý đọc hằng ngày.

"Gốc mầu nhiệm trời đất ➲ Đây là nói về sự mầu nhiệm sanh hóa của Kim–quang

Muôn khí do đây sinh

(…)

Dòm thì không thấy tướng

Lóng lại bặt âm thanh ➲ Đây là nói về vô hình tướng của nó trải khắp,

Bao quát trọn trời đất ➲ nuôi hết.

Dưỡng nuôi hết chúng sinh

(…)

Ba giới đều phò trợ ➲ Đây là nói về sự oai linh, mà ai ai cũng cung kỉnh,

Năm vua phải tiếp nghinh

(…)

Muôn thần đồng lễ kỉnh ➲ nép sợ

Sử khiến các lôi đình"

(…)

Lại có bài thơ của Thiệu–Nghiêu–phu như vầy:

Đông–chí Tý chi bán,

Thiên–tâm vô cải di.

Nhứt dương sơ động xứ,

Vạn vật vị sanh thì.

Nghĩa Nôm:

Đông–chí nửa giờ Tý,
Thiên tâm mấy thuở dời.
Một dương vừa máy động,
Muôn vật lúc chưa sanh.

Trong mười hai địa chi, Tý là ngôi đầu. Luận về năm, sau tháng Tuất, Hợi là lúc tính sang tiết Đông–chí là một hào dương khí động sanh, là lúc tháng Tý. Thiên tâm chắc chắn ở tại đây, tuy chưa thấy lộ hình dáng của muôn vật, mà cái tâm ấy chánh là nguồn gốc sanh ra muôn vật đó.

Cái Thiên–tâm không có hình tướng yên lặng như tờ, thì chưa sanh ra cái chi được. Đến khi trong đó, có một hào dương khí động, thì nó mới phát sanh ra muôn vật.

Nói một cách khác, Đạo giáo nhận rằng:

1. Thiên tâm trước kia là nhứt khí hồn nhiên, gồm cả âm dương lộn lạo, gọi là Vô–cực.

2. Đến khi, một hào dương động sanh thì gọi là Thái–cực. Dương khí động rứt ra đứng riêng, thì tự nhiên phần còn lại là âm khí, nên gọi là Thái cực sanh lưỡng nghi. Lưỡng nghi tức là âm dương vậy.

3. Hai khí âm dương đã rời nhau, chừng tái hiệp lại kích thích lẫn nhau, mới thành một cái thể thứ ba, tức là khí xung–hòa, gọi là Hoàng–cực. Ngôi nầy là tổ khiếu phát sanh ra muôn vật.

Cho nên mới có bài thơ:

Đạo tự hư vô sanh nhứt khí,
Tiện tùng nhứt khí sản âm dương.
Âm dương tái hiệp thành tam thể,
Tam thể trùng sanh vạn vật trương.

Các đạo–hữu nghe các lời vừa dẫn giải đó, thì biết cái tâm nơi đây chẳng phải là tâm thường đâu!

• Phật giáo: Cách luận về cái tâm Bổn–thể của Phật giáo rất khúc chiết khó hiểu. Cho nên có nhiều người không chịu xét kỹ, hay vội phán đoán, thì không sao tránh khỏi chỗ lầm lạc.

Kinh Lăng–Nghiêm nói: *"Tâm Như–Lai tạng bỗng nhiên sanh ra sông núi, địa lục, các tướng hữu vi."*

Đại thừa Khởi Tín Luận nói: *"Tâm chơn–như tức là nhứt pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể, nghĩa là: Tâm chơn–như là gốc sanh hết thảy các hình tướng trong toàn cõi vũ–trụ."*

Tóm hết ý tứ trong kinh điển nhà Phật, thì "vạn pháp vô thể thử kỳ thể. Vạn pháp hề tự, thử kỳ tự". Nghĩa là: Muôn pháp không có gốc sanh, gốc sanh là nó đó (chỉ cái tâm Bổn–thể). Muôn pháp từ đâu sản xuất, sản xuất từ chỗ đó (cũng chỉ cái tâm Bổn–thể).

Nhưng Bổn–thể của Phật–giáo không có hình tướng, khác xa với Bổn thể của các khoa Triết–học, các phái ngoại đạo đề xướng. Bởi vì môn Triết học và ngoại đạo dầu có luận cao siêu cho mấy, cũng là Tục–đế, còn nằm trong vòng hữu hình. Phật giáo không nhìn nhận cái Bổn thể hữu hình đó, để phá cái chấp sai lầm kia nên bớt đi, chớ chẳng phải nói hẳn là không có Bổn–thể.

Bách Luận có nói: *"Nhứt thiết pháp tuy tự tánh không, dẫn vi tà tưởng phân biệt cố phược, vị phá thị điên đảo cố ngôn phá, thật vô sở phá."* Nghĩa là: Hết thảy các pháp tuy tự tánh là trống không nhưng vì chúng sanh đâm ra tư tưởng sai lầm, nên bị các tư tưởng trói buộc. Đây nói phá là phá chỗ đảo điên sai lầm kia chớ thiệt là không có gì phá cả.

Ví dụ có người quây tít một cây nhang đương cháy, thì ai cũng thấy một cái vòng tròn lửa đỏ. Tuy ai cũng thấy cái vòng tròn lửa đỏ, mà kẻ trí giả cho cái vòng tròn đó không phải thiệt có. Rồi có kẻ hiểu lầm cho là không có chi ráo, không không, thiệt là lầm lạc biết mấy!

Thế tục hay chấp có, Phật nói không phải có. Hành giả hay chấp không, Phật nói không phải không. Đó là chỉ bắt chỗ sai lầm, chớ không phải nói không có gì ráo. Nếu ai nhận không có gì ráo, thì kinh gọi là: "Vi ác thủ không", nghĩa là: chấp không là ác, là tội lỗi.

KẾT LUẬN

Tu hành giải thoát là phải tìm cách khế hiệp với Bổn thể.

Để nêu cái tông chỉ vừa nói trên đó cho thiên hạ đặng biết, tôi có viết một đôi liễn gắn nơi cửa ngõ chùa Tam–Tông–Miếu như vầy:

Sắc tiền bất sắc, tâm phương tịch,

Không lý phi không, tánh thỉ tinh.

Đó là nói ngay vào cái tâm Bổn–thể của chúng sanh là bất sắc (tức là không) và phi không (tức là có), mà xin đừng chấp có, chấp không theo thế tục, mới là mong vào con đường trung đạo để hiệp với tâm Bổn–thể của Trời–đất.

Tam giáo đồng nguyên nghĩa là: cũng đồng dựa vào một cái gốc lớn nầy. Tam giáo in nhau cũng là giống nhau ở một chỗ đó.

Trước khi dứt bài giảng hôm nay, tôi xin thay mặt cho Bình–nghị–Thất, mà cầu nguyện Thượng–đế và Tam–giáo Tổ–sư ban ơn lành cho chư quý Ông chư quý Bà và các đạo hữu Nam Nữ.

Rất Lòng Thành Tín.■

Suy ngẫm về NHẤT NGUYỆN ĐẠI ĐẠO HOẰNG KHAI

(TIẾP THEO TRANG 9)

đủ, mà phải làm cho cơ đạo được thống nhất tinh thần, thông suốt mọi dân tộc, mọi lý thuyết và mọi hoàn cảnh."[3]

Từ giá trị nhân bản, con người sẽ có niềm tin mặc nhiên mang lấy Thượng Đế tính: Người với Trời đồng nhất nơi bản thể sâu thẳm của tâm hồn.

Người đạo Cao Đài phải có ý thức sứ mạng thật sáng tỏ. Theo đuổi mục đích "Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát" dưới tôn chỉ "Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục nhất", không phải để hoài cổ hay ca tụng các tôn giáo xưa và mơ ước hão huyền về một thiên đàng tại thế, mà phải chứng minh được khả năng xây dựng thế giới hòa bình, an lạc của con người tiến bộ toàn diện cả hai mặt nhân sinh (social life) và tâm linh (spiritual life).[4]

Ba trọng điểm nêu trên thuộc phần **NHÂN**, là những điều kiện thi hành sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ, nhờ đó tiếp nhận được nguồn năng lực phần **THIÊN**, lập thành thế **THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT** đặc biệt của Cơ Cứu Độ Kỳ Ba.

Tóm lại, theo thiển ý, tu chứng, ý thức hệ Nhân bản, ý thức sứ mạng, là thế chân vạc cộng với ân sủng thiêng liêng sẽ đem lại thực lực Hoằng Khai Đại Đạo, cứu độ vạn linh.

Sau cùng, có thể nói: để có chiếc chìa khóa "Hoằng khai Đại Đạo", Cao Đài tôn giáo phải vượt lên tầm mức Cao Đài Đại Đạo và con người Cao Đài phải vươn tới Con Người Đại Đạo.[5]■

---

3. Thánh giáo Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hợi thời, 19–02 Bính Dần (28–3–1986): "Phổ thông giáo lý không phải hiểu đơn thuần làm cho mọi người hiểu đạo là đủ, mà phải làm cho cơ đạo được thống nhất tinh thần, thông suốt mọi dân tộc, mọi lý thuyết và mọi hoàn cảnh."

4. Thánh giáo Đức Trần Hưng Đạo, Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 10–4 Ất Tỵ (10–5–1965):
"Phục hưng tinh thần truyền thống cổ truyền của dân tộc dính liền với sự phục hưng văn minh nhân loại, để xây dựng một ngươn hội thái bình vĩnh cửu cho muôn người, tạo lập một Thiên đàng cực lạc tại thế…"

5. Thánh giáo Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–4 Canh Thân (28–5–1980): "Quá khứ, hiện tại, vị lai, dòng sông muôn ngõ rồi cũng quy về biển cả. Sứ mạng Thiên ân của con người Đại Đạo là biển cả, là bản thể vô biên. Ai chưa ở vào chủ vị đó là chưa đạt đến sứ mạng cứu độ kỳ ba trong quyền pháp đạo."

NGƯỜI TÂN TÍN ĐỒ CẦN Ý THỨC VỀ VIỆC ăn Chay

■ HUỆ NHẪN

Người đạo chúng ta ai cũng biết việc ăn chay đã có từ xa xưa, ở Việt Nam, ăn chay được Phật Giáo truyền sang.

Trước hết, chúng ta hãy nghe ý kiến chính thức của những vị có trách nhiệm cao trong Phật Giáo Việt Nam viết về vấn đề ăn chay; ở đây chúng tôi xin trích ý kiến của Hòa thượng Thích Minh Châu (nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học, nguyên Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam), Hòa thượng viết:

"Quý vị đều biết rõ là trong thời Đức Phật tại thế, Đức Phật không có yêu cầu tu sĩ không được ăn thịt, cá. Thí chủ cúng dường gì thì ăn nấy, dù là thịt, cá, trứng đều có thể dùng không phân biệt. Hiện nay ở các nước Phật Giáo Nam Tông như Campuchia, Lào, Thái Lan, Srilanca… tăng sĩ vẫn theo truyền thống đó của đạo Phật. (…) Trái lại ở các nước theo Phật Giáo Bắc Tông như Việt Nam, Trung Quốc có một số lớn tăng sĩ ăn trường trai. Ở các xứ như Tây Tạng, Mông Cổ tuy là theo Phật Giáo Bắc Tông nhưng tăng sĩ ở đây ăn mặn. Một bộ phận lớn tăng sĩ Nhật Bản, Triều Tiên cũng ăn mặn (…).

Đạo Phật đề ra thuyết thịt trong sạch. Thịt có thể ăn được nếu mình không chứng kiến, không nghe biết con vật bị giết thịt, cũng biết rõ con vật đã không bị giết thịt để cho mình ăn. Thịt như vậy gọi là thịt trong sạch và có thể ăn được."

Theo Hòa thượng, vấn đề không phải ăn chay hay ăn mặn mà phải ngăn chặn lòng tham và tu tập cho được tâm trạng từ bi. Hòa thượng viết tiếp:

"Mặc dù quý vị không ăn chay trường, chỉ ăn chay trong những ngày nhất định, nhưng quý vị hãy bồi dưỡng cho mình và con cháu mình lòng yêu thương đối với loài vật. (…) Quý vị hãy học cho được, tu tập cho được tâm trạng từ bi, mà trong kinh Từ Bi, Đức Phật đề cao như là tâm trạng tốt nhất trong cõi thế này. Với tâm trạng ấy được duy trì và bồi dưỡng trong mỗi giây phút của đời sống quý vị, thì có thể đảm bảo chắc chắn hạnh phúc đời này và đời sau sẽ đến với quý vị."

Nghe qua quan điểm của Phật Giáo về vấn đề ăn chay, ăn mặn như vậy có thể có một số vị sẽ ngạc nhiên, nhưng chúng ta không nên bình luận, vì dù mục đích tối thượng có giống nhau, mỗi tôn giáo đều có nguồn giáo lý, giáo pháp khác nhau.

Sở dĩ chúng tôi nêu quan điểm của Phật Giáo ở đây chỉ nhằm mục đích lưu ý các vị tân tín đồ. Có khi trong nhà các vị có người theo đạo Phật, có khi vì lòng nhiệt tâm tìm hiểu chúng ta cũng mượn sách vở, báo chí, băng dĩa của tôn giáo bạn về tham khảo thêm, chúng ta cần nhớ giáo lý các tôn giáo có chỗ giống và có chỗ khác nhau. Và vấn đề ăn chay là chỗ khác nhau này đây:

• Ngay từ thuở mới Khai Minh Đại Đạo (1926), Đức Chí Tôn đã duyệt và ban hành bộ Tân Luật. Nơi phần Đạo Pháp, chương II, điều thứ 12 ghi rõ:

"Nhập môn rồi gọi là tín đồ. Trong hàng tín đồ có 2 bậc:

– Một bậc còn ở thế, có vợ chồng làm ăn như người thường, song buộc phải giữ trai kỳ sáu hoặc mười ngày trong tháng, phải giữ Ngũ Giới Cấm và tuân theo Thế Luật của Đại Đạo truyền bá, bực này gọi là người giữ đạo mà thôi, vào Hạ phẩm Hạ thừa.

– Một bậc đã giữ trường trai, luyện đạo và Tứ Đại Điều Quy, gọi là phẩm Thượng thừa.

Điều thứ mười ba:

Trong hàng Hạ thừa, ai giữ trai kỳ từ mười ngày sắp lên được thọ truyền Bửu pháp, vào tịnh thất và có người hướng dẫn luyện Đạo.

Điều thứ mười bốn:

Chức sắc cai trị trong Đạo từ bậc Giáo Hữu sắp lên phải chọn người trong bậc Thượng thừa mà thôi."

Con đường tu tiến của người tín đồ Cao Đài, theo Tân Luật, là đi từ Hạ thừa lên Thượng thừa, theo hệ thống Tam thừa Cửu phẩm. Bên cạnh phần giáo lý, đạo pháp và sự thăng tiến các phẩm chức sắc, việc ăn chay là một điều kiện bắt buộc trong quá trình tu tiến ấy.

Trong kinh Tam Thừa Chơn Giáo, bài Trai Minh Cơ Pháp, Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu dạy, có đoạn:

"Con tu học vàng thau phân chất,
Há màng chi xác vật nằm trơ!
Lạt chay giữ dạ thô sơ,
Mà lòng nhân nghĩa đón chờ dân sanh.
Đây, mặt luật ban hành sáng tỏ,
Pháp môn truyền kim cổ không sai;
Nuôi hồn phải thọ minh trai,
Tùy căn duyên tiếp trong ngày nguyệt đương.
Cao Đài Giáo để chương sang tập,
Dạy các con từ thấp lên cao;
"Lục trai" sơ độ bước vào,
Từ nay con chớ lãng xao tấc lòng.
Rồi "thập trai" mới mong trực tiếp,
Trước cửa trời chuyển hiệp chánh tông;
"Thập lục" hành Đạo lập công,
"Trường trai", "giới sát"[1] vào dòng điểm đơn.
Tu mà chẳng thu hoàn thánh thiện,
Chẳng ăn chay, chẳng luyện cái tâm;
Khác nào kẻ bói đi thầm,
Đường ngay chẳng cứ, thẳng ầm vực sâu."

Khởi đầu từ ăn chay sáu ngày khi mới bước chân vào đạo, Tân Luật gọi là "Hạ phẩm Hạ thừa", tiếp đến, con đường tu tiến tất yếu là ăn chay 10 ngày để được thọ truyền Bửu pháp. Đó là những bước đầu tiên của con đường "Tự độ – độ tha" của người tín đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đã vào phẩm Hạ thừa, quý vị tân tín đồ không nên ngưng lại ở đây rất là uổng phí, con đường Tam thừa Cửu phẩm phía trước sẽ không quá khó khăn và luôn rộng mở, chỉ cần chúng ta cố gắng thêm một chút, trước nhất là ăn chay lên 10 ngày để học pháp môn. Ơn Trên gọi là Bửu pháp. Bước vào đường tu huệ.[2]

---

1. Có lẽ là Giới sắc, vì Giới sát trong Ngũ Giới Cấm, cho hàng tín đồ.

2. Vào buổi đầu Khai Đạo, việc truyền Bửu pháp được Thầy phó giao cho Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt qua lời dạy ngày 17–7–1926 tại Ngọc Đàn Vĩnh Nguyên Tự, như sau: "Ngọc Đầu Sư khả tu truyền pháp, thuyết đạo. Kẻ nào trai giới đặng mười ngày đổ lên thọ Bửu pháp đặng. Chư môn đệ phải trai giới (…)." "Phải trường trai mới đặng linh hồn tinh tấn."
Ngài Ngọc Đầu Sư về sau (30–6 Đinh Tỵ 1977) giáng đàn tại Vĩnh Nguyên Tự có nhắc lại: "Ngày xưa tầm đạo thiên lao vạn khổ, nay gặp thời kỳ Đại Ân Xá, Tiên huynh không khỏi ngạc nhiên khi được lệnh Đức Chí Tôn phải truyền Đạo cho những tín đồ thập trai. Sau khi đã rõ lý do, Tiên huynh trọn vâng Thiên ý, song Cựu pháp, Tân pháp có khác nhau ở điểm tùy căn trí, tùy nhân duyên, tùy trình độ để ứng dụng đạo pháp mà truyền đạo."

Việc học pháp môn, dù là bước đầu, sẽ giúp ích cho sự thăng tiến về phần linh hồn, linh hồn thăng tiến sẽ quay lại hỗ trợ đường tu hành mọi mặt. Người tu sẽ tự mình khuyến khích mình tiến dần lên bậc Trung thừa rồi Thượng thừa. Khi ấy, việc tu hành xuất phát từ tâm trung người tín đồ, việc tu tiến sẽ không gặp chướng ngại dù gặp phải khảo thuận hay khảo nghịch.

Có một điều kiện đòi hỏi, hầu như căn bản, với người tu theo đạo Cao Đài là phải định hướng tu tiến, mà muốn tu tiến cần trường trai. Thầy dạy (ghi trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển):

"Phải trường trai mới đặng linh hồn tinh tấn."

Thầy giảng nghĩa:

"Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân. Một phàm gọi là corporal (nghĩa đen là hữu hình, là thể xác – HN). Còn một thiêng liêng gọi là spirituel (nghĩa đen là tinh thần – HN). Mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra nên gọi là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng.

Cái xác vô hình huyền diệu Thiêng liêng ấy do nơi Tinh Khí Thần mà luyện thành (…)

Nó phải có bổn nguyên chơn Thánh, chí Tiên, chí Phật mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng. Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất Chơn Thần tinh khiết. Nếu như các con còn ăn mặn luyện Đạo rủi có ấn chứng thì làm sao mà giải tán cho đặng?

Như rủi bị huờn thì đến khi đắc Đạo, cái trược khí ấy vẫn còn, mà trược khí thì lại là vật chất tiếp điển, thì chưa ra khỏi lằn không khí đã bị sét đánh tiêu diệt. Còn như biết khôn thì ẩn núp tại thế mà làm một bậc Nhân Tiên thì kiếp đọa trần vẫn còn chưa mãn.

Vì vậy, Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện đạo."

Đọc lời Thánh huấn trên, chúng ta lưu ý ngay đến chữ "rủi". Người hành pháp, luyện đạo đều cầu mong đạt được ấn chứng, huờn đơn… thì trong trường hợp này lại bị rủi, rủi là không may mắn, bị xui xẻo. Đó là vì vừa muốn đắc đạo mà lại chưa muốn bỏ sự hưởng thụ ở đời, không chấp hành Tân Luật. Người luyện đạo bên nhánh Chiếu Minh Tam Thanh cũng đã được Đức Chí Tôn giải thích tương tự vấn đề này, Thánh giáo ngày 18–9–1936 (03–8 Bính Tý) (trang 14 Đại Thừa Chơn Giáo) có đoạn như sau:

"Pháp đạo của Tâm truyền cũng dùng âm dương tạo thành Phật Tử. Hoa quả, thảo mộc hấp thụ khí âm dương trời đất mà sống mãi nên người tu hành phải cần ăn thảo mộc cho có khí chất nhẹ nhàng; chớ nên ăn mặn, bị cơ ngẫu hậu thiên do ở khí chất nặng nề trọng trược hóa sanh ra, thì người tu hành dùng nó ắt luyện đạo bị âm khí hậu thiên mà Chơn Thần mờ ám, không xuất ra khỏi xác thân. Các đệ tử khá biết à!" (Đại Thừa Chơn Giáo, tr.16).

Về mặt lịch sử, chúng ta đều biết rằng đạo Cao Đài được Đức Thượng Đế khai mở xuống thế gian qua 2 nguồn đạo mạch: Nội giáo Tâm truyền (Ngài Ngô Minh Chiêu dẫn đầu) và Ngoại giáo Công truyền (đầu tiên là quý ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang). Ở cả hai nguồn đạo mạch này, ngay từ những ngày đầu độ dẫn, Đức Chí Tôn đều buộc phải ăn chay, cụ thể:

1. Nguồn Nội giáo Tâm truyền, ngày mồng một Tết Tân Dậu (1921), Đức Chí Tôn dạy Ngài Ngô Minh Chiêu (lúc ấy đang làm Chủ quận Phú Quốc):

"Chiêu, tam niên trường trai"

Đây là lời dạy trực tiếp đầu tiên, trong ngày đầu tiên Đức Cao Đài nhận người đệ tử đầu tiên trong Tam Kỳ Phổ Độ. Lời dạy đó là ăn chay trường.

2. Qua nguồn Ngoại giáo Công truyền. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, ngay sau Thánh giáo đầu tiên Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế xưng hồng danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương; là bài Thánh giáo dạy về Thủ cơ chấp bút (là nhiệm vụ lúc ấy của nhị vị Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc), Thánh giáo có đoạn:

"(…) Phải có một chơn linh tinh tấn mới mầu nhiệm, huyền diệu. Phải trường trai mới đặng

linh hồn tinh tấn. Phải tập tành chí Thánh, Tiên, Phật mới phò cơ dạy đạo cả chúng sanh."

Như vậy, việc ăn chay của người tín đồ Đạo Cao Đài là có quy định bắt buộc rõ ràng trong Tân Luật và được Ơn Trên dạy kỹ qua nhiều Thánh giáo. Người tín hữu Cao Đài không thể muốn hay không muốn ăn chay cũng được, mà xin nhắc lại đó là điều buộc phải tuân theo. Đạo Cao Đài cũng không hề có quy định thịt nào là thịt trong sạch, thịt nào được ăn và thịt nào không được ăn. Đạo Cao Đài không hề có quy định thịt loài máu nóng khác thịt loài máu lạnh; cũng không có quy định ăn chay là ăn một buổi trong ngày hay chỉ ăn vào buổi tối. Ăn chay theo Đạo Cao Đài đơn giản chỉ là không được ăn thịt, ăn trứng của tất cả các loài thượng cầm hạ thú.

Ý nghĩa của việc ăn chay ở đạo Cao Đài cũng rõ ràng như vậy. Đó là ăn chay để trực tiếp phục vụ cho sự tu tiến của chính bản thân người tín đồ. Nói một cách đầy đủ hơn, con đường tu của tín đồ Cao Đài theo đúng Tam thừa, Cửu phẩm.

Người tín đồ mới vào đạo ăn chay 6 ngày, cùng các điều kiện khác theo Tân luật là bước vào phẩm đầu tiên: Hạ Hạ thừa Cửu Trùng Đài, phẩm Địa Thần trong Cửu Phẩm Thần Tiên. Từng bước tu tiến dần lên, vào Hội Thánh thọ phẩm Giáo Hữu từ Hạ Trung thừa, đối phẩm Địa Thánh. Đến phẩm này, theo Tân luật, phải ăn chay trường mới xứng vị.

Hàng Thượng thừa trong Đạo, trong cả hai nhánh:

- Nhánh Công truyền: từ phẩm Đầu Sư, Chưởng Pháp lên đến phẩm Giáo Tông.
- Nhánh Tâm Truyền: tu ly gia cắt ái theo phái Chiếu Minh.

Cả hai đều buộc phải trường trai, hành một số pháp môn cần thiết và có tâm chuyên nhứt trong việc tu hành, vì rằng, tu đến mức này đã phải tự mình chắc chắn rằng mình đã tự độ được mình rồi, đến khi thoát xác được vào tháp và không cúng cửu.

Ăn chay là một pháp môn trong Tân pháp Cao Đài giúp người tu "tẩy trược lưu thanh" thân mình, và cả tâm mình. Như Thầy dạy:

"Có một thân phàm tinh khiết mới xuất được Chơn Thần tinh khiết."

Điều cần yếu là phải làm đúng các điều được quy định: Các tín đồ trước khi nhập môn đã được chức sắc địa phương và các vị tiến dẫn dặn dò ăn chay đúng là như thế nào, ăn 6 ngày là vào các ngày nào, ăn 10 ngày là vào các ngày nào (theo âm lịch) v.v. Nếu không được dặn dò kỹ càng, người tín đồ có thể ăn chay một cách sai lệch. Một số "kiểu" ăn chay không đúng mà chúng tôi đã từng chứng kiến như:

- Còn ăn trứng, có trường hợp ăn cả lòng đỏ trứng vịt lộn.
- Ăn chay kỳ, ngày chay trùng ngày có đám tiệc, tự động dời ngày chay qua ngày khác.
- Ăn chay 10 ngày/tháng nhưng ăn bất cứ ngày nào, miễn tháng đó đủ 10 ngày chay.
- Có trường hợp đặc biệt hơn, một ngày có 3 bữa ăn, một tháng làm sao có được 30 bữa ăn chay là coi như được 10 ngày chay…

Có thể còn nhiều kiểu cách ăn chay lạ lùng khác nữa. Vì vậy, rất cần có văn bản dưới luật (Tân Luật) để chi tiết hóa việc ăn chay cho tín đồ mỗi Hội Thánh theo đó chấp hành.

Lại còn một chi tiết khá tế nhị cần đề cập: Mỗi ngày theo âm lịch, giờ Tý bắt đầu lúc 11 giờ đêm, khởi đầu một ngày mới. Người ăn chay kỳ suốt ngày ấy (thí dụ ngày mồng một) ăn chay, nhưng sau 11 giờ, trước khi đi ngủ lại có thể ăn mặn? Lẽ thường người ta thích biện minh khi vận dụng như vậy; tại sao? Tại vì có một số người ăn chay rất khó, có thể vì chưa có xúc cảm thực sự với các con vật bị mình ăn thịt.

Cuối cùng, có một vấn đề gắn liền với sự chay lạt của người tu, đó là phải cúng chay cho người đã mất. Ngài Bảo Pháp Chơn Quân Nguyễn Trung Hậu đã viết trong quyển Ăn Chay của mình một đoạn như sau:

"Nhiều nhà giàu có lại ngã heo, ngã bò, mà

(XEM TIẾP TRANG 53)

BÀI HỌC TỪ GƯƠNG TIỀN BỐI KHAI ĐẠO

TU CỨU ĐỘ CỬU HUYỀN THẤT TỔ

Tháng 7, mùa Vu Lan Báo Hiếu đồng thời cũng là mùa Xá Tội Vong Nhân theo tinh thần kế thừa văn hóa truyền thống của Nhị Kỳ Phổ Độ. Kể từ Bính Dần 1926 đến nay, hơn tám mươi mùa Chơn Giác Đồng Đăng đã đi qua từ khi Đức Chí Tôn thực hiện Cơ Đại Ân Xá Kỳ Ba. Bước vào mùa Cầu Siêu năm nay, toàn thể tín hữu Cao Đài chúng ta hãy ôn lại một số gương sáng của người đi trước trong thập niên đầu tiên của Cao Đài giáo hầu giữ vững và nâng cao hơn nữa lòng tin vào con đường Sứ Mạng Kỳ Ba với những kết quả tốt đẹp của nó.

GƯƠNG CỨU ĐỘ CỬU HUYỀN CỦA CHƯ TIỀN KHAI

1. Hạ tuần tháng 7 Bính Dần, thân mẫu Ngài Nguyễn Trung Hậu tạ thế! Nhờ vào công đức của ông Hậu, đám tang của bà được Thầy dạy chư chức sắc chung lo cầu nguyện. Bà tuy không phải bị luân hồi nhưng vẫn còn phải tu học ở cõi vô vi chờ công đức của con.

Gần 2 năm rưỡi sau, chơn linh mẹ Ngài Nguyễn Trung Hậu được Thầy cho phép về đàn:

"Ngày 10–01 Kỷ Tỵ (19–02–1929).

Phò loan: Nguyễn Trung Hậu – Trần Duy Nghĩa.

Mẹ mừng con.

Mẹ cám ơn con đó. Con đâu rõ đặng ngày nay mẹ nhờ công con mà đặng thăng cấp. Nay mẹ đặng vào Đông Đại Bộ Châu. Ấy cũng nhờ ơn của Chí Tôn rất thương mà cho mẹ vào phẩm ấy. Mẹ chẳng biết lấy chi mà thông công cho hai con và các cháu, nên mới dụng huyền diệu mà mẹ đã cầu xin Chí Tôn ban cho mẹ đặng cho con cùng cháu hay rằng: Đức Chí Tôn đã giữ lời hứa cùng con.

Nay mẹ đến khuyên con khá lo sao cho tròn phận sự, ngày thêm vun đắp nền Đạo đặng báo đáp Ơn Trên đã hết lòng vì cả nhà ta. Nếu con có lòng ấy thì mẹ rất vui lòng đó, con hiểu…

Mẹ rất vui thấy lòng con nên mẹ mới xin phép Chí Tôn đến đây tỏ ít lời cho con hiểu. Vậy con khá an lòng mà lo Đạo, chớ nên vì việc nhỏ mà nao chí nghe.

Tôi chào nhị vị Thánh (nói với Trần Duy Nghĩa và Lưu Văn Lang). Tôi chẳng biết lấy chi cám cảnh cho bằng dùng vài lời nhắc đây, xin nhị vị khá hết lòng lo hiệp tác mà nâng cao địa vị mình càng ngày cho tột phẩm.

Tôi đây chẳng chi xứng phận mà cũng nhờ ơn Chí Tôn thương tưởng thay. Ấy cũng nhờ sức con mới đặng vậy, không thì biết sao mà kể xiết.

Ấy đó, công của nhị vị càng dày thì Chí Tôn càng yêu dấu. Xin khá để hết tâm chí mà hành phận sự. Ấy là lời tôi xin nhị vị khá để ý.

(Hỏi về việc ông thân tôi)

Mẹ không dám nói. Thôi, mẹ lui."

NHẬN XÉT

Như vậy sau hơn hai năm quy liễu, chơn linh mẹ Ngài Bảo Pháp đã nhờ công đức của con phổ độ nhơn sanh mà được siêu thăng tiến hóa!

Lời của Bà: *"Con đâu rõ đặng ngày nay mẹ nhờ công con mà đặng thăng cấp"* và *"khuyên con khá lo sao cho tròn phận sự,*

ngày thêm vun đắp nền Đạo đặng báo đáp Ơn Trên…" giúp cho chúng ta xác tín vấn đề nhờ công đức của con cháu mà ông bà cha mẹ sẽ được siêu thăng thượng cảnh. Công đức này có được nhờ bởi việc vun đắp nền Đạo.

2. Trong một buổi đàn có Đức Bát Nương giáng, hôm đó Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt hỏi:

"– Thân phụ và thân mẫu của qua có được siêu không? Giờ đây đang ở đâu?

– Bát Nương đáp: Em chỉ nói bằng thơ, nếu anh giảng trúng thì nói nữa, trật thì lui.

– Nếu qua nói trật thì em thương tình mà chỉ dẫn để qua học hỏi thêm với.

Bát Nương nói:

"Bạch Y Quan nay sanh Cực Lạc,
Bá phụ cùng bá mẫu đặng an."

– Như vậy là thân phụ và thân mẫu trước ở Bạch Y Quan nay đã sang ở nơi Cực Lạc?

– Đúng đó. Ấy là nhờ công tu luyện của anh nên bá phụ và bá mẫu mới được siêu thăng nơi Cực Lạc."

NHẬN XÉT

Dầu khi đó chỉ mới ở phẩm Đầu Sư nhưng công đức của Ngài Thượng Trung Nhựt cũng đã đủ để giúp siêu thăng cho vong linh phụ mẫu!

Qua một vài nguồn Thánh ngôn của Tòa Thánh Tây Ninh, chúng ta thấy con đường tu của chư vị Tiền Khai Đại Đạo như Lê Văn Trung, Nguyễn Trung Hậu, Cao Hoài Sang, Hương Thanh, Hương Hiếu v.v. đã có kết quả cứu độ siêu rỗi được vong linh cha mẹ của quý Ngài.

3. Mùa Trung Nguơn năm Bính Tý (1936), chơn linh Cao Hoài Ân là thân phụ của hai Ngài Thượng Sanh Cao Hoài Sang và Tiếp Đạo Cao Đức Trọng được về đàn.

CAO HOÀI ÂN

Con Trọng! Ba đến có điều cần kíp nói với con.

THI

Một nhà đã hưởng trọn ân hồng,
Đổi của thiêng liêng gắng chút công.
Dặm cũ Ba đương chờ tiếng hạc,
Nhà xưa con khá để nêu dòng.
Lửa hương tuy thiếu chưa nên Đạo,
Thanh sử đã thừa đủ nghiệp tông.
Kìa gánh non sông Nam Việt khổ,
Hỏi con có thấy nỗi đau lòng?
Lụy… Con! Con phải nhớ đấng anh hùng trong võ trụ nầy mà tạo thời cải thế đặng là dùng phương hướng nào chăng ?

Tiếp Đạo bạch thầm: …

– Phải đó con! Phải trần ai mới ra mặt công hầu, nhớ nghe. Thăng.[1]

NHẬN XÉT

Chơn linh Cao Hoài Ân tuy chưa đắc vị chi nhưng qua lời thơ "Dặm cũ Ba đương chờ tiếng hạc" đã giúp cho chúng ta hiểu được Ngài đang được lên đường về quê cũ, nhờ công đức của các con mà đổi được "của thiêng liêng".

Chơn linh dặn dò các con phải ráng tận lực trên đường đạo mới nên công. "Phải trần ai mới ra mặt công hầu, nhớ nghe."

GƯƠNG CỨU ĐỘ CỬU HUYỀN CỦA CHƯ TIỀN BỐI

Nhiều tiền bối đạo hữu nam cũng như nữ tu theo Hội Thánh Tây Ninh, tuy hành đạo ở các địa phương, cũng đã đạt được kết quả khả quan sau khi "mãn hạn công tác Kỳ Ba" và được trở về "quê xưa" từ phẩm Thần, Thánh đến phẩm Tiên.

Vài thí dụ sau đây cho thấy rõ thêm điều này:

1. "HƯƠNG BẢO THOÀN, (VÕ VĂN THOÀN)

"(…) Cõi thế vẫn khác cõi Thiên, đời chê mới nên về đạo. Em xin mấy anh tự hỏi lấy mình rằng chịu khổ hạnh cùng Đức Chí Tôn thì phước hay là tội?

Em cũng tiếc cho em khi còn xác phàm em không hữu hạnh làm đạo gặp may duyên như mấy anh vậy. Chớ chi em đặng hồng ân như mấy anh ngày nay thì chắc em còn cao hơn phẩm Thần vị này! Thật là khối ngọc của mấy anh chưa dùng còn em thì thèm quá đỗi!

---

1. Thánh Ngôn Sưu Tập 1, bài 35. Cao Hoài Ân, nhà Sĩ Tải Lợi ở Pnompenh, 10–7 Bính Tý (25–8–1936). Phò loan: Hộ Pháp – Tiếp Đạo. Lúc 23 giờ.

(…) *Em làm đạo ít oi hơn hết chớ chi đặng bằng anh Ba (Phạm Văn Màng) thì ngày nay có đâu ngồi dưới thấp thỏi ngó cao sang Thánh vị của người mà phải thẹn hơn.*

Hôm mấy anh mới bị nạn[2] *thì Đức Trần Văn Xương tới địa giới linh thần cầm nơi tay một tờ ý chỉ nói cùng các Trấn Tôn Thần rằng: có Thánh lịnh dạy phải chăm nom gìn giữ mấy anh cho toàn tánh mạng.*

Em coi lại là lịnh của anh Ba. Thẹn thuồng quá đỗi! Vì các Trấn biết em là bạn của người mà ngày nay tớ thầy khác bậc!

May rủi một kiếp sanh mà muôn năm không thể đổi là vậy!"[3]

NHẬN XÉT

Khi đã liễu rồi, thấy rõ giá trị của công đức tu học hành đạo, khi đó dầu có hối tiếc cho sự non kém quả công của mình thì cũng đã quá muộn!

Câu chuyện góp thêm lần nữa một ý đạo Ơn Trên thường nhắc, khi còn sống mang xác phàm ở thế gian này mới có nhiều cơ hội và điều kiện để lập công bồi đức.

Qua Thánh giáo cho chúng ta thấy nhiều Đấng anh hùng, danh nhân liệt nữ được đắc vị Thần đã mấy trăm năm, nay vẫn còn tiếp tục ở phẩm vị này. Trong khi đó lại có nhiều chơn linh tu hành thực hiện sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ lại đắc phẩm vị cao hơn, ngay cả thân nhân Cửu Huyền Thất Tổ của chư vị cũng được siêu rỗi và cao thăng phẩm vị!

2. TRƯỜNG HỢP LỄ SANH TƯ NHƯỢNG

a. Vào buổi đàn cuối năm 1935, chơn linh đạo hữu Hồ Quý Diên được về đàn tại Hộ Pháp Đường:

"(…) *Thưa Hộ Pháp, kẻ vô phước này chỉ trông công con tu niệm mong mỏi cảnh Thiên. Nào dè bạc phận, chúng nó vô Đạo không tu, (mà còn) gây thêm nghiệp chướng.*

Hộ Pháp hỏi: còn… Sĩ thế nào?

– Sĩ nó bị quả kiếp tiền khiên nên đã luân hồi tái thế.

Tớ có gặp Lễ Sanh Thuận ở Thanh Tịnh Đại Hải Chúng. Hôm nọ cùng tớ mới thọ lịnh Ngọc Hư đắc phong Thần vị.

Hộ Pháp hỏi: còn Lễ Sanh Nhượng?

– Không thấy vào Thanh Tịnh nên không biết!

Hộ Pháp hỏi: Xin cho biết có gặp ai quen ở đó không?

– Không dám !"[4]

NHẬN XÉT

Ngay khi mới được giáng cơ, lời đầu tiên lại là lời than thở! Than cho phận mình vô phước vì tuy đang trông mong con biết lo tu niệm hồi hướng công đức nhưng đã không được như thế, nào dè con lại "vô Đạo không tu" mà còn gây thêm nghiệp chướng!

b. Gần một tháng sau trong đàn cơ tại Phạm Nghiệp, Phối Thánh Phạm Văn Màng, vào một ngày cuối năm Ất Hợi được về đàn cho hay:

"*Thưa mấy anh nói lại với chị Tư Lâm rằng: anh đã đặng ân xá, nhờ Đức Quyền Giáo Tông cầu rỗi khỏi chuyển kiếp luân hồi lại vào Nhơn Thần vị.*

Còn anh Chiếm đã đoạt phẩm Địa Thần cũng nhờ Đức Quyền Giáo Tông làm chứng.

Còn nói với Tư Nhượng rằng chị[5] *ngồi địa vị Địa Tiên vì là phẩm cũ. Mấy anh nói lại rằng, người cũng trở lại nam như anh vậy, chớ không phải vợ chi đâu!"*[6]

Ít lâu sau tại Hộ Pháp Đường, Phối Thánh Màng lại được về cơ trao đổi cùng Đức Hộ Pháp và các bạn đạo:

"*Thưa cùng mấy bạn, anh Tư Nhượng đã đặng*

2. Hôm đó có 6 đạo hữu Phạm Môn mới vừa được thả ra khỏi tù đến hầu đàn.

3. Thánh Ngôn Sưu Tập 1– Tây Ninh số 148, Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng. Giáo Tông Đường 29–01 Giáp Tuất (14–3–1934), Phò Loan: Hộ Pháp – Tiếp Thế.

4. Thánh Ngôn Sưu Tập 2 – Tây Ninh số 22, Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng. Hộ Pháp Đường 02–12 Ất Hợi (27–12–1935) Phò Loan: Hộ Pháp – Tiếp Đạo.

5. Vợ ông Tư Nhượng là Nguyễn Thị Luốt trông coi sở dệt chiếu ở Phạm Nghiệp.

6. Thánh Ngôn Sưu Tập 2 – Tây Ninh số 24, Phối Thánh Phạm Văn Màng, Phạm Nghiệp 28–12 Ất Hợi (22–01–1936).

định vị rồi, không lời không lỗ, cựu vị thế nào ngày nay cũng vậy.

Hộ Pháp: Nó được vào phẩm nào?

– Thưa sư phụ, Thiên Thần.

Hộ Pháp: Em Tư có gặp đặng vợ nó không?

– Thưa có, nhưng anh không đặng gần cho lắm vì phẩm của chị ấy cao hơn nhiều.

(…) *Xạnh ! con phải lo đạo nghe ! Nói với má mầy, tao thăm nó."*[7]

Tháng 5 Bính Tý, chơn linh của Lễ Sanh Nhượng được phép về đàn:

"Con đặng lịnh Ngọc Hư Cung cho ngồi Đông Đại Bộ Châu tùng Đông Nhạc Đế Quân xem về bộ luân hồi chuyển kiếp. (…)"[8]

NHẬN XÉT

• Qua 2 trích đoạn Thánh ngôn trên, chúng ta thấy xuất hiện các phẩm như: Địa Thần, Nhơn Thần, Thiên Thần, Địa Tiên… Cũng như thấy được vai trò của Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt sau khi đã đắc vị.

• Hai vợ chồng Tư Nhượng cùng được trở về "quê xưa vị cũ" nhưng phẩm vị của chồng thấp hơn của vợ rất nhiều vì tiền căn cũng như công quả của bà nhiều hơn chồng!

3. CHÚNG TA HÃY XEM THÍ DỤ CỦA CHƠN LINH ĐẠO HỮU TÊN CHIẾM Ở TÂY NINH ĐÃ ĐẮC VỊ ĐỊA THẦN

"Hôm con mới chết, ôi thôi nó khổ biết chừng nào! Một nỗi bị mẹ thằng Đường nó kêu tới kêu lui, chịu đà không nỗi! Thảm mới vừa hết thì lịnh Ngọc Hư Cung sai Như Ý Đế Quân bắt đem qua Thanh Tịnh Đại Hải Chúng.

Thưa sư phụ, ở chỗ đó khó quá! Bị bọn quỷ lồi, cô hồn gì đủ thứ nó mắng nhiếc tối ngày. Nhứt là nó chửi con là đồ làm biếng, tu gì cái đám thầy chùa mê hoặc. (…)

Đương thảm khổ, con lại may gặp một bà thiệt là tử tế! Nghe nói là Thất Nương Diêu Trì Cung tới thăm rồi biểu con theo bà. (…) *Bà dắt con đến gởi Đức Quyền Giáo Tông.*

Con ở đây một thời gian chẳng đặng bao lâu thì Đức Quyền Giáo Tông kêu con nói rằng: Có lệnh Ngọc Hư cho con đi phó nhậm nơi tỉnh Ninh Bình làm ông Thần tại đó. Thật cũng là may quá!"[9]

NHẬN XÉT

Sự tiếc thương người quá vãng qua tiếng khóc lời than không giúp ích gì mà chỉ làm cho vong linh thêm đau khổ! Còn nếu theo thói đời lại còn mướn người về than khóc thật bi ai để thể hiện sự hiếu thảo nhưng thật ra vừa tốn tiền không ít mà lại là làm việc "bất hiếu" vì đang vô tình cản trở sự siêu thăng của thân nhân!

Bài đàn này giúp cho bổn đạo hiểu vì sao trong đám tang Cao Đài đạo hữu thường được những bậc đàn anh đàn chị nhắc nhở không được than khóc thảm thiết như người đời.

4. PHỐI THÁNH MÀNG

Trong những lần được về đàn có nhắc mấy ý đạo sau:

a. Quý vị nữ phái phải ráng lo vượt qua những việc tầm thường hàng ngày mà để chút ít thời gian lo hành đạo:

"Cười … Còn mấy chị bạn của mấy ông (…) *thì cứ lo miết ba cái nồi, ba cái giỏ, ba bụi chuối, ba thúng rau. Hỏi chừng nào mới nên đặng? Em ngó thấy Thầy rầu cho mấy chị hơn hết!*

Mẹ thằng Xạnh![10] *Nầy mụ, tôi đã lo cho má yên rồi. Còn mụ thì ráng mà tu, chớ không phải sống ở đây hoài cho tới tận thế đa nghe không. Dặn thằng Xạnh,*[11] *nó cứ đường mòn của tôi đi mà đi theo* (…). *Mấy đứa nhỏ đều đặng hết tôi mừng lắm. Mụ cũng vậy, tôi bảo lãnh căn tu cho."*[12]

---

7. Phối Thánh Phạm Văn Màng, Thánh Ngôn Sưu Tập 2 số 26, Hộ Pháp Đường 16–01 Bính Tý (08–02–1936). Phò Loan: Hộ Pháp – Tiếp Đạo.

8. Hộ Pháp Đường, 04–5 Bính Tý (22–6–1936). Phò Loan: Hộ Pháp – Tiếp Đạo.

9. Thánh Ngôn Sưu Tập 2 – Tây Ninh số 28, Hộ Pháp Đường, 04–5 Bính Tý (22–6–1936), Phò Loan: Hộ Pháp – Tiếp Đạo.

10. Vợ ông Màng.

11. Phạm Văn Xạnh, sau thời gian hành đạo được phẩm Đạo Nhơn.

12. Phạm Văn Màng, Thánh Ngôn Sưu Tập 2 – Tây Ninh số 16. Phạm Nghiệp, 28–8 Ất Hợi (25–9–1935). Phò Loan: Hộ Pháp – Tiếp Thế.

NHẬN XÉT

• Lời nhắn nhủ vợ cùng chị em bạn đạo nữ phái cần phải cố gắng vượt qua chính mình đừng chỉ thủ phận gia đình "cứ lo miết ba cái nồi,… ba bụi chuối, ba thúng rau." mà hãy "ráng mà tu" chớ để "Thầy rầu cho mấy chị hơn hết!"

• Qua câu "Mẹ thằng Xạnh! (…) tôi đã lo cho má yên rồi." của Phối Thánh Màng cho thấy người tu đạt phẩm Thánh, công đức có thể cứu độ được cho cha mẹ.

• Hơn một năm sau, bà Địa Tiên có nhờ Phối Thánh Màng gởi đến nữ phái lời nhắn nhủ:

"Thưa sư phụ, chị Tư Nhượng có gởi cho mấy em gái một bài thi,… nhờ sư phụ trao lại giùm mấy em kẻo tội nghiệp.

Đôi lời nhắn gởi bạn quần xoa,
Cái tuổi xanh kia có lúc già,
Rửa mặt những e phai má phấn,
Trao tay ngần ngại khuất mày hoa.
Dưới gương bạch thố trông mây xế,
Dựa bóng huỳnh loan đợi ác tà,
Nỗi phận tang du âu phải phận,
Đừng đem bích ngọc liệng dòng hà."[13]

b. Với các vị Giáo Sư có quyền pháp hành phép xác cho đạo hữu quá cố, lời nhắc nhở sau đây của Phối Thánh giúp thêm kinh nghiệm cho việc hành pháp bí tích khi tẩn liệm:

"Xin sư phụ dặn lại giùm mấy vị hành phép xác. Khi trục chơn hồn vào 9 cây nhang gọi là Cửu Tiêu rồi thì nán đợi cho chơn thần thăng cho đủ Tam Giới, nghĩa là 3 bậc. Thăng rồi lại cầm vững cho tam bửu nhập định đủ 3 lần.

Mấy vị ấy không đợi đủ, lại không định Thần, thành thử bửu pháp ấy không hiệu nghiệm vào đâu hết!"

5. MỘT TRƯỜNG HỢP KHÁC CỦA MỘT VỊ NỮ PHÁI ĐÃ ĐƯỢC ĐẮC VỊ

Phối Thánh Màng báo tin vui:

"Thưa sư phụ, chị Lý Hiền Lương (…) *Bữa hôm nọ làm tuần người, mấy con có về, nhưng than ôi! Chỉ có tủi phận thương tình, rơi châu đổ lụy rồi lui bước cho khuây khỏa lòng sầu* (…).

Thưa sư phụ vì người đã thâm tình cùng Diêu Trì Cung buổi sống nên nay đặng hầu cận Bát Nương. Ấy là kiếp may duyên nên nay mới đặng vậy. Xin nói lại với Ngô huynh an lòng, kẻo người hoài vọng."[14]

NHẬN XÉT

Được hầu cận Bát Nương là một Đấng ở phẩm Tiên nơi Diêu Trì Cung cho thấy phẩm vị thiêng liêng của cố đạo tỷ Hiền Lương có thể cao hơn phẩm vị Thần.

6. TRƯỜNG HỢP MỘT VỊ NAM KHÁC CŨNG ĐƯỢC ĐẮC VỊ PHỐI THÁNH

"Bạch sư phụ, con là Thoại. (…)

Hèn lâu con nhớ sư phụ lắm mà không biết làm sao!

Khi sư phụ bị đày con buồn rầu quá đỗi! Thêm lo lắng Đền Thánh chưa rồi. Làm ngày làm đêm mang bệnh nan y nên quy liễu. Nhờ Chí Tôn thương nên ban lịnh Ngọc Hư Cung cho vào hàng Phối Thánh. (…) *Con mới dắt anh Thiết kiến diện sư thúc Thượng Phẩm đặng người điều độ."*[15]

NHẬN XÉT CHUNG

Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt quy tiên vào cuối năm 1934. Nhưng ngay từ khi còn ở dương thế, công đức của Ngài đã có thể cứu độ được vong linh của phụ mẫu. Và khi đã trở về cõi thiêng liêng hằng sống, Ngài vẫn tiếp tục sứ mạng độ dẫn chơn linh các tín hữu đã được siêu thoát hầu thăng cao phẩm vị.

Qua những thí dụ đã nêu trên cho chúng ta thấy cơ cấu phẩm vị thiêng liêng (Địa, Nhơn,

13. Phạm Văn Màng, Thánh Ngôn Sưu Tập 2 – Tây Ninh số 43 Hộ Pháp Đường, 09–01 Đinh Sửu (19–02–1937). Phò Loan: Hộ Pháp – Tiếp Đạo.

14. Phối Thánh Phạm Văn Màng, Thánh Ngôn Sưu Tập 2 – Tây Ninh số 52 Hộ Pháp Đường 23–10 Mậu Dần (14–12–1938). Phò Loan: Hộ Pháp – Tiếp Đạo.

15. Thánh Ngôn Sưu Tập 3 số 30, Phò Loan: Hộ Pháp, Khai Pháp Phối Thánh Bùi Ái Thoại, Báo Ân Từ 07–11 Mậu Tý (07–12–1948).

Thiên) của các cấp Thần Thánh Tiên tương ứng với hệ thống Tam Tài và các cấp chức phẩm trong Cửu Trùng Đài. Thí dụ:

• Địa Thần Chiếm: được đi làm Thần, trấn ở tỉnh Ninh Bình.

• Thiên Thần Tư Nhượng ở Đông Đại Bộ Châu phụ việc cho Đức Đông Nhạc Đế Quân ở cõi thiên, trông coi sổ bộ luân hồi chuyển kiếp.

Nhưng đồng thời cũng có trường hợp các đạo hữu Cao Đài phải đi luân hồi.

Người đã liễu rồi rất mong con cháu biết lo tu niệm hồi hướng công đức cho mình để sớm siêu thăng.

Bởi thế, người còn sống phải ý thức cố gắng tích cực tu học hành đạo để tự lo được cho mình hầu ngày trở về không phải hối tiếc mắc cỡ với bạn bè đồng đạo vì hành trang công đức chưa được bao nhiêu! Cũng như phải cố gắng bồi công lập đức có dư đặng có thể cứu độ được thân nhân Cửu Huyền Thất Tổ.

Qua đây, chúng ta hiểu vì sao trong Cao Đài giáo khuyên tín hữu khi có tang sự không nên khóc lóc kể lể như người đời. Trái lại cần phải giữ thanh tịnh tập trung cầu nguyện.

* * *

Lâu nay qua Thánh giáo, chúng ta có biết kết quả đường tu của nhiều đạo hữu ở trong các chi phái Cao Đài nhưng với các đạo hữu thuộc Hội Thánh Tây Ninh hầu như không biết được bao nhiêu! Nay, qua Thánh Ngôn Sưu Tập của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng đã giúp cho chúng ta có những tài liệu quý để biết thêm hơn nữa kết quả của con đường lập công bồi đức của quý đạo trưởng tiền bối và quý tín hữu Cao Đài trong buổi ban sơ của nhà đạo.

Những thí dụ đã nêu trên cũng giúp cho chúng ta có được một cái nhìn khái quát về phương cách mà các Đấng Thiêng Liêng đã dùng để độ dẫn nhơn sanh ở tất cả các chi phái trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Hầu như ở các chi phái Cao Đài có dùng cơ bút,[16] Ơn Trên đều cho một số chơn linh đã đạt kết quả tốt trên đường tu hành được hưởng đại ân xá kỳ ba trở về ngôi xưa vị cũ. Một số trong những trường hợp này được nương cơ về đàn nhắc lại những kinh nghiệm trong cuộc đời tu học của mình để làm bài học cho con cháu trong gia đình cũng như cho bạn đạo.

Có thể nói rằng cùng một phương cách nhưng chính ở Tây Ninh, Ơn Trên đã sớm báo tin kết quả công đức của chư vị Tiền Khai đã đủ để siêu rỗi cho vong linh cha mẹ và đồng thời cũng cho các chơn linh tín hữu được siêu thoát về đàn thăm viếng gia đình cùng bạn đạo.

Chúng ta nhắc lại gương xưa của chư vị tiền bối để ghi nhớ công lao của những dấu chân đi trước và lòng hẹn lòng mạnh tiến theo sau trên đường Sứ Mạng Kỳ Ba. Trong ân đức của Chí Tôn, chúng ta mãnh liệt tin rằng: người đi trước tu theo Tân Pháp Cao Đài đã đắc vị và cứu độ được Cửu Huyền Thất Tổ thì người đi sau tối thiểu cũng có thể lập lại được kết quả tốt đẹp như người xưa đã đạt.

Chúng ta hoàn toàn có cơ sở để hy vọng và quyết tâm hợp lực chung sức trên đường phổ độ nhơn sanh!■

THÁNH GIÁO

THI

Ở đời ai cũng muốn cho thân,
Phú túc vinh hoa tại cõi trần,
Để lại vợ con bao sự nghiệp,
Đời này đời kế hưởng muôn phần.

HỰU THI

Nhưng xét cho cùng việc thế gian,
Dầu cho sự nghiệp có muôn vàn,
Thì nhiều ẩm thực cùng y phục,
Vẫn có chừng ni thật phũ phàng.

ĐỨC CHƠN THƯỜNG ĐẠO SĨ, MINH LÝ THÁNH HỘI, 22-7 TÂN HỢI (11-9-1971).■

16. Ngoại trừ Ban Chỉnh Đạo.

Dưới Mái Thiền Đường
ĐÔI ĐIỀU VỀ

■ HUỆ Ý

"TÂM ■ CẢNH"

Bước vào mùa tu, lúc nào Ơn Trên cũng dạy "thanh tịnh":

"Đạo cốt yếu vô vi thanh tịnh,
Dứt niệm trần lý tính hiển minh,
Vẽ chi những việc thường tình,
Tiêu hao ngày tháng lộ trình xa trông."[1]

Cần thanh tịnh mà vì sao mất thanh tịnh? Đó là do chúng ta chưa "đối cảnh vô tâm". Đức Bác Nhã Thiền Sư dạy:

"Sáu căn duyên với cảnh ngoài,
Tình nương theo ý phiêu nhai đất người."[2]

TÂM CẢNH LÀ ĐỀ THI

Đời là một trường tiến hóa, mỗi người là một thí sinh. Muốn thi đậu chúng ta phải đi học (nhập môn), học bài, ôn bài và đi thi. Đức Bác Nhã Thiền Sư đã học, đã thi, đã đậu. Ngài dạy lại "đề" cho chúng ta:

"Đề thi chỉ có tâm và cảnh,
Thắng chủ rồi vào Thánh, lên Tiên,
Dể duôi buông thả tâm điển,
Cảnh khi mê hoặc mất quyền tự do."[3]
(…)

1. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–02 Nhâm Tuất (10–3–1982).

2. Bài chữ **TÂM**.

3. Đức Bác Nhã Thiền Sư, "Lần giáng đàn đầu tiên" Minh Lý Thánh Hội, 07–12 Nhâm Tý (10–01–1973).
1. Vào đời như lạc nơi trần thế,
Chốn mê đồ không dễ gì ra,
Rào quanh địa võng Thiên la,
Bát môn yểm trấn đẳng xà hãm vây.
2. Trường thi mượn nơi đây chấm điểm,
Đúng mức thì được chiếm bảng cao,
Đậu xong Thiên quốc mời vào,
Rớt cam nô lệ trần lao khổ trầm.
3. Đề **THI** chỉ có tâm và cảnh,
Thắng chủ rồi vào Thánh lên Tiên,
Dể duôi buông thả tâm điển,
Cảnh khi mê hoặc mất quyền tự do.
4. Mảng vui thích đời kho vô tận,
Ám ảnh và hấp dẫn cuốn lôi,
Đắm mê Thiên chức quên rồi,
Vương mang trần tục luân hồi xuống lên.
5. Biết bao người cõi trên xuống thế,
Nhiễm mùi trần trí tuệ mờ lu,
Chúng sanh trong cõi trần tù,
Một khi giác ngộ cỡi cù lên mây.
6. Muôn loài mượn nơi này tu học,
Nhờ lò đời luyện lọc ra **THI,**
Vượt trên tất cả những gì,
Đại hùng, đại lực, đại bi thoát trần.
(…)

Khi vào đời, Thiên tâm[4] là phần Ơn Trên cho chúng ta.

Thiên tâm là của Trời, của Đạo, là Thần. Đức Mẹ dạy:

"Thiền là tâm huyền công luyện kỷ,
Tâm là Thần nhứt lý dung thông,
Ở trần chẳng dính bụi hồng,
Ở trong sinh diệt thoát vòng diệt sinh."[5]

Ngoài THẦN, khi nhập thế chúng ta còn có THÂN.

Cảnh là những gì ở ngoài tâm. Vậy thân thuộc tâm hay cảnh?

Khi thân theo cảnh, nó là đệ nhứt cừu nhân. Cho nên ta phải chiến đấu với nó, đó là cuộc đấu tranh dành quyền tự chủ. Đức Phật dạy: *"Chiến thắng muôn vạn hùng binh, không bằng chiến thắng chính mình."* Ngài dạy thêm: *"Kẻ thù lớn nhất của mỗi người chính là tự thân."*

Khi thân theo tâm, thân là đệ nhứt ân nhân. Không có thân làm sao tu. Còn thân là còn tu được, thậm chí tu dễ nữa. Đức Chơn Thanh Sứ Giả dạy:

"Chư đệ muội còn ngày ở thế,
Ráng lo tu chớ để trễ tràng,
Tuy rằng thể xác còn mang,
Tu hành rất dễ, ân ban lại nhiều."[6]

Như vậy trong mối tương quan tâm cảnh, thân là mắt xích trung gian quan trọng trong đời tu của hành giả.

TƯƠNG QUAN TÂM CẢNH

Đức Chí Tôn ban cho chúng ta Thần, tâm, nếu chúng ta "đối cảnh vô tâm" như lời Ơn Trên dạy "tâm là tâm, cảnh là cảnh, chính là Thiên địa chi tâm"; bằng trái lại thì "cảnh theo tâm mà bặt, tâm theo cảnh mà trầm".

Đức Từ Hàng Bồ Tát dạy:

"Cảnh đối với tâm, tâm thì vô thường biến đổi, cảnh cũng vô biên dạng ảnh sai thù. Tâm với cảnh không lìa nhau, cảnh khiến cho tâm điên đảo, tâm khiến cho cảnh chìm, nổi, thân, thù."

Thế nào là điên đảo? – Điên đảo là cảnh làm cho tâm không nhứt tâm. Đức Chí Tôn dạy:

"Điên đảo lòng con nỗi đạo đời,
Đời còn rộn rực luyến mê chơi,
Đạo thì cũng muốn tu thành Phật,
Theo Đạo thì con lại tiếc đời."[7]

ĐÁP SỐ CỦA ĐỀ THI TÂM CẢNH

1. "ĐOẠN DUYÊN GIẢN SỰ"

Muốn giữ được nhứt tâm, việc đầu tiên của chúng ta là "đoạn duyên giản sự". Đức Từ Hàng Bồ Tát dạy "Nếu cảnh muốn trói tâm hay tâm muốn rượt theo cảnh là bởi nhân duyên. Bằng không có nhân duyên, hai bên không hề trái khác. Hạt giống chủng tử ở trong tâm không có cơ duyên thì không khởi được, không lớn được. Vậy muốn thanh tịnh tâm thì lo "đoạn duyên giản sự". Đức Hà Tiên Cô dạy:

"Biết được phép tồn tâm dưỡng tánh,
Thì bước lên làm Thánh, làm hiền,
Trước là buông xả vạn duyên,
Mới mong liễu giải não phiền trái oan."[8]

2. HỒI QUANG PHẢN CHIẾU

Học tâm pháp để trau thân luyện tâm, đầu tiên là nghiêm trì giới luật, kế là hồi quang phản chiếu chính là làm đề thi "Tâm cảnh". Đức Mẹ dạy:

"Thân tâm phủ muôn trùng cát bụi,
Tham sân si dường núi Tu Di,
Trau thân cậy có giới quy,
Luyện tâm suất tánh nhờ y pháp quyền.[9]

---

4. Thiên tâm là của Trời, của Đạo, chúng ta chưa giải thoát nên có phần nhơn tâm. Cổ đức dạy: "Nhơn tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất doãn chấp quyết trung."

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13–8 Kỷ Mùi (03–10–1979).

6. Đức Chơn Thanh Sứ Giả, "Lần giáng đàn đầu tiên". (Thánh Sắc Chứng Đạo).

7. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 01–9 Bính Tý (1936).

8. Bài Khẩu khuyết Dự bị Sơ thiền.

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30–11 Canh Thân (05–01–1981).

(XEM TIẾP TRANG 89)

"CÓ TRỜI MỚI CÓ CHÚNG SANH CÓ CON, CON MỚI TU THÀNH PHẬT TIÊN"

■ **QUÁCH HIỆP LONG**

Giáo lý Đại Đạo đặt nền tảng trên hai nguyên lý: "Nhất bổn tán vạn thù, vạn thù quy nhất bổn" và "Thiên địa, vạn vật đồng nhất thể".

Nhất Bổn là Đại Đạo, là Thượng Đế. Từ đó mới sinh ra mọi hiện tượng, vạn vật trong vũ trụ. Vòng sinh hóa đó theo chu kỳ, sau khi đã phát sinh đến cùng cực thì sẽ quay trở về nguồn gốc ban đầu hay bản thể. "Thành, trụ, hoại, không" hay "Sinh, trưởng, thâu, tàng" là định luật tuần hoàn sanh diệt, luân hồi trong Trời Đất.

Đức Chí Tôn có dạy:

"Các con khá biết rằng Thầy hằng nói: "Thầy là các con, các con tức là Thầy." Có Thầy mới có các con, mà có các con rồi mới có chư Tiên, Phật, Thánh, Thần; thì người là "Tiểu Thiên Địa." Điểm linh quang nào muốn tạo Phật tác Tiên cũng phải đầu thai vào thế giới hữu hình vật chất. Dầu cho một vị Đại La Thiên Đế giáng trần đây không tu luyện cũng khó mong trở lại." (Đại Thừa Chơn Giáo, 1956, tr. 19).

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy cũng dạy:

"Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên, Phật cũng Thầy; Thầy đã nói một Chơn Thần mà biến Càn Khôn Thế Giái và cả nhơn loại. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con.

Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế Giái, nên mới gọi là Pháp; Pháp có mới sanh ra Càn Khôn Vạn Vật rồi mới có người, nên gọi là Tăng.

Thầy là Phật chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy." (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 1, 1972, tr. 43).

MỘT NGUỒN GỐC TỪ THƯỢNG ĐẾ

Trong Huấn Từ ngày 14 tháng Giêng năm Bính Ngọ 1966, tại Thiên Lý Đàn, Đức Chí Tôn có dạy như sau:

"… Có Trời mới có chúng sanh,
Có con, con mới tu thành Phật Tiên.
Con là một Thiêng Liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể linh quang.
Khóa chìa con đã sẳn sàng,
Khi vào cõi tục, khi sang Thiên Đình…"

Người tín đồ Cao Đài tin rằng ngoài phần thể xác vật chất hữu hình, con người còn có phần tâm linh vô hình, gọi là linh hồn hay Phật tánh hay điểm Tiểu linh quang xuất phát từ khối Đại Linh Quang hay Thượng Đế. Đức Lý Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo có dạy như sau:

"Trước khi đến làm người tại thế gian, chư hiền đệ muội cũng xuất phát từ chỗ khởi thủy mà chỗ khởi thủy ấy không phải là nhục thể của con người, mà là từ một khối Đại Linh Quang trong đức háo sanh của Thượng Đế. Các tiểu

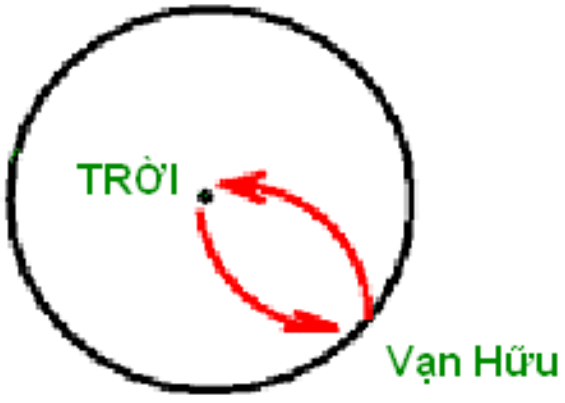

linh quang từ khối Đại Linh Quang phân thân xuống trần, tùy theo nhiệm vụ và sứ mạng đã định của mỗi một đơn vị đến cõi dinh hoàn này để làm công cuộc tiến hóa trong đức háo sanh ấy. Cũng như đã nhiều lần bày giãi, những tiểu linh quang ấy đã ngấm ngầm ẩn tàng từ loài khoáng sản đến thảo mộc côn trùng thú cầm nhân loại rồi tiến đến hàng Thần Thánh Tiên Phật. Sự tiến hóa mau chậm tùy theo trạng thái của mỗi thể. Từ loài chỉ có một sanh hồn đến loài có cả sanh hồn lẫn giác–hồn và chí đến loài có đủ cả tam hồn là sanh, giác và linh hồn." (Tây Thành Thánh Thất, Cần Thơ, 18–04–1970).

Như thế vạn vật, trong đó có loài người, có chung một nguồn gốc Thiêng Liêng từ Thượng Đế. Tất cả mọi người đều là anh em nên cần phải chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau trong tình thương Huynh Đệ Đại Đồng. Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy:

"… Lúc Thượng Đế tạo dựng nên muôn loài vạn vật, trong đó có loài người thì dưới chân của Ngài, trước mặt của Ngài, con người vẫn duy nhứt là anh em với nhau bởi đồng tính, đồng chất, nên sự sống trên những phương diện tinh thần, ham muốn, nào tốt xấu, nào thiện ác, phải quấy đều được phân biệt bởi trí não con người. (…) *Tuy những dân tộc loài người trên quả đất được phân biệt an định ở mỗi khuôn khổ vị trí và hoàn cảnh xã hội xa nhau, khác nhau, song sự xa cách, sự khác biệt ấy không phải là vấn đề cho con người quên mất nguồn gốc mình vốn một, quên mất bản chất mình là nhân từ như Thượng Đế, che chở lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau giữa người và người, đồng thời săn sóc gìn giữ sự yên ổn cho bao loài hạ tiện khác đang sống dưới tầm mắt trí khôn của nhân loại." (Trúc Lâm Thiền Điện, 06–9–1971).*

Chính vì vậy, Đức Chí Tôn có dạy:

"Người là gốc muôn vật, muôn vật là ngọn của loài người mà Trời Đất là gốc của loài người, người là ngọn của Trời Đất." (Đại Thừa Chơn Giáo, Luật Tiến Hóa Linh Hồn).

CÓ THƯỢNG ĐẾ HAY KHÔNG?

Con người đã từng đặt câu hỏi có Thượng Đế hay không? Tin hay không tin là quyền tự do của mỗi người. Nhân loại chia làm hai nhóm, bên không tin cũng hoạt động ráo riết để bênh vực cho cái lý của mình. Cách đây vài năm, trên web BBC có ghi nhận việc "Hiệp Hội Vô Thần Thế Giới" tổ chức trại hè cho thiếu niên và treo giải thưởng cho trại sinh nào có lập luận hay nhất, chứng minh hùng hồn nhất là không có Thượng Đế.

Năm 1936, một nữ sinh viên đặt câu hỏi là các nhà khoa học có cầu nguyện hay không? Albert Einstein (1879–1955) đã trả lời: "Bất cứ ai dấn thân một cách nghiêm túc vào sự nghiên cứu khoa học đều có xác tín là có một linh hồn hiển hiện trong các định luật của vũ trụ, một linh hồn vô cùng cao cả hơn con người."[1]

Nhà Vật Lý người Đức lừng danh Max Plank (1858–1947) cùng thời với Einstein, giải thưởng Nobel Vật Lý 1918 nhờ công trình nghiên cứu về "Thuyết Lượng Tử (Théorie des Quanta)", đã nói: "Là Vật Lý gia, để cả cuộc đời cho Khoa Học khách quan và nghiên cứu về vật chất, người ta khó có thể cho tôi là mù quáng hay huyền bí. Những nghiên cứu của tôi về nguyên tử đã khiến tôi phải nói: vật chất tự nó không thể nào hiện hữu! Cái gì đã tạo và làm ra vật chất chỉ là một sức mạnh đã giữ và khiến các hạt nhân của nguyên tử rung động chung với nhau trong một Thái Dương hệ tế vi của nguyên tử. Phía sau sức mạnh đó, chúng ta phải nhìn nhận sự hiện hữu của một linh hồn biết ý thức và khôn ngoan. Linh hồn đó là nguyên nhân đầu tiên cho bất cứ vật chất nào. Cái thật, cái trúng, cái chân không là vật chất mà ta thấy được và sẽ hư hoại này mà là linh hồn vô hình, bất tử. Mà linh hồn không thể tự nó hiện hữu và mỗi linh hồn là của một sinh vật, chúng ta phải đưa ra giả

1. "Quyconque est sérieusement engagé dans la recherche scientifique acquyert la conviction qu'un esprit se manifeste dans les lois de l'univers – un esprit incommensurablement supérieur à celui de l'homme."

thuyết là có sự hiện hữu của các chơn linh. Và các chơn linh cũng không thể tự nó hiện hữu mà phải được tạo ra. Do đó, tôi không sợ khi gọi đấng Tạo Hóa bí mật đó bằng danh từ mà từ ngàn xưa các dân tộc văn minh trên Trái đất đã gọi, đó là TRỜI!"[2]

Vấn đề đức tin dẫn đến một hệ luận là sự cầu nguyện? Cầu nguyện có ích lợi không? Những người có đức tin đều hiểu rõ giá trị mầu nhiệm và phép lạ của sự thành tâm cầu nguyện. Nhưng người ngoài đời nghĩ thế nào và đặc biệt khoa học biết gì về vấn đề này? Năm 1999, trong bài khảo luận "Sự Cầu Nguyện Giúp Bệnh Nhân Mau Lành Bệnh" của "United Press International" có kể lại Viện Nghiên Cứu về Tim (Mid America Heart Institute) tại thành phố Kansas Hoa Kỳ đã làm thí nghiệm trên 990 người đau tim dưới nhiều dạng khác nhau. Trước khi điều trị, họ chia các bệnh nhân thành hai nhóm. Một nhóm được trị bệnh như thường lệ. Còn nhóm thứ hai có 5 người tình nguyện cầu nguyện cho họ mỗi ngày, trước khi họ được điều trị hay phải giải phẫu. Với vô cùng kinh ngạc, các nhà nghiên cứu ghi nhận được một cách rõ ràng theo thống kê là nhóm người được cầu nguyện mau lành hơn trong lúc trị liệu và trong lúc dưỡng bịnh. Sau đó vấn đề này đã được nghiên cứu thêm tại các đại học nổi tiếng khác như Havard v.v. (Đọc Le Code De DIEU, Gregg BRADEN, Ariane 2004, tr. 113).

BIẾT VUN TRỒNG BẢN TÁNH

Trong xã hội loài người, có người có đức tin thì tự nhiên cũng có những kẻ vô thần, không tin Trời hay Phật, Tiên, Thánh, Thần… gì hết! Ngay nơi mỗi người, ai cũng có tánh tốt, tánh xấu. Lúc là Thánh hiền, khi là ma quỷ! Con người vốn thọ lãnh một phần chơn dương là linh hồn và một phần chơn âm là thể xác. Nên con người là Tiểu Thiên Địa bán âm bán dương. Lúc khởi đầu, điểm Linh Quang của Thượng Đế ban cho mỗi người đều sáng suốt như nhau nhưng qua những lần luân hồi chuyển kiếp, thăng trầm nơi cõi thế gian làm cho sự tiến hóa không đồng đều nhau, do những nghiệp quả đã tự tạo ra trong nhiều kiếp sống. Chính vì vậy, kinh Đại Thừa Chơn Giáo có giải thích chữ "Nhân" như sau:

"Chữ NHƠN *(人) có ẩn cái cơ huyền bí đạo mầu, vì chữ nhơn phết 1 phết bên tả là "chánh dương", bên hữu là "chơn âm". Âm dương lộn lạo bởi con người có động có tịnh, nửa trược nửa thanh. Người mà trực giác mẫn huệ, sớm biết tìm phương tu luyện, biện trược phân thanh thì được nhẹ nhàng sáng suốt." (Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, 1956, tr. 19).*

Sách "Đạo Học Chỉ Nam" (Minh Lý Thánh Hội, 1971 Tân Hợi, chương thứ hai Nhơn Sanh Nhứt Quán, trang 40) có dạy như sau:

"… Con người phải luôn luôn nhớ rằng mình là "âm dương chi giao, quỷ thần chi hội", nghĩa là mình đứng giữa âm dương, phân nửa là thần, phân nửa là quỷ. Có phải mà cũng có quấy. Có thiện mà cũng có ác. Vậy con người phải chọn con đường mà đi. Đi trúng con đường lành thì lên, bằng sái con đường lành thì xuống. Con người

---

2. Đọc "REIKI – GUÉRIS TOI-MÊME" Brigitte Müller – Horst H. Günther, bản dịch Pháp ngữ của Anne Charrière từ tiếng Đức, Le Courrier du Livre, Paris, 1994, tr.211. REIKI có nghĩa là Thần Khí. Rei là Thần, Ki (từ chữ Trung Hoa qi, đọc là "tchi") là Khí. Reiki là phương pháp trị bịnh Nhật bản bằng khí công truyền qua bàn tay. Dưới đây là sự bày tỏ của Max Plank:

"En tant que physicien quy, toute sa vie durant, s'est consacré à la science objective et à l'étude de la matière, je peux difficilement être soupçonné de fanatisme ou de mysticisme. Voici donc ce que mes recherches sur l'atome me conduisent à dire: la matière en soi n'existe pas! Ce quy crée et compose la matière n'est rien d'autre qũune force quy met en vibration les particules de l'atome et les maintient ensemble en un minuscule système solaire atomique. Derrière cette force, nous devons admettre l'existence d'un esprit coscient, intelligent. Cet esprit est la cause première de toute matière. Le réel, le vrai, le véritable n'est pas cette matière visible et périssable mais l'esprit invisible immortel. Or, comme l'esprit ne peut exister en soi et que chaque esprit appartient à un être, nous devons nécessairement supposer l'existence d'êtres–esprits. Et comme ces êtres–esprits ne peuvent pas non plus exister en soi mais doivent avoir été créés, je n'ai donc pas peur d'appeler ce créateur mystérieux du nom que tous les peuples civilisés de la Terre lui ont donné depuis les périodes les plus reculées, à savoir: "DIEU!"

có thể tu nên Tiên Phật, làm sư biểu cho muôn đời. Như thế giá trị con người không phải là con người tự tạo cho mình sao?

Vậy vấn đề nhơn bản là vấn đề hóc hiểm mà quan yếu. Nếu bản là gốc không lập, thì Đạo không sanh. Người không gốc thì người không đứng vững. Mà người là tâm, gốc của tâm là tánh. Biết vun trồng bản tánh mới thiệt chỗ căn cơ, tông tổ của con người."

CON NGƯỜI PHẢI TU LUYỆN

Trong "Thánh Ngôn Hiệp Tuyển" quyển 1, đàn ngày 19–12–1926, Đức Chí Tôn có ban cho một bài Thánh giáo bằng tiếng Pháp, dạy về phẩm vị, sự giàu có và danh vọng. Xin tạm dịch một đoạn như sau:

"Phẩm tước, của cải, danh vọng là gì? – Phẩm tước là gồm chung những chức tước làm người ta say mê hoặc ít hoặc nhiều, do con người tạo ra để phong cho con người.

Những phẩm tước đó có giá trị ra sao? – Phải chăng tùy theo giá trị của những ai đã tạo cho nó. Do con người ban cho, nó chỉ rất tầm thường. Những gì xuất phát từ con người không có gì bền bỉ. Nó sẽ hư hoại. (…)

… Chỉ có vinh quang của Trời mới có thể chống chọi lại mọi thử thách.

Khi đó, Đức Tiền bối Lê Văn Trung bạch cùng Thầy: "Mấy con phải làm sao mà tìm đặng phẩm tước, của cải và danh vọng của Trời?"

Thầy trả lời: TU."

Vỏn vẹn chỉ một chữ "TU". Trong "Đại Thừa Chơn Giáo" 1956, trang 19, Đức Chí Tôn giải thích rõ thêm hơn chữ Tu và Luyện như sau::

"Chữ TU *là gì? Tu là bồi bổ Tinh Khí Thần cho đầy đủ, đức tánh cho hoàn toàn, bỏ nhơn dục, tầm đường thiên lý thuận mạng, giữ thanh tịnh ôn hòa. Chỗ nào sứt mẻ hư hao thì tô bồi cho đầy đủ. Chữ* LUYỆN *là gì? Luyện là trau giồi cho sáng suốt hoàn toàn, giũa mài, rèn đúc trơn tru khéo léo. Tu mà không luyện thì chẳng khác chi một cục sắt không rèn làm sao thành một món khí giới? Luyện là rèn, thì chẳng khác nào một cục sắt đó còn đương vô dụng, luyện nó phải nướng cho nó cháy, rồi đập giũa, cạo gọt, rèn đúc mới thành cái khí giới.*

Người tu cũng thế. Muốn cho huệ mạng tròn đầy sáng suốt thì cần phải phanh luyện, mài giũa ngày đêm cho thành Kim Thân, Phật Tử. Ấy là phương pháp tu luyện. (…)"

Con người dù là nguyên nhân hay hóa nhân cũng đều phải tu luyện, sửa mình, sám hối tội lỗi mới có thể đạt được ngôi vị thiêng liêng Thần, Thánh, Tiên, Phật mà trở lại quê xưa nơi cõi Thiên đình. Thầy có dạy:

"Nơi trần khổ nầy, dầu cho bậc Chí Thánh cũng khó tránh sự lỗi lầm đặng, nhưng sự ăn năn tự hối là quý báu vô giá. Các Tiên Phật xưa cũng nhiều bậc đứng đặng địa vị cao thượng thiêng liêng là nhờ có sự cải quá mà nên chánh quả." (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển 1, 12–12–1926).

HÃY LO CHO ĐỜI SỐNG TÂM LINH

Ngày nay, trong cuộc sống nặng về vật chất, kỹ thuật, khoa học, con người xa lần với Trời, xa Thượng Đế, quên mất đi cái bản thể linh thiêng của chính mình. Sống chạy đua theo những nhu cầu thể xác, thỏa mãn thị dục nhất thời. Tuy nhiên, xã hội càng tiến bộ về khoa học với những phát minh vượt bực, con người lại càng gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống hằng ngày. Hình như ai cũng bận rộn, thiếu thì giờ, đi làm bị nhiều lo lắng, áp lực (stress)… Ví dụ, tại Pháp người dân dùng thuốc an thần càng ngày càng nhiều. Trong những năm gần đây, đời sống con người gặp nhiều khó khăn, người ta cảm thấy lo sợ, bất lực trước những thiên tai dồn dập: động đất, bão táp, lũ lụt, sóng thần, bệnh dịch, khủng hoảng kinh tế…

Ông Steve Jobs, cha đẻ các máy điện tử Trái Táo (Apple), sau khi được giải phẫu, cứu thoát chết vì ung thư tuyến tụy (pancreas) năm 2004. Ông đã nói với các phóng viên nhà báo: "Bây giờ tôi biết rằng kỹ thuật không thay đổi được cuộc diện thế giới. Người ta sinh ra, sống một thời gian ngắn rồi chết." Trong nhận định của Steve Jobs "Người

ta sinh ra, sống một thời gian ngắn rồi chết!", ông không nói đến mục đích của đời người là gì? Con người thường chỉ lo cho đời sống vật chất mà bỏ quên hay xem nhẹ phần tâm linh.

Đức Mẹ Linh hồn chúng sanh có dạy như sau:

"… Các con ơi! Đời người một kiếp sống, các con tưởng rằng trăm năm lâu lắc nhưng từ đầu xanh cho đến tóc bạc, từ mắt sáng đến mờ, từ tỏ tai đến lãng, từ sức mạnh thủ túc[3] có thể vượt núi trèo non, băng rừng lướt bụi cho đến lưng mỏi gối dùn, chơn đi không vững, chẳng có mấy hồi. Con thử bình tâm ôn lại trong chớp nhoáng, sẽ nhớ rằng mới ngày nào ôm cặp đến trường học thi văn chương chữ nghĩa, rồi lớn lên, rồi thành gia thất, rồi làm cha mẹ, rồi làm ông bà, thời gian đó qua rất mau và những chuỗi ngày còn lại cũng chẳng phải chậm đâu con. Với mảnh thân nhục thể, bao nhiêu nhu cầu vật chất đòi hỏi, các con sáng tối tảo tần, tháng năm bon chen dành dụm lo thiếu đủ, lo phải quấy, lo thù tạc vãng lai và bao nhiêu cái lo khác nữa, làm cho con không có ngày giờ để kiểm điểm hoặc nhớ rằng tuổi đời đã đi qua và đi qua mãi mãi không chờ các con. Mảnh thân sanh ấm no an ổn có ai dám gọi vẹn toàn, mảng bận rộn rủi may, mảng đa đoan phải trái, làm các con quây quần trong cái ăn, cái ở, cái mặc, còn có thì giờ đâu để nghĩ đến phần tâm linh tu tập giác ngộ để trau dồi tịnh luyện cho mẫn tuệ thuần lương, cho minh linh khiết tịnh.

Các con ơi! Phần đầu về kiếp sống, các con tưởng nó là quan trọng, nhưng có dè đâu phần sau mới là tối quan trọng. Các con có trở bước về nguồn được hay không, các con có hườn nguyên phản bổn được hay không, các con có trở về ngôi xưa vị cũ để Mẫu tử trùng hoan được hay không, đó là phần tối quan trọng. Còn thân xác phàm tục của các con, dầu muốn dầu không, rồi một thời gian cũng phải rã tan trả về cho tứ đại.[4]

(…) *Tuổi đời không cho phép các con chần chờ do dự, sức khỏe không cho phép các con thí nghiệm giữa nhơn thân và tâm linh. Hoàn cảnh không cho phép các con dể duôi, hoặc tu theo tài tử." (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 03–04–1977).*

Trong xã hội ngày nay, người ta thường chỉ lo chú trọng về nhân sinh, xem nhẹ phần tâm linh siêu thoát. Chúng ta nhận thấy là có rất nhiều tổ chức từ thiện để lo cứu khổ, trợ nghèo v.v. nhưng cho tới nay vấn đề đời sống con người vẫn không giải quyết được cho con người bớt khổ đau… Ngay tại các quốc gia tân tiến Tây phương ngày nay, các chính phủ cũng bó tay trước vô vàn khó khăn về các vấn đề xã hội. Các tôn giáo hiện hữu cũng không thỏa mãn được cho đời sống tâm linh con người. Có nhiều tôn giáo lại nảy sinh ra sự xung đột, cạnh tranh giữa các tôn giáo. Vấn đề đời sống con người là một vấn đề nan giải vì sự khổ đau cũng vẫn triền miên như chúng ta thấy khắp nơi trên thế giới từ thiên tai, bệnh tật đến chiến tranh, khủng hoảng kinh tế, nạn thất nghiệp, nạn đói, buôn lậu á phiện, mafia, con người tàn sát lẫn nhau vì khác tôn giáo, khác chính kiến, v.v.

Đã sinh ra làm người, mỗi chúng ta đều có bổn phận đóng góp ít nhiều vào việc cải tạo đời sống con người được tốt đẹp hơn vì là một phần tử trong tập thể, để không hổ thẹn là một con người đầu đội trời, chân đạp đất, một con người chính danh trong thế "Tam Tài", Thiên Địa Nhơn. Nhưng đóng góp như thế nào? Bằng phương pháp nào? Trong quyển "Minh Lý Yếu Giải" 1947, Minh Lý Thánh Hội, trang 24, có dạy như sau:

"… Trợ giúp việc hóa dục của Trời Đất tức là giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Giúp chẳng phải lo về mặt vật chất, cho ăn no mặc ấm mà thôi. Cốt yếu ở tại tinh thần. Nghĩa là: mình đã tự thấy sáng tỏ lý tánh của mình, thì cũng phải làm cho kẻ khác thấy lý tánh của họ sáng tỏ như mình vậy.

Lẽ tự nhiên, trước khi mình phải nhận thấy lý tánh của mình, rồi sau mới có thể giúp kẻ khác nhận thấy tánh như mình. Cũng như Nho nói "Minh minh đức" rồi mới "Tân dân", Thích nói

3. Sức mạnh của tay chân.

4. Tứ đại 四大: bốn chất căn bản tạo thành con người là đất (da thịt…), nước (máu, các chất lỏng…), gió (hơi thở), lửa (hơi ấm, thân nhiệt).

"Tự giác" rồi mới "Giác tha", Đạo nói "Độ thân" rồi mới "Độ thế" vậy. Nhưng đó chẳng phải là hai việc riêng nhau.

Mình nhận thấy tánh là đầu việc. Rồi giúp kẻ khác nhận thấy tánh là cuối việc. Đó là hai giai đoạn của một việc làm, không phải rời rạc nhau, vì làm nên cho mình là sở dĩ làm nên cho người đó. Cái lý tánh đã sáng bên trong, thì tất nhiên phát dung ra ngoài cũng thế. Tỉ như cái đèn đốt lên, chẳng phải chiếu cho một mình nó, mà cũng chiếu luôn khắp xung quanh nó nữa."

ĐẠO LÀ VỪA NHÂN SINH VỪA TÂM LINH

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Thánh giáo Cao Đài dạy con người phải biết chú trọng về tâm linh, bởi lẽ con người ngày nay bị cái hào nhoáng bên ngoài của vật chất thu hút mà bỏ quên phần tâm linh. Đức Lý Giáo Tông Vô Vi dạy rằng Đại Từ Phụ lập Cao Đài không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh mà là giải quyết toàn diện cá thể con người, tức là vừa nhân sinh, vừa tâm linh:

"Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo cứu thế trong Tam Kỳ Phổ Độ (…). *Quyền pháp Đạo thực thể cứu thế phải có trách nhiệm trên toàn thể nhơn loại. Không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, chính là giải quyết toàn diện cá thể con người.* (…) *Quyền pháp Đạo không là điều cai trị. Quyền Pháp Đạo chính là sự Thương Yêu, giải thoát cai trị để tiến hóa". (Thánh Thất Nam Thành, 17–02–1969).*

"Bình hành tâm vật". Vừa lo cho nhân sinh, vừa lo cho tâm linh. Đó là đường lối, chủ trương Cao Đài nhằm thực hiện "Thế Đạo Đại Đồng và Thiên Đạo Giải Thoát". Trên phương diện bản thân, người tín đồ Cao Đài tin tưởng có một phần thiêng liêng, cái bản tánh bổn thiện Trời ban cho trong mỗi người. Làm người, phải biết giữ cái gốc đó. Mỗi người phải biết lo hành đạo, lập công bồi đức, hi sinh bản thân, quên mình lo cho chúng sinh, thực hành "Công Trình, Công Quả, Công Phu " đầy đủ thì mới mong nhờ ân sủng Kỳ Ba Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn mà được trở về quê cũ nơi chốn thiêng liêng hằng sống.

Cái đức của người tu ví như dầu trong cái đèn dầu. Có dầu thì đèn mới có thể cháy sáng lên, soi rọi phá tan bóng tối, có ích lợi cho người. Người tu có đức thì cái Đạo tự hữu bên trong mới chiếu hào quang tỏa ra bên ngoài, làm việc ích nước lợi dân, mưu cầu hạnh phúc cho tha nhân. Nhờ công đức đó mà được giảm phần khảo thí trên bước đường Đại Thừa hành Thiên Đạo, tu luyện tánh mạng. Đức Tiền bối Ngọc Lịch Nguyệt dạy:

"… Đạo như cái thuyền, đức như nước. Nước có thì thuyền mới trẩy sang. Nên việc thứ đến là hành giả phải bồi công lập đức để tạo móng nền khả dĩ xây cất được ngôi nhà Đạo Pháp vững vàng. Công đức rất dễ làm nếu chư hành giả quyết tâm tu chứng. Cái vốn của công đức là tâm từ huệ, bác ái, vị tha, giúp người quên mình trong lúc người hoạn nạn khổ đau. Những việc làm do tâm từ huệ, bác ái, vị tha dầu lớn, dầu nhỏ cũng đều là công đức…" (Vĩnh Nguyên Tự, 25–6–1977).

Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển 2, ấn bản 1972, trang 199:

"Ngày chung quy, chỉ đem về Thầy một chữ TÂM và những công nghiệp đã gây thành cho sanh chúng."

HÀNH ĐẠO

Hành đạo là thực hành "Công Trình – Công Quả và Công Phu" hay nói ngược lại "Công Trình – Công Quả và Công Phu" có được là nhờ hành đạo. Hành đạo là cách trả nghiệp nhẹ nhàng nhứt.

Đức Lý Giáo Tông Vô Vi dạy:

"… Người hành đạo là người biết giữ lấy gốc. Có xa rời đi chăng nữa cũng biết quay trở về. Muôn sai nghìn khác là cảnh giới bên ngoài hữu hình màu sắc. Nếu con người không chóa mắt, không đeo đuổi chụp bắt thì oan khiên nghiệp chướng làm sao có thể vương vấn buộc ràng được.

Nhưng đã lỡ rồi, con thuyền đã tách bến khởi nguyên, khách đã ngủ say, mộng ảo chất chồng từ lịch kiếp, khi bừng tỉnh thì thuyền phiêu bạt ở ngàn khơi. Mọi bạo lực hùng hậu của sóng trào biển tục, mọi áp đảo của nắng cháy mưa chan, nỗi ray rứt tâm tư bởi thất tình lục dục đã kết cấu nghiệp lực trái oan, đã làm khách hãi hùng kinh cụ…

Phải làm sao? Phải tính sao? – Vốn liếng tự hữu hãy còn, dầu ít oi cũng phải đem ra tự vệ, tìm ngọn hải đăng mà quay về bến khởi.

Nhận được rồi chư đệ muội phải có một quyết tâm đừng thối nguyện. Điều kiện phương tiện là kiên nhẫn để ứng phó với hoàn cảnh, vững tâm trì thủ để lèo lái con thuyền trước những loạt sóng tung ào ạt phũ phàng, hy sinh mọi tư hữu chính mình trôi theo dòng nước tục để được nhẹ nhàng tách bến sang sông.

Tâm đức tài, lý tình thì ai cũng có ít nhiều, dày mỏng tùy theo căn trí của mỗi người, nếu biết sử dụng thì dở cũng hóa hay, ít oi cũng là hữu dụng. Ngược lại thông minh mà thiếu đạo thì trở nên ám muội. Tài bộ hơn người mà theo đường tà là mối loạn của xã hội nhơn quần. Công phu công quả công trình của người tu do hành đạo mà có. Sớm đã lãng quên, muộn cần gắn bó, thì đắc Đạo là kết quả nên một người chánh danh chánh vị của một con người." (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20–3–1981).

KẾT LUẬN

Tóm lại, "Có Trời mới có chúng sanh, Có con, con mới tu thành Phật Tiên" là cả một chu trình tiến hóa tâm linh: Thượng Đế là Đấng tạo ra muôn loài, vạn vật trong đó có loài người. Con người phải biết tu luyện, chuyển kiếp, luân hồi nhiều kiếp để đền bồi nghiệp quả và để học hỏi, hoàn thiện hóa cho đến chỗ tận thiện, tận mỹ mới có thể hoà nhập vào Đại Bản Thể của vũ trụ, hiệp nhứt cùng Thượng Đế.

Thầy có dạy:

"Từ bến khởi nguyên, con ra đi vương một sứ mạng trong hai đoạn đường: một đem Đại Đạo lập đời, hai trở về với Đại Đạo. Các con là những chức sắc, tín đồ, chức việc của Thầy. Thầy nhắc nhở các con nên thương yêu nhau, dìu dắt nhau trên đường tu học, để hoàn thành sứ mạng Phổ Độ Kỳ Ba.

(…) *Quyền pháp Đạo là tình thương và sự sống. Có nắm được quyền pháp thì Đạo mới hoằng khai; có tình thương, sự sống mới hòa bình, an lạc. Đó là điều kiện duy nhất để con trở về bến khởi nguyên Đại Đạo, về cùng Thầy." (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 22–01–1974).*■

ĐẠO THUẬN NHU…

(TIẾP THEO TRANG 19)

mẫu, khi hướng nội thì tự rèn luyện hoàn thiện thân tâm để tự độ, khi hướng ngoại thì giúp đời để độ tha, thực thi sứ mạng vi nhân để không uổng phí một kiếp người nơi cõi tạm.

Thuận với Trời để tạo nên thế Thiên Nhân hiệp Nhứt và Nhu với người để xây dựng thế Nhân hòa, thực hiện cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà Đức Thượng Đế Chí Tôn đã đề ra cho đại cuộc cứu độ Kỳ Ba là: "Thế Đạo Đại đồng và Thiên Đạo Giải thoát."

Nói khác đi, Thuận với Trời – Nhu với người là phương châm đạt Đạo của người tín đồ Cao Đài. "Biết Thuận Nhu là tu Khôn Đạo" vì con người đang ở trong cõi hữu hình, phải làm việc cho cõi hữu giới, phải hòan thành sứ mạng làm người để đủ điều kiện trở về chốn thượng thiên; nhưng để làm được điều đó, con người trước hết phải tự tô bồi làm sáng lại điểm Đạo tự hữu của mình, tức học theo Kiền Đạo để tôi luyện đức cương kiện mạnh mẽ trong ý nghĩa tiềm tàng bất biến, và học theo Khôn Đạo, vừa bồi dưỡng

nội lực vừa công quả giúp đời để đủ đầy hành trang cho chuyến hành trình trở lại bến khởi nguyên. Vậy có thể nói Thuận với Trời, chính là con đường tự độ và Nhu với người sẽ giúp cho việc độ tha.

Hai mục tiêu này chính là đường lối thực hành pháp môn Tam công trong giáo lý Cao Đài. Để trau giồi, rèn luyện, hoàn thiện hóa bản thân, con người phải luyện kỷ, diệt trừ những thói hư tật xấu, học hành mở mang trí tuệ, tri thức, sống theo lối sống của Thánh nhân, đồng thời con người cũng thực hành công phu thiền định để tìm lại bản lai diện mục, hầu có thể huyền đồng cùng Trời Đất. Đó chính là con người củng cố nội lực, phục hồi chất Trời mạnh mẽ cương kiện theo đúng Kiền đạo. Bên cạnh đó, con người phải nhớ rằng, sự hiện hữu của mình nơi cõi thế gian này không phải để rong chơi, hưởng thụ mà là để phụng sự, giúp đời, để thay Trời mang đến sức sống linh hoạt trọn vẹn cho cõi hữu hình, thực hiện đúng con đường của Khôn đạo.■

Người tân tín đồ cần ý thức về việc ăn chay

(TIẾP THEO TRANG 37)

cúng tế ông bà cha mẹ. Làm như vậy không những mình phạm tội sát sanh, mà vong linh ông bà cha mẹ mình cũng còn phạm tội liên can với mình nữa."

Xin dẫn một trường hợp đã xảy ra, được Ơn Trên nhắc đến: Ngày mùng 2 Tết Giáp Thìn (1964), giáng đàn tại Vĩnh Nguyên Tự, Đức Bảo Hòa Thánh Nữ có lời căn dặn người trong gia đình:

"Sum[3] hiền tức, ân cần lời dặn,
Cúng giỗ thì không đặng sát sanh
Heo gà ngon miệng đã đành,
Vui say kẻ sống, tội dành người xưa.
Lòng nhơn đạo dĩa dưa dĩa muối
Dạ thương chồng sớm tối kệ kinh;
Bạc tiền bố thí phóng sinh,
Trợ nghèo giúp khó trọn tình thê nhi."[4]

Quả thật đây là một kinh nghiệm cho người tu, cần căn dặn con cháu trước. Căn dặn rằng: Đến lúc cuối đời, nếu không may nghiệp lực người bệnh còn nặng, có đòi ăn mặn, con cháu và người nuôi bệnh cũng tìm cách trấn an nhưng không đáp ứng. Lúc thoát xác rồi cháu con cúng giỗ phải toàn đồ chay, nếu không thì: *"Vui say kẻ sống, tội dành người xưa."* Trước đó, mình cần phải làm gương cúng giỗ chay cho con cháu ý thức noi theo.

Vấn đề ăn chay còn nhiều điều sâu sắc hơn nữa, nhưng người tân tín đồ làm được những điều nêu trên đã là hết sức quý giá.■

3. Bà Sum là vợ của ông Lang Tử Hữu (anh của cụ Bạch Lương Ngọc) và là con dâu của cụ bà Nguyễn Thị Để (đắc vị Bảo Hòa Thánh Nữ); các vị này trong kiến họ Lê và đều là bổn đạo Vĩnh Nguyên Tự.

4. Thánh giáo tại Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời 02–01 Giáp Thìn (14–02–1964).

Phá chấp

■ THIỆN HẠNH

Trong quá trình tu học người tín đồ trải qua nhiều cấp lớp từ thấp lên cao: tiểu thừa, trung thừa và đại thừa. Ở bậc tiểu thừa, người tu học cần dựa vào những điều quy căn bản ban đầu để làm kim chỉ nam nhằm tu tập cho thuần thục để chuẩn bị tiến lên bước kế tiếp cao hơn. Tùy theo trình độ căn trí, hoàn cảnh bản thân và mức độ hành trì, thời gian tu học của mỗi người ở bậc tiểu thừa hay trung thừa có độ dài khác nhau: có thể vài tháng, vài năm, vài mươi năm, suốt cuộc đời, thậm chí có trường hợp phải dừng bước thoái chuyển.

Trường học đạo cũng giống như trường học đời, càng lên lớp càng có nhiều thử thách cam go, bài vở càng khó khăn. Vì thế, khi bước lên nấc thang Đại thừa để hành Thiên đạo, hành giả đã bước lên cấp lớp khác hẳn ở bậc Tiểu thừa và Trung thừa. Hành giả tu học bậc Đại thừa cần giải thoát mọi ràng buộc nơi cõi thế gian. Bởi vì, thực hành Thiên đạo tức là noi theo sự vận hành của thiên lý nhằm quay bánh xe đại thừa khắp mọi nơi để cứu độ chúng sanh, đoạn dứt luân hồi sanh tử. Cho nên, hành giả cần triệt thoái mọi tư dục, chấp trước, chấp ngã, chấp pháp, chấp có, chấp không, v.v. Có như vậy, hành giả mới thực hành được đạo giải thoát trên bước thiên đạo đại thừa.

"Người tu học Đại thừa phải hành Thiên đạo. Thiên đạo tức là đường lối giải thoát của người tu. Giải thoát mà Lão muốn nói đây là giải thoát mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp nhơn, chấp đạo, chấp pháp, tất cả đều "không" mới là giải thoát."[1]

BƯỚC ĐẦU TỪ "CHẤP"

Theo Tân luật (điều 12), người tân tín đồ Cao Đài ở bậc hạ thừa cần tuân thủ các điều kiện căn bản: giữ trai kỳ sáu ngày hoặc mười ngày, giữ ngũ giới cấm, tuân theo Thế luật của Đại Đạo. Ngoài ra, người tín hữu có trách nhiệm đến thánh thất hai ngày sóc vọng hàng tháng để cúng thời và nghe dạy (điều 19). Tuy những ràng buộc nầy có thể làm mất sự tự do cá nhân vì người tân tín đồ phải khép mình tuân thủ những quy điều và luật lệ, nhưng điều nầy rất cần thiết cho việc un đúc họ trở nên người môn đệ Cao Đài thuần thành.

Cho nên, có thể nói, người tín đồ trong giai đoạn tiểu thừa và trung thừa cần phải chấp vào những luật lệ quy điều như: ăn chay, giữ giới, cúng kính, tu học, hành đạo, v.v. Song, bất luận người tu học có thâm niên bao nhiêu năm đi nữa, nếu còn thiếu sót một khía cạnh nào đó trong những điều căn bản nầy cần trì hành cho đến khi nào hoàn hảo. Thật vậy, những gì con người còn thiếu sót thì cần phải chấp phương tiện để tu học và hành đạo; đến khi ta đã thuần thục rồi thì không cần chấp, hoặc bám víu vào phương tiện đó nữa. Bởi lẽ, nếu ta tiếp tục lệ thuộc vào phương tiện nầy sẽ không cần thiết và hữu ích nữa. Xin nói thêm, phá chấp chỉ có ý nghĩa là khi bản thân đã thực hành

1. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10–6 Bính Thìn (06–7–1976).

thuần thục, áp dụng nhuần nhuyễn phương tiện mà ta đã tạm mượn hoặc đã chấp vào trước đây. Sự thật hiển nhiên là sau khi hành giả phá chấp phương tiện cũ, hành giả vẫn hành trì một cách thuần thục, hoàn hảo. Phá chấp có nghĩa là hành giả không cần phải từng giờ từng phút bám víu, lệ thuộc vào phương tiện nữa mà nhứt cử nhứt động đều không vượt ra ngoài khuôn khổ, quy tắc. Thật vậy, lúc bấy giờ những giới luật quy điều nầy đã trở thành thói quen, mà hành giả không thể nào hành xử khác hơn được. Cho nên, có thể nói lúc bấy giờ, hành giả vừa phá chấp và vẫn đang chấp một cách vô ý thức. Phá chấp vì hành giả không còn lệ thuộc, bám víu vào phương tiện; và chấp một cách vô ý thức vì hành giả vẫn không ra ngoài khuôn viên mẫu mực. Xin nêu lên một thí dụ đơn giản là khi học sinh bắt đầu tập viết cần phải sử dụng hàng đôi để chữ viết được ngay hàng thẳng lối. Đến khi nào học sinh tập viết nhuần nhuyễn rồi thì không cần sử dụng hàng đôi mà chữ viết vẫn thẳng hàng như viết trong hàng đôi vậy. Lúc đó học sinh dù muốn hay không muốn cũng phải "phá chấp" cái phương tiện "hàng đôi".

RỒI ĐẾN "PHÁ CHẤP"

Hành giả tu học cấp đại thừa thiên đạo cần giải thoát tất cả những ràng buộc của hình danh sắc tướng, ngôn ngữ văn tự, thị phi đối đãi, v.v.

"Người hiểu Đạo giải thoát ngay từ bước đầu là phá chấp tất cả sắc tướng, hình danh, thị phi, ngôn ngữ, văn tự. Nếu còn chấp là còn lấy dây tự trói buộc mình trong phạm vi hạn hẹp."[2]

Nội dung của "chấp" rất đa dạng bao gồm: chấp trước, chấp kinh, chấp pháp, chấp nhơn, chấp ngã, v.v.

"Cái lỗi lầm to tát nhất của người tu hành Thiên ân hướng đạo là chấp trước, chấp hình, chấp danh, chấp kinh, chấp pháp, chấp nhơn, chấp ngã, nên gây nhiều trở ngại trên bước đường quay về bổn giác."[3]

Khi lục căn tiếp xúc với lục trần mà lưu lại hình ảnh tức là tâm dính vào cảnh, con người bị vướng mắc vào cảnh trần; ngược lại khi tâm tiếp xúc với ngoại cảnh mà tâm vẫn thanh tịnh, tức là tâm như mặt gương không hề lưu lại bất cứ hình ảnh nào, con người không bị vướng mắc vào cảnh trần. Mà hễ bị vướng mắc, tất nhiên sẽ phát sinh lòng ham muốn, dục vọng kết thành. Mà dục vọng kết thành tất nhiên con người còn phải luân chuyển trong vòng sanh tử luân hồi, không giải thoát được.

"Hễ còn chấp là còn gieo nhân. Hễ gieo nhân dục vọng ắt còn vướng trong bánh xe luân. Hễ chưa thoát ra khỏi bánh xe luân, ắt không siêu sinh liễu tử và lục đạo luân hồi."[4]

Xin được giới hạn vài phương diện của phá chấp như: chấp trước, chấp ngã và chấp pháp.

- Chấp trước: có nghĩa là tâm dính mắc vào một cái gì đó mà không tháo gỡ ra được. Thí dụ như có một người khen ta lịch sự và thông minh, chắc là mình sẽ thích lắm và luôn nghĩ về lời khen đó. Lúc đó, ta chấp trước vào lời khen. Hoặc là khi ta thích ăn món gì đó và nhờ người thân đi mua dùm. Do món ăn ta thích đã hết, nên người thân đành mua món khác thay thế. Ta không có phản ứng gì nhưng không ăn món ăn đó hoặc chỉ dùng một chút cho lấy có. Trong trường hợp nầy ta chấp trước vào món ăn. Trong kinh Kim Cang có dạy: *"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm."* điều nầy có nghĩa là nếu tâm không có chỗ trụ, không có chỗ bám víu vào, đó chính là nơi hành giả đạt đến. Khi đó, hành giả đạt đến chỗ tâm vô phân biệt, tâm tự tại, tâm phá chấp. Ngược lại, khi ta chú ý vào một điều nào đó, rồi nghĩ đến điều tốt hay không tốt, thì đều là chấp trước. Cho dù chúng ta chấp điều tốt hay

2. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 16–01 Bính Thìn (15–02–1976).

3. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01–12 Bính Thìn (19–01–1977).

4. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Bác Nhã thiền đường, 27–2 Quý Sửu (31–3–1973).

chấp điều xấu cũng không ngoài chấp trước cả.

Lại nữa, kinh Kim Cang có câu:

"Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn, bào ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ưng tác như thị quán."

Câu kinh nầy có ý nghĩa là các pháp hữu vi trên thế gian giống như giấc mộng, đều không thật tướng; các pháp nầy cũng giống như bong bóng, đều không thật có. Giấc mộng hay bong bóng chỉ tồn tại trong một thời gian rất ngắn. Suy cho cùng, vạn pháp đều tùy duyên mà phát khởi, sinh diệt vô cùng. Cho nên, hành giả giác ngộ được các hiện tượng do pháp biến sanh đều là vô thường cả, cần phải buông xả, đâu cần chấp vào cái nầy, chấp vào điều kia. Nếu trong tâm không còn chấp trước, hành giả sẽ an nhiên, tự tại.

"Người tu hành đừng nên chấp trước bởi chỗ vạn pháp do duyên khởi, nhưng suy kỹ lại thật vốn là không có gì cả, bởi các pháp đều hiện biến hữu ở không gian lẫn thời gian, duyên khởi tự thức giác mới lộ bày theo các pháp. Nếu đã đốn ngộ thượng thừa, tất nhiên phải quán định để tìm đến chỗ hư vô tịch diệt. Đó là Đạo, là chứng quả Như Lai, là kim thân Phật thể."[5]

• Chấp ngã: là bám chặt vào cái ta. Trong Tứ Diệu đế, Phật dạy rằng chấp ngã là nguyên nhân của khổ đau. Trong Tam kỳ Phổ độ, ơn Trên đã phân tích đầu mối của luân hồi sanh tử do chấp ngã. Bởi lẽ, do chấp ngã mà dục vọng hay lòng ham muốn phát sinh, mà lòng ham muốn nếu không toại nguyện sẽ thất vọng buồn chán; và điều nầy nếu không giải quyết được trong kiếp nầy thì con người sẽ phải mang qua kiếp lai sinh. Cho nên, vòng luân hồi sanh tử cứ trói chặt con người, không sao đoạn dứt được. Vậy nên, con người muốn giải thoát khỏi luân hồi cần đoạn trừ chấp ngã.

"Chính vì cái chấp ngã đã cầm chơn con người trong bước tiến, còn lẩn quẩn loanh quanh trong bánh xe luân hồi. Hễ còn chấp ngã ắt còn sự ham muốn. Ham muốn không được thì thất vọng. Thất vọng thì buồn đau thống khổ, thể xác tiều tụy hao mòn trong luật lão bịnh tử. Nhưng khi thác rồi đâu phải là dứt, vì cái sự buồn đau thống khổ chưa dứt khoát kia mà. Hễ chưa dứt khoát ắt còn trở lại để trang trải thanh toán. Hễ còn trở lại là còn vướng trong nghiệp luân hồi chuyển kiếp."

"Vậy nói ngược trở lại: Muốn giải thoát khỏi cảnh luân hồi là phải đào sâu chặt đứt mọi rễ lớn rễ nhỏ của sự buồn đau thống khổ. Muốn không buồn đau thống khổ thì hãy tránh sự thất vọng. Muốn tránh sự thất vọng thì đừng dục vọng. Dục vọng là ham muốn. Muốn trừ khử sự ham muốn thì điều trước tiên là đừng chấp ngã."[6]

Lại nữa, do chấp ngã nên con người chủ quan luôn cho mình là đúng, dễ dẫn đến tư tưởng ngã mạn. Đây chính là rào cản ngăn sự học hỏi để có thể tiến hóa. Còn chấp ngã tức là còn tham sân si, vòng luân hồi còn buộc chặt.

"Tham si vì chấp ngã, bởi chấp ngã nên chủ quan. Tất cả mọi ý nghĩ, mọi suy tư gì của mình đều cho rằng đúng, rằng chân lý đạo đức; không phân biệt được những ý nghĩ suy tư đó xuất phát từ cái chơn ngã hay từ cái giả ngã, xuất phát từ khối tâm linh hay từ các thể phụ thuộc. Đó là điều quan hệ nhứt cho giới tu hành."[7]

• Chấp nhơn: là lệ thuộc vào người khác. Người tân tín đồ thường có khuynh hướng bắt chước đường lối tu hành của những đạo hữu đi trước mình, cũng có đôi lúc "thần tượng hóa" nhân vật mà mình đặt hết niềm tin và sự trọng kính. Cho nên, những gì mà vị đạo hữu nầy nói, mình đều tin tưởng và thực hành mà đôi khi thiếu xét đoán. Điều nầy cũng giống như các "fan" ngưỡng mộ ca sĩ, nghệ sĩ trong lĩnh vực âm nhạc vậy. Phàm là con người làm

5. Đức Bác Nhã Thiền Sư, Bác Nhã thiền đường, 27–02 Quý Sửu (31–3–1973).

6. Đức An Hòa Thánh Nữ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10–3 Kỷ Dậu (26–4–1969).

7. Đức Ni Sư Diệu Lộc, Vạn Quốc Tự, 01–5 Kỷ Dậu (15–6–1969).

sao tránh khỏi những lúc lâm vấp, lúc bấy giờ vị tân tín đồ rất dễ có tư tưởng chán nản, thất vọng, hoài nghi và có khi lại bán đồ nhi phế do "thần tượng" bị sụp đổ.

Trong việc giao tiếp hàng ngày giữa các đạo hữu với nhau, cũng không tránh khỏi thị phi, góp ý, phê bình lẫn nhau. Trong đó, chắc hẳn đôi khi cũng có những lời phê phán nặng nề, giống như trăm ngàn cây kim đâm vào da thịt, có thể làm cho đạo hữu mặc cảm, buồn chán, bỏ tu. Con người cũng lại có khuynh hướng chỉ biết phê bình những điều thiếu sót, mà không thích khen tặng những ưu điểm của đồng đạo. Hoặc là chấp vào một vài chi tiết thiếu chính xác trong một bài thuyết minh giáo lý, một quyển sách biên soạn, để bài bác cả một công trình của đạo hữu, rất dễ gây tổn thương đến tình huynh đệ.

Thế gian nầy là cõi nhị nguyên đối đãi, đúng sai rất khó biện phân. Có những điều đúng vào thời điểm nầy lại không thích hợp với thời điểm khác. Cho nên, tinh thần phá chấp sẽ giúp cho chúng ta cởi bỏ những phiền não, mở rộng lòng bao dung, thắt chặt tình huynh đệ để cùng tu, cùng tiến.

• Chấp pháp: có nghĩa là bám chặt vào giới luật, gắn chặt vào giáo lý. Như đã trình bày, giáo luật và giáo lý là phương tiện tối cần thiết cho người tân tín đồ bất kỳ tôn giáo nào. Điều nầy cũng giống như là "hàng đôi" mà bất kỳ một học sinh lớp một nào cũng phải tập viết. Đến khi học sinh đã tập viết thuần thục rồi, tự khắc không còn sử dụng hàng đôi nữa. Tương tự, người tân tín đồ khi đã học tập và thực hành giới luật đến khi thấm nhập vào trong tâm, sẽ cảm thấy rất thoải mái, tuy giữ giới mà dường như không cần giữ giới luật nữa. Như vậy, ở giai đoạn tiểu thừa và trung thừa, người học đạo cần phải chấp pháp, bám chặt vào giới luật. Chính hành giả chứ không ai khác là người quyết định khi nào cần chấp pháp và lúc nào phải rời bỏ phương tiện. Suy cho cùng, pháp cũng chỉ là phương tiện; hành giả cần lìa phương tiện khi đạt đến mục đích. Đó chính là giải thoát vậy. Song, phá chấp ở cấp bậc đại thừa không có nghĩa là hành giả phải buông xả hay không cần nghiêm hành giới luật quy điều; mà thật ra, giới luật quy điều đã thể hiện đầy đủ và trọn vẹn trong mọi sinh hoạt hằng ngày của hành giả rồi. Cho nên, có thể nói là tuy phá chấp mà thật sự hành giả không giờ phút nào xa lìa giới luật quy điều. Suy cho cùng, tuy hành giả phá chấp mà dường như hành giả vẫn đang chấp vào quy giới tu trì.

"Bần Đạo khuyên chư đệ cũng như các hành giả nên nhớ điều này: "Pháp thị bổn vô pháp". Nếu chấp pháp thì không hành đúng chánh pháp, bằng nếu không chấp pháp thì cũng hành sai chánh pháp. Vì thế các pháp không ở luyện thần điều tức mà thành Đạo được, mà thần không luyện, tức không điều thì Đạo cũng không thành. Vì thế các bậc thành Đạo xưa kia nói đến chỗ đắc nhứt. Như hiện nay, chư đệ đi chung một con đường mà không hay mình cùng một con đường, thế thì vẫn còn chấp pháp và không chấp pháp, vẫn còn vọng tưởng; còn vọng tưởng thì không đạt được chánh pháp.

Hỡi chư hiền đệ! Dầu rằng con đường phục nguyên tuy diệu viễn, người hành giả phải trải qua nhiều giai đoạn trong các sắc của trần gian, nếu vượt qua các sắc trần, không vướng duyên nghiệp, chứng quả vô lậu, thì hành giả sẽ tới chỗ Một mà hành giả muốn tới.

Pháp là chiếc bè, hành giả muốn sang bỉ ngạn phải nhờ bè. Bè là tên của một vật, có vật phải có người điều khiển. Hành giả là người nương bè chớ không là người điều khiển. Qua sông phải bỏ bè."[8]

Chấp pháp còn có nghĩa là bám chặt vào các hình thức nghi lễ tôn giáo hay giáo điều văn tự. Hành giả chấp pháp là người cứ mãi bám chặt vào ngón tay chỉ trăng mà không nhìn thấy được ánh sáng của trăng nên không đạt được chỗ

8. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Bác Nhã thiền đường, 03–3 Nhâm Tý (16–4–1972).

"Trực chỉ chơn tâm, kiến tánh thành Phật." Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn dạy về điểm này như sau:

"Chư hiền đệ muội! Khi bàn luận đến đạo lý thì phải tạm mượn những văn tự, ngôn từ để diễn tả, chớ thật tướng của chơn đạo là không hình không danh, không ngôn ngữ, văn tự nào mô tả được nó.

Những hiền nào dày công tu tập, thánh trí minh linh sẽ được trực giác Thiên tánh của mình để cảm nhận và chứng nghiệm. Nhưng hiềm vì chúng sanh căn trí không đều, chi nên các Đấng Thiêng Liêng đã phải tạm dùng đủ mọi ngôn từ, hình thức, phương tiện để dắt dìu, dạy dỗ từng căn trí một từ kẻ giác đến người mê. Biết được cái nguyên lý đó thì người hiểu Đạo giải thoát ngay từ bước đầu là phá chấp tất cả sắc tướng, hình danh, thị phi, ngôn ngữ văn tự. Nếu còn chấp là còn lấy dây tự trói buộc mình trong phạm vi hạn hẹp. Do đó mà Đạo Kinh thường dùng những ngôn từ úp úp, mở mở, như có, như không, như chẳng phải có mà cũng chẳng phải không, chẳng phải không có, mà cũng chẳng phải không không,v.v. Bởi vì đó là một phương tiện trong những phương tiện để làm ngón tay chỉ trăng, khiến kẻ tìm trăng phải hướng nhãn quan mình vào phía đó và vượt xa hơn nữa mới thấy trăng.

Sở dĩ dùng những ngôn từ không rõ rệt như vậy bởi vì không có ngôn từ nào chính xác để định nghĩa Đạo. Những ngôn từ mà thế nhân thường dùng là để diễn tả những gì thuộc cõi nhị nguyên đối đãi mà thôi. Biết như vậy để cõi lòng mình được mở rộng thênh thang, không có gì đóng khung ngăn cách, đó là mình đã giải thoát từng phần một trên cuộc hành trình tìm bến khởi nguyên rồi vậy."[9]

Trong lĩnh vực tôn giáo, người tín đồ thường có khuynh hướng cho rằng tôn giáo hoặc pháp môn của tôn giáo mình mới là chánh tín, là phương tiện hữu hiệu và rốt ráo nhất để giúp cho bản thân tu hành đắc quả, trở về nước trời hay cõi cực lạc niết bàn. Thậm chí, có người còn quan niệm rằng ngoài tôn giáo của mình ra, tất cả các tôn giáo khác đều là bàng môn tả đạo. Thật ra, tất cả các tôn giáo chánh tín hiện hữu trên thế gian đều là những phương tiện để đưa con người từ bến mê sang bờ giác. Sở dĩ có nhiều hình thức tôn giáo nơi thế gian cũng nhằm đáp ứng trình độ căn trí và nhân duyên khác nhau của con người mà thôi.

Song, cũng có trường hợp ngược lại là có người chấp vào pháp môn tu trì của thánh sở hoặc tôn giáo mình không cao siêu bằng pháp môn của nơi khác, có khuynh hướng đứng núi nầy trông núi nọ. Kết quả là suốt cuộc đời người đó cũng chẳng đi đến đâu, lẫn quẩn loanh quanh trong việc thí nghiệm pháp môn, làm tiêu hao rất nhiều thời gian, công sức, và có khi gây nguy hiểm đến sức khỏe.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay còn gọi là đạo Cao Đài được chính Đức Thượng Đế vì lòng đại từ đại bi khai minh tại thánh địa Việt Nam vào cuối thời Hạ nguơn mạt kiếp nhằm cứu độ chúng sinh và lập đời Thượng nguơn Thánh đức. Tuy đạo Cao Đài được Ơn Trên khải thị rằng sẽ tồn tại đến thất ức niên (700.000 năm), tinh thần phá chấp vẫn thể hiện rất rõ khi Ơn Trên đã xác tín rằng: *"Cao Đài không phải là Cao Đài mới thiệt là Cao Đài."*

"Tuy nói về chơn đạo thì Cao Đài không phải là Cao Đài mới thiệt là Cao Đài, nhưng với quốc dân đồng bào chủng tộc Việt Nam trong một cục bộ giai đoạn, nó phải tạm mang cái danh để được chánh danh. Danh có chánh, ngôn mới thuận."[10]

• Chấp có cho rằng vũ trụ nầy là có thật, còn chấp không quan niệm ngược lại với chấp có. Phật phản bác cả chấp có và chấp không.

"Chấp không, chấp có thiên tà,
Lìa không, bỏ có cũng là bàng môn."[11]

9. Vĩnh Nguyên Tự, 16–01 Bính Thìn (15–02–1976).

10. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 16–01 Bính Thìn (15–02–1976).

11. Đức Bác Nhã Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, thánh giáo bài chữ Tâm.

TẠM KẾT

Con người tu học và hành đạo tại thế gian trải qua giai đoạn từ thấp lên cao: tiểu thừa, trung thừa rồi đến thượng thừa giải thoát. Ở giai đoạn sơ cơ, người tín đồ cần phải dựa vào giới luật, quy điều, giáo lý để làm phương tiện tu học và hành đạo. Trong giai đoạn nầy người tín đồ cần phải chấp đạo, chấp pháp để nương tựa vào tôn giáo, pháp môn tu hành. Khi đã thuần thục ở bậc tiểu thừa và trung thừa, hành giả bước lên cấp bậc đại thừa thực hành Thiên đạo, cần phải phá chấp để giải thoát mọi ràng buộc nơi thế gian ngõ hầu vượt ra ngoài vòng câu thúc của luân hồi sanh tử. Thật vậy, hành giả chỉ nương tựa, bám víu hay "chấp" vào những gì mà hành giả còn thiếu sót để làm phương tiện tu trì, đến khi hành giả đã hoàn hảo và đạt đến mục tiêu thì cần rời bỏ phương tiện để bước lên bờ giác ngạn. Đó chính là phá chấp vậy. Song, phá chấp ở cấp bậc đại thừa không có nghĩa là hành giả phải buông xả hay không cần nghiêm hành giới luật quy điều; mà thật ra, giới luật quy điều đã thể hiện đầy đủ và trọn vẹn trong mọi sinh hoạt hằng ngày của hành giả rồi. Cho nên, có thể nói là tuy phá chấp mà thật sự hành giả không giờ phút nào xa lìa giới luật quy điều. Suy cho cùng, tuy hành giả phá chấp mà dường như hành giả vẫn đang chấp vào quy giới tu trì.

"Bình đẳng quan của nhà Phật cũng thế, không chấp ngã mà phải chấp ngã, chấp ngã lại không chấp ngã. Đó tức là chấp cái ta thiếu mà không chấp cái ta dư. Bởi thiếu bởi dư nên ta phải bị trong vòng lẩn quẩn chấp nê, nên cần quân bình tiện túc."[12]

Tất cả các sự kiện hay hiện tượng xảy ra trên thế gian nầy đều là pháp hữu vi, do nhân duyên cấu thành và đều mang tính huyễn ảo, giả tạm và vô thường. Tuy nhiên, người hành giả có thể tạm mượn lấy những pháp hữu vi nầy trong một thời gian hữu hạn để rèn luyện, chuyển hóa từ một con người phàm trần trở nên một kim thân bất tử. Nếu còn chấp trước, tức là tâm còn dính mắc, vướng víu vào vạn pháp sai biệt thì làm sao hành giả có thể an nhiên tự tại được. Nếu còn chấp ngã, tức là tâm còn bám chặt vào tự ngã chủ quan thì làm sao hành giả có thể đoạn trừ dục vọng để an vui thanh thản được. Nếu còn chấp nhơn, tức là tâm còn lệ thuộc vào tha nhân thì làm sao hành giả có thể tự chủ tự tín trên con đường hồi nguyên phản bổn được. Nếu còn chấp pháp, tức là tâm còn lẩn quẩn trong các hình thức lễ nghi tôn giáo, giáo điều, văn tự thì làm sao hành giả có thể trực giác minh linh để đạt Đạo. Nếu còn chấp có chấp không, tức là tâm vẫn loay hoay trong chỗ hiện hữu và ngược lại thì làm sao hành giả có thể suốt thông con đường trung đạo được.

Cho nên, hành giả bước lên nấc thang đại thừa thực hành Thiên đạo cần phải phá chấp để tâm vô ngại, giải thoát tại trần gian và siêu xuất thế gian.■

12. Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên, Vĩnh Nguyên Tự, 01–9 Giáp Dần (15–10–1974).

Kiếp người gẫm lại có bao lâu,
Mới thấy tóc xanh kế bạc đầu,
Năm bảy mươi năm hay ít nữa,
Có ai lột vỏ sống hoài đâu!

HỰU THI

Đâu là nẻo giả với đường chân,
Lẩn quẩn loanh quanh chốn cõi trần,
Lặn hụp biển mê thân tứ đại,
Xét ra ai cũng khổ muôn phần.

HỰU THI

Khổ vì sự nghiệp chửa nên công,
Con cái dại khờ gẫm quá đông,
Nếu lỡ nay mai mình chết sớm,
Ai lo bảo dưỡng chúng cho xong.

ĐỨC VẠN HẠNH THIỀN SƯ, MINH LÝ THÁNH HỘI, 21–8 TÂN HỢI (09–10–1971).■

Học Lời Đức Phật Dạy

■ HUỆ Ý

Tam Kỳ Phổ Độ, thời hội thông của tất cả tôn giáo, Ơn Trên dạy:

"Hội Tam Kỳ quy nguyên vạn giáo,
Gồm Thích, Nho, Gia, Lão một nhà,
Vì đời chia bảy, rẽ ba,
Nên đem tôn chỉ dung hòa năm châu."

Đức Chí Tôn dạy:

"Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương.

Nhiên Đăng Cổ Phật thị ngã, Thích Ca Mâu Ni thị ngã, Thái Thượng Nguơn Thỉ thị ngã, Kim viết Cao Đài."[1]

ĐÔI NÉT VỀ CUỘC ĐỜI CỦA ĐỨC PHẬT

Đức Thích Ca Mâu Ni là một vị Hoàng Tử:

- 25 tuổi xuất gia.
- 6 năm khổ hạnh trì tu.
- 49 ngày thiền định dưới cội bồ đề và.
- 31 tuổi thành đạo, chứng đắc đạo quả A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề (Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).
- 49 năm hoằng pháp.
- 80 tuổi nhập Niết Bàn.

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Vĩnh Nguyên Tự, 7 Avril 1926. Sau này Đức Chí Tôn tiếp tục dạy: "Thầy là các con, các con là Thầy."

BÀI HỌC TỪ CUỘC ĐỜI CỦA ĐỨC PHẬT

Cuộc đời Đức Phật để lại cho chúng ta những bài học sống động:

CHÁNH KIẾN

Chánh kiến là thấy biết chân lý nhờ đó mà thay đổi nhân sinh quan, chuyển hóa cuộc đời. Sau khi đi qua bốn cửa thành thấy già, bịnh, chết là khổ, chỉ có tu hành mới tìm thấy an lạc chân phúc, Đức Phật đã rời bỏ cung vàng điện ngọc để đi tu.

Như vậy khi thấy biết: **ĐỜI LÀ VÔ THƯỜNG; KIẾP NGƯỜI LÀ KHỔ**, hành giả mới phát tâm tìm cầu giải thoát.

Về mặt Thiên đạo: cha, mẹ, vợ, con là những mối dây, hết mối này thêm mối kia cột chặt mình để cùng khổ: khổ chung, khổ lây. Khi được tin công chúa Ya Du Đà La sinh con trai, ngài than: *"lại thêm một sợi dây ràng buộc ta nữa rồi"* và đặt tên con là La Hầu La có nghĩa là "**TRÓI**".

NHỨT TÂM BẤT THỐI CHUYỂN

Không thể để tất cả người thân cùng chìm trong khổ hải, Đức Phật đã quyết tâm làm người mở đường khai phá. Cha mẹ vợ con làm sao hiểu được tâm đại hùng, đại lực, đại từ bi của Ngài. Hành động này được Đức Hà Tiên Cô diễn tả:

"Chặt đứt mảnh tơ hồng, mới mong về đất Phật."[2]

Rời hoàng cung, cỡi ngựa kiền trắc đến bờ sông Ni Liên Thiền, Ngài cắt tóc, đổi long bào lấy áo nông dân bắt đầu khổ hạnh trì tu, một đi không trở lại nếu chưa thành đạo.

Nhứt tâm bất thối chuyển, hiện nay trong thanh quy các thiền viện dùng từ "**DỨT KHOÁT**", tu ra tu cho thành, chớ không nửa đời nửa đạo.

VẤN ĐỀ PHÁP MÔN

Đầu tiên Đức Phật tu khổ hạnh, mỗi ngày một hột mè, một hột gạo suốt 6 năm. Tình trạng suy dinh dưỡng đưa đến một ngày Ngài té xỉu. Tỉnh lại, Ngài định tâm: *"Tu thế này chưa thành đạo mà đã chết, làm sao có kết quả."* Ngài đi đến sông để tắm. Một cô gái chăn bò dâng Ngài một bình sữa, Ngài thọ nhận và quyết định chọn cách tu phù hợp với quần chúng: *"Không thái quá để dưỡng xác thân, mà cũng không bất cập ép xác khổ hạnh"*, đó là con đường Trung đạo.

Ngài đến dưới cội bồ đề và lập thệ ngồi thiền cho đến bao giờ chứng đắc. Sau 49 ngày nhập định, Ngài đắc đạo quả A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề (Vô thượng chánh đẳng chánh giác), năm ấy Ngài được 31 tuổi. (Chúng ta cũng nhớ Đức Ki Tô sau 49 ngày tĩnh tâm trên núi cũng bắt đầu giảng đạo năm 30 tuổi. Đức Khổng Tử cũng dạy "tam thập nhi lập" nghĩa là ba mươi thì trụ vững).

Đức Phật bắt đầu hoằng pháp suốt 49 năm và nhập niết bàn năm 80 tuổi.

LỜI DI CHÚC

Trước khi nhập Niết Bàn Ngài để lại 2 di ngôn: một cho phần công truyền, một cho phần tâm truyền.

Một vị đệ tử hỏi: "Sau khi thầy nhập niết bàn, chúng con biết nương tựa vào ai để tu học?"

Đức Phật đáp: "Sau khi ta nhập niết bàn, các con hãy nương tựa vào giới luật để tu, chẳng khác nào người mù mà được sáng mắt, như giữa đêm mà gặp ánh đuốc, giới luật chính là thầy của các con." Di ngôn này thích nghi cho nhiều căn cơ trên tiến trình tu học, đã nghiêm trì giới luật thì các bước tiếp theo sẽ là định rồi huệ.[3]

Về tâm truyền, Đức Phật dạy: *"49 năm qua ta chưa từng thuyết pháp"*[4], rồi Ngài cầm nhành sen và đưa lên, các đệ tử yên lặng, chỉ có Ngài Ma Ha Ca Diếp hội ý mỉm cười và đảnh lễ Phật.

---

2. Tây Tông Vô Cực Cung tiểu sử.

3. Kinh Di Giáo.

4. Vấn đề "Nói mà không nói" của đức phật. (Xem phụ lục).

PHƯƠNG PHÁP GIÁO HÓA

Đức Phật là một vị lương y, Ngài đối chứng lập phương, tùy theo căn cơ của đệ tử mà dạy cách trì tu. Đối với người này Ngài chỉ dạy hai chữ "TẢO TUỆ" (chổi quét), đối với người khác thì Ngài dạy cả quyển kinh Đại Bát Nhã, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh…

Đức Thích Ca là một nhà khoa học. Ngài dạy tiến trình học tu là VĂN, TƯ, TU (nghe, suy nghĩ, thực hành[5]). Khi nào thực hành thấy kết quả đúng như lời Ngài dạy thì hãy tin. Thực hành là quan trọng nhứt. Ananda, thị giả của Ngài mà chủ quan nên không được tham dự ngày đầu của cuộc Hội Nghị Kết Tập. Chỉ một đêm quyết tâm, Ananda đã chứng đắc và được mời dự hội nghị.[6]

ĐÔI ĐIỀU TÂM ĐẮC VỀ LỜI DẠY CỦA ĐỨC PHẬT TRONG THÁNH GIÁO CAO ĐÀI

ĐỘNG CƠ TU HỌC

Động năng thúc đẩy con người làm việc, thúc đẩy con người lên Thánh hay xuống ma là ưa thích. Ở con vật chỉ có bản năng. Ở con người phần con là bản năng, phần người là lý trí, ý chí, đạo đức. Trong mỗi hành giả đều không tránh khỏi cuộc chiến đấu giữa phần con và phần người, kinh sách gọi "đó là cuộc đấu tranh dành quyền tự chủ". Đức Phật dạy:

"Háo Đạo tợ háo sắc, thành Phật giả đa thời."

(Nghĩa: Ưa Đạo như ưa sắc đẹp (cả hai phía nam lẫn nữ) thì thành Phật đã từ lâu).

Sắc là tất cả những gì do con mắt nhìn thấy rồi động tâm (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp). Thấy sắc động tâm là bị tình chi phối. Thấy của cải tài sản động tâm là bị lợi chi phối nên ít có người xả phú cầu bần, xả thân cầu Đạo. Đức Phật dạy:

"Nhập hải tầm châu thiên hạ hữu,
Xuất gia đầu Phật thế gian vô."

Nghĩa:

"Xuống biển tìm ngọc trai thì nhiều kẻ,
Bỏ nhà theo Phật lại không người."

Vì con người chưa thấy biết: đời là vô thường, kiếp người là khổ.

KHỔ CỦA CHÚNG SANH

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Phật dạy:

"Trùng dương khổ hải đập đùng xao,
Thương bấy nhơn sanh chốn dạt dào,
Nước mắt nhiều hơn vùng nước biển,
Máu đào vượt hẳn sóng ba đào.
THAM SÂN *khuấy* ĐỘNG TÂM THANH TỊNH,
SI DỤC *nhận* CHÌM TRÍ TUỆ CAO.
Tiên Phật thường khuyên tu giải thoát,
DỌN MÌNH TRỞ LẠI CẢNH TIÊU DAO."

Khi dọn mình trở lại cảnh tiêu dao, chúng ta tiến đến giai đoạn học pháp thoát khỏi mọi ràng buộc trong vòng luân hồi sanh tử, thăng hoa nghĩa là bay lên cao hơn, rộng hơn.

TÂM PHÁP

Thời đức Thích Ca, phép tu gọi là Du Già (Yoga), còn gọi là Thiền Na (Dyana = Tịnh Lự):

*"Chỉ có phép thiền na (*THIỀN*) tam muội (*ĐỊNH*),*
Mới tĩnh tâm tắt nguội lòng phàm,
Diệt trừ tận gốc sân tham,
Mới mong thanh tịnh mới làm vô vi."

Đến thời Tam Kỳ Phổ Độ, phép thiền được gọi là Tâm Pháp:

"TÂM PHÁP ẤY *thoát nơi dòng khổ hải,*
CHỨNG BỒ ĐỀ *đạo quả* KIẾN NHƯ LAI."

Chơn đạo:

"Đường CHƠN ĐẠO *trông không mà có,*
Pháp chánh truyền có đó hoá không."

Công phu:

"Công trình, công quả, CÔNG PHU,
Ba công hội đủ đường tu vững vàng."

Vậy nội dung tâm pháp gồm những gì?

---

5. Ông Thích Thanh Từ cũng được hỏi: "Thầy đã thiền đến thiền thứ mấy và định thứ mấy?", sau đó Ông quyết tâm noi gương Đức Phật thực tu, thực chứng.

6. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:
"Hành pháp tuy rất dễ,
Công phu có khó chi,
Chỉ tại tâm không định,
Chánh pháp khó duy trì.
Giác ngộ tam canh đủ,
Mê muội bá niên kỳ…"

Tâm pháp: tẩy xú khai thanh thân và tâm.

Việc tu nói phổ quát, tâm pháp ở từng mực phổ thông là tẩy xú khai thanh thân và tâm.

Đức Phật có người con theo đi tu, đây là một tấm gương mà ai đi tu cũng muốn làm theo, mình đi tu, con mình đi tu theo, dù nhiều hay ít cũng được hơn là không ngơ. Nếu con mình không ngơ thì đó không những là một nỗi buồn mà còn là một mối lo trong gan ruột.

Ngài La Hầu La (được dịch là "sợi dây trói buộc", hoặc "trở ngại"[7]) theo đức Phật tu hồi còn để chỏm, tánh trẻ con tinh nghịch chưa hết. Còn quá trẻ để nghe giảng đạo nên khi chư tăng thính pháp thì Ngài được tự do ở tịnh xá.

Một hôm có nhóm tăng sĩ đến trễ, hỏi Ngài La Hầu La nơi đức Phật giảng đạo, thay vì trả lời bên A là đúng thì ông chỉ bên B, vì vậy khi quý vị này đến nơi thì Đức Phật đã giảng xong. Hôm sau, thay vì bên B thì La Hầu La lại chỉ bên C, Đức Phật hỏi nhóm tăng này có việc gì trở ngại mà ngày nào cũng đến muộn? Vị tăng lớn tuổi nhất kính cẩn thưa: không biết sư chú La Hầu La có rõ nơi Thầy giảng pháp không, nhưng chúng con theo sự chỉ dẫn của sư chú thì đều không đến đúng địa điểm Thầy dạy, quay trở lại thì không còn kịp nữa. Đã hiểu nguyên nhân, Đức Phật nói với Ngài Anan:

"Con mời sư chú La Hầu La đến đây."

La Hầu La đến, Đức Phật bảo:

"Chân cha hôm nay không được sạch, con đem cái chậu này múc nước rửa vậy."

La Hầu La mang chậu ra giếng lấy nước rửa sạch chân của Ngài. Đức Phật bảo La Hầu La:

"Cha cho con nước trong chậu này để uống đó."

La Hầu La lắc đầu. Đức Phật hỏi sao vậy? – "Vì nước này dơ rồi."

Đức Phật nói:

"Tâm con chẳng khác nào nước này, nước dơ con không sử dụng, cha không sử dụng và mọi người không sử dụng, con đem đổ đi."

La Hầu La đổ nước rồi đem chậu vào. Đức Phật nói tiếp:

"Bây giờ cha cho con chậu này để đựng thức ăn đó."

La Hầu La lại lắc đầu. Đức Phật hỏi tại sao? La Hầu La đáp:

"Nước dơ con đã đổ đi, nhưng cái chậu cũng dơ, nên không đựng thức ăn được."

Đức Phật nói:

"Thân con chẳng khác nào cái chậu này, nước dơ làm cho chậu dơ. Này La Hầu La con đừng để tâm con, thân con dơ thêm một lần nào nữa."

La Hầu La tiền kiếp cũng tu nhiều rồi, nên kiếp ấy sớm rời bỏ cung vàng điện ngọc để nối gót cha học, tu, hoằng pháp, trở thành một trong mười đại đệ tử của Đức Phật và chứng quả A La Hán.

Việc tẩy xú khai thanh thân tâm này được Ngài Thần Tú viết qua bài thơ:

"Thân thị bồ đề thọ,
Tâm như minh kính đài,
Thời thời cần phất thức,
Vật xứ nhá trần ai."

Nghĩa:

"Thân như cây bồ đề,
Tâm như đài gương tỏ,
Ngày ngày phải lau chùi,
Chớ để dính bụi dơ."

Về mặt đạo học, con người chỉ khác nhau ở cái tâm mà thôi. Đức Quan Thế Âm dạy: *"Có cái tâm như nước ở dấu chân trâu, có tâm như nước ao hồ, có tâm như nước sông dài, có tâm như nước biển rộng."* Trong một cá thể, sự thăng hoa tâm thức được Đức Lê Văn Duyệt diễn tả:

"Rũ hết cân đai chốn bụi hồng,
Anh linh soi sáng cõi huyền không,
Tình dân tộc đổi tình nhân loại,
Nghĩa nước non ra nghĩa đại đồng.
Bảy tấc gươm thiêng xua quỷ mị,
Một câu đạo đức chấn gia phong,
Dắt người ra khỏi cơn mê mộng,
Xứng đáng trời nam giống Lạc Long."

---

7. Nãrada Thera, "Đức Phật và Phật pháp" (Phạm Kim Khánh chuyển Việt ngữ) nxb tp Hồ Chí Minh,1998, tr.32.

Tâm ở dấu chân trâu chỉ biết cá nhân mình.

Tâm ở ao hồ được hơn một chút còn lo cho gia đình.

Tâm ở sông dài biết lo cho cả dân tộc, thuộc Thần Đạo.

Tâm ở biển rộng lo chung cho nhân loại chúng sanh, thuộc Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Cái sau mở rộng chứ không phủ nhận cái trước. Sự thăng hoa tâm thức cho đến bao giờ được "tâm không", tâm "vô ngã", chứng quả "vô sanh" mới ra khỏi vòng luân hồi sanh tử.

TÂM BÌNH ĐẲNG

Mục đích của tâm pháp là thoát vòng lục đạo luân hồi đạt đến chỗ "vô sanh", chưa thoát được thì còn tái sanh, giải thoát được là "vô sanh".

Ngài dạy:

"Bổn Sư muốn bảo với chư chúng sanh rằng: từ xưa bổn sư đã giác ngộ bởi lý ngẫu nhiên kết thành một lý giải thoát, xuất phát từ trong cái tự nhiên bản thể mà lập thành chủ thuyết, thành đạo giáo để cải tạo hoàn cảnh xã hội loài người đang sống trong vòng sai biệt. Khi ấy **CHỖ CHỨNG ĐẠO CỦA NHƯ LAI KHÔNG PHẢI Ở MẤY MƯƠI NĂM THUYẾT PHÁP, CŨNG KHÔNG PHẢI Ở MUÔN TẠNG KINH, MÀ CHỨNG NGỘ Ở CHỖ "TÂM BÌNH ĐẲNG TỊCH CHIẾU HƯ KHÔNG",**

ĐÓ LÀ ĐẠI NIẾT BÀN:

KHÔNG SẮC TƯỚNG,

KHÔNG ÂM THINH,

KHÔNG NHÂN NGÃ,

KHÔNG LUÂN HỒI,

VÔ LAI BẤT KHỨ.

Thế nên Bổn Sư đã nêu lên:

"NẾU ĐEM ÂM THANH SẮC TƯỚNG MÀ CẦU THẤY NHƯ LAI THÌ KHÔNG BAO GIỜ NGÓ THẤY."[8]

Chúng ta khổ vì có cái "ta" và cái "của ta", rồi muốn giữ cái "của ta" mà tái sanh, nhưng dưới cái nhìn như thật thì không có cái "ta":

"Nhơn duyên huyễn hợp giả thành,

Vô thường biến ảo tan tành từng giây.

(…)

Có cái này, cái kia mới có,

Do cái này, cái nọ mới sanh,

Trong vòng lẩn quẩn loanh quanh,

Bao giờ thoát khỏi tử sanh luân hồi."

Chính vì thực chứng cái tâm vô ngã mà Đức Huệ Năng đọc:

"Bồ đề bổn vô thọ,

Minh kính diệc phi đài,

BỔN LAI VÔ NHỨT VẬT,

Hà xứ nhá trần ai."

Làm sao trở về chỗ "vô nhứt vật"

Làm sao để có tâm thức "sắc tức thị không, không tức thị sắc; sắc bất dị không, không bất dị sắc"?

Ông Nguyễn Công Trứ đi thi, hoặc chúng ta đi thi ở trường đời thì:

"Đi không chẳng lẽ lại về không,

Cái nợ cầm thư phải trả xong."

Trong trường tiến hoá, còn mang một vật chi về là thi rớt. Vua Lý Nhân Tông ca ngợi thiền sư Sùng Phạm qua bài thi:

"Sùng phạm cư Nam quốc,

TÂM KHÔNG CẬP ĐỆ QUY,

Nhĩ trường hồi thụy chất,

Pháp pháp tận ly vi."

Nghĩa:

"Nước Nam ngài Sùng Phạm,

TÂM KHÔNG THI ĐẬU VỀ,

Tai dài hiện tướng lạ,

Pháp pháp thảy nhiệm mầu."[9]

Muốn lo cho cả chúng sanh, nhân loại, Đức Phật dạy chúng ta phải có "tâm vô ngã." Tâm vô ngã là tâm lành, tâm vị ngã là tâm bịnh:

"Chí đạo chẳng có chi rằng khó,

Hiềm vì người cau có so đo,

Chỉ không nên thương ghét rị mò,

Lòng thiệt trống xét dò tỏ sáng.

Vương một mảy lầm sai chẳng hạn,

8. Trúc Lâm Thiền Điện, 18–7 Quý Sửu (16–8–1973).

9. Thích Thanh Từ, "Thiền sư Việt Nam", nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 55.

Chia đất trời cách hẳn đôi bên.
Muốn đạo cao trước lập hiện tiền,
Chớ thuận nghịch mà thiên đây đó.
BẰNG PHẢI TRÁI ĐUA TRANH CHẲNG BỎ,
ẤY BỊNH TÂM NÊ CỐ VẪN CÒN,
Nếu không rành huyền chỉ chí ngôn,
Dầu niệm tịnh cũng không mấy ích."[10]

Tâm vị ngã này nó tế vi lắm, Đức Di Lạc dạy:

"Đã dày dặn công phu chay lạt,
Chấp ngã còn chẳng khác chi đời,
Bần Tăng khuyên hỡi ai ơi,
Tìm về chánh đạo thì Trời ấy ta."

Chúng ta thường hiểu lầm câu "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn", Đức Thích Ca trong một lần lai cơ chỉ dạy:

"Bổn Sư nhắc những lời vàng đá,
Thiên thượng, thiên hạ, **DUY NGÃ ĐỘC TÔN.**
Ngã là mầm móng căn bản của sự mê hôn,
Tham, sân, si, chấp tướng, độc tôn, hữu sắc.
Chư thiện tín phải hiểu tường mạch lạc,
Vượt ra ngoài khuôn khổ vị tông,
Đặt mình lên cơ hội đại đồng,
TẦM CHÁNH PHÁP, *đi đến ngày Hoa Long Đại Hội."*

Muốn không còn tham, sân, si, chấp tướng, độc tôn thì phải tầm chánh pháp. Chánh pháp tức tâm pháp, tức là thiền. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

"Tu là thuốc chữa bệnh trần,
Thiền là đoạn diệt tham, sân, dục tình."

Nguồn gốc của mọi đau khổ là do tâm: tâm pháp là pháp an tâm.

TÂM VÔ SỞ TRỤ

Làm sao để có kim thân? Đức Phật dạy:

"**KIM THÂN CỦA BỔN SƯ CŨNG KHÔNG PHẢI Ở NƠI PHO TƯỢNG NÀY, MÀ KIM THÂN VẪN CÓ TRONG TÂM LẶNG LẼ VÔ SỞ TRỤ**[11] **CỦA CHƯ ĐỆ TỬ VÀ NGƯỜI ĐÃ HIẾN DÂNG,** *mặc dù đó là việc tự nhiên hay ngẫu nhiên, nhưng cũng có* **ĐIỂM ĐẠO "TÂM HẰNG HỮU".** *Chư đệ tử hãy nhớ lời Bổn Sư hôm nay."*

KẾT LUẬN

Đức Phật dạy: *"Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật đang thành."* Chúng ta hãy phấn đấu để được đắc thành đạo quả như lời chúc lành của Ngài.

Trước hết phải thấy biết: đời là vô thường, kiếp người là **KHỔ** mới giác ngộ.

Từ ngộ đạo đến đắc đạo còn rất xa, hành giả phải lập tâm "nhứt tâm học, tu, hành đạo, sống đạo bất thối chuyển thì mới cầu mong viên mãn". Sự nhứt tâm này các thiền viện Phật giáo gọi là "**DỨT KHOÁT**".

Đối với thân thể, phương tiện tu học, hành giả không dung dưỡng thái quá, mà cũng không bất cập bỏ bê, phải nhờ nó "dùng phàm thân để tạo thánh thân".

Từ bước đường đầu là "tẩy xú khai thanh thân, tâm", hành giả thọ pháp thiền để rèn tâm cho đến "tâm bình đẳng, tâm vô sở trụ" thì kết quả đời tu cũng cận kề.

Xin cầu và nguyện được như thế.■

PHỤ LỤC

VẤN ĐỀ "NÓI MÀ KHÔNG NÓI" CỦA ĐỨC PHẬT.

Sau 49 năm truyền đạo mà thế hệ đi sau chép lại thành tam tạng giáo điển, Ngài lại dạy: *"49 năm qua, ta chưa từng giảng lời nào."* Làm sao chúng ta hiểu được lời dạy ấy?

Đến Tam kỳ Phổ Độ, trong một lần lai cơ Ngài dạy:

*"Để giải thoát mọi tâm tư nguyện vọng của chư đệ tử, Bổn Sư đưa ra đây những lời bất di bất dịch, cũng có thể Bổn Sư "***NÓI MÀ KHÔNG NÓI***" lời nào cả. Hỡi chư đệ tử nam nữ, này chư đạo tâm hướng thượng…"*

Chúng ta có thể hiểu "nói mà không nói" theo hai cách:

(XEM TIẾP TRANG 95)

10. Đức Tam Tổ Tăng Xán, "Tín Tâm Minh", (Ngài Minh Thiện Việt dịch).

11. Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: "Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm". Nhờ câu này mà Ngài Huệ Năng giác ngộ, phát tâm học tu.

Tự Lập THEO LỜI THẦY DẠY

■ XUÂN MAI

Trong những ngày mới khai Đạo, Đức Chí Tôn đã dạy: *"Thầy đã nói cho các con hay trước rằng: Nếu các con không tự lập ở cõi thế nầy, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng. Ấy vậy, vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó. Thầy vì công lý mà khai đạo cho các con cũng là một hạnh phúc lớn cho các con. Nếu Thầy còn đưa tay bồng ẵm thì các con chẳng còn để ý chịu nhọc vì Đạo… Vậy Thầy khuyên các con cứ thìn lòng thìn nết cho có trật tự trong Đạo thì tất nhiên muôn điều khó nhọc cũng tan như giá."*[1]

Thật vậy, vấn đề tự lập là vấn đề chúng ta – các con cái của Thầy phải lo. Nhưng phải tự lập như thế nào để có thể lập vị cho mình, có thể trở lại quê xưa vị cũ?

Nếu dựa vào ý nghĩa của chữ "Đạo" là hướng dẫn người tu muốn hiệp nhứt được âm dương, tức là đắc Đạo, thì phải tự thân vận động để làm kim chỉ nam trên bước đường tu học, trước nhứt chúng ta cần ý thức:

TỰ BẢN THÂN MÌNH PHẢI RỌI TUỆ GIÁC CHÍNH MÌNH TỰ CÓ VÀO CUỘC SỐNG ĐỂ NHẬP THẾ HÀNH ĐẠO

Trong lịch sử tiến hóa của nhân loại, từ cuộc sống thô sơ lạc hậu từ xa xưa cho đến hôm nay, những phát minh khoa học cùng với thành quả của nó đã đưa nhân loại đến thời kỳ vàng son của sự tối tân hiện đại. Kết quả ấy có được là do khả năng khối óc của con người. Nhưng khả năng đó chỉ mới là một phần nhỏ giới hạn của trí tuệ, hay nói cách khác, con người khoa học chỉ mới vận dụng được một phần trí sáng thế gian của mình, chứ chưa phải là toàn bộ trí tuệ của mỗi con người từ nơi tâm thanh tịnh chính mình sẵn có.

Triết học Đạo Cao Đài xác tín: Toàn thể vũ trụ, vạn vật trong đó có con người, đều có cùng một chủ quyền. Chủ quyền ấy là Thượng Đế, một năng lực biến hóa vô cùng, làm nền tảng cho sự sống tâm linh và vật chất của muôn loài:

"Thượng Đế là chủ quyền điều động tất cả, tạo hóa muôn loài vạn vật. Từ Nguyên nhân cho đến Hóa nhân, thấp sanh hóa noãn, đều phải có Đạo lưu hành để trưởng dưỡng và tiến hóa."[2]

Chủ quyền này, nơi con người, không chỉ đơn giản là những quyền năng thường tình như sự tự do cá nhân, quyền lực cá nhân, quyền hành cá nhân. Chủ quyền này là một chủ quyền thiêng liêng mà Tiểu Linh Quang vốn đã được thọ bẩm từ Đại Linh

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, trang 58.

2. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Thiên Lý Đàn, 12–02 Kỷ Dậu (29–03–1969).

Quang, là những quyền năng tạo hoá vốn ẩn tàng nơi con người. Đây là quyền năng tối cao của nhân loại, là di sản vô cùng quý báu mà bất kỳ ai cũng có, nếu biết vận dụng và phát huy đúng đắn, thì có thể tiêu diệt mọi khổ đau, đạt đến bến bờ hạnh phúc.

Do quyền năng đó, con người hoàn toàn có thể làm được tất cả những gì Phật Tiên Thánh Thần đã làm để tạo thành cảnh thiên đàng nơi cõi thế. Vậy tự bản thân mình phải rọi tuệ giác chính mình tự có vào cuộc sống để nhập thế hành đạo:

"Người có thể làm được những việc Phật Tiên Thánh Thần đã làm, cũng chính bàn tay người có thể tạo lập một cảnh thái bình an cư lạc nghiệp, có thể nói là thiết lập một cảnh thiên đàng tại thế gian cho muôn dân đều cộng hưởng."[3]

Chính Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Thượng Đế khai mở để giúp vạn linh và con người đánh thức chủ quyền đó ở bản thân mình. Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy:

"Con người biết tìm cửa đạo, nên phân biệt lẽ chánh điều tà. Tâm trung thường trụ điều khiển bản thân, chuyển thất tình thành thất bửu, chuyển lục dục ra lục thông. Lúc bấy giờ nhãn quan nhìn vạn vật như tay chơn, đầu cổ, thân xác của mình. Từ đó phát khởi tình thương Vô Cực, nảy sanh lòng mến yêu, chăm sóc, dưỡng dục tất cả mọi người. Tình thương phát khởi tại tâm trung sẽ thể hiện lên gương mặt, tướng đứng, hình ngồi, đi, nằm, đều lộ vẻ khả ái, đức độ từ bi. Từ đó, sẽ hiện lên một nhị xác thân để bảo tồn nhục thể. Vì vậy, nên người tu hành đúng mực độ, đúng Lý Đạo đất trời, dầu ở trong biển lửa không thấy nóng, ở chót Hy Mã Lạp Sơn không thấy lạnh, ở trong khám đường thế tục không thấy gò bó, ở trong thời đao binh khói lửa không nghe tiếng động khí cụ chiến tranh, không còn cảm thấy sự khổ; ma không bắt, thú không ăn, kẻ hung ác không nỡ giết hại."

"Con người được đến mức độ đó thì còn cầu mong gì lên chốn thiên đường cực lạc vô tận xa xăm, mà chỉ ở thế gian này cũng đã toại hưởng đầy đủ các điều kiện đó rồi. Một ưu điểm hơn nữa là được gần gũi cùng chúng sanh để có nhiều dịp thế Thiên hành hóa, để được công dày đức trội, hầu vượt lên phẩm vị Phật Tiên."[4]

Con người là chủ nhân của mọi hành vi của chính bản thân mình ở cả ba thời: quá khứ, hiện tại và vị lai, là đối tượng duy nhất có khả năng khai sáng được ngọn đèn trí tuệ nơi chính tấm thân nhỏ bé này và có toàn quyền thưởng phạt cho chính cuộc đời mình. Ngoài mình ra không ai hoặc bất cứ thần linh nào có khả năng đưa mình lên thiên đàng hay ném mình xuống địa ngục. Trong Kinh Pháp Cú, câu 145, Đức Phật dạy rằng:

"Chỉ có ta làm điều tội lỗi, chỉ có ta tránh điều tội lỗi, chỉ có ta gội rửa cho ta. Trong sạch hay ô nhiễm là tự nơi ta, không ai có thể làm cho người khác trở nên trong sạch."

CAO ĐÀI GIÁO LUÔN ĐỀ CAO NỖ LỰC VÀ Ý CHÍ TỰ TU TỰ CỨU CỦA BẢN THÂN CON NGƯỜI

Tinh tấn là một trong những đức tính quyết định việc thành tựu đạo quả Bồ Đề. Trên bờ giác ngộ chẳng bao giờ có dấu chân của người lười biếng, thiếu ý chí cầu tiến.

Với những tâm hồn khát khao tự cứu tức là tự giải thoát khỏi vòng tội lỗi mê lầm chấp trước để hòa hợp mọi người, dốc hết sức bình sinh, nỗ lực tu học hành đạo theo đúng đường lối, dõng mãnh, kiên cường để vượt qua mọi nghịch cảnh, mỗi chúng ta chắc chắn sẽ đạt được kết quả tốt đẹp trên bước đường tu tập và nhập thế hành đạo. Nhược bằng ngược lại, cho dù Thầy Mẹ và các Đấng Phật Tiên có dang tay bồng ẵm cũng không

3. Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn; Vĩnh Nguyên Tự, 03–12 Ất Tỵ (25–12–1965).

4. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiền Điện, 02–01 Bính Ngọ (22–01–1966).

làm sao đưa chúng ta thoát khỏi biển trần lao đầy thống khổ này.

"Chư hiền đệ muội là những người giữ vườn và tiếp nối phát triển khu vườn đạo. Chư hiền là Thần Thánh Tiên Phật trong thế hệ tương lai. Thế nên chư Tiên Phật thường khuyên dạy chư hiền đệ muội mỗi mỗi người đều phải cố gắng học, tu hành để đắc vị Thần Thánh Tiên Phật.

(…) Chỉ có mình biết tu học, tu hành mới cứu mình thoát vòng luân hồi chuyển kiếp, siêu sanh liễu tử, đắc quả bồ đề mà thôi.

Mỗi một thời kỳ Thượng Đế mở đạo là một thời kỳ mà trình độ tiến hóa của nhơn sanh thay đổi. Thế nên pháp đạo cũng do sự tiến hóa đó mà dẫn dắt nhơn sanh đi từ chỗ mê tín đến chánh tín, đi từ chỗ âm thinh sắc tướng đến vô vi chi đạo, đi từ chỗ cầu cạnh van xin được thành đạo đến chỗ tự độ tự tu tự cứu…"[5]

"Con hỡi con ôi cố gắng tu,
Tự con giải thoát khỏi trần tù;
Thế Thiên hành đạo cho nên phận,
Nên phận là nhờ chí sĩ phu."[6]

Tu học, tu hành phải theo chiều chánh tín, nghĩa là phải dựa vào chân lý Đạo để tìm cầu cái Đạo tự hữu của chính mình mà không tìm cái Đạo ở sắc tướng âm thinh thì mới tiến bộ. Phải biết tự lo cho mình vì: *"Ăn để được no, nghỉ để được khỏe, tu để được cứu rỗi. Tự mình hãy lo cho mình."*[7]

TỰ LO CHO MÌNH KHÔNG GÌ KHÁC HƠN LÀ LO CHO NGƯỜI KHÁC, CHÍNH LÀ LUÔN CHÚ Ý LẬP THÊM CÔNG, BỒI THÊM ĐỨC

Đức Mẹ dạy:

"Các con biết lo cho kẻ khác chính là tự lo cho các con đó. Đồng tiền bát gạo đem để vào chỗ đúng nhân nghĩa không mất đâu con. Ngược lại, sản nghiệp dầu to lớn đến đâu, nếu nó có bởi việc làm thiếu đạo đức mà ra thì của thiên rồi cũng hoàn về cho địa."[8]

Công đức là do tự nơi thân tâm con người tạo ra mới có, chớ không ai cho được. Trên bước đường tu học cố gắng làm nhiều âm chất, bồi thêm nhiều công đức để giảm lần nghiệp chướng tiền khiên, để tránh rủi ro đưa đến trong cuộc sống.

Đức Quan Thế Âm dạy:

"… hãy tạo cho mình một tư tưởng, hãy chọn cho mình một việc làm khả dĩ gọi là tư tưởng trong lành, việc làm đạo đức thanh cao thánh thiện. Đó là tự mình đã tạo cho mình có những lương phương diệu dược, có đạo linh phù hộ mạng, và cũng là có được nhịp cầu thông cảm cùng Phật Tiên Thánh để được hộ trì dắt dẫn ở kiếp hiện sanh và thoát thai thánh hóa ở kiếp lai sanh."[9]

TRƯỚC TIÊN PHẢI TỰ MÌNH THƯƠNG NGƯỜI; TỰ RÈN LUYỆN BẢN THÂN

Chúng ta đã biết, sống trên cuộc đời này, con người rất cần tình thương. Không ai có thể sống cô đơn, không cần sự tương quan, giao lưu với người khác. Mỗi người đều có trái tim khao khát tình thương yêu, luôn mong muốn được yêu thương người khác và được người khác thương yêu mình. Đó chính là hạnh phúc lớn lao nhất của con người. Bởi vậy, người có đạo đức luôn có ý thức xây dựng tình đoàn kết thân ái giữa người và người, luôn đến với người trước và yêu thương người trước bằng tất cả sự chân thành. Để tiến bộ, chúng ta phải ngày ngày tu sửa, rèn luyện bản thân. Để dễ được thiện cảm với người khác, ta phải biết hy sinh, nhường nhịn, luôn nhận phần ít hơn, nhận phần thiệt thòi nhất và cứ tìm một chỗ đứng khiêm tốn như lời dạy của Đức Quan Thánh Đế Quân:

5. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 04–3 Quý Sửu (06–4–1973).

6. Đức Mẹ, Vĩnh Nguyên Tự, 11–11 Bính Thìn (31–12–1976).

7. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 01–9 Giáp Dần (15–10–1974).

8. Đức Mẹ, Chơn Lý Đàn, (Vạn Quốc Tự), 15–6 Nhâm Tý (25–7–1972).

9. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 06–4 Giáp Dần (27–4–1974).

"Bần Đạo muốn lưu ý toàn thể rằng: mình muốn người khác thương mình, trước phải tự mình thương người đã. Đừng ngồi một chỗ kêu gọi thiên hạ đến với mình, mà phải bản thân mình đến với thiên hạ trước đã. Đừng bảo hoặc yêu cầu ai thương mình, nếu trong khi đó mình thiếu tác phong cử chỉ hành động đối với họ. Đừng sợ người ta không thương mình, chỉ e tại mình thiếu tác phong nhân cách phẩm hạnh đạo đức để được xứng đáng cho người ta thương mà thôi. Đừng sợ không ai hợp tác với mình, chỉ ngại mình không có nhiệt tình muốn hợp tác với người ta. Cũng như đừng sợ phí kiếp tu hành mà không đắc đạo, chỉ ngại cho mình không thiết tha hành đạo lập công bồi đức và tu học mà thôi."[10]

TỰ NHẬN TRÁCH NHIỆM THẾ THIÊN HÀNH HÓA

Có trọn vẹn đức tin nơi Thầy Mẹ, có tự tin vào sự sắt son của chính mình trên con đường đi tìm chân lý Đạo, có thiết tha tu học, hành đạo, lập công bồi đức thì mới đủ sức và đủ tự tin tự nhận lãnh trách nhiệm trước nhơn sanh. Vì do học tu mà được sáng suốt an lạc, đó là tự lợi hay tự giác, kế đến là lợi tha hay giác tha. Muốn giáo hóa người, phải thâm hiểu giáo lý Đạo Trời, sau đó tùy căn cơ, tùy hoàn cảnh, mà hướng dẫn, đưa người từ chỗ tối tăm đau khổ đến chỗ sáng suốt an vui.

"Đặt trọn niềm tin vào Thượng Đế, vào các đấng Thiêng Liêng qua linh cơ diệu bút để giác ngộ khải mê, giúp các em thức tỉnh tiến bước hành đạo phản bổn hoàn nguyên, Chị cho là đúng. Đó là phần hướng lên. Còn phần hướng nội là tự xem chính mình có thật sự tin hay không. Đã tin thì chính mình là Đạo, phải thay Trời mà vận hành tự cường bất tức. Có như vậy các em mới thực hiện được sứ mạng hay nói rõ hơn là các em, những người Thiên ân hướng đạo phải tự nhận trách nhiệm của mình.

Thánh ngôn Thánh giáo là kim chỉ nam để chỉ đường dẫn lối. Tự mỗi các em phải ý thức mà hành sự."[11]

"Ai có biết Thiêng Liêng sắp xếp,
Ai có tường duyên nghiệp của mình,
Nếu người chưa biết tự tin,
Dễ chi Ngọc bảng thiên đình đề danh."[12]

Cái vui mà người tu đạt được, không phải là cái vui tầm thường ở thế gian. Người thế gian suốt ngày tìm tòi nắm bắt cái vui cỏn con, nhưng được rồi lại mất. Như người vớt bong bóng nước, vừa thấy bong bóng đẹp lóng lánh, đưa tay vớt, nó liền tan mất. Cái vui của người thế gian là cái vui trá hình của sự đau khổ, là cái vui của kẻ mê, là cái vui của chúng sanh. Chúng sanh vì mê lầm, nên cứ tìm cầu chạy theo những cái vui nhỏ giả dối tạm bợ, không biết mệt nhọc nhàm chán. Còn cái vui của người giác ngộ là cái vui vĩnh viễn của người tỉnh giác có trí tuệ. Người giác ngộ không tìm đạo nơi âm thanh sắc tướng mà phải tìm đạo tự nơi trong vốn đã có sẵn rồi, nhưng nó đã bị vùi lấp dưới mớ tro tham, sân, si, dục, hỉ, nộ, ái, ố.

"Người đời chỉ vì phải cái bệnh hướng ngoại đi tìm hạnh phúc ở viển vông cho nên suốt đời không sao tìm được cái chân hạnh phúc, dầu cho quanh năm suốt tháng cầu nguyện hòa bình lập đàn tế tự. Chỉ khi nào con người biết hướng nội, tự làm lấy, tự tìm lấy, tự tạo lấy mới mong hưởng được cái chân thiện mỹ, cái chân hạnh phúc thái hòa an lạc mà thôi."[13]

TỰ MÌNH ĐẶT CHO MÌNH MỘT KỶ LUẬT RIÊNG TƯ ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TU HỌC HÀNH ĐẠO

Người đời cũng như người tu sợ nhất là tự chiến bại, tự thua mình. Người tu tự thua mình ở chỗ giải đãi biếng lười, phiền não, sân si, tật đố, ố nhơn thắng kỷ. Do vậy phải tự lực một cách kiên

10. Nam Thành Thánh thất, 15–02 Kỷ Dậu (01–4–1969).

11. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13–8 Kỷ Mùi (03–10–1979).

12. Đông Phương Chưởng Quản, Thiên Lý Đàn, 15–6 Bính Ngũ (01–8–1966).

13. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 06–04 Giáp Dần (27–4–1974).

trì mạnh mẽ, không ngừng nghỉ. Phải thay Trời mà vận hành tự cường bất tức thì bậc lãnh đạo, hàng hướng đạo mới có thể hướng dẫn nhơn sanh vượt qua bao khó khăn, trở ngại, sóng to gió lớn để đưa con thuyền đến được bờ giác.

Sự tu học, tuy dễ mà khó. Dễ ở chỗ không ai bắt buộc gò bó, đóng khung mình trong một luật lệ nghiêm khắc, chỉ do nơi tự giác tự nguyện của mình mà thôi. Hễ vui thì đi chùa thất hoặc đến giảng đường nghe giảng đạo hằng tuần, lúc buồn hoặc biếng lười thì ở nhà ngủ ráng năm ba kỳ cũng không sao. Lúc vui thì sẵn sàng hợp tác chịu góp phần tinh thần lẫn vật chất không nệ hà hao tốn. Khi phật tâm trái ý hoặc tự ái nổi lên thì rút êm ở nhà không ai dám làm gì. Đó là dễ. Nhưng chính tại cái dễ đó rồi cái khó lại kề bên. Khó ở chỗ nào? Ở chỗ chế ngự nội tâm, rèn lòng luyện tánh.

Người ta có thể dùng uy quyền danh lợi vật chất để thắng kẻ khác, nhưng chính mình đã thua và tự thua mình ở chỗ giải đãi biếng lười, phiền não, sân si, tật đố, ố nhơn thắng kỷ. Đó là cái khó. Vì khó ấy mà ngọn đèn từ huệ nội tâm bị che lấp ánh thiên quang, trở nên thường nhân mê muội thì tha hồ cho đỉnh chung lôi kéo, danh lợi níu trì, phú quý rủ ren, tiền tài dẫn dắt. Hễ được cái này thì mất cái khác, ví như lời tục thường nói: "ăn bữa giỗ lỗ buổi cày"…

Thế nên người tu học phải tự mình đặt cho mình một kỷ luật riêng tư khắt khe gò bó, vừa với sức mình rồi hằng ngày tuần tự nhi tiến đều đều liên tục."[14]

TỰ MÌNH KHẮC KỶ, TU CÔNG, NGHIÊM MINH GIỚI LUẬT

Trỗi thêm một bước nữa là công phu tu luyện nội tâm để siêu thoát khỏi vòng luân hồi nghiệp quả thì ý thức tự thân vận động, tự lực, tự cường càng phải mạnh mẽ hơn nữa. Hành giả càng phải tận nhân lực, phải tự mình tu tiến. Nhứt là kiên trì bền bỉ, nghiêm minh giới luật trên bước đường sứ mạng Đại Thừa. Phải khổ công, gian khổ luyện tập. Phải chấp nhận trả nghiệp tiền khiên. Không than vản vô ích sẽ làm xao động tâm trí, thối chí nản lòng.

"(…) Phải tự lực cánh sinh, tự tu tự tiến. Thiên nan vạn nan mới đắc thành quả vị chớ nào phải nói suông, ăn không ngồi rồi trong sự đau khổ của kẻ khác, hay ỷ lại vào tha nhân, vào hoàn cảnh, vào Phật Tiên mà đắc Đạo."[15]

"(…) Trên đường tánh mạng song tu, nếu là một hành giả có quyết tâm giải thoát thì phải luôn luôn bước tới không ngừng nghỉ, nếu dừng bước là thối bộ. Càng tới càng thấy khó khăn hơn, như học trò lên lớp, như thí sinh vào trường. Nếu sơ tâm ắt bị đánh rớt.

Nhưng cái rớt của trường đời còn có thể ngồi lại 1 năm để rồi thi lại, còn đối với trường đạo có khác một điều hễ lên thang đại thừa mà rớt thì phải bị xuống. Lần thứ nhứt phải tắm gội ba năm. Lần thứ hai phải nhơn lên ba nữa tức là 9 năm mới phục hồi được. Nếu phải bị lần thứ 3, người hành giả sắp đến đích mà bị rớt thì không được nhơn lên nữa, mà phải đợi đến thất ức niên sau mới có cơ hội phục hoàn chánh vị."[16]

Riêng hàng sứ mạng Thiên ân trên Đại Thừa cần phải có một sức sống dõng mãnh, tinh thần phải chói sáng, phải kiện hành bất tức, phải ngộ nhập trong chính tự tánh.

Tự tánh chính là Bản Tánh là Bản Linh Chơn Tánh – hay Chơn Như Bổn Thể, hay điểm Tiểu Linh Quang hay linh hồn – là một bản thể đồng nhất giữa Thiên Địa, vạn vật, và con người. Dù là Thánh hay phàm, Bản Tánh ấy vẫn không tăng thêm hay giảm bớt. Bản Linh Chơn Tánh thọ nhận tất cả di sản duyên nghiệp của nhiều kiếp trong quá khứ để mang theo qua cõi khác:

"Tánh là bản thể, là căn bản của con người, viên minh thường trụ, hồn nhiên thiên lý, vốn

14. Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–02 Quí Sửu (18–3–1973).

15. Đức Như ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15–3 Bính Thìn, (14–4–1976).

16. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 27–9 Nhâm Tuất (12–11–1982).

có một không hai, chơn thật mà thiêng liêng, ở Thánh không thêm, ở phàm không bớt."[17]

Do chúng sanh không biết dưỡng Phật tánh từ bi của mình, để cho nó bệnh hoạn, gầy mòn, nên nó không có sức để phát sinh những đức tính phi thường và đưa chúng ta đạt đến quả vị. Vì không biết dưỡng tánh Phật nên từ vô thỉ đến giờ, chúng ta bị trầm luân trong biển khổ sanh tử, vĩnh kiếp làm chúng sanh.

"Thế nên hàng Thiên ân hướng đạo phải biết rõ chính mình, từ cuộc sống cho đến suốt kiếp phải làm gì để thay Trời mà xây dựng điểm tô cho cõi đời này từ ly loạn trở nên thái bình thạnh trị. Sứ mạng to tát đó (…) phải của tất cả nhơn sanh trong phạm trù sinh động phải có. Bởi thế những ai có sứ mạng Thiên ân trên Đại Thừa cần phải có một sức sống dõng mãnh khang kiện, tinh thần phải chói sáng tinh toàn, dầu nhục thân trong mọi lứa tuổi, sức sống đó không phải tha cầu mà được, phải ngộ nhập trong chính tự tánh. Mỗi hành giả phải biết phát sinh tồn dưỡng lúc tráng niên, biết duy trì bồi bổ lúc khí suy lực kiệt.

Có như vậy Thiên chơn mới phóng phát cùng với trí năng linh hoạt, để có một cái nhìn tổng quát với tha thiết tư duy để không bị lâm vấp sai trái trước vạn sự vạn vật.

Ví như Đạo Càn – Càn Kiện Cao Minh – "Càn Đạo biến hóa các chánh tánh mạng bảo hợp thái hòa." Trong tự thể là khí thái hòa phủ trùm vạn vật vạn linh. Cái nguyên thủy ấy đã có trong tự tánh hằng hữu của cá thể. Cái nguyên thủy ấy là khí thái hòa kiện hành bất tức, vận hành mà bảo tồn vạn linh sanh chúng. Ôi! Đạo lý uyên thâm. Hành giả phải tự tìm về với tâm minh linh, không hôn muội, đừng vọng tưởng sờ mó hay chỉ ăn bánh vẽ mà khó no lòng."[18]

"(…) Chư hiền đệ muội ngày nay được hưởng thời đại ân xá và đang trỗi bước Đại Thừa thực hành Thiên Đạo, dầu ở cấp nào, cũng phải tự mình khắc kỷ, tu công, nghiêm minh giới luật. Trễ một giờ là mất một năm tiến hóa."[19]

LỜI KẾT

Tự lập theo lời Thầy dạy không gì khác hơn là hiểu rõ ý nghĩa của chữ Đạo, vai trò và ý nghĩa của chữ Tự trong chữ Đạo để quyết tâm tự thân vận động, tự cường bất tức, luôn nỗ lực tự tu tự cứu, thực hành rốt ráo kỷ luật riêng tư để thực hiện kế hoạch tu học hành đạo của mình. Trọn đức tin vào Thầy Mẹ và tự tin vào sự son sắt của chính mình. Có như thế mới đủ tự tin tự nhận lãnh trách nhiệm trước nhơn sanh. Bước sang một bước nữa là công phu tu luyện nội tâm để siêu thoát khỏi vòng luân hồi nghiệp quả thì phải tự mình khắc kỷ, kiên trì tu tập, nghiêm minh giới luật thì mới mong đi đến đích con đường đã chọn.

"Mình tự độ, Ơn Trên mới độ,
Để thoái thân trên khó gia ân,
Đạo cao nhờ chí chuyên cần,
Nhờ công gắn bó, nhờ tâm kiên trì."[20]■

17. Đạo Học Chỉ Nam, Chương 2, Tiết 3, Mục 1.

18. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 21–11 Canh Thân (27–12–1980).

19. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01–01 Quý Hợi (13–01–1983).

20. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17–02 Mậu Thìn (03–4–1988).

THÁNH GIÁO

Lu lờ bởi tâm không trau luyện,
Tối tăm vì chẳng hiện Thiên tâm,
Hóa nên vọng thức hôn trầm,
Trên đường thế tục lạc lầm sa chơn.
Trò thế tục thua hơn tranh tụng,
Kẻ tu hành hòa chúng độ nhơn,
Tìm về một nẻo chánh chơn.
Thoát nơi nghiệp lực hồng trần phủ vây.

ĐỨC DI LẠC THIÊN TÔN, TRÚC LÂM THIỀN ĐIỆN, 07–02 TÂN HỢI (03–3–1971).■

■ CAO BẠCH LIÊN

THU PHỤC NHÂN TÂM

Trong Nhất kỳ, Nhị kỳ Phổ Độ, các vị Giáo tổ khai mở một tôn giáo là những bậc nguyên nhân giáng phàm để cứu nhân độ thế, nêu tấm gương chói ngời về đạo đức, phẩm hạnh, để nhân loại theo đó mà tu hành.

Như Đức Phật Thích Ca tự tìm ra con đường tu giải thoát, sau khi đã chứng ngộ, Ngài đi giảng đạo 49 năm trời để truyền bá lý đạo cho nhân sanh, cho đến nay hơn 2500 năm, đạo Phật có lúc thăng lúc trầm nhưng giáo lý đạo vẫn ngời sáng miên viễn trên quả địa cầu.

Đức chúa Giêsu đem tình thương đến cho con người và chịu đóng đinh trên thập tự giá để lãnh tội cho nhơn sanh. Nhờ đó đạo Thiên Chúa được mở ra và tồn tại hơn 2000 năm trên thế giới.

Đến Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế trực tiếp mở đạo qua cơ bút theo chánh pháp Sư vô vi, Đạo vô vi. Các bậc Tiền khai nương theo lời dạy của Thượng Đế mà hành đạo độ đời phổ truyền giáo lý đã hơn 85 năm.

Mỗi tôn giáo đều cần những môn sanh lãnh sứ mạng đem truyền trao mối đạo của giáo tổ đến tận nhơn sanh thì đạo mới hoằng khai rộng mở trên thế giới.

Có những nhà truyền giáo hy sinh cả cuộc đời đi khắp nơi giảng đạo, không ngại gian lao khổ nhọc vì mục đích mở đạo. Tương truyền có những nhà truyền giáo phương Tây, rời bỏ cuộc sống văn minh, đi đến nơi thôn quê hẻo lánh đời sống rất khó khăn nghèo khổ. Có vị đến vùng Tây Nguyên sống cùng với người thiểu số, thậm chí làm theo tục cà răng, căng tai như người dân địa phương, hòa mình vào cuộc sống của dân chúng ở nơi nào họ đến. Để rồi một thời gian sau có nhiều người theo đạo, và nhà thờ mọc lên ở nơi hẻo lánh mà ít ai ngờ tới. Muốn đạt được mục đích như vậy, người đi truyền đạo phải rèn luyện cho mình một ý chí bền bĩ, đức hạnh song toàn, nhẫn nhục trì thủ, không sợ hy sinh và phải thu phục được nhơn tâm.

Tam Kỳ Phổ Độ lại càng cần những người sứ mạng, vì Đạo vô vi, Sư vô vi. Giáo lý căn cứ vào cơ bút Thiêng Liêng giáng dạy để truyền bá mối đạo Thầy. Những bậc thiên ân sứ mạng chính là những sứ giả truyền đạo. Tre già măng mọc tiếp nối đàn anh là thế hệ ThanhThiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý nói riêng và Thanh Thiếu Niên Đại Đạo nói chung, làm sao hoằng khai mối đạo Tam Kỳ ra khắp năm châu bốn biển, đem lại Đại Đồng cho nhân loại.

Thế hệ tiếp nối phải trau dồi bản thân đạt được chí thiện, chí mỹ mới thu phục được nhơn tâm. Điều này khó, nhưng cố gắng rèn luyện sẽ đạt được.

Trong một đàn cơ ở Ngọc Minh Đài (30–10 Đinh Mùi), Đức Tiền Bối Cao Triều Phát đã dạy thế hệ Thanh niên tiếp nối như sau:

"Phương pháp thu phục nhơn tâm, tinh thần kỷ luật, óc tổ chức và phương châm lãnh đạo, tâm lý tiến thủ, luận lý chiến thắng, còn bao nhiêu điều cần yếu mà Thanh Thiếu Niên cần phải được có và phải được hoàn thành. Tiên huynh bảo các em nên nhớ rằng chỉ có sự kham khổ mới rèn luyện được chính khí và cấu tạo được uy linh nghe."

Nội dung Đức Tiền Bối dạy nhiều điều, chúng ta sẽ từng bước triển khai tìm hiểu.

Chúng ta bắt đầu tìm hiểu điểm đầu tiên là thu phục nhân tâm:

XÃ GIAO BAN ĐẦU, TẠO CẢM TÌNH VỚI NGƯỜI ĐỐI DIỆN

1. Chào hỏi, một người dễ mến, dễ thương khi gặp lần đầu, đó là người biết ứng xử đẹp:

Khi bước vào cơ quan, công sở, chùa thất hay một nơi công cộng:

a. Nếu bạn là người trẻ tuổi, thuộc lứa tuổi đàn em

– Gặp bạn cùng lứa tuổi có thể gật đầu chào, nếu quen thân thì nhìn mỉm cười vui vẻ.

– Gặp các vị lớn tuổi hơn thì cúi đầu chào.

– Gặp các vị lãnh đạo, cúi đầu chào hay xá một cách cung kính.

• Theo lời dạy của các vị sư ở chùa Phật, Phật tử đến chùa phải đến chào Sư trụ trì.

• Nói chung: "Tiếng chào cao hơn cổng", chẳng mất tiền mua mà gây được ấn tượng đẹp, chớ không nên lườm mắt nhìn vô cảm hay quay đi chỗ khác.

b. Ngược lại bạn là người lớn, là người lãnh đạo, nên vui vẻ đáp lại đàn em bằng cái gật đầu thiện cảm.

c. Khi đã trở nên thân mật, quen thuộc rồi thì tùy mức độ mà xử sự cho đẹp. Cũng không vì quá quen thân mật mà gây ồn ào, ảnh hưởng đến người xung quanh.

d. Việc chào hỏi là ấn tượng đầu tiên trong sự giao tiếp. Giữa người và người, khi ta đã có cảm tình thì nhân tâm đã có bước khởi đầu tốt đẹp, muốn nói cho người khác nghe mình trước hết phải có cảm tình đã.

MUỐN HÀNH ĐẠO ĐẠT KẾT QUẢ TỐT, NGƯỜI THANH THIẾU NIÊN PHỔ THÔNG GÍAO LÝ PHẢI RÈN LUYỆN TÂM HẠNH ĐỨC TÀI

a. Tâm: Tâm là trái tim của hành giả, là tấm lòng chí thành, là tình thương yêu đối với nhơn sanh, phải có tình thương chân thành mới cảm hóa được lòng người, mới đem đạo vào đời để hoằng khai mối đạo của Thầy.

b. Hạnh: Hạnh là tác phong đạo hạnh của người tu. Khiêm cung hòa ái với mọi người. Cẩn hạnh cẩn ngôn. Suy nghĩ kỹ rồi mới nói, nói năng nhẹ nhàng, dễ mến dễ ưa.

c. Đức: Làm điều phải, làm điều ích lợi cho mọi người, không làm điều gì tổn hại cho người khác. Sẵn sàng giúp đỡ cho mọi người khi cần, cứu người khi gặp nạn. Gặp một người bệnh đột ngột hay bị tai nạn sẵn sàng cứu giúp không nề hà.

d. Tài: Học tập nâng cao kiến thức xã hội, khoa học, để có trình độ tri thức. Luôn học tập giáo lý để có đủ trình độ đem hoằng hóa mối đạo Cao Đài.

Người Thanh thiếu niên Phổ thông Giáo lý luôn nâng cao trình độ giáo lý, nhưng cũng phải nâng cao trình độ nhận thức chung. Vì một người có kiến thức rộng thì hiểu về giáo lý sâu sắc hơn. Khi trình bày trước công chúng sẽ hấp dẫn hơn, thu hút sự chú ý của thính giả hơn.

LÀ MỘT NGƯỜI ĐI PHỔ TRUYỀN GIÁO LÝ RẤT CẦN BIẾT NGUYÊN TẮC ỨNG XỬ. KHI NHƠN SANH CẢM MẾN THÌ LỜI NÓI CỦA HÀNH GIẢ SẼ CÓ KẾT QUẢ GẤP NHIỀU LẦN

a. Hãy quan tâm đến người khác:

Khi bạn gặp một tình huống: Một người

không quen, hay quen mà chưa phải là người thân thiết, gặp khó khăn hay ốm đau cần giúp đỡ. Bạn hãy chân thành giúp đỡ họ, theo sự hiểu biết và khả năng của bạn. Bạn hãy giúp đỡ họ bằng tình thương không vụ lợi, không cần đền đáp. Nhưng có một điều chắc chắn bạn sẽ nhận được ở họ một tình cảm chân thành, như chính lòng chân thành của bạn đối với họ.

b. Để gây được thiện cảm với người đối diện: bạn hãy mỉm cười.

Một cái mỉm cười vui vẻ sẽ đem lại cảm tình. Một nụ cười niềm nở tự đáy lòng có thể thay cho lời nói. Một nụ cười nhăn nhở giả tạo không đánh lừa được ai. Một nụ cười thực sự xuất phát từ đáy lòng sẽ làm ấm lòng người nhận được nó. Nó thể hiện sự quan tâm đối với người đối diện. Một nụ cười chuyển tải nhiều thông điệp hơn một cái cau mày. Một nụ cười có sức mạnh vô cùng mạnh mẽ, kể cả khi người ta không nhìn thấy nó.

Bạn thử nhấc điện thoại gọi cho một người bạn thân của mình, lần đầu bạn nói chuyện mà không cười, lần thứ hai bạn cười thật tươi, bạn sẽ thấy điều kỳ diệu là bạn đã đem đến cho người nhận cuộc gọi một sự vui vẻ. Nụ cười là sứ giả thiện chí của những thông điệp không lời, hơn hẳn bất kỳ câu nói nào.

Nụ cười không tốn kém nhiều thứ, nhưng nó mang lại niềm vui cho người nhận mà cho cả người cho. Nụ cười không thể mua, xin, vay mượn, hay cướp đoạt, bởi vì nó chỉ có giá trị khi con người chân thành trao tặng cho nhau.

Đừng quên mỉm cười trong cuộc sống. Nụ cười của bạn mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh, và cũng mang lại hạnh phúc cho bản thân bạn. Hãy mỉm cười với nhau, dù cho người đó chưa quen biết. Nụ cười ấy sẽ soi chiếu đến những góc khuất của tâm hồn bạn và làm bừng sáng cả những nơi tăm tối.

HÃY KHOAN DUNG THA THỨ, TRONG TÔN GIÁO GỌI LÀ TỪ BI HỶ XẢ

Không nên chỉ trích, oán trách, than phiền. Vì làm như vậy chỉ gây sự phản ứng, chống đối, ngụy biện để bào chữa của người khác. Chỉ trích còn nguy hiểm vì nó chạm tới lòng kiêu hãnh cố chấp của con người, tạo nên sự thù hằn, tức giận. Chỉ trích còn gây sự phản ứng chối bỏ trách nhiệm, phát sinh tâm lý chán nản và nhụt chí trong khi lỗi lầm vẫn không được giải quyết. Thái độ phê phán, chỉ trích gay gắt thường mang đến kết quả tiêu cực. Thay vào đó, bạn động viên, an ủi nhẹ nhàng, cảm thông với sai lầm của người khác, sẽ giúp họ thấy họ đã sai mà sửa chữa. Vĩ nhân thường biểu lộ sự vĩ đại của mình trong cách đối xử với những con người nhỏ bé.

Người tu hành cần rèn luyện thái độ bao dung, tha thứ, từ bi, hỷ xả. Đối với chúng sanh phạm lỗi, người tu hành phải nhẹ nhàng khuyên bảo, động viên họ quày đầu hướng thiện, sửa chữa lỗi lầm.

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Đức Cao Triều Phát là Chưởng Quản Cửu Trùng Đài của Hội Thánh Duy Nhứt Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ, đồng thời là Chủ tịch Hội Cao Đài Cứu Quốc 12 phái Thống Nhứt. Hai trọng trách đó khá nặng nề rồi, nhưng Ngài còn kiêm nhiệm Trưởng Ban Địch ngụy vận của Hội, chỉ đạo trực tiếp công tác này. Đối với những người lầm đường, đi lính cầm súng của giặc bắn giết đồng bào mình, Ngài Cao Triều chỉ đạo Ban địch ngụy vận, tuyên truyền, giác ngộ, kêu gọi họ quay về nẻo chánh đường chơn, sẵn sàng tha thứ lỗi lầm cho họ. Kết quả là rất nhiều người mang súng trở về với tổ quốc. Một cuộc vận động rất thành công, nhờ tình thương, một tấm lòng từ bi hỷ xả, bao dung, tha thứ, không cố chấp. Ngài thường nói:

"Trong cuộc đời, ai cũng có lúc mắc sai lầm. Ta hãy chỉ cho họ thấy điều họ làm là sai để họ sửa chữa, chuộc lại tội lỗi. Còn người tu chúng ta tập được tính từ bi hỷ xả đối với chúng sanh."

Muốn chinh phục con người trước hết chúng ta phải có cái tâm thiện, có tình thương thật sự với chúng sanh, đồng thời phải có thuật ứng xử. Khi mọi người mến phục, thì lời khuyên của ta mới có sức thuyết phục. Đừng quên chinh phục con người là cả một nghệ thuật sống.■

NHẪN

■ **DIỆU THUẬN**

Trong đời sống, Nhẫn bao gồm nhẫn nhịn, kiên nhẫn, nhẫn nhục là một phương pháp hữu hiệu để đối trị lại lòng sân hận, xua tan hận thù; đặc biệt hơn, nó là một đức tính vô cùng quan trọng đối với tất cả những ai đã bước chân vào cửa Đạo, muốn vượt phàm nhập thánh, xa lìa phiền não để được an lạc giải thoát. Tâm tính con người thông thường dễ nóng nảy, buồn phiền, là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bất hòa, chia rẽ, thù hận, làm khổ lẫn nhau chỉ vì không có nhẫn.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu có dạy:

"Mấy trẻ đua nhau nói dại khôn,
Biết ai là dại, kẻ nào khôn,
Khôn vì tự ái là khôn dại,
Dại nhẫn chiều người, ấy dại khôn.
Khôn lìa thù hận tấm thân yên,
Nhẫn được chua cay dứt não phiền,
Nhịn được tiểu nhân quân tử trí,
Nhịn điều sỉ nhục đắc thành tiên."

Hầu hết, các tôn giáo đều xem nhẫn là một trong những đức hạnh tối cần thiết mà người tu cần phải có. Khổng giáo thì dạy: *"Bá hạnh, nhẫn chi vi thượng."*[1] (Trăm hạnh, nhẫn là trên hết). Phật giáo xem đức nhẫn nhục là một pháp trong lục độ ba la mật mà chư vị Bồ tát cần phải thành tựu trên lộ trình

1. Đức Khổng Tử.

tiến đến quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. Còn trong Cao Đài, Ơn Trên dạy rất nhiều về chữ nhẫn, đó là một trong những tác phong đạo hạnh của người tu, là phương pháp để hàng ma phục quỷ, làm sáng danh Đạo, giúp chúng ta bảo tồn lúc nguy nan, cũng như là một trong những điều kiện tất yếu để giúp cho hành giả xây nền âm chất trên bước đường phản bổn hoàn nguyên, phát huy được những công năng chuyển hóa hầu hàn gắn mọi khổ đau trong đời sống con người.

"Đạo thì phải từ bi nhẫn nhục,
Lòng vị tha chẳng lúc nào quên,
Đó là âm chất xây nền,
Đó là của cải vững bền muôn thu."[2]

Đức Hiển Thể Đạo Nhơn cũng có dạy:

"Trong cửa Đạo, luôn luôn phải nêu cao sự nhẫn nhục, khoan dung, phục thiện. Nên dẹp tự ái để nhìn nhận lẽ phải. Nên khiêm tốn để chinh phục đồng đạo đến gần với mình. Những lời chát chua, thiếu ngay thật tuyệt đối nên chừa. Phẩm hạnh tác phong đạo đức luôn luôn trau dồi để trở nên người chí thiện, chí mỹ. Người đạo hữu biết ăn chay, tụng kinh, niệm danh hiệu Chí Tôn, Phật Tiên, Thánh Thần là để đoạn trừ nghiệp khẩu, thanh lọc nghiệp ý. Cố tránh những lời thất đức độc ác làm khổ tâm đồng đạo. Đó là những điều sơ đẳng của người mới vào trong cửa Đạo. Có như vậy mới khá hơn người ở ngoài cửa đạo. Nếu không được vậy, sẽ làm hoen ố chẳng những cho cá nhơn mình, cho bổn đạo địa phương mình, cho tập thể tín hữu Cao Đài, mà cho cả đến danh nghĩa của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ."[3]

Chữ Nhẫn theo chiết tự chữ Hán thì gồm chữ đao ở trên chữ tâm, ý nói đao đặt trên tim là nhẫn. Việc nhẫn nhịn không phải là một việc dễ dàng vì thông thường người đời khi nghe nói đến hai chữ nhẫn nhục liền nghĩ đây là một thái độ chịu đựng, một tình huống trái ý nào đó mà không phản kháng, hoặc thậm chí là không tránh né. Cũng có một số người khác hiểu nhẫn nhục là sự nhịn nhục, chấp nhận bỏ qua những sự xúc phạm hoặc khiêu khích của người khác đối với mình mà không hề phản ứng đáp trả hoặc bực tức.

Tất cả những trường hợp nhẫn nhịn trên ắt làm cho ta cảm thấy đau nhói như có dao đâm vào tim. Việc nhẫn như thế theo người thế gian là một điều nhục nhã, sở dĩ họ phải cắn răng chịu đựng vì phải ở trong hoàn cảnh yếu thế hơn đối phương, không làm gì khác cho nên họ phải nhẫn để được yên thân. Và trong trường hợp này họ cảm thấy rất đau khổ, vì thân tuy được yên, nhưng tâm thì không yên vì lúc nào cũng cảm thấy bị tức tối, đau khổ với cái nhẫn bất đắc dĩ đó. Bởi vì hành động nhẫn nhục đó được xây dựng trên nền tảng của bản ngã, của ngã chấp, ngã mạn mưu đồ tính toán hơn thiệt, phát xuất từ lòng tham lam, vị kỷ, sân hận… nên việc nhẫn nhục đó rất là nhục nhã và từ đó sẽ dẫn đến việc nảy sinh thái độ căm ghét, sẵn sàng rửa nhục và trả thù đối phương bằng mọi cách khi có dịp.

Trái lại, đối với người tu thì việc nhẫn nhục được xuất phát từ một tấm lòng từ bi thương yêu chân thật đối với mọi người, không còn thấy cái tôi, cái danh của mình bị xúc phạm vì họ đã gác bỏ cái tôi đó ra ngoài nên vẫn giữ được bình thường tâm, không hề phiền não. Lúc này nhẫn nhục là sự chấp nhận mọi sỉ nhục, vu khống hay bức hại…. nhưng không sanh tâm giận dữ, mà vẫn vui vẻ, an nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Đó chính là công phu thuần dưỡng tác phong đạo hạnh của người tu.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có dạy:

"Nhẫn nhục không phải là một điều hèn yếu thua sút đâu chư đệ muội! Chính những lúc chế ngự được giặc lòng, những lúc đè nén sự giận dữ phiền muộn là những lúc sức mạnh vạn năng của tâm hồn được khơi dậy lẫy lừng, có nhiều lần chiến thắng nội tâm lừng lẫy mà không hay biết, như vậy mới tạo cho mình một hào quang đạo hạnh xán lạn vô cùng, bởi người tu theo đạo khác với người đời tự do phóng túng để thị dục cuốn lôi. Chớ người đời kẻ đạo ai cũng như ai,

2. Vĩnh Nguyên Tự, 03–12 Giáp Thìn (05–01–1965).

3. Đức Hiển Thế Đạo Nhơn, Ngọc Minh Đài, 10–5 Canh Tuất (13–6–1970).

ngoài thân phàm xác thịt có chi là khác. Khác với người, cao cả hơn người là ở chỗ làm cho lòng mình được yên ổn, được mẫn huệ, được rộng rãi như đại dương, như không gian vô tận vô cùng, mà người thế thường không ai làm nổi."[4]

Nhẫn nhục còn là một trong những món báu để hòa cùng thiên lý, hoàn thành sứ mạng được phó giao. Đức Diêu Trì Kim Mẫu có dạy:

"Này các con! Đạo không có ở ngoài thân con mà pháp là phương tiện. Con hiểu được đạo, hành được đạo là thị hiện được pháp. Khi pháp hiển dương tất nhiên con đủ quyền năng giúp đời độ chúng. Con ôi! Tu học mà không thoát được vòng mê chấp thì sớm muộn gì cũng sa vào chốn mê đồ. Các con muốn hoàn toàn giác ngộ để thấm nhập nghĩa lý siêu mầu của đạo pháp thì đừng bao giờ quên những món báu là: Từ hòa, khiêm tốn, bác ái, khoan dung, nhẫn nại, trì thủ và hy sinh mọi cái tư hữu của chính con. Bao nhiêu đó, con hòa được với cảnh, hòa được với nhân tâm, tự khắc sẽ hòa cùng thiên lý. Bao nhiêu đó, con sẽ thấy con không còn nhơn, còn ngã, còn kỷ, còn cầu. Nếu không nhơn ngã, vô kỷ, vô cầu là con thực hiện đúng đạo lý, đúng chánh pháp Đại Đạo vậy."[5]

Để thực hành hạnh nhẫn nhục thì ta nên tập phá chấp, nhịn nhục cả thân, khẩu và ý vì khi ta càng chấp nhiều thì sẽ càng khổ nhiều, tạo nghiệp nhiều. Trên cõi đời này không ai là hoàn hảo cả, ngay cả bản thân của ta cũng còn có lúc sai lầm thế thì tại sao ta lại cứ nghĩ là người khác ghét mình, hại mình, không thương mình… chi cho phải đau khổ, bực tức, sân hận vậy. Ta hãy tập sao khi đối diện với những gì trái ý mình thì mình hãy nhìn ở mặt tích cực và những điểm tốt của người để không nổi lòng sân hận cũng như dễ dàng tha thứ, nhịn nhục trước những việc bất như ý.

Đức Liên Hoa Thánh Mẫu có dạy:

"Các em và nhơn sanh vào đạo là để tránh những điêu ngoa xảo trá thủ đoạn mánh lới của thế tình, vào đạo để tìm cái chơn, cái thiện, cái mỹ. Các em vào đạo lâu năm cần phải thể hiện điều chơn thiện mỹ ấy cho đời noi theo. Đó là các em làm sáng danh đạo danh Thầy, và đó cũng là phương tiện phổ độ nhơn sanh vào đường chánh giáo. Thế nên, dầu gặp cảnh ngộ nào trái tai gai mắt nghịch ý, đừng vội vàng bực bội để tánh nóng nổi lên rồi phát ngôn thiếu cẩn thận, hành động thiếu cẩn thận, để hóa ra thua kẻ tầm thường ngoài thế gian chưa biết đạo đức là gì.

Tác phong đạo hạnh của người tu không cho phép hành động hoặc phát ngôn thất đức, bất nhơn, hoặc trái lẽ phải. Dầu cảnh ngộ nào cũng có phương cách xử sự theo hạnh của người tu."[6]

Nói về hạnh Nhẫn nhục của Đức Phật Thích Ca, có câu chuyện kể rằng: Một bữa nọ, khi Đức Thế Tôn đang trên đường đi khất thực thì có một bọn người Bà La Môn đi theo sau Ngài và chửi Ngài thật nhiều nhưng Ngài vẫn bình thản như không có chuyện gì xảy ra, vẫn chậm rãi đi từng bước mà không một lời phản ứng. Tức tối, bọn này chặn Đức Thế Tôn lại và hỏi:

– Ông Cù Đàm! Nãy giờ tôi chửi ông như vậy, ông có nghe không?

Đức Thế Tôn trầm tĩnh mà nói rằng:

– Giả sử ông dọn mâm cơm mời Như Lai ăn, Như Lai không ăn thì mâm cơm đó ai ăn?

Người Bà La Môn đáp:

– Tôi mời ông không ăn thì tôi ăn.

Đức Thế Tôn nói:

– Hồi nãy giờ ông chửi Như Lai không nhận thì tiếng chửi ấy về ai?

Khi giận dữ, khuôn mặt ta trông rất khó coi. Sự sân giận sẽ đốt cháy công phu tu luyện cũng như làm mất đi tác phong đạo hạnh của người tu. Đức Hoan Hỷ Chơn Quân đã vẽ lên cho chúng ta thấy một bức tranh của lòng sân hận như sau: "Tôi lúc sống, lòng tin Thầy tưởng Đạo rất chí thành, cũng thấy được điều trái phải, việc đáng việc không đáng, thế mà nhiều khi thắng không nổi ý tình của xác thịt, muốn ăn sung mặc đẹp, tiêu xài, muốn nghỉ hơn là công

4. Nam Thành Thánh thất, 14–10 Canh Tuất (12–11–1970).

5. Vĩnh Nguyên Tự, 11–11 Bính Thìn (31–12–1976).

6. Nam Thành Thánh thất, 08–8 Kỷ Dậu (19–9–1969).

phu, muốn chơi hơn là học hỏi, mà lòng tôi lúc vui lúc buồn, giận lên bực tức, muốn la to nói lớn, khi tôi tỉnh lại mới thấy đấy là ma nghiệp. Tôi trông vào người khác lúc giận tợ như chằn tinh, bộ như thú dữ, mắt mũi tay chân dễ sợ, lúc bình thường đẹp đẽ vui tươi ra người hiền đức đạo mạo lắm, thế mà khi họ nóng giận thì người của họ lại trở thành con vật dữ. Tôi nghĩ tại sao mình tu để cầu thoát kiếp thú, kiếp người, mong được thành Tiên, thành Phật mà giận dữ làm gì cho nó hóa thành con thú lúc mình là người, vậy tôi cố gắng ăn năn nhẫn nhịn cho cơn giận để đừng tái diễn sa vào kiếp thú."

Người xưa có nói: Lùi một bước thì trời cao biển rộng, tự nhiên sẽ không có bất kỳ chuyện gì đáng phẫn nộ, đương nhiên cũng không có buồn phiền. Chỉ có những bậc Thánh nhân, những trang quân tử mới thực hiện được hạnh nhẫn nhục, do bởi chính họ có được tấm lòng vô tư rộng mở nên không oán, không tranh, lúc nào cũng độ lượng nhẫn nại. Dùng nhẫn nại để đối trị những người ngang ngược hoặc kiêu căng tự đại, chứ không cần xung đột hay tranh luận với họ.

Trên đường tu học hành đạo, để làm tròn được sứ mạng thiêng liêng của một người tín đồ Đại Đạo, Đức Giáo Tông dạy:

"Bảo chư hiền cần nội tâm tu tiến để ngoại thể thuần thành cho nên người đạo đức hầu bảo trì nhiệm vụ trong tập thể, kính trên nhường dưới, nhẫn nại khoan dung, để tránh bị tà ma xúi giục, biến tâm chơn chánh thành tâm nghiêng ngả, chia nhóm chia phe, phạm giới cấm, bỏ quy điều, để khinh quyền pháp Đạo, mới tròn sứ mạng được ban trao, mới xứng đáng là con tin Thượng Đế."[7]

TÓM LẠI

Muốn hòa thuận trên dưới thì ta nên lấy nhẫn nhịn làm đầu. Đối với người tu, cần phải học theo tánh của Đất là luôn chịu đựng, dung nạp tất cả những gì thanh trược dơ bẩn, để có một tấm lòng từ bi, kham chịu, khoan dung, hầu chuyển hóa tâm trí và hành động của người ác để giúp họ hướng thiện. Nhẫn là phương cách tốt nhất giúp cho con người ngăn chặn tội ác ngay từ điểm khởi xuất, không chỉ làm cho các ác nghiệp tiêu tan trước khi nó trở thành hành động, lời nói, mà còn cảm hóa được tha nhân, xây dựng được tình đoàn kết thay cho sự rẽ chia, để lại tiếng thơm cho hậu thế như lời dạy của Ơn Trên:

"Lấy nhẫn nại để dằn lòng cơn nóng nảy.
Hãy xây dựng để tỉnh lòng người phá hoại,
Lấy vô tư hầu hoán cải kẻ tư tâm.
Đạo một Thầy như huynh đệ mối tình thâm.
Phải tế nhị kẻo hiểu lầm rồi tách tẻ,
Lấy đoàn kết để thay vào lòng chia rẽ,
Để sử đời nơi hậu thế họ ghi công."[8]

Xin tạm mượn lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo thay cho lời kết:

"Trong một tổ chức, Bần Đạo để lời khuyến cáo hôm nay, từ Ban Thường Vụ đến hàng Trưởng Ban, Phó Ban, Giáo Sĩ,Tu Sĩ, Thanh Thiếu Niên, phải xem nhau như một thân hình, không thể một thân người mà tay chân không tin đầu bụng, đầu nghi ngờ bụng, bụng nghi ngờ tay chân. Thân xác hữu hình lỡ chặt, chỉ thành phế nhân, chớ tâm linh trong tình Tạo Hóa để thương tổn không có gì hàn gắn. Người đạo đức không được phép ghét nhau. Một tổ chức không được nghi ngờ nhau. Nếu có kẻ manh tâm phản bội tự khắc luật vô hình đào thải họ. Nhược bằng tổ chức không tin nhau sẽ rối rắm, trật tự sẽ loạn hàng thất thứ, hư hoại tình thương. Như vậy sẽ đắc tội với Thượng Đế. Bần Đạo là người anh mật thiết cộng sự với chư đệ muội trong Tam Kỳ Phổ Độ. Chư đệ muội có lỗi, Bần Đạo không tránh được sự quở trách của Đức Chí Tôn, nên Bần Đạo khuyên chư đệ muội nhớ khi nào lửa lòng bốc cháy, tự ái dâng cao, hãy nhớ đến Thái Bạch Kim Tinh đang cận kề tất cả chư đệ muội để sáng soi hòa dịu."[9] ■

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–02 Nhâm Tuất (10–3–1982).

8. Đệ tứ Giáo Tông Tiên Thiên Đại Đạo Nguyễn Bửu Tài, Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20–9 Đinh Mùi (23–10–1967).

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15–7 Đinh Tỵ (29–8–1977).

giai điệu của NIỀM TIN

■ THANH LONG

VIẾT TẶNG VÀ CHÚC MỪNG CÁC ANH CHỊ EM NHÓM THỰC HIỆN CD NHẠC ĐẠO GIỌT TÌNH THƯƠNG.

Thế là sau nhiều và rất nhiều tháng, CD nhạc của anh chị em tại Cơ Quan cũng ra đời. Sự ra đời đầu tiên của một CD nhạc mang vẻ nhẹ nhàng, dễ dàng như thế chắc không làm ai ngạc nhiên để đi đến tâm trạng hồ hởi, ngoại trừ một vài cảm xúc của những con người vừa hoàn thành nó. Chặng đường để có được nó, một CD nhạc tôn giáo, cũng mang không biết bao nhiêu trạng thái của tâm tư. Bởi vì không một công trình nào, dù lớn dù nhỏ, mà không hàm chứa giá trị của sự cố gắng với những khó khăn mà người làm ra nó phải vượt qua.

Niềm vui mà tôi có được khi cầm trong tay CD này là một thực tế hơn mọi thực tế khác. Vì tôi là một trong số ít người có thể hiểu và cảm được nỗi niềm của sự ra đời. Thế nên, tôi trao cho tôi cái quyền được cảm nghĩ về nó, như một cái gì đó của mình. Dù thực sự, tôi không phải là người tạo ra nó. Tôi chỉ là kẻ thừa hưởng biết trân trọng giá trị.

Hơn hết, các bài hát trong CD mới này là kỷ niệm thân thương gắn liền với tôi. Trong CD Giọt Tình Thương có tất cả 12 bài. Có những bài đã có tuổi đời hơn 20, có những bài có tuổi đời khoảng 10, hoặc ít hơn, cũng là 5, 6. Với tôi, chúng không xa lạ. Với chúng, tôi là một người thân. Thế đấy! Và giờ đây tôi có chúng trong tay như một món quà của ký ức.

Có thể bạn nghĩ rằng đó sẽ là những bài nhạc chán ngắt với những giai điệu khô khan phủ lên những ca từ mô tả nỗi buồn chán cho biển trần đầy đau khổ.

Hãy thử lắng nghe một lần trong an lạc và thanh tịnh. Bạn sẽ không thấy điều đó như một hiển nhiên. CD Giọt Tình Thương là sự khai mở trào lưu mới của tinh thần tôn giáo. Cuộc đời có thể là khổ đau, trần gian có thể là nghĩa trang của xương và máu, sự sống có thể là mong manh vì không thể biết số phận. Nhưng bạn sẽ thấy những điều đó không thể làm con người trở nên bi quan, tâm khảm con người không trở nên bóng đêm, niềm tin của con người không trở nên lạc lối.

Tôi tin sự tươi tắn trong chuẩn mực của các bài nhạc sẽ làm cho bạn tĩnh tâm hơn, hiểu hơn về con đường sứ mạng của tôn giáo, nhất là tôn giáo Cao Đài. Tôi tin là các bài hát sẽ làm cho bạn hiểu rằng đằng sau những nỗi buồn bất tận, những niềm vui quá trớn là những bước chân bình thản dành cho Chân Lý và Niềm Tin. Bạn hãy lắng nghe lời hát bạn sẽ hiểu những điều như thế đang diễn ra thực sự. Bạn hãy để tâm hồn trôi theo giai điệu, bạn sẽ cảm nhận sự thanh bình. Tất cả những gì dành cho tôi là giai điệu của ký ức. Tất cả những gì dành cho bạn sẽ là giai điệu của niềm tin. Tất cả phần còn lại chỉ là mặt đất chông chênh mà ta sẽ bước đi trên đó thanh thản với những giai điệu nâng bước chân ta.■

TỪ 200 NĂM ĐẠI HỌC HUMBOLDT*
NGHĨ VỀ GIÁO DỤC CAO ĐÀI

■ THANH LONG

Năm 2010, đại học Berlin, nay còn gọi là đại học Humboldt kỷ niệm 200 năm ngày thành lập. Sẽ chẳng hiểu gì cả khi chỉ đọc thấy cái tên Humboldt, hay chỉ biết đó là một đại học có tên như thế. Câu chuyện mà tôi chuẩn bị viết ra đây khơi lại cảm hứng của việc học trong tôi. Một cái duyên, khiến tôi được chiêm ngưỡng toàn bộ giá trị mà bấy lâu nay nó chỉ là những tưởng tượng mơ hồ, tự biện mong manh trong tư tưởng. Câu chuyện đúng ra là lời kể lại, nói lại và bộc bạch những cảm xúc của những con người đã sống thực với hoàn cảnh và mơ ước của mình.

200 NĂM TINH THẦN ĐẠI HỌC

Đại học Humboldt ra đời vào năm 1810, ngay lúc mà chẳng ai có thể nghĩ ra đó là một kế hoạch để đi đến hiện thực. Bối cảnh xã hội của nước Phổ vào thời bấy giờ thật đen tối theo đúng nghĩa đen của từ. 1807, quân đội viễn chinh của Napoléon tiến vào Phổ như đi vào chỗ không người. Nước Phổ không đủ sức kháng cự đội quân hùng mạnh như vậy. Hòa ước Tilsik (1807) chỉ đảm bảo chủ quyền phần nào của đất nước đang dần khánh kiệt. Thế nhưng trong hoàn cảnh như thế, thật khó tin là nước Phổ lại có thể dựng nên trường đại học mà sau này là biểu trưng của tinh thần đại học cho toàn thế giới.

Wilhelm von Humboldt đã kiên định trong việc kêu gọi xây dựng trường đại học Berlin (Universität zu Berlin) trước rất nhiều khó khăn về kinh tế, chính trị, xã hội và quan điểm về giáo dục. Có lẽ việc hay nhất là xem lại một số suy nghĩ của ông về vấn đề giáo dục con người trong thời kỳ nước Phổ hoàn toàn trắng tay về vật chất.

Trước hết ông vẫn kiên định giảng dạy cổ văn Hy Lạp. Ý tưởng của ông là tầm nhìn sâu tận bên trong của vấn đề. Với ông, phong thái tư tưởng của Hy Lạp là sức mạnh của tư duy về lý tưởng hơn là những điều vụn vặt, đa diện; cái cao cả được rút ra từ cái đơn giản; và nhìn thấy tự do qua muôn vàn văn bản… Theo đó, tinh thần Hy Lạp sẽ đem lại cho con người Phổ lúc bấy giờ tinh thần tự chủ "biến tất cả mọi sự thành trò chơi, nhưng chỉ theo nghĩa là biết gạt bỏ sự khắc nghiệt của trần gian, đồng thời giữ vững sự nghiêm chỉnh của lý tưởng".

Quan điểm về con người của Humboldt cũng rất tỉnh táo và đầy sáng suốt trước sự thiếu thốn của hoàn cảnh xã hội. Ông cho rằng con người toàn diện là sự thống nhất giữa thể xác và tâm hồn, lý trí và nhục cảm, nghĩa vụ và xu hướng, giữa thế giới và cá nhân. Do đó, tinh thần Hy Lạp là phương tiện hữu hiệu để đánh thức những tâm hồn thơ ấu các giá trị cao đẹp, vượt qua thực tại đầy thách đố.

Quan điểm về giáo dục con người của Humboldt đã kế thừa và đạt đến đỉnh cao của tinh thần tự hoàn thiện. Với ông, giáo dục là tiến trình và kết quả của việc đào luyện cá nhân từ bên trong. Ông đã mô tả về quan điểm ấy như sau:

"Có những kiến thức nhất định nào đó cần phải trở nên phổ biến. Tuy nhiên, lại càng

(*) Kỷ yếu 200 năm đại học Humboldt đã được phát hành. Xem thêm tại http://networkedblogs.com/fZBbt hay trên tạp chí Tia Sáng, số 8 (20–04–2011).

phải có sự đào luyện những tâm thế và tính cách mà không ai được phép thiếu cả. Mỗi người rõ ràng chỉ có thể trở thành một thợ thủ công, một doanh nhân, binh sĩ hay công chức tài giỏi, khi người ấy là một con người và là một công dân được khai minh, tốt lành và đàng hoàng, độc lập với nghề nghiệp đặc thù của mình. Có được sự giáo dục cần thiết cho công việc này rồi, thì người ấy về sau sẽ dễ dàng học lấy một nghề và bao giờ cũng có thể tha hồ thay đổi nghề nghiệp như vẫn thường xảy ra trong cuộc sống."[1]

Có thể tóm tắt tư tưởng về nội dung giáo dục mà Humboldt đã đúc kết thành ra một hình tam giác gồm ba cạnh: tri thức, tư duy và năng lực giáo tiếp. Trong đó, tri thức bao gồm những nội dung học vấn; tư duy là các chiến lược khác nhau để mở rộng tri thức như giải quyết vấn đề, mô tả, suy luận, lý giải v.v. Còn năng lực giao tiếp là biết cách làm cho người khác hiểu rõ tư tưởng, ý tưởng, luận điểm… của mình và ngược lại, chủ động đặt mình vào trong vị trí và tư tưởng của người khác.

Có lẽ viết lại những quan điểm về giáo dục của Wilhelm von Humboldt cũng không khiến chúng ta thấy được giá trị cao cả mà tinh thần đại học đã đem lại cho cuộc cách mạng đại học cho toàn thế giới vào thế kỷ 19 và 20. Tinh thần đại học mà Humboldt và đại học Berlin đã mang lại cho nước Phổ một bước ngoặt về lịch sử giáo dục. Nhờ cải cách theo mô hình của đại học Humboldt mà nền khoa học Đức đã thành công vang dội như thế nào trong suốt hai thế kỷ sau đó và cho đến ngày nay chúng ta vẫn còn ngưỡng học giá trị của tinh thần Đức. Tự do trong nghiên cứu học thuật chính là chìa khóa tạo nên thành công mà mô hình đại học của Humboldt đã làm được. Các nước như Anh, Mỹ, Nhật cũng đã học tập mô hình này mà xây dựng nên những giá trị mới phù hợp với hoàn cảnh của từng quốc gia. Có lẽ trong chúng ta sẽ so sánh và chất vấn rằng liệu các giá trị đó có còn hợp thời? Giá trị của tự do và nghiên cứu là muôn đời hợp lý! Mô hình của đại học của Humboldt là sự kết hợp giữa giảng dạy và nghiên cứu, mà sự chia cắt sẽ làm cho giá trị của giáo dục giảm xuống đến mức gây thiệt hại cho những trung tâm tri thức.

Trở lên là câu chuyện về vấn đề giáo dục, cụ thể là tinh thần đại học của Wilhelm von Humboldt, người đã vực dậy giá trị của giáo dục theo đường lối nhân bản. Không chỉ là sự đánh thức giá trị của giáo dục, nước Đức đã thừa kế những giá trị cụ thể cho việc phát triển khoa học của mình. Đó là công lao to lớn mà mô hình đại học Humboldt đã mang lại cho Đức và cho cả nhân loại. Dù hiện nay, những thách thức mới đang chất vấn các giá trị mà mô hình đại học của Humboldt mang lại, nhưng tinh thần đại học không thể vì thế mà mất đi một tí giá trị nào. Đó là căn bản của một nền giáo dục vị nhân sinh. Mọi con đường rồi sẽ phải quay về nó, nhìn nhận giá trị cốt lõi của giáo dục mà Humboldt đã phát triển. Mọi sự tác động của quyền lực chính trị, kinh tế, quyền lợi, danh tài vào nền giáo dục đương đại chỉ là giây phút nông nổi của thời đại. Rồi sẽ đến lúc nó phải phản tỉnh một cách chân thật để tìm về giá trị muôn đời của nền giáo dục vì con người.

Một hình ảnh cao cả của nhân loại đã hình thành từ Homboldt. Ông đã vực nước Phổ trắng tay về vật chất nhưng vững chãi và mạnh mẽ ở tinh thần qua con người được giáo dục toàn diện.

85 NĂM TINH THẦN ĐẠI ĐẠO – 45 NĂM NHIỆT HUYẾT

Giáo dục là cốt lõi của bất cứ nền tổ chức nào, kể cả tôn giáo. Ngay từ khi thành lập nền tân tôn giáo trên đất nước Việt

1. Xem thêm bài viết của tài liệu tham khảo (1). Dẫn theo Peter Berglar: Wilhelm von Humboldt, Rowoht, Reinbeck 1970, tr. 87 (từ Báo cáo của Humboldt cho Đức vua, 1809. Tác phẩm 5 tập, tập 4, tr. 218).

Nam, tôn giáo Cao Đài, Đức Chí Tôn đã đề cập đến việc truyền đạo một cách cụ thể; đó là điểm xuất phát của tư tưởng đào tạo, giáo dục của Cao Đài về sau này. Quan điểm về giáo dục và đào tạo trong Cao Đài giáo cũng không khác với mô hình đại học Humboldt, tức là sự kết hợp của giảng dạy của nghiên cứu; tức là giáo dục văn hóa và đạo đức, tức là đào tạo con người "sống đẹp".

VỀ GIÁO DỤC CAO ĐÀI

Mục tiêu của giáo dục là tạo ra con người với đầy đủ khả năng tư duy như một con người. Trên con đường truyền đạo, con người có tư duy đó được bắt đầu bằng những hiểu biết đối với sự khải thị của Ơn Trên về một lý tưởng sống mới của nhân sinh. Hiểu biết đó được đặt vào nội dung của những lời dạy đã có từ trước trong kinh điển Cao Đài, Thánh ngôn. Lời dặn của Đức Chí Tôn:

"Thầy buộc học hết Thánh ngôn rồi mới đi phổ cáo. Nghe à."[2]

Có thể nói, Thánh ngôn, Thánh giáo chính là kết tinh tư tưởng về lý tưởng của xã hội, con người được Thiêng Liêng đặt để trước. Đó là những suối nguồn căn bản cho sự phát triển trí tuệ minh triết và tình cảm trong sáng của con người mới. Con người đạo đức chính là điểm nhắm của nền giáo dục Cao Đài:

"Đạo là Thiên, là tâm, là con người, nên chi con người phải là con người đạo đức."[3]

Riêng với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Đức Lý Giáo Tông đã có dạy rất rõ về con người mới trong sứ mạng của Đại Đạo:

"… nhân sự được đào tạo phải có tầm vóc nhân loại, vượt khỏi ngưỡng cửa Cao Đài. Do đó, đòi hỏi phải hội đủ Tâm, Hạnh, Đức, Tài để thực hiện sứ mạng lớn lao của Cơ Quan. Thế chư hiền đệ muội đã chuẩn bị chưa?

Nếu chỉ đào tạo một nhân sự chung chung thì chưa đủ với sứ mạng trong tương lai."[4]

Như vậy, giáo dục Cao Đài đặt ra mục tiêu là con người trong mối liên hệ với yếu tố thiêng liêng, với nhân bản. Một sự cân bằng giữa nhân sinh và tâm linh trong hình ảnh con người theo quan điểm Cao Đài. Sợi dây liên kết của hai mặt này chính là sự thông hiểu Thánh ý trong lời dạy của các Đấng qua kinh điển Cao Đài. Đó chính là sự phản ánh tầm vóc con người với đầy đủ tư chất của một con người tích cực, con người hướng thượng.

Đối với hình thức tổ chức, thì mỗi đơn vị thánh sở là một trường giáo đạo như trong lời dạy của Đức Lý Giáo Tông:

"Bần đạo muốn thấy mỗi một Thánh thất, Thánh tịnh ý thức thể hiện được một hình thể tạm gọi là trường giáo dân. Trước nhứt là giáo dục con em trong gia đình đạo hữu để làm đà tiến cho các lãnh vực rộng rãi khác trong khuôn viên đạo đức."[5]

Hay

"Mỗi đơn vị Thánh thất, Thánh tịnh là mỗi giáo đường, hướng dẫn người đời lìa chốn sông mê để trở về bến giác. Có ý thức được như vậy thì giá trị của người hành đạo cũng đồng chung như những công việc khác trong thời quốc biến gia vong."[6]

Lời dạy này giúp chúng ta thấy một điểm tương đồng với tư tưởng của Humboldt. Trong khi đất nước lâm vào cảnh bị chia cắt, thiếu thốn vật chất thì giáo dục toàn diện vẫn phải được coi là quan trọng như những công việc khác để nhanh chóng khôi phục lại mọi giá trị thực sự của nhân sinh.

Hơn thế nữa, thánh sở Cao Đài không chỉ là nơi thờ cúng tứ thời. Tinh thần giáo dục của Cao Đài giáo là triển khai rộng rãi nhất đến các cơ sở giáo dục thông qua hệ thống các Thánh thất, Thánh tịnh. Nhờ đó, mà mọi người đều có

2. Dẫn theo Thánh Thất Là Trường Giáo Đạo, Đạt Tường, Bản thảo 11.2010, trang 73.

3. Đức Lý Giáo Tông, Chí Thiện Đàn, 27–8 Nhâm Tý (04–10–1972).

4. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–7 Kỷ Tỵ (15–8–1989).

5. Dẫn theo Thánh Thất Là Trường Giáo Đạo, Đạt Tường, bản thảo 11.2010, trang 58.

6. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Ngọc Minh Đài, 23–12 Kỷ Dậu (30–01–1970).

thể nhận được sự hướng dẫn và đào tạo về tinh thần đạo đức.

Đối với tổ chức nhân sự của thánh sở Cao Đài cũng được quy định về việc giảng dạy cho tín đồ. Chức sắc Hội Thánh từ Giáo Hữu đến Giáo Sư được đặc trách cho công tác giảng giáo lý, truyền chơn đạo.

Tầm vóc quan trọng của giáo dục được Đức Lê Đại Tiên còn nhấn mạnh hơn khi gắn liền với sự phát triển của xã hội nhân sinh:

"Mang lấy sứ mạng tinh thần vĩ đại là văn hóa, là giáo dục, xã hội nhơn loại đã tôn ngôi Thần Thánh vào sự tự giác huấn luyện, cùng bình phong giáo dục đóng khung của những người được công nhận từ thuở là ngăn lối đại đồng xã hội. Hiện trạng với đà tiến bộ nhơn loại, sự gần gũi mật thiết rõ rệt, thì con người không thể từ chối việc góp tay chung sức ở công cuộc xây dựng thế nhân hòa toàn nhơn loại.

Giáo dục từ xưa không đứng vững nếu con người không muốn dấn thân vào các giáo dục cá nhân và xã hội quốc gia. Chính vì thế, mà con người cần nhận định để tránh khỏi cho tập thể va chạm đổ vỡ hoàn toàn là cải tổ các ý thức tín ngưỡng nói riêng và niềm tin nói chung, đồng điệu trên nhịp nhàng giáo huấn giáo dục nhân bản, đưa tới đích thực nhân hòa phải được xây dựng càng sớm càng tốt."[7]

Giáo dục Cao Đài là sự tiếp tay vào việc xây dựng xã hội hòa đồng. Mà trong đó không thể thiếu sự hiệp tác của tư tưởng tôn giáo và kinh nghiệm khoa học của xã hội nhân sinh. Từ đó, thực hiện cuộc cách mạng cải tổ các ý thức tín ngưỡng nói riêng và niềm tin nói chung, đồng điệu trên nhịp nhàng giáo huấn giáo dục nhân bản, đưa tới đích thực nhân hòa.

VỀ NGHIÊN CỨU CAO ĐÀI

Năm 1985, Đức Cao Triều Phát xác nhận tình hình của giáo lý Cao Đài hiện tại:

"Các em cũng cần lưu ý: giáo lý Đạo quá giản lược, chưa thỏa mãn sự tìm hiểu của các giới. Nhưng phần phô diễn, phát huy không phải là việc của các Đấng hay chúng Tiên huynh, mà chỉ có thể là của các em, với sự soi dẫn Thiêng liêng."[8]

Lời dạy xác định về công tác nghiên cứu và triển khai giáo lý đáp ứng sự tìm hiểu của các giới.

Hay đến năm 1986, Đức Lý Giáo Tông lại nhắc lại:

"Chư Thiên ân đệ muội hãy làm thế nào cho giáo lý Đạo có một căn bản lý luận vững chắc, khoa học; và khai triển sâu rộng mọi mặt; giải đáp các vấn đề then chốt của triết lý siêu hình hiện đại khoa học v.v."[9]

Như vậy, công tác nghiên cứu và khai triển giáo lý được đặt vào tay con người có đủ khả năng, tức con người có tầm vóc nhân loại. Mục tiêu của việc triển khai giáo lý là đặt nền tảng lý luận và khoa học, đi vào các vấn đề triết lý, siêu hình và khoa học. Mục đích của công tác này là giải đáp các vấn đề then chốt của nhân sinh và thỏa mãn sự tìm hiểu của các giới.

Giáo lý không phải là những vấn đề ru ngủ. Nhưng để làm cho giáo lý có sức sống cần có sự nghiên cứu tìm hiểu một cách thực tế trong một thực tiễn sinh động đồng nhịp tương quan. Mà tính thực tế cao cả nhất của nghiên cứu giáo lý theo Thánh ý chính là con đường hợp nhất của hai vấn đề tâm linh và nhân sinh.

VÀ TINH THẦN HỌC THUẬT CỦA CAO ĐÀI GIÁO

Với tầm vóc vượt ngưỡng cửa Cao Đài, Ơn Trên đã cho thấy tinh thần học thuật của người Cao Đài là rất rộng mở, hợp tác, tiếp thu cái mới, vươn tới tầm cao trí thức của nhân loại và đạt tới chiều kích cao xa của tâm linh của vũ trụ.

Đức Chí Tôn có lần giáng dạy:

"Trong các con có nhiều đứa lầm tưởng hễ

7. Đức Lê Văn Duyệt, Thánh thất Nam Thành, 14–02 Kỷ Dậu (31–3–1969).

8. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11–02 nhuần Ất Sửu (31–3–1985).

9. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11–8 Bính Dần (14–9–1986).

vào Đạo thì phải phế hết nhơn sự; nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện Đạo. Thầy nói cho các con biết: nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế nầy, thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao. Các con phải hiểu Thánh ý Thầy mà trau dồi chí lớn. Dầu đi lối nào cũng phải cần cái đèn thiêng liêng chiếu rõ mới đặng vững bước. Làm vua, làm thầy, làm công nghệ, làm đạo sĩ cũng cần phải có chí lớn mới mong thành tựu đặng. Các nghề dưới thế không có nghề nào là vô dụng mà vô dụng là tại người không chuyên vậy."[10]

Khi khẳng định cái nghề dưới thế, dường như đức Chí Tôn lại mở cho tinh thần học thuật của người Cao Đài một con đường bao quát hơn bao giờ hết. Đoạn Thánh giáo trích trên cho chúng ta thấy được việc tu học của người Cao Đài không gói gọn trong giáo lý đơn thuần. Hơn thế nữa, Đức Chí Tôn muốn con người tôn trọng và tiếp thu một cách trân trọng giá trị của khoa học, mà ở đây được đề cập đến như "nghề". Vấn đề là cần con người chuyên môn để thấu triệt cái nghề hay cái chuyên môn nào đó. Tinh thần thực dụng khoa học nơi đây là chỗ dụng cho thực hành công quả tại thế gian. Do vậy, rõ ràng con người Cao Đài không bị bó hẹp trong không gian của "thần quyền thuần túy".

Tinh thần học thuật của người Cao Đài có một sự cởi mở rất là to lớn và đã được đặt để trên 4 phương diện: hướng đến thế giới đại đồng, hướng đến nền khoa học về sự mầu nhiệm về đức tin, sự tiến hóa Chân–Thiện–Mỹ và sứ mạng của dân tộc Việt Nam. Sự hiểu biết, học tập, hay nghiên cứu giáo lý Cao Đài sẽ phải luôn đi theo một lý tưởng về Đại Đạo mà Đức Cao Triều Tiền bối đã dạy:

" Đây Tiên Huynh tóm lược lý tưởng Đại Đạo để các em suy gẫm nhìn thấy chỗ tối cao, tận Thiện, tận Mỹ của Chánh Pháp Kỳ Ba.

Đại Đạo là con đường rộng lớn nhứt đưa nhân loại đến đại đồng thế giới không kỳ thị phân chia, phù hợp xu hướng văn minh tiến bộ tạo cảnh giới an lạc, hòa bình, hạnh phúc trần gian và siêu xuất thế gian, đó cũng là chiếc Bát Nhã thoàn đưa khách năm châu đến cứu cánh tận độ.

Đại Đạo là cánh cửa Càn Khôn rộng mở cho văn minh khoa học loài người đạt đến điểm cao vút để nhìn thấy cơ vi mầu nhiệm của Tạo Hóa mà thành tín trước đức Háo Sanh mầu nhiệm và đức Từ Bi sáng tạo vô ngần của Thượng Đế. Như vậy, Đại Đạo là con đường chân lý mà loài người phải vươn tới.

Đại Đạo đưa con người tiến hóa lên nấc thang đạo đức tân Thiện, tận Mỹ:

Chánh pháp Thầy truyền
Giáo lý các đấng Thiêng liêng dạy
Tình dân tộc, nghĩa đồng bào của chư môn đệ
Cứu cánh tận độ của đức Chí Tôn đặt để.

Cả thảy đều là yếu tố tích cực rất thuận lợi cho loài người tiến đến đạo đức cao cả, nhất là vào thời kỳ mạt kiếp.

Trong phạm vi khác, Đại Đạo có thể là con đường sứ mạng của dân tộc Việt, vì giáo lý Cao Đài là kết hợp tinh thần văn hiến của dân Việt. Đó là điều hãnh diện của dân tộc trong công cuộc xây dựng văn minh thế giới chung.

Vậy đó chẳng phải là con đường tối ưu của cả thảy chư môn đệ đức Thượng Đế, của hàng thiên ân hướng đạo, của Thanh Thiếu Niên Đại Đạo sao?"[11]

Tuy nhiên, bằng cách này hay cách khác, chúng ta tự đóng khung mình theo cái cách của

10. Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương, Đại Đàn Cầu Kho, 05–03–1927, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển 1.

11. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11–02 nhuần Ất Sửu (31–3–1985).

"bình phong giáo dục đóng khung của những người được công nhận từ thuở là ngăn lối đại đồng xã hội". Nỗi sợ hãi và lo lắng trong một khuôn viên nhỏ bé khiến con người ngại ngùng cả với hình ảnh của con người vượt ngưỡng. Hoặc khi muốn là nó thì con người cũng vương vấn cái được gọi là giá trị thực tiễn đầy uy quyền cá nhân. Kêu gọi tự do cũng thời đồng nghĩa làm tăng sự trống vắng của trí tuệ, mà đặc biệt là trí năng tập thể. Hạn chế tự do cũng đồng thời làm giảm giá trị của giáo dục và nghiên cứu. Đằng nào cũng là con đường đi đến vấn đề khác, là những hạn chế của con người! Người tự mãn vì hữu tài thì tự tạo khoảng không để đáp ứng thời đại tri thức trong ngã mạn được giấu diếm. Người âm thầm thực hành cũng chẳng có lối đi mạnh mẽ và thuyết phục được đại đa số nhân sanh. Cái tình thế tiến thoái bất phân ấy khiến giáo dục trở thành một đề tài hết sức xa xỉ, tốn thời gian.

Giáo dục theo đường lối Cao Đài là một tiền định chưa được khai thông dù đã qua hơn 85 năm của Cao Đài giáo và 45 năm của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Có lẽ người ta vẫn đang nghĩ rằng giáo dục Cao Đài chẳng qua là một khái niệm lớn cho một hoạt động nhỏ nào đó trong việc học thuộc lòng được khối lượng kinh sách, và rèn luyện khả năng tầm và trích kinh sách như cái học từ bao đời nay và vẫn đâu đó phảng phất ngay cả trong phong cách đại học Việt Nam?

Humboldt đã bắt đầu với 52 giảng viên, 256 sinh viên và sau đó là một loạt những nhà khoa học ra đời trong nhiều lĩnh vực: luật, triết, xã hội, sử… với 29 giải Nobel. Humboldt mang lại cho ta một giấc mơ về tương lai, khi nền giáo dục Cao Đài có được hình ảnh thực tiễn của nó. Chả có gì là tham vọng khi nó chỉ là điều cần làm và được yêu cầu phải làm. Liệu có con đường nào khác cho một sự phát triển xã hội nhân sinh hòa bình thật sự mà không phải là con đường giáo dục. Mà liệu có nền giáo dục nào có thể cho phép nó đi cả trên hai ngã nhân sinh và tâm linh nếu không có tôn giáo, mà Cao Đài là khuôn viên sau cùng được Thiêng Liêng đặt để một trọng trách?

Câu chuyện này chỉ có thể kết luận bằng một lời mà thôi: Hãy sống vì một giấc mơ cao đẹp nhất!■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. LÝ TƯỞNG GIÁO DỤC HUMBOLDT: MÔ HÌNH HAY HUYỀN THOẠI? – Bùi Văn Nam Sơn. http://triethoc.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=446:ly-tng-giao-dc-humboldt-mo-hinh-hay-huyn-thoi&catid=42:tinh-thn-i-hc&Itemid=236

2. TINH THẦN ĐẠI HỌC CỦA WILHELM VON HUMBOLDT – Bùi Văn Nam Sơn. http://triethoc.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=445:tinh-thn-i-hc-ca-wilhelm-von-humboldt&catid=42:tinh-thn-i-hc&Itemid=236

3. TINH THẦN ĐẠI HỌC HUMBODLT – Tiến sĩ Bùi Xuân Xanh. Tạp chí Tia Sáng, số 7 – 05/04/2011

4. THÔNG TIN VỀ WILHELM VON HUMBOLDT tại trang: http://en.wikipedia.org/wiki/Wilhelm_von_Humboldt

5. THÁNH THẤT LÀ TRƯỜNG GIÁO ĐẠO – Đạt Tường, bản thảo 11.2010.

6. THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN, quyển I.

7. CẨM NANG TU SĨ - GIÁO SĨ, Tập Đoàn Giáo Sĩ, bản thảo tu học nội bộ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 2005.■

CỔNG CHÍNH VÀO ĐẠI HỌC HUMBOLDT (BERLIN, ĐỨC).

ĐỌC BÁO

NHỮNG BÍ MẬT THÚ VỊ VỀ EMAIL

■ BBT. ■ THEO DT.

EMAIL ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT CÔNG CỤ GIAO TIẾP KHÔNG THỂ THIẾU NGÀY NAY.

Ngày nay, email là một trong những khái niệm quen thuộc và không thể thiếu với người dùng Internet. Nhưng bạn biết gì về lịch sử ra đời và phát triển của email? Cùng khám phá trong bài viết dưới đây.

Bốn mươi năm trước, bức thư điện tử (Electronic Mail – Email) đầu tiên được gửi đi, đánh dấu sự ra đời của một trong những khái niệm quan trọng nhất của tương lai. Trải qua 40 năm tồn tại và phát triển, email đã có nhiều bước thăng trầm, để trở thành công cụ giao tiếp phổ biến và rộng rãi nhất thế giới ngày nay. Cùng khám phá những bí mật thú vị về quá trình phát triển của email trong bài viết dưới đây.

RAY TOMLINSON, "CHA ĐẺ" CỦA THƯ ĐIỆN TỬ.

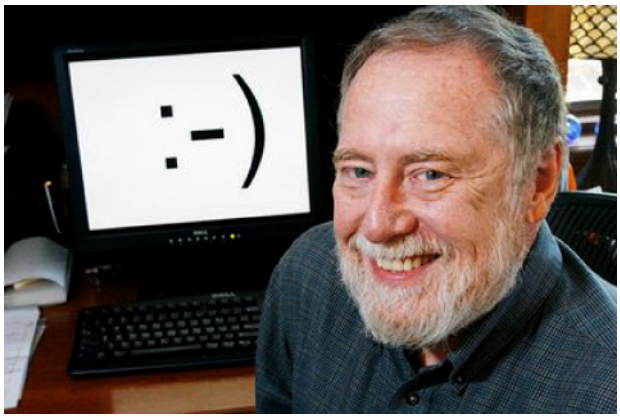

SCOTT FAHLMAN, NGƯỜI TẠO RA BIỂU TƯỢNG MẶT CƯỜI ĐẦU TIÊN TRÊN THẾ GIỚI.

1971, Ray Tomlinson, kỹ sư máy tính người Mỹ, người được xem là "cha đẻ" của email, đã gửi đi bức thư điện tử đầu tiên trong lịch sử trên hệ thống mạng ARPANET (tiền thân của mạng Internet), với nội dung: "QWERTYUIOP" (toàn bộ chuỗi ký tự trên dòng đầu tiên của bàn phím), giữa 2 máy tính được đặt sát cạnh nhau.

Đặc biệt, Tomlinson đã sử dụng ký tự "@" để phân cách giữa tên người dùng và tên của máy tính. Từ đó, ký tự "@" được sử dụng trong các địa chỉ email, để phân cách giữa tên sử dụng và tên miền của dịch vụ email.

Năm 1976, nữ hoàng Elizabeth Đệ Nhị (Anh) là nguyên thủ quốc gia đầu tiên trên thế giới sử dụng email.

Năm 1978, bức email có nội dung quảng cáo đầu tiên trên thế giới được gửi đi, thông qua các hệ thống mạng của chính phủ và của các trường đại học.

Năm 1982, từ "email" (viết tắt của Electronic Mail – Thư điện tử) lần đầu tiên được sử dụng.

Cũng trong năm này, biểu tượng :–), biểu tượng mặt cười đầu tiên và cũng phổ biến nhất hiện nay được tạo ra bởi Scott Fahlman, một giáo sư máy tính của trường đại học Carnegie Mellon.

Năm 1997, khi email bắt đầu dần trở thành một dịch vụ quen thuộc của người sử dụng, "gã

khổng lồ" Microsoft đã nhìn thấy một tương lai tươi sáng của email, nên bỏ ra số tiền 400 triệu USD để mua lại dịch vụ cung cấp email HotMail.

Cũng trong năm này, Microsoft cho ra mắt phần mềm quản lý email Microsoft Outlook.

Tháng 10/1997, Yahoo! trình làng dịch vụ email của riêng mình và nhanh chóng trở thành một trong những dịch vụ email lớn nhất thế giới.

Năm 1998, hãng phim Warner Bros sản xuất bộ phim "You've Got Mail" (Bạn có thư), với nội dung xoay quanh chuyện tình của 2 người làm quen với nhau thông qua email, với sự tham gia diễn xuất của nam diễn viên nổi tiếng Tom Hanks.

Bộ phim đã gặt hại được rất nhiều thành công và mang về cho Warner Bros số tiền 250 triệu USD, kỷ lục dành cho một bộ phim vào thời điểm bấy giờ.

Cũng trong năm này, từ "Spam" (thư rác) cũng được đưa vào trong từ điển tiếng Anh Oxford, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của email.

Năm 1999, một bức email lừa đảo, với nội dung cho biết Bill Gates (người giàu nhất thế giới thời điểm bấy giờ), dự tính sẽ chia sẻ toàn bộ gia tài của mình cho người dùng Internet. Bức email này ngay lập tức được lan truyền đến hàng triệu người sử dụng Internet.

Năm 2003, tổng thống Mỹ George Bush đã ký vào đạo luật đầu tiên về giới hạn việc sử dụng email cho các dịch vụ thương mại và quảng cáo để ngăn chặn nạn Spam thư rác.

Năm 2004, các từ viết tắt như LOL (cười sảng khoái) và nhiều từ viết tắt khác thường được sử dụng trong email được đưa vào từ điển tiếng Anh Oxford. 21–3–2004, Google lần đầu tiên thử nghiệm dịch vụ email Gmail của mình dưới dạng Beta. Chỉ những ai được mời mới có thể tham gia thử nghiệm dịch vụ này, và mỗi tài khoản Gmail lại được cung cấp tối đa 50 thư mời đến những người dùng khác. Hiện nay, trong tài khoản Gmail vẫn còn giữ lại chức năng gửi thư mời để tham gia Gmail.

Đến năm 2007, Gmail mới chính thức bỏ

GMAIL RA ĐỜI VÀ NHANH CHÓNG TRỞ THÀNH DỊCH VỤ EMAIL HÀNG ĐẦU.

mác "beta" để trở thành dịch vụ email mở cửa cho tất cả mọi người tham gia.

Giờ đây, Gmail đang là dịch vụ email có lượng người dùng lớn nhất trên thế giới.

Năm 2008, Barack Obama (khi đó là ứng cử viên tổng thống) đã thu thập được 13 triệu địa chỉ email của người dùng tại Mỹ. Obama đã sử dụng các địa chỉ email thu thập được, cũng như các dịch vụ mạng xã hội nổi tiếng thời bấy giờ như MySpace hay Youtube để kêu gọi sự ủng hộ của người dân Mỹ.

Ngày nay, email trở thành một phần không thể thiếu của người dùng Internet. Tất cả mọi thông tin, mọi cập nhật… đều được gửi đi một cách nhanh chóng qua email.

Có thể nói, email là một trong những phát minh có tầm ảnh hưởng lớn nhất đến cuộc sống hiện đại mà công nghệ đã từng tạo ra.■

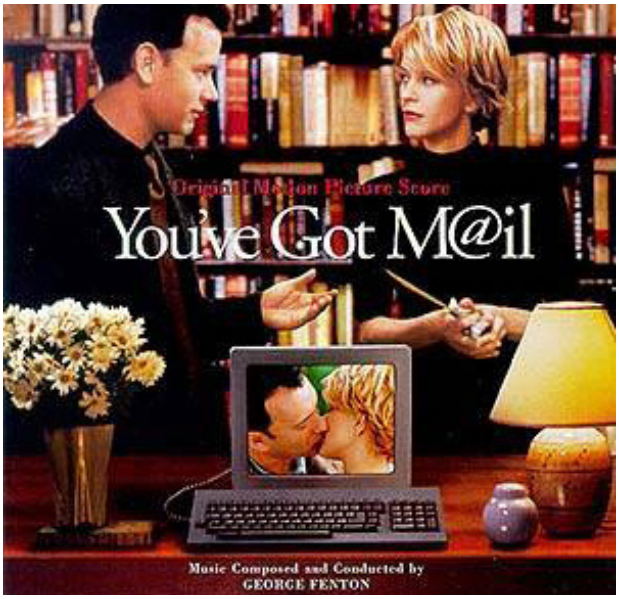

BỘ PHIM "YOU'VE GOT MAIL" VỚI SỰ THAM GIA DIỄN XUẤT CỦA NAM DIỄN VIÊN TOM HANKS.

Không quá muộn để nên THÁNH

■ VERITAS ■ V.T. ST.

Người Nhật Bản có kể một câu chuyện như sau:
Zenkai là một thanh niên con của một hiệp sĩ Samurai. Anh được tuyển vào phục dịch cho một viên chức cao cấp trong triều đình. Không mấy chốc, Zenkai đem lòng say mê người vợ của chủ mình. Anh lập mưu giết người chủ và đem người đàn bà trốn sang một vùng đất lạ.

Anh tưởng có thể ăn đời ở kiếp với người đàn bà. Nhưng không mấy chốc, người đàn bà đã để lộ nguyên hình của một con người ích kỷ, đê tiện. Zenkai đành bỏ người đàn bà và ra đi đến một vùng đất khác, ở đó anh sống qua ngày bằng nghề hành khất.

Trong cảnh bần cùng khốn khổ, Zenkai đã bắt đầu hồi tâm để nhớ lại những hành động tội lỗi của mình. Anh quyết định làm một việc thiện để đền bù cho quá khứ nhơ nhớp của mình. Anh đi về một vùng núi hiểm trở, nơi mà nhiều người đã bỏ mình vì khí hậu khắc nghiệt cũng như vì công việc nặng nhọc. Zenkai đem hết sức lực của mình để khai phá một con đường xuyên qua vùng núi ấy. Ban ngày đi khất thực, ban đêm đào đường xuyên qua núi. Zenkai cặm cụi làm công việc ấy ròng rã trong ba mươi năm trời.

Hai năm trước khi Zenkai hoàn thành công trình của mình, thì người con của viên chức triều đình mà anh đã sát hại trước kia bỗng tìm ra tung tích của anh. Người thanh niên thề sẽ giết Zenkai để trả thù cho cha mình. Biết trước mình không thoát khỏi án phạt vì tội ác mình đã gây ra mấy chục năm trước, Zenkai phủ phục dưới chân người thanh niên và van xin: "Tôi xin sẵn sàng chịu chết. Nhưng cậu hãy cho phép tôi được hoàn thành công việc tôi đang làm dở. Khi mọi sự đã hoàn tất, cậu hãy giết tôi."

Người thanh niên ở lại để chờ cho đến ngày trả được mối thù cho cha. Nhưng trong khi chờ đợi, không biết làm gì, người thanh niên đành phải bắt tay vào việc đào đường với Zenkai mà vẫn nuôi chí báo thù cha.

Nhưng chỉ một năm sau cùng làm việc với kẻ đã giết cha mình, người thanh niên cảm thấy mọi ý muốn báo thù đều tan biến trong anh. Thay vào đó, anh lại thấy dậy lên trong lòng sự cảm phục và thương mến đối với sự nhẫn nhục, chịu đựng của Zenkai.

Con đường đã được hoàn

thành trước dự định. Giờ đây dân chúng có thể qua lại vùng núi hiểm trở một cách dễ dàng.

Giữ đúng lời hứa, Zenkai đến phủ phục trước mặt người thanh niên để chấp nhận sự trừng phạt. Nhưng người thanh niên vừa đỡ Zenkai dậy vừa nói trong tiếng khóc: "Làm sao tôi có thể chém đầu được thầy của tôi?"

■

Câu chuyện trên đây hẳn hàm chứa được nhiều bài học. Ngạn ngữ Latinh thường nói: "Sai lầm, vấp ngã là chuyện thường tình của con người, nhưng ngoan cố trong sai lầm là bản chất của ma quỷ."

Nét đẹp quý phái nhất nơi lòng người đó là còn biết hối tâm, còn biết nhận ra lỗi lầm và từ đó quyết tâm xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn. Trong câu chuyện trên đây hẳn phải là hình ảnh của sự phục thiện mà Thiên Chúa vẫn luôn khơi dậy trong lòng người.

Nhưng bài học đáng chú ý hơn trong câu chuyện trên đây có lẽ là: tình liên đới xóa tan được hận thù trong lòng người. Người thanh niên đã khám phá ra giá trị ấy khi bắt tay làm việc với Zenkai, con người mà trước đó anh đã quyết tâm tiêu diệt cho bằng được.

Quả thực, tình liên đới, sự đồng lao cộng khổ, sự hiện diện bên nhau có sức tiêu diệt được hận thù trong lòng người.■

■ NGUỒN: TỦ SÁCH MẠNG LƯỚI DÙNG LẠC.

Dưới Mái Thiền Đường Đôi Điều Về "TÂM – CẢNH"

(TIẾP THEO TRANG 45)

Đức Hà Tiên Cô dạy:
Bước đầu đắp móng nền cho vững,
Giới, quy điều hờ hững được đâu,
Luôn luôn phản tỉnh nội cầu,
Chánh tâm diệt dục nhiệm mầu thấy ngay."[10]

Phép hồi quang nội chiếu cũng được Đức Tiền Bối Cao Triều Phát dạy thế hệ tiếp nối để hiệp nhất với Đức Chí Tôn:

"Cao Đài chẳng khá ở ngoài tâm,
Triều kiến Như Lai diệt mộng trầm,
Phát xuất từ nơi vô nhứt vật,
Giáng trần tính lại mấy trăm năm."[11]

KẾT LUẬN

Đời là một trường tiến hóa, chúng ta đến đây để học, để thi. Đề thi thật là đơn giản chỉ có hai chữ "Tâm–cảnh", mà làm bài suốt cả cuộc đời.

Đầu tiên là phải làm chủ cái thân để biến nó từ "đệ nhứt cừu nhân" trở thành "đệ nhứt ân nhân". Muốn thế phải nghiêm trì giới luật.

Bước thứ hai là "Đứng lại" (TRI CHỈ). Đời là mộng, chúng ta không rượt đuổi theo nó nữa.

Nhờ "Đứng lại" mới có thời gian cắt hết dây mơ rễ má "Đoạn duyên giản sự", bớt đời thêm đạo như Đức Chí Tôn dạy:

"Con ơi! bớt bớt việc trần,
Sáu phần lo Đạo, bốn phần đời thôi."

Có đoạn duyên giản sự chúng ta mới "Hồi quang nội chiếu" được để Đức Chí Tôn ban ân cho "cùng Trời đồng nhất, cùng Đạo ứng thông", đó cũng là lúc "tâm là tâm, cảnh là cảnh, chính là Thiên địa chi tâm".■

10. Bài Khẩu khuyết Dự bị Sơ thiền.
11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–10 Kỷ Mùi (04–12–1979).

CÂY BỐM & ĐỊA DANH GIỒNG BỐM

■ TRIỀU LIÊN

Những hạt phù sa ở nơi xa lắm, từ cao nguyên Thanh Tạng, đầu nguồn sông Mê Kông theo dòng sông đi qua chín rồng chảy ra biển Đông, gặp dòng hải lưu Bắc Nam, đưa chúng xuống phía Nam. Gặp bờ biển manh nha hình thành có những cây nhiều rễ như đước, vẹt, mắm, bần, dừa nước… hạt phù sa bám vào đó, lâu ngày chầy tháng ngưng đọng thành những bãi sình lầy, lâu dần thành vùng đất trù phú là bán đảo Cà Mau bây giờ. Mỗi một vùng đất, do cấu tạo địa chất, sự hình thành thổ nhưỡng tự nhiên, nơi có loại cây này mọc mà không có loại cây khác. Cũng là ven bờ sông, bờ biển nước mặn, nhưng ở miền Bắc, miền Trung hầu như không thấy các loại cây như: đước, bần, dừa nước, tràm… là những loại cây đặc biệt mọc thành rừng ở ven biển ven sông miền Nam. Càng xuôi về phương Nam, rừng đước càng dầy đặc ven sông, ven biển. Trên tổng thể là như vậy nhưng cũng có những loại cây chỉ mọc ở một số tiểu vùng mà thôi. Tạo hóa sanh muôn loài vạn vật, từ xa xưa khi chưa có bàn tay con người, thì tùy hệ sinh thái tự nhiên cho cây gì mọc, thì cây đó mọc lên. Có cây đem lại nhiều lợi ích cho con người, như cây lúa nước, cây luá mì, lúa mạch… là loại cây lương thực chính nuôi sống con người. Cây đước, cây vẹt người ta hầm thành than là một loại chất đốt năng lượng cao, v.v. Nhưng cũng có loại cây, con người chưa biết được lợi ích của nó chẳng hạn nhiều loại cây trước đây coi như vô dụng, bây giờ con người mới phát hiện là cây thuốc quý chữa được nhiều bệnh.

Một vùng quê hẻo lánh trong lòng bán đảo Cà Mau nay thuộc xã Phong Thạnh Tây, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu có một tiểu vùng, không biết từ bao giờ trên những giồng đất nơi đây, mọc lên rất nhiều một loại cây cao khoảng trên dưới ba mét, phân nhánh um tùm, lá hình xoan dài hơi nhọn, không có lông, màu xanh non bóng mượt mà. người dân địa phương cho biết cây có nhiều hoa trắng li ti nhưng ít khi nào thấy đậu quả, cây con mọc lên gần như sinh sản vô tính, đặc biệt cây này có nhiều gai rất nhọn. Từ thuở ban sơ người dân nơi khác tới đây khẩn hoang, thấy cây lạ, rồi đặt tên cho nó là cây bốm. Trên giồng đất có nhiều cây bốm mọc gọi Giồng Bốm cho dễ nhớ, quen dần thành địa danh luôn. Cũng như những cây đã nói ở trên người ta chưa thấy cây bốm đem lại lợi ích gì. Cây bốm có nhiều gai nhọn, người dân không ưa thích cho lắm, nên chặt phá để trồng cây khác có ích lợi hơn. Cộng với qua thời gian hệ sinh thái dần thay đổi, cây bốm mất dần bây giờ chẳng còn thấy nó mọc ở đây nữa, nhưng cái tên Giồng Bốm vẫn tồn tại.

Đặc biệt nơi mảnh đất Giồng Bốm này một thời khá huy hoàng, có Tòa Thánh Ngọc

Minh nguy nga tráng lệ, cái nôi của phái Cao Đài Minh Chơn Đạo Hậu Giang. Nơi đây một thời mối đạo Cao Đài được khai mở để độ dẫn quần sanh nơi miền cuối đất cùng trời này.

Đến năm 1946 cuộc chiến tranh vệ quốc của nhân dân ta chống quân xâm lược Pháp xảy ra. Một Mặt trận do toàn phái Cao Đài Minh Chơn Đạo góp công góp sức thành lập, để làm căn cứ chống giặc Pháp, được gọi là Mặt Trận Giồng Bốm. Tuy vũ khí tự tạo còn thô sơ. Nhưng lòng yêu tổ quốc của người Cao Đài không thô sơ như người ta tưởng. Những chiến sĩ áo trắng đã chiến đấu ngoan cường, không sợ hy sinh, không khuất phục trước quân thù có đầy đủ vũ khí hiện đại. Máu của chiến sĩ Giồng Bốm đã đã đổ trên mảnh đất Giồng Bốm này để tô thắm màu cờ tổ quốc, cho thế hệ hôm nay được hưởng cuộc sống độc lập, tự do, hạnh phúc. Nhưng sáu mươi lăm năm qua, có những khoảng thời gian dài, Giồng Bốm trở thành phế tích, hoang vắng, điêu tàn. Thật đau lòng biết bao cho những người từng đến thăm nơi đây.

Các tín hữu Cao Đài với tấm lòng tri ân đối với tiền nhân, đã chung tay góp sức dần dần xây lại một Thánh thất Ngọc Minh có đủ Tam đài, đài tưởng niệm liệt sĩ và đền thờ Trung Liệt Thánh. Tuy còn rất khiêm tốn, nhưng có được nơi thờ phượng các Đấng Thiêng Liêng và Trung Liệt Thánh, cũng phần nào ấm lòng người đã khuất,và người còn sống hôm nay.

Ngày 14 tháng 3 năm Tân Mão nhằm ngày 15 tháng 4 năm 2011 kỷ niệm 65 năm Mặt Trận Giồng Bốm, chính quyền tỉnh Bạc liêu đã công nhận nơi đây là di tích lịch sử của tỉnh. Máu xương của các liệt sĩ, thương binh, những người chiến đấu đổ trên mảnh đất Giồng Bốm được nhìn nhận và tôn vinh. Cây Bốm, Giồng Bốm được mọi người nhắc đến như một biểu tượng vinh dự tự hào và thân thương, không những của người tín hữu Cao Đài mà là niềm tự hào chung của nhân dân Bạc Liêu, nhân dân Giá Rai, nhất là của nhân dân Giồng Bốm. Địa danh Giồng Bốm, một di tích lịch sử mà sáu mươi lăm năm nay gần như bị người đời lãng quên, hôm nay được nhiều người biết đến và trân trọng.

Một đạo hữu ở đây lâu đời có biết cây bốm, nhân một chuyến đi Cà Mau đã nhìn thấy rải rác nơi đó có những cây bốm con mọc ở trong vườn, nên bứng về trồng nơi Thánh thất Ngọc Minh (Giồng Bốm) hiện nay, để giới thiệu cho khách tham quan xem cho biết cây bốm. Biết đâu một ngày nào đó, người ta có thể phát hiện cây bốm có một lợi ích nào đó cho con người.

Giồng Bốm. Những ngày tháng 3 Tân Mão.■

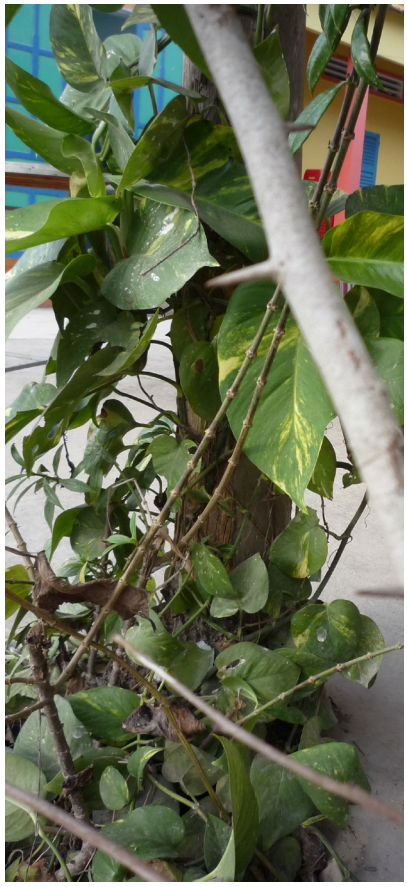

TRUYỆN NGẮN

Ông Tư cùi

■ **LÝ NHƯ**

Vào mỗi buổi sáng sớm, khi mặt trời còn lặng lẽ, trên đoạn đường ngắn ngủi từ bãi rác đến chợ, nếu ai để ý thì sẽ thấy một ông ăn xin đang lê lết trên đường ngập ngụa sình lầy. Phía sau là đám trẻ bụi đời lếch thếch dơ dáy. Tụi nhỏ phía sau ấy vẫn thường gọi ông là ông Tư cùi.

Ông Tư lết đi bằng đôi mông trên chiếc lốp xe cũ, mòn cụt, mỏng dính và dơ bẩn. Có lẽ sự dơ bẩn của thế gian này đã quen thuộc lắm với ông Tư, thứ dơ bẩn nồng nặc mùi đến nôn oẹ mà ai cũng kinh sợ, ngoại trừ những đứa trẻ ngây ngô dễ thông cảm vì ông Tư thường kể chuyện Tam quốc và lâu lâu ru tụi nó ngủ bằng những lời kinh ê a.

– Ông Tư ơi bao tụi con ăn sáng đi ông Tư!

– Ăn phở đi ông Tư, lâu quá con chưa được ăn phở!

– Ăn khoai hoài, bị bón quá ông ơi!

– Vái trời cho bà bán khoai bị bệnh để ông khỏi mua khoai!

Điệp khúc ấy cứ lặp lại vào mỗi sáng, khi thế gian này vẫn còn lờ mờ, khi lòng người còn mải mê với giấc ngủ thênh thang. Không ai biết, chỉ có mỗi ông Tư tận hưởng giai điệu ấy. Một thoáng trẻ thơ chợt về trong lòng ông, sự thánh thiện lại đến xoa dịu những vết thương đau nhói từng cơn ở tuổi già gần đất xa trời. Thời phút ấy, ông chỉ ước ao đừng nghe tiếng đồng xu rơi leng keng trước mặt, vì nó làm ông phải trở về với thực tại một kiếp đọa đày cùi hủi đáng khinh. Ngày xưa, ông cũng đã từng ăn trên ngồi trước, từng ăn chơi không tiếc nuối, từng làm cha của những đứa trẻ và cũng từng ngoảnh mặt làm ngơ trước sự đau khổ van xin của kẻ khốn cùng. Rồi cuộc đời dâu biển, gia đình ông tan tác, vợ con ông đã mất tích trên chuyến tàu vượt biên sang Mỹ, ông ôm một chiếc xích lô thui thủi kiếm sống, và quái ác thay chứng bệnh phong cùi từ đâu đổ xuống trên người ông. Với dáng dấp còm cõi và sự biến dạng trên gương mặt, người chủ xe xích lô cũng lạnh lùng tuyên bố trút quyền lao động nhọc nhằn của ông Tư bằng lời khuyên tàn nhẫn:

– Tôi thấy ông đi ăn xin là hơn.

Cuộc đời nghiệt ngã quá mức với ông Tư khi phải nghe theo lời nguyền rủa ấy và càng đau đớn hơn khi những người khách đi xe quen thuộc trách móc ông: "Tại sao ông biết ông bị cùi mà để tui ngồi trên xe? Đồ ác nhơn!" Rồi có lần ông thấy những người ấy quăng thí những bộ đồ mà đã lỡ dại ngồi lên chiếc xe bị cùi với những lời mắng mỏ khiến ông cứ phải nuốt nước mắt ngược vào lòng. Sự cô đơn lặng lẽ và mặc cảm tội lỗi cứ xâu xé lấy ông theo từng hơi thở, ngay cả khi có một lần ông chợt bừng sống lại vì bắt gặp ánh mắt nhìn ông trên Thánh thất Cao Đài. Nhưng ông vẫn cảm thấy buồn vì ánh mắt bất động ấy sao vẫn còn xa trên cao và Thánh thất vẫn lặng thinh im lìm, lâu lâu lại buông rơi tiếng chuông sóc vọng.

Dạo này nếu ai để ý thì thấy ông lộ vẻ trầm ngâm, nét đau khổ và cả nụ cười trên gương mặt cũng trôi đi đâu mất và đặc biệt hơn, người ta không thấy ông nằm ăn xin trước cổng chợ

nữa mà cứ nằm bên vệ đường đối diện Thánh thất. Đám trẻ bụi đời ghé thăm ông lần nào cũng thấy chiếc nón xin ăn trống rỗng. Có đứa ngoan mua về cho ông miếng bánh hoặc vài củ khoai mì. Buổi tối ông không còn kể chuyện Tam quốc hay tầm phào nữa, có lần có đứa nghe ông thì thầm: "Ông đang sám hối con ạ".

Ngày nào ông cũng lết ra nằm nơi ấy, mắt hướng về biểu tượng Thiên nhãn ở ngay giữa Thánh thất. Tàn cây che mát ông cũng đã mỏi mòn rụng lá, cái nóng oi oi cũng buồn ngủ lơ đi vì âm thanh ri rỉ từ nơi chiếc miệng méo dị dạng của ông mãi bật những lời kinh sám hối. Chẳng biết từ đâu ông có quyển kinh nhật tụng, chỉ biết thỉnh thoảng thấy đạo tỷ già nua ít học, làm công quả trong "chùa" đến dúi cho ông vài quả chuối đã cúng và nhìn ông với ánh mắt thân thiện.

Rằm tháng bảy năm nay cúng lớn, các chức sắc lớn nhỏ tựu tề về Thánh thất. Ông Tư cố lê lết đến trước cổng chùa, vị đạo tỷ già nua sợ hãi vội vàng xua đuổi ông đi với sự hối lỗi bằng hai quả chuối Sứ còn tươi. Ông Tư nhìn lên Thiên nhãn hồi lâu rồi quay mặt lết đi mang theo trên người nỗi đau tê dại và nước mắt lưng tròng. Sự sám hối của ông chắc chưa được thấu lòng Trời và cái cùi hủi này vẫn còn làm dơ bẩn cửa thiền môn. Tiếng Lôi Âm Cổ vang rền làm rung mạch máu ông bần bật. Tiếng hồng chung lanh lảnh như vùng thoát ra từ trái tim ông. Trời đất như hòa dần làm một, ông lảo đảo lăn nhoài ra sân. Đôi mắt trắng dã như cùi nhãn của ông vẫn không khép lại mà thần khí trong ông đã mê, tắt lịm đi rồi. Dường như chỉ còn một tia sáng êm dịu giữa ban trưa len lỏi qua làn mây nối kết giữa ông và Trời. Bên trong Thánh thất vẫn vô tình ngân lên bài niệm hương: "Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp. Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra. Mùi hương lư ngọc bay xa. Kỉnh thành cầu nguyện Tiên gia chứng lòng…"

Vị đạo tỷ già đi lập cập như chạy đến bên ông Tư. Đâu đó vọng lên tiếng vang lẻ loi ngắn ngủi: "Trời ơi! Ông Tư chết rồi". Bên trong, tiếng niệm kinh, tiếng chuông, tiếng đàn cò, song lang gõ nhịp vẫn êm ả hòa nhịp vào nhau. Gương mặt thành kính của chư vị chức sắc và các tín hữu vẫn hướng về Thiên bàn mong đợi điển lành. Ngoài sân, vị đạo tỷ già xốc ông Tư ngồi dậy với nét mặt vừa đau thương vừa hốt hoảng. Cái dơ uế kinh tởm của mẩm cùi hủi dường như đã tan biến trong lòng vị đạo tỷ. Giọt nước mắt thương tâm lăn dài trên đôi má da mồi nhăn nheo. Trông sự già cỗi nghèo nàn và chất phác của bà làm sao có thể siêu rỗi được linh hồn của ông Tư và an táng được cho xác thân cùi hủi này. Vị đạo tỷ giờ phút này chỉ có thể cầu xin Đức Mẹ cho mình làm điều gì có thể. Một chiếc xích lô lặng lẽ ghé qua, người đàn ông nghèo túng ế khách giữa ban trưa hảo tâm bế ông Tư lên chiếc xích lô để chở ông vào bệnh viện. Người xích lô chẳng nói chẳng rằng, vị đạo tỷ cũng im lặng. Ông Tư cũng bất động nằm im. Cả ba con người như đã cảm nhận hiểu nhau và mọi việc như đã được sắp đặt từ trước để xử lý cái xác cùi hủi vô thừa nhận này. Bầu trời đang nắng chang chang bỗng đen kịch tối sầm. Tiếng sấm trong không trung rủ nhau nổ vang dội như làm giật lòng người lóe lên sự sợ hãi và hối lỗi. Màn mưa đổ ập xuống xen lẫn những bóng dáng hư ảo ma quái. Ai đó đang đến rước ông Tư ra đi. Chiếc thuyền Bát Nhã đang chờ bên hiên Thánh thất dường như lay động bởi sức đẩy vô hình nào đó. Chắc không ai thấy ngoài ông Tư, có những chiếc áo dài trắng dịu dàng tha thướt đứng thành khẩn hai bên thuyền.

– Đi thôi!

Chiếc xích lô trôi đi trong màn mưa mờ ảo. Tiếng lẩm bẩm cầu nguyện của vị đạo tỷ già âm a như xuyên thủng tiếng rào rào dữ dội của cơn mưa tháng bảy. Chẳng ai biết được gương mặt dị dạng méo xệch của ông Tư đang hồi phục dần dần trở lại, những vết lở loét trên người khô lại như kéo

liền da. Một hạt mưa vô tình đọng lại trên khóe mắt của hình Thiên Nhãn trước cửa Thánh thất. Vị đạo tỷ già bỗng dưng thấy ấm lòng, đưa tay quệt giọt nước mắt trong ngần trên lớp da mồi cằn cỗi.

Tôi đứng cạnh thi hài ông Tư theo thói quen tò mò của lũ trẻ nít. Người ta lau sơ qua người ông Tư bằng rượu trắng, không ai thấy một vết lở loét nào trên người ông. Họ lục lọi trong túi đồ của ông để chọn một bộ đồ sạch nhất. Một điều thật bất ngờ, người ta tìm thấy một chiếc áo dài trắng thẳng thớm sạch sẽ được xếp gọn gàng trong chiếc túi ni–lông. Có lẽ chiếc áo này đã từ lâu rồi ông Tư khao khát hãnh diện được mặc một lần để được quỳ bên Thầy, Mẹ, quỳ bên dưới Thiên bàn chứ không phải bên vệ đường bụi bặm. Ai đó bật lên một câu sám hối: "Chờ tôi lấy chai dầu thơm xịt một chút cho ông Tư!" Khi mặc chiếc áo dài cho ông Tư, trong gấu áo người ta lần ra được một chiếc nhẫn vàng. Không gian như tịch lặng đông cứng những buồng tim ray rứt. Ông Tư lo khi chết rồi, ít nhất cũng có ít tiền để lo chi phí thiêu táng thân xác dơ bẩn này.

Áo quan ông Tư để ngoài vệ đường vì chẳng có bằng chứng nào cho biết ông là tín đồ Cao Đài để được quàng trong Thánh thất. Nước mưa ran rát đổ xuống áo quan và làm lụi tắt những nén hương bé nhỏ. Tụi nhỏ bụi đời xúm xít chạy ra đưa những bàn tay mỏng manh che lấy lư hương. Chúng nó mong ông Tư vẫn còn lẩn quất đâu đây và ít gì cũng ấm được vong hồn ông một ít. "Người chết rồi chỉ còn lại cái vong, cái vong cũng biết lạnh và đau đớn các con ạ". Tụi nhỏ nhớ ông Tư đã có lần kể chuyện thần bí, ma quái và nói với chúng nó như thế. Tụi nhỏ biết ông Tư nghèo lắm, chắc là không tiền để mua nổi chiếc áo mưa ở cõi âm phủ. Cũng may, người ta chỉ để ông chơ vơ có đúng một buổi chiều. Trời sập tối người ta đã đem ông đi.

Lạy Trời cho con lớn lên đừng giống như ông Tư! Đứa nhỏ nào đó vô tư lẩm bẩm. Còn tôi chỉ muốn lạy Trời ai đó cho ông Tư được vào Thánh thất.

Sáng hôm sau, bên vệ đường đối diện Thánh thất, người ta phát hiện cái cây thường che mát ông Tư cũng khô héo, lá rụng đầy bên gốc. Cái cây có lẽ cũng đã đi theo ông Tư.

Xin hãy từ tâm nguyện cầu siêu độ cho những vong linh ta đã biết và chưa biết.■

THÁNH GIÁO

Vì tham vọng đảo điên thiên hạ,
Vì hình danh làm chóa mắt người,
Đêm trường hố thẳm chơi vơi,
Con cầm đuốc tuệ tỏ ngời đừng lu.
Những biến nạn phù du tới tấp,
Kết đoàn nhau đặng lập quả công,
Cho qua bao cuộc gió dông,
Tình thương là sức đại đồng vững an.
Thương cho trẻ gian nan lắm nỗi,
Thương cho đời đen tối bao phen,
Trao con giữ một ngọn đèn,
Ngọn đèn bác ái khêu lên cõi trần.
Hãy tự mình tiến thân đạo đức,
Hãy nấu nung tâm thức quân bình,
Cứu đời cho hết nghiêng chinh,
Bằng câu hòa thuận, bằng tình thiêng liêng.
Hỡi nữ phái mối giềng con nắm,
Đừng buông lơi phải đắm bể trần,
Muôn vàn chỉ một tinh thần,
Nơi Trời nơi đạo tân dân phước hồng.

ĐỨC DIÊU TRÌ KIM MẪU, NAM THÀNH THÁNH THẤT, 25–5 NHUẦN TÂN HỢI (17–7–1971).■

Học Lời Đức Phật Dạy

(TIẾP THEO TRANG 65)

CÁCH HIỂU VỀ NGOẠI GIÁO CÔNG TRUYỀN

Ngài là Bậc Đạo Sư, chúng sanh có bệnh khổ nhưng mỗi người có nguyên nhân khác nhau, triệu chứng khác nhau, phải có đơn thuốc đặc trị riêng, mỗi người phải tự mình tích cực để tìm những lời dạy thích nghi cho mình mà tu, học cho có kết quả. Đó là điều mà Đức Phật đã dạy khi còn sanh thời: "VĂN, TƯ, TU".

VĂN: HÃY NGHE (bao gồm cả nghe và thấy nghĩa là tiếp nhận giáo lý).

TƯ: HÃY SUY NGHĨ.

TU: HÃY SỬA ĐỔI (có nghĩa hãy thựcc hành).

Học một cách tích cực động não, học cho tường tận, hành cho kết quả.

CÁCH HIỂU VỀ NỘI GIÁO TÂM TRUYỀN

Chúng ta thường đọc Kinh Nhập Hội:

"Cơ chuyển thế khó khăn lắm nỗi,
Mượn Thánh ân xây đổi cơ đời,
Thuận nhơn tâm ắt thuận Trời,
CÂU KINH VÔ TỰ *độ người thiện duyên."*

Tinh thần "câu kinh vô tự" đã được Đức Phật dạy thuở sinh thời:

"Bất lập văn tự,
Giáo ngoại biệt truyền,
Trực chỉ nhơn tâm,
Kiến tánh thành Phật."

Và Đức Phật cũng chỉ phương pháp để đọc kinh vô tự mà vào thời Tam Kỳ Phổ Độ chúng ta có thể trực cảm phần nào qua lời dạy cho Ngài Ma Ha Ca Diếp: *"Ta có:* CHÁNH PHÁP NHÃN TẠNG, NIẾT BÀN DIỆU TÂM, THỰC TƯỚNG VÔ TƯỚNG, NAY PHÓ CHÚC CHO MA HA CA DIẾP."

Đây là kết quả của công án "niêm hoa vi tiếu", cuộc nói chuyện "nói mà không nói" nhưng "tâm tâm tương ấn" giữa Đức Phật và Ngài Ma Ha Ca Diếp, sự truyền trao tâm ấn để Ngài Ma Ha Ca Diếp đảm nhận trách nhiệm Tổ Vị hướng dẫn tăng đoàn và Phật Tử, ngoài hai biểu tượng y và bát. (Hiện thời nhiều vị nghe nói được tâm ấn thì mừng lắm, thực ra là thọ pháp tu, còn tâm ấn thì mỗi đời có một vị mà thôi).

Chánh pháp nhãn tạng sang thời Tam Kỳ Phổ Độ, "Đạo hư vô, sư hư vô" được Đức Chí Tôn dạy:

"Nhãn thị chủ tâm,
Lưỡng quang chủ tể,
Quang thị thần,
Thần thị thiên,
Thiên giả ngã dã."

Trong tinh thần "nói mà không nói" của Đức Phật, và "câu kinh vô tự" của Đức Cao Đài, chúng ta phải tích cực động não học giáo lý ở phần ngoại giáo công truyền và lo bồi công lập đức để đủ thiện duyên mà học kinh vô tự (phần không bao giờ được in trên giấy) cũng là chánh pháp, là chơn đạo, tức là tâm pháp, để tầm cầu giải thoát. Khi đề cập đến tâm pháp là chúng ta bước sang phần tâm pháp, thuật ngữ và nội dung.■

MẢNG CẦU XIÊM
tiêu diệt tế bào ung thư mạnh gấp 10000 lần so với hoá trị

■ **VIỆT THU ST.**

Theo các kết quả nghiên cứu, nước ép mãng cầu xiêm có thể tầm soát và tiêu diệt có chọn lọc các tế bào ác tính. Nhưng tại sao đến bây giờ chúng ta mới biết về tác dụng "phép lạ" của mãng cầu xiêm trong phòng chống ung thư? Và đã có bao nhiêu người thiệt mạng oan uổng khi công cụ chống ung thư hiệu quả này bị các công ty dược che giấu?

Mãng cầu xiêm thuộc giống cây thân thấp có tên là Graviola ở Brazil, guanabana trong tiếng tây Ban Nha và Soursop trong tiếng Anh. Quả lớn ngọt, có nhiều hột tách ăn dễ dàng và làm nước ép có mùi vị rất ngon.

Graviola là sản phẩm tự nhiên nên theo luật liên bang Mỹ không cần có bằng sáng chế. Như thế, làm sao nó có thể mang lại lợi nhuận nếu các con cá mập dược phẩm công bố khả năng trị liệu "phép lạ" của mãng cầu xiêm ra thị trường? Họ chờ cho đến khi chiết xuất được dưỡng chất chống ung thư của Graviola và bào chế được loại thuốc chống ung thư bằng thành phần nhân tạo từ chất này, xin bằng sáng chế và thu lợi.

Tiếc thay khả năng chống ung thư của mãng cầu xiêm có ngay trong cây, qủa mà không cần phải chiết xuất gì cả. Vì vậy để bảo vệ khả năng thu lợi của các loại thuốc chống ung thư có sẵn, cách hay nhất là ém đi những nghiên cứu mang tính "cứu mạng" của mãng cầu xiêm, không công bố nó cho dân chúng.

May mắn, có một nhà khoa học bị lương tâm cắn rứt đã làm lộ câu chuyện về "trái cây phép lạ" cho những người có trọng trách trong y tế Mỹ. Khi viện Khoa học Y tế Mỹ nghe tin này, nó bắt đầu truy tìm những công trình nghiên cứu chống ung thư liên quan đến cây Graviola lấy từ khu rùng mưa Amazon của Brazil.

Năm 1976, Viện Ung thư Quốc gia Mỹ tiến hành cuộc nghiên cứu đầu tiên về loại cây này và kết quả cho thấy, lá

và thân của Graviola tiêu diệt hữu hiệu các tế bào ác tính.

Nhưng nghiên cứu vẫn chỉ được lưu hành nội bộ chứ không công bố ra ngoài. Sau đó 20 nghiên cứu độc lập khác của các công ty dược hay viện nghiên cứu ung thư do chính quyền tài trợ đều cho thấy khả năng trị ung thư của Graviola.

Tuy nhiên, vẫn không có ca thử nghiệm nào được tiến hành chính thức tại các bệnh viện. Chỉ đến khi nghiên cứu của Đại học Cơ đốc giáo Hàn Quốc đăng trên tạp san Journal of Natural Products khẳng định một hoá chất trong Graviola đã tiêu diệt các tế nào ung thư ruột nhanh gấp 10.000 lần hoá chất Adriamycin thường dùng trong hoá trị ung thư người ta mới vỡ lẽ. Không gây nôn ói, sụt cân và rụng tóc.

Điều quan trọng là không như các hoá chất điều trị ung thư khác, Graviola và nước ép mãng cầu xiêm không hề làm hại gì cho các tế bào khỏe mạnh và không có tác dụng phụ. Người bệnh thấy mạnh khỏe hơn trong quá trình chữa ung thư và các bệnh khác; năng lượng được tăng cường và sống lạc quan hơn.

Một nghiên cứu tại Đại học Purdue University sau đó cũng phát hiện ra lá mãng cầu xiêm có khả năng giết các tế bào ác tính của nhiều loại ung thư khác nhau như ung thư ruột, ung thư vú, tuyến tiền liệt, phổi và tuyến tụy. 7 năm im lặng bị phá vỡ. Sự thật được phô bày. Hiện mãng cầu xiêm do thổ dân Brazil trồng hoặc sản phẩm bào chế từ nó đã có mặt nhiều ở Mỹ như một công cụ điều trị và ngăn ngừa ung thư. Một báo cáo đặc biệt có tên Beyond Chemotherapy: New Cancer Killers, Safe as Mother's Milk, do Viện Khoa học Y tế Mỹ công bố về Graviola đã xem loại cây này là "công cụ cách mạng hoá" chống ung thư.

Vì vậy, nếu nhà bạn có vườn rộng và thổ nhưỡng thích hợp, bạn nên trồng một cây mãng cầu xiêm trong sân. Nó sẽ có ích rất nhiều cho bạn và gia đình bạn.■

■ THÔNG TIN BERLIN DỊCH: HTTP://THONGTINBERLIN.DE/ – ENGLISH: HTTP://WWW.MOUTHSHUT.COM/

THÁNH GIÁO

Lúc nghèo đói cũng thời tại bị,
Đến sang giàu tại bị nhiều hơn,
Thôi đành nhắm mắt đưa chơn,
Để xem sự thế xoay vần về đâu.
Hoặc chờ lúc bạc đầu tuổi hạc,
Sẽ đi tu sẵn bạc sẵn tiền,
Hiến dâng cúng Phật cầu Tiên,
Để cho thất tổ cửu huyền siêu thăng.
Hoặc cho con làm quan thượng hạ,
Hoặc cho chồng cao cả vị ngôi,
Cầm quyền răn chúng trị đời,
Cầu xin chư Phật Đất Trời chứng minh.
Mướn tụng nhiều tạng kinh sám hối,
Để cho tiêu tội lỗi tiền khiên,
Một bên lo lót Phật Tiên,
Một đàng lo tạo của tiền bất nhơn.
Còn chính tại bản thân vào đạo,
Chưa học hành cải tạo tâm tư,
Chưa theo đạo đức nhân từ,
Vào chùa biếng lạy gật gù nhiều hơn.
Lạy Trời Phật ban ơn cho sống,
Ngoài trăm năm là mộng con người,
Đâu dè một hai ba mươi,
Rủi may một kiếp con người là đây.
Trời Phật ở trên mây cao vọi,
Hoặc Tây Phương giùm rọi chứng tri,
Tu nhứt kiếp ngộ nhứt thì,
Hiến dâng nhiều lễ qui y đủ rồi.
Thương hại thay cho đời mê tín
Tưởng Phật ưa dua nịnh như đời,
Không lo tu tánh kịp thời,
Nội tâm cải tạo thành người chí nhân.
Hỡi các trẻ gia thân tìm đạo,
Đừng mộng mơ khờ khạo thế ni,
Đạo là thâm diệu vô vi,
Nhứt động nhứt tĩnh đạo tùy hiện thân.

ĐỨC DIÊU TRÌ KIM MẪU, NAM THÀNH THÁNH THẤT, 15-6 TÂN HỢI (05-8-1971).■

THEO • DÒNG

1

2

08–4 TM (10–5–2011) Thánh thất Bình Hòa (thuộc Hội Thánh Ban Chỉnh Đạo) tổ chức lễ Phật đản trùng dụng lễ kỷ niệm ngày thành lập Thánh thất và liên giao hành đạo.

09–4 TM (11–5–2011) Lễ khánh thành Thánh thất Quận 8 thuộc Hội Thánh Ban Chỉnh Đạo đã long trọng khai mạc lúc 9 giờ. Quý vị đại diện Giáo xứ Nam Hải, Thánh đường Hồi giáo, chùa Phật giáo Linh Bửu và các đơn vị Thất, Tịnh đã đến tham dự và chúc mừng. Giáo sư Ngọc Đầy Thanh, Trưởng Ban đại diện Hội Thánh Ban Chỉnh Đạo tại Thành phố Hồ Chí Minh và Giáo Hữu Thái Thọ Thanh, Chánh Ban Cai Quản Thánh thất Sài Gòn được mời phát biểu (hình 1).

14–4 TM (16–5–2011) Lễ kỷ niệm Phật đản Phật lịch 2555 tại chùa Vạn Thọ.

18–4 TM (20–5–2011) Thánh tịnh Ngọc Chiếu (Bình Dương) thiết lễ kỷ niệm Khánh đản Đức Khương Thái Công. Trong dịp này Giáo sư Thượng Vinh Thanh, Trưởng Ban đại diện Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên tại tỉnh Bình Dương đã trao 13 giấy khen của Hội Thánh cho Họ Đạo Ngọc Chiếu. Truyền Trạng Thanh Căn thuyết minh giáo lý đề tài "Thần đạo Việt Nam" (hình 2).

05–5 TM (06–6–2011) Tòa Thánh Chiếu Minh Long Châu (Hậu Giang tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 71 ngày quy Thiên của Đức Nhị Thiên Giáo Chủ Võ Văn Phẩm – đắc vị Phổ Đức Chơn Nhơn.

3

4

■ BẠCH CÚC

5

6

Đại diện chánh quyền các cấp tỉnh, huyện, xã, ấp và đại diện các Hội Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh và Cơ quan đạo đã đến dự (hình 3).

Cùng ngày, Thánh thất Chiếu Minh Ẩn Giáo (Cần Thơ) hành lễ kỷ niệm ngày đăng tiên của Đức Hồng Đức Chơn Tiên. Giáo sĩ Huệ Ý được mời thuyết trình trong buổi lễ.

08–5 TM (09–6–2011) Lễ kỷ niệm lạc thành Thánh tịnh Tân Minh Quang (quận 12) lần thứ 15 với sự tham dự của 6 Hội Thánh và 33 đơn vị Thất, Tịnh. Đề tài giảng đạo "Vô minh và trí huệ" do đạo huynh Huệ Quang Minh phụ trách (hình 4).

10–5 TM (11–6–2011) Thánh tịnh Ngọc Minh Đài (quận 4) kỷ niệm 77 năm thành lập Thánh sở với sự chứng dự của 36 đơn vị và 50 phái đoàn đại diện các Thánh tịnh thuộc Hội Thánh Tiên Thiên. Anh Lớn Hiến Pháp Huệ Chơn khai minh giáo lý đề tài "Đại ân xá Kỳ Ba và Cao Đài không chịu cho ai biết mình". Đạo trưởng Đạt Trí được mời phát biểu (hình 5).

15–5 TM (16–6–2011) Lễ kỷ niệm chu niên ngày thành lập Minh Nghĩa Đàn (Rạch Giá).

16–5 TM (17–6–2011) Minh Lý Thánh Hội và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tổ chức buổi thảo luận Kinh Dịch tại trụ sở Cơ Quan.

20–5 TM (21–6–2011) Lễ Đại tường Giáo hữu Hương Bảy, cựu Phó Hội Trưởng Thánh thất Tân Sơn Nhì tại 351 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú.

7

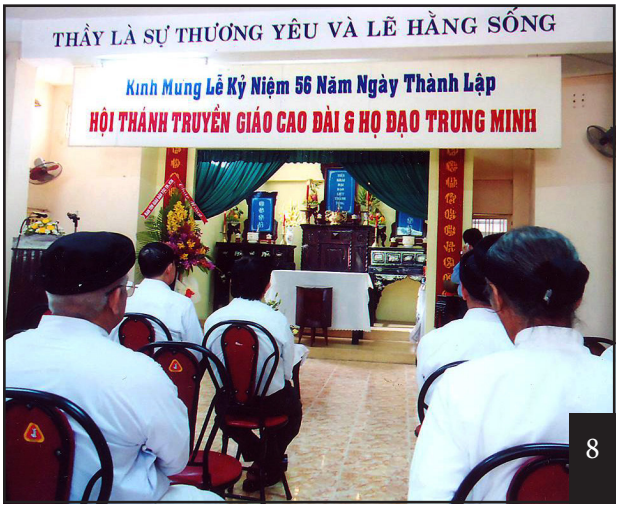

8

9

10

25–5 TM (26–6–2011) Hội Thánh Ban Chỉnh Đạo (Bến Tre) tổ chức đại lễ sinh nhật lần thứ 103 và lễ kỷ niệm 60 năm ngày tịch diệt của Đức Đệ Tam Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương. Anh Lớn Khai Thế Nguyễn Văn Lãnh trình bày "Lịch sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương và lịch sử Ban Chỉnh Đạo" và Anh Lớn Tiếp Pháp Nguyễn Văn Tấn đọc "Lời nguyện của Hội Thánh cùng toàn Đạo trung thành và tiếp tục thi hành đường lối hành đạo của Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương". Anh Lớn Phối Sư Huệ Thông, Trưởng ban thường trực Hội Thánh Bạch Y đại diện cho các Hội Thánh phát biểu (hình 7).

01–6 TM (01–7–2011) Lễ kỷ niệm 56 năm ngày thành lập Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và Họ Đạo Trung Minh diễn tiến từ 8 giờ đến 11 giờ tại Thánh Thất Trung Minh (Bình Thới) (hình 8).

04–6 TM (04–7–2011) Đại Hội Nhân sanh lần thứ IV tại Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài (Đà Nẵng) được tổ chức nội bộ.

17–6 TM (17–7–2011) Buổi sáng diễn ra lễ trao quyết định công nhận tổ chức tôn giáo cho Giáo Hội Cao Đài Việt Nam Bình Đức tỉnh Tiền Giang (hình 9).

Cùng ngày, buổi chiều, Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý tổ chức "Hội nghị giao lưu các Hội Thánh và tổ chức Cao Đài về chủ đề "Trao đổi định hướng lập kế hoạch tổ chức lớp Hạnh đường" và "công tác từ thiện 2011 chung cho các Hội Thánh" (hình 10).

19–6 TM (19–7–2011) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tổ chức lễ kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, trùng dụng lễ kỷ niệm 21 năm ngày thành lập Phòng khám bệnh Phước thiện Cơ Quan. Giáo sĩ Kim Dung thuyết trình đề tài: "Xưng tụng Đức Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát" (hình 11).

11

12

Cùng ngày, Thánh thất Từ Vân mời chư đạo tâm quan khách về địa chỉ 100 Thích Quảng Đức, Phú Nhuận dự lễ Đại tường cố Giáo sư Ngọc Minh Thanh.

24–6 TM (24–7–2011) Lễ Vía Đức Quan Thánh Đế Quân và kỷ niệm 78 năm ngày thành lập Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà (Thủ Thiêm). Phó Hội trưởng, Lễ sanh Ngọc Xuân Thanh trình bày về tiểu sử Thánh tịnh và Đức Hiệp Thiên Đại Đế. Giám đạo Thiện Lạc, đại diện Ban Thường trực Hội Thánh Tiên Thiên đến chứng dự và phát biểu. Có 36 đơn vị Tịnh Thất về tham dự (hình 12).

26–6 TM (26–7–2011) Lễ khánh thành ngôi Tam Đài Tinh Quang Đẩu thuộc Ban trị sự Củ Chi (Ấp Bàu Tròn, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi). Có 66 đơn vị Thất Tịnh về dự lễ. Đạo trưởng Đạt Trí, Trưởng phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo được mời phát biểu. Trước đây, Tinh Quang Đẩu là Thánh tịnh thứ 36 trong 72 Thánh tịnh được Thầy điểm trong "Minh Giáo Thánh Truyền" của Hội Thánh Tiên Thiên, tọa lạc tại Rạch Giá. Qua thời chiến tranh loạn lạc, Thánh Tịnh bị hư hoại chưa được phục hồi. Nay, Hội Thánh Tiên Thiên đặt tên "Tinh Quang Đẩu" cho Ngôi Tam đài vừa được xây dựng mới tại Củ Chi, trở thành một trong hơn 200 Thánh tịnh thuộc Hội Thánh Tiên Thiên ngày nay (hình 13).

20–6 TM (20–7–2011) Đáp lời mời của Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan (Bình Định) về việc hỗ trợ chuyên viên giảng lớp giáo lý Hạnh đường của Hội Thánh, Ban Thường Vụ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đề cử đạo huynh Huệ Nhẫn – Văn hóa Vụ phó (qua văn thơ số 22/BTV/2011 ngày 17–7–2011) đến Bình Định thi hành đạo sự thuyết giảng lớp giáo lý Hạnh đường từ ngày 20–6 Tân Mão.

30–6 TM (30–7–2011) Lễ kỷ niệm 65 năm thành lập, 37 năm lạc thành Thánh tịnh Bửu Quang Đàn và Lễ trí thạch Phòng thuốc Phước thiện của Thánh tịnh. Có 15 đơn vị Tịnh Thất đến dự lễ.

VỤ NỮ CHUNG HÒA HỌC TẬP THÁNH GIÁO LƯU ĐỘNG TRONG ĐỆ II TAM CÁ NGUYỆT TÂN MÃO 2011

01–5 TM (02–6–2011) Học bài 6, quyển Lòng Từ Mẫu tại Thánh thất Thành Công (Gò Công Đông, Tiền Giang) do Giáo sĩ Kim Dung bình giảng.

15–6 TM (15–7–2011) Học bài 15, quyển Thánh giáo Ất Tỵ 1965 tại Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà do Quyền Văn hóa Vụ trưởng Hồng Phúc bình giảng (hình 14).

29–6 TM (29–7–2011) Học bài 16, quyển Thánh giáo Ất Tỵ 1965 tại Thánh thất Bàu Sen do Giáo sĩ Kim Dung bình giảng.

14–7 TM (13–8–2011) Học bài 5, quyển Lòng Từ Mẫu tại Thánh tịnh Thanh Tịnh Đàn do Nội chánh Vụ phó Diệu Nguyên bình giảng.■

13

14